

THƯ QUÁN BẢN THẢO

Đặc biệt giới thiệu

**NGUYỄN KIM PHƯƠNG: người lính
viết văn & dịch giả ở tiền đồn**

SỐ **81**

THÁNG 9. 2018

17 năm có mặt

• Văn thơ mới của Phạm văn Nhân, Trần Hoài Thư, Nguyễn
Lệ Uyên, Nguyễn thị Hải Hà, Nguyễn An Bình, Lê văn
Trung, Trần Dạ Lữ, Trần Vạn Giả, M.H Hoài Linh
Phương, Cái Trọng Ty, Khuất Đẩu, Cam Li, Nguyễn thị
Mỹ Thanh, Trần thị Nguyệt Mai...

TRƯỜNG XƯA ...

.....

*Dừng quân, ghé thăm em. Những ngày xưa nào tự đứng xao
xuyên đây. Trường xưa đó một lần anh đến, nay hoa lá đẹp xinh.
Những màu áo chiều cuối tuần hoa mộng.*

*Giữ cho quê hương, là giữ cho những ngày thơ mộng ấy không
ai giày xéo chúng, và cho những ngôi trường còn tươi lá non
xanh... Cho màu áo em bay trong nắng mộng. Phải không em?*

(Nguyễn Kim Phụng, **Viết về quê hương**, Tinh Hoa số 17)

.....

*Ngôi trường cũ có bao nhiêu ô cửa
Tôi sẽ về tìm những áng mây
Tôi sẽ gọi một bầy chim sẽ nhỏ
Nhưng con chim từ xa vắng lạc bầy...*

(Trần Hoài Thư, **Ô Cửa**, Thơ Miền Nam Thời chiến I)

.....

*chiều công tác anh qua trường em học
trường em xinh, cô giáo cũng đang xinh
cô tươi cười nhường anh một giờ dạy
nói cùng em chuyện ngưng bắn hoà bình*

(Đỗ Chu Thăng, **Hong chút tình xưa**, Thơ Miền Nam Thời chiến I)

.....

*Ta trở lại con đường xưa áo lụa
Hàng cây cao đứng đợi các em về
Các em không về - Cây buồn lá úa
Ta cũng buồn đi giữa nắng lê thê*

(Phan Phụng Thạch, **con đường áo lụa**, Thơ Miền Nam Thời chiến I)

THƯ QUÁN BẢN THẢO
Tập chí văn học bất định kỳ
Số 81 tháng 9 năm 2018

Chủ đề: Nguyễn Kim Phụng: người lính viết văn và
dịch giả ở tiền đồn

Mục lục

Lời tòa soạn /3

Sống và Viết:

Trần Hoài Thư (5), Phạm văn Nhân (10). Khuất Đầu
(17), Cam Li Nguyễn thị Mỹ Thanh (22), Trần thị
Nguyệt Mai (29)

Chủ đề Nguyễn Kim Phụng / 35

Tiểu sử / 36

Trần Hoài Thư: Hành trình của Nguyễn Kim Phụng /
38

Tập văn Nguyễn Kim Phụng /44

- Giới thiệu tuần báo Tinh Hoa / 45

- Chiều Tháp Bạc /46

- Rễ cây li ti / 501

- Viết về quê hương /56

- Vườn xưa /60

- Quê hương còn có gì / 66

- Quê muôn phương / 71

- Quê hương ngày con lớn / 78

- Quê hương còn có gì ? / 83

- Anh bạn dãi dầu / 87

- Đường gió / 91

- Gởi chị Min / 95

- Dịch văn / 99
- Tuổi trẻ viết / 102
- Lười nhác / 104
- Chữ với nghĩa / 107
- Bút mực phân vân / 109
- Tương lai chống gậy ? /111
- Câu chuyện / 114
- Chư Hodron và Plei-Lason / 117
- Thơ Nguyễn Kim Phụng / 121
- Thơ Hoàng thị Bích Ni / 122
- Truyện dịch / 126
- Thơ dịch /156

Mục thường xuyên

- Nguyễn thị Hải Hà: Đôi giày Tango (truyện) /186
- Nguyễn An Bình: Hoa quỳnh chỉ nở về đêm (truyện)/ 196
- Thơ Lê văn Trung /211
- Thơ Trần Dạ Lữ /212
- Thơ Trần Vạn Giã /214
- Thơ M.H Hoài Linh Phương / 216
- Giới thiệu 5 tác phẩm do Thư Án Quán xb / 217
- Thơ Cái Trọng Ty / 263
- Nguyễn Lệ Uyên: Lắm Thúi, từ thưở trắng đi /264
- Giữa tòa soạn và thân hữu / 274

Địa chỉ liên lạc:

Trần Hoài Thư

719 Coolidge street

Plainfield, NJ 07062

E mail:

tranhoaithu16@gmail.com

THƯ TÒA SOẠN

Khởi đi từ một xúc động...

Tháng 4-1969, tạp chí Văn thực hiện gấp rút số chủ đề về Leo Tolstoy. Theo nhà văn Trần Phong Giao – thư ký tòa soạn Văn – sở dĩ có sự gấp rút này là Văn rất xúc động ở việc làm của Thầy Từ Mẫn giám đốc nhà xuất bản Lá Bối. Thầy Từ Mẫn đã phải vay một số nợ rất lớn để in bộ Chiến tranh và Hòa Bình của Leo Tolstoy, do Nguyễn Hiến Lê dịch.(Chi tiết mời xem phần Sống và Viết)

Văn 128 có tất cả 5 bài được dịch bởi Nguyễn Kim Phụng, một người lính viết văn & dịch giả ở tiền đồn.

Nếu Văn xúc động ở việc làm của Thầy Từ Mẫn thì chúng tôi cũng xúc động ở việc sự có mặt của một người dịch giả tiền đồn trong việc giúp báo Văn số 128 được thành công. Ông dịch trong một hoàn cảnh và điều kiện khắc nghiệt. Nào là cắm trại. Nào là ứng chiến. Nào là hành quân. Vậy mà ông đã chu toàn những gì mà Văn tin cậy. Để bây giờ Văn số 128 là số báo được giới trẻ ham học hỏi trong nước đang cố công tìm kiếm khi họ muốn tìm hiểu về Leon Tolstoy.

Đó là lý do chúng tôi thực hiện số chủ đề này.

Chúng tôi chú trọng ở sự sưu tầm bài vở thất lạc, hơn là phê bình nhận định tác phẩm như thường lệ.

Mặt khác chúng tôi muốn chứng minh ngoài vai trò dịch giả, ông còn là nhà văn qua những bài chúng tôi sưu tập được trên tuần báo Tinh Hoa và Khởi Hành.

TQBT số tới sẽ thực hiện chủ đề *Những người lính viết văn / làm thơ/ soạn nhạc nằm xuống trong chiến tranh*. Mong quý bạn đóng góp bài vở hay tư liệu để số báo trên được thêm phần phong phú.

Trân trọng

TM nhóm chủ trương
Trần Hoài Thư

SỐNG VÀ VIẾT

SỐNG VÀ VIẾT

Trần Hoài Thư

1. Tin chẳng mấy vui

Chỉ trong một tuần của tháng bảy năm 2018, hai tác giả quen thuộc với chúng ta đã vĩnh viễn ra đi: Nhà thơ Phạm văn Bình ngày 22-7 tại Nam Cali, và nhà văn Lê văn Thiện ngày 30-7 tại Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà. Họ ra đi trong âm thầm. Như đời sống của họ.

Phạm văn Bình là nhà thơ, tác giả bài thơ *Chuyện Tình Buồn* và *12 tháng anh đi* do Phạm Duy phổ nhạc. Còn Lê văn Thiện là một cây bút trẻ quen thuộc của tạp chí Văn, Văn Đề, Trình Bày, Ý Thức... Năm 1969, cơ sở Văn xuất bản tập truyện đầu tay của anh – “Một Cách Buồn Phiền”, mà trong lời mở nhà xuất bản cho biết Văn rất tự hào là họ đã khám phá ra Lê văn Thiện.

*

Nhà thơ Phạm văn Bình là một thân hữu và độc giả của Thư Quán Bản Thảo ngay từ số đầu tiên. Mỗi kỳ báo ra, anh vẫn hay gọi điện thoại cho tôi để chia sẻ. Anh nói bài này hay, bài kia đáng đọc. Anh hay nhắc đến

tác giả Cam li Nguyễn thị Mỹ Thanh, một tác giả mà anh thích đọc nhất. Tình bạn cùng khóa Thủ Đức (Khóa 24) và tình văn chương đã làm chúng tôi gần gũi nhau hơn bao giờ. Tôi cũng không quên cảm ơn anh về bài thơ *Chuyện tình buồn* mà Phạm Duy phổ nhạc. Y. rất thích bài này. Đòi nghe đi nghe lại không chán.

Tôi còn khoe với anh là tôi đã mượn được nguyệt san Bô Binh Thủ Đức từ Thư viện Đại học Cornell, phát hành đúng vào khóa 24, khi mà anh và tôi cùng ở trong biên tập. Tôi nói là tôi sẽ in gởi anh một tập để nhớ lại một thời tại đồn Tân Nhơn Phú. Nhưng chưa kịp thì anh lại vội ra đi. Buồn lắm, Bình ơi.

Tôi lại thêm một lần tháo gỡ cái label có tên anh khỏi danh sách độc giả TQBT, như đã làm với một số người khác. Nhiều khi tôi tự hỏi sao lại không đình bản TQBT cho rồi, sao lại cứ níu kéo nó mãi hoài, khi lứa chúng tôi và người đọc, đang ở vào cái số tuổi chẳng còn ham thích gì với những trang chữ nghĩa này nữa. Đọc chúng chỉ càng làm nhức mắt mà thôi. Vậy mà vẫn làm. Vẫn tiếp tục làm. Dù mắt quá mờ. Dù cả thân hình như quị khi mang chồng báo đi gởi. Dù bước đi không còn nhanh nhưng chậm như thỏ không còn muốn nhấc nữa.

Nhưng mà, một câu hỏi là: nếu không làm thì chúng tôi sống bằng gì bây giờ ?

Ít ra nó cũng tạo nên một niềm vui. Như ngày thanh xuân, mặt trời rực hồng trong trái tim đã khiến chúng tôi viết, thì bây giờ cũng vậy, mặt trời cũng cháy đỏ trong trái tim già, dù nó là mặt trời sắp lặn đi nữa. Ráng đỏ, ánh nắng tàn, thường đẹp lắm. Bởi bao giờ cũng vậy, trước khi lịm tắt, nó hực lên một màu nắng

đẹp đến nào nùng !

2. Văn 128

Những năm gần đây, Leo Tolstoy được nhắc nhở rất nhiều ở trong nước. Phòng trào tìm sách, hay sáng tác của nhà đại văn hào Nga này rất mạnh, qua một số điện thư các bạn trẻ từ trong nước nhờ chúng tôi giúp, hay qua những bài viết về cuộc đời, về khuynh hướng sáng tác, về tác phẩm vĩ đại là Chiến tranh và Hòa Bình. Bàn nhiều nhưng trên thực chất, lấy truyện dịch đầu đề mà suy ngẫm hay thưởng thức. Sau năm 1975, hầu như không có ai đủ sức dịch Leo Tolstoy, cách duy nhất là tìm đến Văn hay Bách Khoa, hay những nhà xuất bản như An Tiêm, Lá Bối.

Và họ đã tìm thấy qua tác phẩm Chiến tranh và hòa bình, Nguyễn Hiến Lê dịch, Lá Bối xuất bản hay một số truyện dịch đăng trên Văn hay Bách Khoa do Nguyễn Kim Phụng dịch. Đặc biệt là tạp chí Văn số 128, tháng 4-69 chủ đề Leo Tolstoy...

Đó là tình trạng đau lòng hiện nay trong lãnh vực văn chương dịch. Người nhận định cứ tha hồ trích dẫn, trang mấy, nhà xb nào, rồi để người đọc buồn hiu buồn hắt vì không có thể tìm ra cuốn sách hay tạp chí mà nhà nhận định đã tham khảo hay trích dẫn.

Đó là lý do chúng tôi ra công tìm tòi và đi lại trong số báo này những truyện dịch từ Leo Tolstoy, từ Ba Người Thánh Thiện trên Bách Khoa, và 5 truyện khác trên Văn số 128. Tất cả đều do Nguyễn Kim Phụng dịch.

Theo nhà văn Trần Phong Giao cho biết Văn 128 là số báo đặc biệt:

“Số báo đang nằm trong tay bạn đọc đây được gọi là một số đặc biệt. Không phải vì bài vở đăng trong những trang trên đây là những bài đặc biệt. Thật ra, chúng cũng thường thường như nhiều số VĂN khác, giới thiệu những tài danh ngoại quốc khác. Vậy, tính cách đặc biệt của số báo này chỉ có trong hoàn cảnh soạn thảo của nó.

Trước hết, do một sự tình cờ, chúng tôi được biết Thầy Từ-Mẫn, người trông coi nhà xuất bản Lá Bối, đã phải đi vay nợ lãi, của nhiều người, mới đủ số vốn để ấn hành bản dịch *Chiến tranh và Hòa-bình*. Số tiền nhà xuất bản đi vay nặng lãi đâu tới trên một triệu đồng. Sau khi phát hành hai cuốn đầu (trong 4 cuốn trọn bộ), nhà xuất bản mới chỉ thu lại được đâu vừa đủ để trả tiền lời cho số tiền đã vay. Số tiền gốc, vẫn còn nằm nguyên, bất động.

Xúc động trước sự hi sinh cho văn hóa (thật ra, chúng ta còn từ nào khác với từ hi sinh, trong trường hợp này) của bậc chân tu, anh em chúng tôi đã bàn nhau, tìm cách « tiếp tay » với nhà Lá Bối. Do đó, số VĂN này được đặc biệt chuẩn bị ấn hành, cách gấp rút. Để độc giả của VĂN, – những bạn ưa thích đọc văn dịch- làm quen với Tolstoy, biết tới sự xuất hiện của một tác phẩm cổ điển giá trị, đã từng được phiên dịch ra nhiều thứ tiếng, phổ biến trên khắp toàn cầu: *Chiến-tranh và Hòa-bình*.

*(Trần Phong Giao, Vài cảm nghĩ xuôi dòng,
Văn 128)*

Nhà văn Trần Phong giao xúc động. Các người văn hữu của Văn xúc động. Và Văn đã thực hiện gấp rút. Muốn vậy, Văn phải cần người dịch gấp rút. Nhưng mà một câu hỏi: Tại sao giữa SG với bao dịch giả quen thuộc, Trần Phong Giao lại tìm đến Nguyễn Kim Phụng ở mãi trên một ngọn đồi heo hút miền trung mà cầu cứu nhờ cậy ?

Lúc ấy, tôi cũng ở gần anh. Nên biết rất rõ về những đêm báo động, những ngày căng thẳng thần trí, không đèn để viết...

Vâng. Nếu Văn xúc động vì sự hy sinh về văn hóa của thầy Từ Mẫn trong việc xuất bản bộ Chiến Tranh và Hòa Bình của Tolstoy, thì chúng tôi cũng xúc động vô vàn khi đọc những bài dịch của một người lính tiền đồn Có phải Sg đã bất lực không có một dịch giả nào để TPG phải tin cậy hay là vì những dịch giả ấy cần “tiền trao cháo múc” trước?

Một người ở Saigon viết văn dịch sách khác xa với một người ở một tiền đồn heo hút viết văn dịch sách. Một đảng thì phương tiện đầy đủ, viết mà không bị tiếng nổ làm đứt ngang giọng tư tưởng, còn một đảng thì phải sống thường trực với bao nỗi bất trắc. Như vậy đảng nào để chúng ta nghiêng mình ngưỡng phục ?

Phạm văn Nhân

Tâm Sự Với NG~

Lâu quá. Hôm nay tôi với bạn mở lại trang này. Tâm sự với nhau như ngày nào tôi với bạn thường hay nói chuyện qua trang báo của TQBT.

1) Nghe tin nhà văn Lê Văn Thiện qua đời.



(Nhà văn Lê Văn Thiện)

Bạn NG~ này.

Hôm qua, 5 tháng 8 năm 2018, anh Trần Hoài Thu nhận email của nhà thơ Trần Vạn Giã từ VN gửi qua báo tin nhà văn Lê Văn Thiện mất vào ngày 30/7/2018. Một tin buồn đến với anh em cầm bút cùng một thế hệ

với chúng ta. Với Lê văn Thiện không lạ gì, phải không. Ngày đó, lâu lắm, vào khoảng năm 1968,1969 khi bạn còn dạy học ở miền Tây Nam bộ. Tôi với THT còn chiến đấu trên mặt trận Bình Định. Thì Lê Văn Thiện lúc đó còn là Hạ sĩ quan thuộc Sư Đoàn 23BB. Lúc ấy, chúng tôi tôi nhìn Lê Văn Thiện dù là một người lính thực sự chiến đấu ngoài chiến trường, trong bộ quân phục tác chiến, nhưng với gương mặt hiền và chất phát như một người nông dân thuần hậu. Phải rồi, anh lớn lên từ một mảnh đất nghèo thuộc quận Vạn Ninh, Vạn Giã, Khánh Hòa, trong một gia đình thuần nông. Nhưng, những truyện ngắn của anh đi trên Văn, đã được ông Trần Phong Giao phát hiện với văn phong của người lính cầm súng viết văn trẻ thời đó. Và năm 1969 tạp chí Văn đã in cho anh một tập truyện: “Một Cách Buồn Phiền”. Những năm sau đó, tôi không còn gặp anh vì anh đã đi học khóa Sĩ quan và đổi xuống miền Tây. Không biết anh Trần Hoài Thư sau khi đổi về Cần Thơ có gặp anh không. Còn với tôi thì không? Tôi nghĩ có lẽ NG~ cũng gặp Lê Văn Thiện phải không khi anh dạy học ở Miền Tây.?

Phải thành thật mà nói nhờ có Ông Trần Phong Giao mới có xuất hiện những nhà văn, thơ trẻ trong quân đội. Đến năm 1971 tập truyện: “Sao Không Như Ngày Xưa” được ra mắt độc giả. Và sau 1975 tan đàn xẻ nghé anh trở về làng cũ sống trên mảnh vườn xưa nơi anh lớn lên: Vạn Giã. Một bên là núi trùng trùng điệp điệp. Một bên là biển cả mênh mông. Anh về làng làm rẫy làm nương. Một tấm hình mà NG~chụp khi từ Tuy Hòa vào thăm Lê Văn Thiện gửi qua. Có cả vợ chồng nhà văn Khuất Đầu từ Ninh Hòa ra. Nhìn hình, tôi nhớ người lính rất hiền Lê văn Thiện ngày nào bây giờ lại

là lão nông thuần chất, sau khi cởi bỏ bộ quân phục. Tôi nhớ khi gặp LVT, câu nói của anh là: *thêm một ly cà phê giữa Sài Gòn*. Câu nói đơn giản quá đi thôi của một người lính tác chiến ngoài mặt trận. Bình thường quá. Nhưng thực hiện được là một việc khó. Không như những ông nhà văn, nhà thơ ở Sài Gòn. Cứ nhờn nhờ con cá vàng. Ngồi nhà hàng cà phê máy lạnh, gái gú....Thật là như vậy. Nói lên đau lòng. khác xa với những người lính cầm bút ngoài mặt trận. Để rồi 43 năm qua, đọc lại hai tập truyện của Lê Văn Thiện mà Thư Ân Quán in lại trong " Tủ Sách Di Sản Văn Chương Miền Nam" năm 2010. Hai tập đó là: Một Cách Buồn Phiền (8 truyện). Và Sao Không Như Ngày Xưa (7 truyện) anh viết về lính. Nhà văn Nguyễn Lê Uyên có viết về Lê Văn Thiện: *...cõi văn chương của Thiện là lần ranh giữa sống và chết, là tiếng súng bắn tĩa, những đợt hành quân, những trận tấn công, giải vây, tháo chạy, nhếch nhác nơi miền quê nghèo...Và, bởi cảnh sống "chụp giựt" nơi phố phường và cảnh đời khốn khổ nơi miền quê mà Thiện sống...*

Hôm nay, đọc email của Trần Vạn Giã trong nước gởi qua cho Trần Hoài Thư. Nói là Lê Văn Thiện đã qua đời vì bệnh tim. Tôi bồi hồi nhớ lại một người bạn cầm bút năm xưa nơi làng quê nghèo Vạn Giã. Và cũng là người lính như tôi trước 1975. Những người bạn của anh, trong đó có bạn NG~, THT, PCH, MVL, NLU, PNL, LVT và nhiều người khác nữa. Có kẻ ghét người thương (đời là thế) hãy cùng nhau đốt nén tâm nhang tiễn đưa anh về thế giới An Bình. không còn hận thù. Cũng như hôm nay ngồi viết vài dòng về anh. Những tập truyện của anh đang ở trước mặt tôi: Một cách Buồn Phiền (1969). Sao Không Như Ngày Xưa (

1971). Chuyện Đời (2004). Quế (2017) mà tôi có hôm nay, như có anh bên chúng tôi ngày nào. Phải không Lê văn Thiện ?

2) Nhà văn Nguyễn Kim Phượng.

Này, bạn Ng~.

Trước năm 1975 không biết bạn có nghe nói ông Nguyễn Kim Phượng là nhà dịch giả không? Còn tôi cứ ngỡ ông là nhà văn, nhà giáo. Mặc dù ông không viết truyện ngắn như bọn mình. Mà ông chỉ viết "tạp bút". Những tạp bút của ông viết ngắn đi trên tuần báo Tinh Hoa..... Nhưng, những tạp bút của ông theo tôi " sắc và bén" lắm. Hôm nay, anh bạn già của tôi. Nhà văn Trần Hoài Thư "gù" tôi viết về Nguyễn Kim Phượng. Lần nào THT gù tôi. Tôi vẫn thích. Thích lối làm việc rất đứng đắn của anh THT. Với mái tóc bạc trắng mà ông bạn Tô Thẩm Huy gọi là: Kim Mao Sư Vương ấy. Cái tên nghe rất ư là kiêu hiệp. Một nhát kiếm của ông đưa lên là một chủ đề thật khó và lý thú. Thế là ông vẫn "gù" tôi phải thực hiện cho bằng được.

Lâu lắm rồi. Có người nhớ người quên. Tôi cũng quên bằng đi trong cuộc sống đa đoan trước 1975 và sau này. Cũng hơn 50 năm rồi đó bạn Ng~ ạ. Có lần tôi ngồi uống cà phê trên đường Phan Bội Châu Qui Nhơn. Chiếc xe jeep đậu lại. Ba bốn sĩ quan bước xuống xe, vào quán. Thấy tôi ngồi thì đến vì trong số người đó có nhà thơ Từ Thế Mộng. À, hóa ra là mấy ông sĩ quan từ SĐ22 xuống. Gặp nhau, giới thiệu, trong đó có Nguyễn Kim Phượng. Từ đó, tôi mới biết cả hai Nguyễn Kim Phượng và Từ Thế Mộng cùng chung một sư đoàn 22 BB. Trước đây họ cùng ở trung đoàn 47 BB, giờ thì Từ Thế Mộng đổi về Trung tâm

Huấn Luyện tại Phú Tài và nghe nói NKP về Bộ Tư Lệnh/SD 22BB ở Bà Gi.

Cho mãi đến hôm nay, ông bạn THT làm số chủ đề cho nhà dịch giả Nguyễn Kim Phương, trí nhớ tôi lại trôi dạt. Nhớ đến một bài viết ngắn của ông trên tuần báo Tinh Hoa với cái tựa: **Rễ Cây Li Ti**. Ông viết về lính thuộc trung đoàn 47 đóng trên quê của bạn: Tuy Hòa, Phú Yên đây !

Bạn Ng~ biết không, Trần Hoài Thư cho tôi biết trước khi nhập ngũ Nguyễn Kim Phương là một nhà giáo, cũng giống như anh Từ Thế Mộng cũng là một nhà giáo. Nhưng văn phong của ông NKP sao thích hợp với đám lính "thấp cổ bé miệng" , chịu đựng ăn xôi ở chiến trường. Chửi thề vung vít. Chửi luôn cả những ai nấp bóng trong một cuộc chiến mà chỉ có những người lính Bô binh là chịu thiệt thòi và cực khổ nhất. Tức... chửi thề. Bất mãn... chửi thề. Đứng trước sự nguy hiểm cũng... chửi thề. Ngôn từ của lính mà. Đọc **Rễ Cây Li Ti**. Phải suy nghĩ. Văn phong của người lính đó bạn Ng~ ạ.

Rễ Cây Li Ti, anh THT đi lại trong số này đó bạn. Tôi chịu văn phong này quá. Rõ là văn phong của một người lính ngoài mặt trận viết văn.

3/ Chuyện nhà thơ nam mang tên nữ.

Bạn Ng~.

Bạn còn nhớ những người bạn của tôi với bạn khi làm thơ lại lấy bút hiệu nữ không? Tôi chỉ nói trong số những người bạn mà tôi với bạn quen biết. Bạn nhớ nhà thơ Hoàng Ngọc Châu (Hoàng Thị Thủy Tiên).

Nhà thơ Võ tấn Khanh(Tôn Nữ Hoài My). Nhà thơ Đặng Hòa(Nguyễn Thị Thùy My). Nhà văn Muồng Mán (Trần Thị Doan). Rồi hôm nay người bạn Trần Hoài Thư cho tôi biết nhà văn, nhà dịch giả Nguyễn Kim Phụng làm thơ (Hoàng Thị Bích Ni). Vui phải không?

Như nhà thơ Hoàng Ngọc Châu lấy bút hiệu Hoàng Thị Thủy Tiên với ba bài thơ mà chúng tôi sưu tầm được trên báo Mai. Xin trích một bài trong ba bài thơ đó: bài Mai:

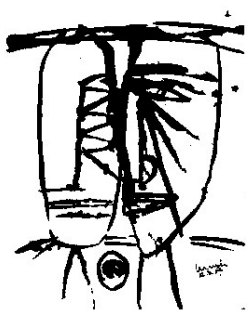
*Người từ cỏ ngậm chân bia
tôi im kỷ niệm đầm đìa chiêm bao
hồn nâng niu mộng tình đầu
từng đêm nương gió theo vào nghĩa trang
một thời con gái hiền ngoan
giờ thôi nghìn kiếp điêu tàn cỏ hoa
rồi người một thuở tình nhân
là tôi chim nhỏ cắn phân bọt rêu
còn đây tiếng hót cuối chiều
âm gầy rũ gió đìu hiu cuối đời
Tôi xin làm- bụi- mù- trời
ngàn- năm- yêu- dấu- mộ- người- tình- nhân
(Hoàng Thị Thủy Tiên)
(cỏ dại)*

Bạn nhớ bài thơ này Hoàng Ngọc Châu làm vào khoảng năm 1965 thì phải. Vì tôi nhìn thấy hai chữ " cỏ dại" dưới tên của anh. Có lẽ đây là tên của "Thi Văn Đoàn Cỏ dại" do Châu thành lập khi còn ở Di Linh vào năm 1964. 65 thì phải ? cùng với những người bạn anh trong nhóm mà tôi biết.

Một chuyện vui, khi tôi hỏi mấy người bạn nam làm

thơ lấy tên nữ. Một bạn cho biết. Vì lấy tên nam, gửi thơ về cho các báo văn học, mấy ông chủ bút không đi. Cho nên bày ra cái tên nữ là mấy ông chủ bút cho đi ngay. Nếu thật như vậy, hóa ra ở Sài Gòn mấy ông chủ bút nhà ta cũng khoái gái gú lắm phải không bạn. Ngày đó lâu rồi, bạn viết truyện có khi nào lấy tên con gái không? Nói thật đi. Vì tôi thấy tên bạn đi nhiều trên các tạp chí. Còn Trần Hoài Thư thì sao? Nói thật đi hai ông bạn của tôi. Đừng dấu.

Hẹn với Ng~ vào số 82 vậy. Hứa có nhiều chuyện để chúng ta sẽ nói.



KHUẤT ĐẦU

NGÀY SẼ HẾT!

Ngày sẽ hết.

Tôi sẽ đi.

Dù chưa biết đi đâu!

Bùi Giáng

1.

Chỉ còn 5 tháng nữa, tôi tròn 80. Tâm trạng của tôi lúc này giống như Bùi tiên sinh, biết chắc cái phút giây cuối cùng của đời mình sẽ đến và khi nó đến, dù dẫu dằng hay dữ dội, thì cũng sẽ đi thôi.

Vậy thì sống là đi tới phía trước. Mà chết cũng đi không hề ngoảnh lại.

Trịnh Công Sơn bảo “về thu xếp lại”. Mà anh có thu xếp được gì đâu. Những tác phẩm của anh để lại, được cả hai bên thua cuộc và thắng cuộc xào đi nấu lại, thêm đủ gia vị tây tàu, thành ra một món tả pí lù, cuối cùng được các đội kèn tây cố làm ra vẻ bi ai để thổi ra tiền trong các đám tang.

Tôi không tin có một cõi gọi là “vĩnh hằng”. Hạt bụi của anh không hóa kiếp, vẫn còn lang thang đâu đó một cách tức tưởi.

Hạt bụi của Sơn Nam thì “nghiêng mình nhớ đất quê”. Yên phận hơn.

2.

Tôi yêu ánh nắng cuối ngày. Đó là thứ ánh nắng mỏng và nhẹ như tơ. Còn nhẹ hơn cả tơ nữa, mỏng và nhẹ

gần như bằng không. Cho nên cái phút giờ gần chạng vạng đó, lúc nào tôi cũng thấy buồn.

Không phải buồn vì ngày sắp hết. Mà buồn vì cái đẹp sao mong manh quá. Một chút tím trên những cồn cát trắng. Một sợi khói trên mái nhà sàn. Tiếng mõ rời rạc của đàn bò trên đường trở về chuồng. Chỉ trong chớp mắt là tan chìm vào bóng tối.

Nhưng cũng chính trong phút giờ mong manh của trời đất, tôi lại cảm nhận được cái sâu dài của tình bằng hữu.

Nếu có thể thu xếp thì tôi xin được thu xếp và mang theo những khuôn mặt bè bạn mà nhờ ơn phước tôi may mắn được gặp ở cuối đời.

3.

Đó là khuôn mặt như tạc bằng rìu của Nguyễn Lê Uyên, với màu da như gốm nung già lửa sắp biến thành sành và hai hàng chân mày như hai con dao găm không có chuôi, dễ khiến người ta liên tưởng đến Lỗ Trí Thâm của Lương Sơn bát.

Con người ấy đương nhiên là nói lớn, nhưng ăn không to, uống cũng không nhiều. Với rau cỏ trong vườn, chị Hoa vợ anh bảo đi chợ chỉ 30 đồng một ngày cũng đủ. Viết thì lại khác. Với cái lý thuyết gọi là Mắc le, anh vung bút như Don Quichot đánh với cối xay gió. Không khó để hình dung ra anh qua “Nhật ký thăng thiên”.

Một người cũng cao lớn dềnh dàng nhưng lại ăn nói nhỏ nhẹ dịu dàng, quá đối dịu dàng, là Lữ Quỳnh. Tôi rất thích cách anh vào quán gọi “một ly mình và một ly không” rồi cuối cùng uống “chút nắng tàn trong chiếc ly không” để tưởng nhớ bạn.

Một người cũng ưa chữ Lữ đó là Lữ Kiều. Đây là

chàng nho sinh không chịu cầm bút lông mà chỉ muốn cầm bút sắt thay cho con dao chủy thủ để làm Kinh Kha buồn. Nhưng Tần Thủy hoàng giờ quá nhiều và quá hèn, anh lại bỏ bút cầm cò. Với cây cò, anh một mình múa may trên toile và trên giấy như Bùi Giáng cầm cây đu đủ múa trên cầu Trương Minh Giảng. Cho đã đời du côn, chắc là vậy!

Một người có tên đẹp như một nữ quận chúa, đó là Đỗ Hồng Ngọc. Ngoài Nguyễn Nhật Ánh được các cô cậu choai choai rờn rấp xếp hàng để xin chữ ký, trong giới viết lách, còn có anh cũng được quý bà và quý cô ái mộ không kém. Bài thơ nổi tiếng “Thư cho bé sơ sinh” không chỉ gửi riêng cho một bé nào mà cho cả một thế hệ đến nay cũng đã bước vào tuổi “gió heo may”.

Một người lặng lẽ tự vẽ mình lúc 5, 6 tuổi ngồi ôm trụ cây sồi, là Lê Ký Thương, đến tuổi già vẽ tặng tôi một người cầu học đạo. Đến nay, cánh cửa vị cao tăng ấy vẫn đóng kín. Anh còn là một nhà thơ và thơ anh lúc nào cũng thơm mùi bã mía.

Một người có trái tim khác người, ngoài bốn ngăn còn có một ngăn dành riêng cho người tình tên T. Đó là Nguyễn Minh, người mê in ấn đến nỗi bỏ quên người yêu đứng dưới mưa và cũng chẳng nhớ đứng ở góc đường nào, để đem báo mới in đi khoe bạn bè. Trong cái ngăn ấy, cô T. cứ rọ rạc hoài nằm không yên chỗ nên anh cứ phải viết mãi về cô.

Một người hiện đang nằm một chỗ, sau khi đã trải vì tróc vảy với công an mạng để tạo dựng trang Văn Chương Việt, là Nguyễn Hòa VCV. Người anh mỏng như cây sậy nhưng ý tưởng và ý chí thì mạnh mẽ và sum suê lá cành như cây đa. Nhờ có anh mà tôi được biết thêm một Hiếu Tân với những bài dịch rất sâu sắc

trong thời Mùa xuân Ấ rập, một Từ Sâm với chị vợ rất hiền thực, đã biến ngôi nhà mình thành nơi tụ họp của các nhà văn nhà thơ ở Nhatrang.

Tôi cũng không quên Phạm Văn Nhân, trong lần về VN, khi đi thăm lại căn cứ Lam Sơn ở Dục Mỹ, anh đã ngâm ngùi nói về cái ngày tan hàng đau đớn. Chính anh đã dẫn đám tân binh đi ngang qua Ninh Hòa, lúc đó tôi và học trò đứng ở trường nhìn ra với cõi lòng tan nát. Cũng chính anh đem bản thảo NTNCN của tôi qua cho Trần Hoài Thư in thành sách và đưa lên mạng Talawas của Phạm Thị Hoài.

Một người nữa, gần như đồng thanh hay đồng khí sao đó, mà từ Paris đã về Ninh Hòa để gặp tôi, cùng đi Đầm Môn tắm dù chỉ thích tắm với đầm. Đó là Kiệt Tấn, nhà văn với những cuộc tình khiến Nguyễn Mộng Giác hơi thở phải “rướn cong”, và là nhà thơ khiến Bùi Giáng có sống lại cũng phải phục lẫn, nhất là hai câu: “thơ ông lén đọc sau hè, mỗi chun ngôi xuống em tè ỏng coi”. Anh cũng để lại trong tôi cái hình ảnh cực kỳ thơ đại, cực kỳ lãng mạn khi anh và cô em điên xõa tóc Evelyn ngồi mút cà rem ở Paris.

4.

Có những người chỉ gặp nhau trên mạng, nhưng đúng là đến chết vẫn không thể quên. Một người ngoài cái tình sâu dày với sách vở, còn chung thủy với bạn bè và nhất là với người bạn trăm năm. Đó là Trần Hoài Thư, người khâu vá toàn bộ kho tàng đồ sộ của văn học miền Nam, chủ bút Thư Quán Bản Thảo, một tạp chí in chỉ để tặng chứ không bán, đến nay đã gần 100 số...

Một người họ Trương tên Vần, chủ trang mạng T.Vần & bạn bè, rất có duyên gặp gỡ trên mạng, nhưng chưa có duyên gặp nhau trên đời dù anh đã về tới Sài Gòn.

Anh, cũng như Trần Hoài Thu, lặng lẽ sưu tầm những bản nhạc in trước 75, nhạc trong tù cải tạo, kể cả những CD rất quý của Hoài Nam nói về nhạc Việt trên đài phát thanh của Úc.

Một người nữ tôi đặc biệt ngưỡng mộ và kính phục, là Phạm Thị Hoài, người đã sáng lập và phát triển trang mạng có thể gọi là hay nhất ở nước ngoài. Ròng rã suốt 9 năm, phải đối phó liên tục với các thế lực hùng mạnh và gian xảo của nhà nước, cô đã tập hợp được những cây bút có uy tín nhất gần như trong mọi lĩnh vực. Cô là người miền Bắc đầu tiên nhận ra chân giá trị của Bùi Giáng và cổ xúy cho việc lập một giải thơ với tên gọi là giải Bùi Giáng. Với ngòi bút sắc sảo, cô đã khiến cho tiếng Việt trở nên bén như guom, khiến các “dư luận viên” trở thành ngọng nghịu như bọn ngọng lúu lười trước Hồ Xuân Hương vậy.

Mà thôi, hoàng hôn sắp tắt rồi. Ngày sẽ hết, tôi sẽ đi. Dù chưa biết đi đâu. Xin thân ái chào các bạn.

Khuất Đầu
10/8/2018



Cam Li Nguyễn thị Mỹ Thanh

Viết Cho Hai “Nhà Thơ-Người Lính” Họ Phạm

California đang trải qua một mùa hè nóng bỏng. Những đám cháy rừng bùng lên khắp hai miền Bắc, Nam. Cái nóng của lửa như làm tăng thêm cái nóng của đất trời. Có lẽ cái nóng dị thường đó dẫn đến sự liên tưởng. Một buổi ngồi lại với anh chị em bạn bè, hát về mùa hạ, bỗng tôi muốn chia sẻ những ca khúc mình đã quen thuộc trong một mùa hè xa xăm. Thế là, như một phản xạ mỗi khi không có bản nhạc trong tay, tôi vào internet để tìm. Tôi tìm một trường ca, một liên khúc: “Chiến Ca Mùa Hè” của nhạc sĩ Phạm Duy.

Nói cho đầy đủ, đây là tập thơ của Phạm Lê Phan, một nhà thơ-người lính. Những bài thơ ấy đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc.

Khi tâm tưởng quay trở lại mùa hè đó, tôi như sống lại trong một đoạn phim. Thuở đi học, thích đàn hát, tôi thường ghé tiệm sách để “mua nhạc.” Ngày đó, hầu như tiệm sách nào cũng có bày bán những bản nhạc được in rất đẹp. Nhà sách lớn hơn thì có bán cả những tập nhạc. Cái thời người ta chưa biết internet là gì, mọi chuyện đều được in ra trên giấy. Câu “nhịn ăn để mua sách báo” hầu như người học trò nào cũng biết. Và cứ như là đi “rinh” cả tủ nhạc về nhà, hầu như tôi đã mua được những bản nhạc và những tập nhạc mình thích. Mùa hè 1972, tôi đã có trong tay tập nhạc “Chiến Ca Mùa Hè”.

Rồi ngày 30 tháng Tư năm 1975, tập nhạc đó nằm trong số những cuốn sách đầu tiên bị hủy.

“Mẹ u sâu qua cầu Ái Tử
Trăm thương ngàn nhớ gửi lại bên sông
Bên sông máu thấm đôi dòng
Bên sông giặc về hiện hình muông thú
Con trai mẹ lao mình trong đạn búa
Máu thép tim gang ngăn chiến xa thù
Mắt ngời say lửa dưng ngàn xưa
Bàn tay thép trên sắt che nòng súng
Cắn máu môi uống lời thề kiêu dũng
Lời thề chém đá xé mây...”
(*Qua Cầu Ái Tử*)

Chao ôi! Những lời thơ, nét nhạc tuôn ra như vừa mới hát hôm qua. Nhưng quả tình là có những đoạn tôi không nhớ được hết. Trí nhớ của con người mà! Đã - tôi lại phải làm bài toán trừ - bốn mươi sáu năm, eo ơi! Mình nhớ được một nửa là đã khá lắm rồi. Mọi óc cũng không thể nhớ trăm phần trăm. Internet ơi, mi đâu rồi? Gõ “Chiến Ca Mùa Hè”, ngay cả trong trang của Phạm Duy cũng chỉ có một phần rất nhỏ. Hơn 15 ca khúc, mà chỉ có lời của khúc thứ 15 “Mặc Niệm” do ca sĩ Anh Ngọc hát, và bài thơ “Tha Thứ” mà thôi. Một người anh đã phụ tôi tìm ra một trang khác: nhacxua, trong facebook. Mừng quá, trong trang này có kê ra như sau:

CHIẾN CA MÙA HÈ, thơ của Phạm Lê Phan do Phạm Duy phổ nhạc là một trường ca gồm 16 đoản khúc.

PHẦN I : TRỊ THIÊN

1.- Qua Cầu Ái Tử

2.- Bên Giòng Thạch Hãn

3.- Lời Dẫn Dò

PHẦN II : TAM BIÊN

4.- Suối Trăng Hồn

5.- Đêm Hội Máu

6.- Một Tình Thiêng

PHẦN III : BÌNH LONG

7.- Đêm Hội Pháo

8.- Bất Khuất

PHẦN IV : CHIẾN THẮNG SAU CÙNG

9.- Đưa Mẹ Về

10.- Trĩ-Thiên Yêu Dấu

11.- Đưa Mẹ Về

12.- Hội Gió Trường Sơn

13.- Đưa Mẹ Về

14.- Sữa Trắng Rừng Xanh

PHẦN KẾT : MẶC NIỆM

15.- Mặc Niệm

16.- Xin Tha Thứ

Bản ghi âm trong ca khúc video clip này được trích từ một chương trình phát thanh trên đài Quân Đội trước 1975 tại Sài Gòn.”

Và đó lại cũng là bài “Mặc Niệm” do Anh Ngọc hát.

Ông anh cũng không có thêm chi tiết gì hơn ngoài những điều mà các bạn anh bên miền Đông giúp tìm. Nghe lời ông anh, tôi quay sang cầu cứu Nhà Văn Trần Hoài Thư. Phải rồi, anh Thư biết nhiều, lại đã từng đến Thư viện Cornell để tìm tài liệu. Hy vọng anh đã có lần nhìn thấy tập nhạc này. Tôi email ngay cho anh. Anh đáp lại liền: “Sorry, anh không có. Em gắng tìm. Mất thì quá uổng.”

Ở một trang khác, dotchuoinon.com, tôi biết được đôi điều về tác giả tập thơ. Mong là ông còn sống! Và đây:

“Thi sĩ Phạm Lê Phan sinh năm 1935 tại Thanh Hóa. Ông động viên khóa 3 phụ Thủ Đức (học ở Đà Lạt) nhưng không rõ lý do nào trước biến cố 30/4/1975 ông chỉ là một thượng sĩ phục vụ tại phòng Văn Nghệ/Cục Tâm Lý Chiến.

Sau biến cố 30 tháng Tư năm 1975 một thời gian ngắn, vợ chồng ông và 9 người con đều bị nhà nước đương thời bắt đi kinh tế mới. Sau này các bạn HO qua Mỹ cho biết trong một chiều các cha con ông đi đánh vó ngoài sông, rồi sao ông bị sét đánh trúng và thiệt mạng.

Thi sĩ Phạm Lê Phan có để lại tập thơ “Chiến Ca Mùa Hè” và hơn 10 bài trong tập thơ này từng được nhạc sĩ Phạm Duy phổ thành ca khúc. (Theo Hà Thúc Sinh)”

Mất tôi như bị lửa khói làm cay... Mọi người đã không có dịp để biết thêm về Phạm Lê Phan và tác phẩm của ông!

Thôi đành moi trí nhớ tiếp... Tôi thấy mình ngồi cùng bày em, trên căn gác năm xưa. Chúng tôi cùng hát trọn vẹn “Chiến Ca Mùa Hè”. Vâng, trong Mùa Hè Đỏ Lửa, mùa hè đã được đặt cái tên riêng ấy, lũ nhóc nhà tôi sớm suy nghĩ về chiến tranh tuy chẳng biết thế nào là chiến tranh, đã hát say sưa những đoản khúc đó.

“Mẹ bỏ Dakto từ khi giặc tới. Băng rừng qua núi băng đèo qua suối.

Mang cả giang sơn ở trên lưng gùi.

Mẹ bỏ lại cái buồn rừng rục lửa đau thương. Thương cái nhà cái nường

Thương cái bò cái mác. Mai còn chi dưới gót giày xâm lược

Mai còn chi dưới gót giày xâm lăng.

Mẹ về miền xuôi, thành phố đều hiu. Cái khèn mang theo.

Tiếng khèn quê hương. Mắt mẹ mờ mây nhạt suối trăng hờn...”

(Suối Trăng Hờn)

Lời thơ Phạm Lê Phan, nét nhạc Phạm Duy, tưởng không còn gì thấm thía cho bằng.

Nhưng thật oái oăm, thường thì người ta dễ nhớ tên nhạc sĩ nhưng lại khó nhớ tên của thi sĩ làm ra bài thơ khơi nguồn cảm hứng.

Tôi có một mong ước nhỏ nhoi là biết đâu sẽ có một vị độc giả nào đó còn giữ tập nhạc “Chiến Ca Mùa Hè” sẽ chia sẻ trên internet để lưu giữ một tác phẩm cảm động, viết về mùa hè sôi bỏng năm xưa, năm 1972. Tôi xin được nói lời cảm ơn trước, với lòng trân trọng.

**

Bên cạnh “Chiến Ca Mùa Hè”, nhạc sĩ Phạm Duy còn phổ nhạc bài thơ của một thi sĩ-người lính khác: thi sĩ Phạm Văn Bình. Ai khiến xui chi tôi cũng yêu quý tác phẩm đó và hát thuộc lòng bấy lâu nay. Bài thơ mang tựa đề “Hành Trình Thủy Quân Lục Chiến”, mà sau này trong blog của Nhà Văn Trần Hoài Thư có đăng với một tựa khác: “Trường Trình Cho Em”. Bản nhạc phổ từ bài thơ này được nhạc sĩ Phạm Duy ghi tựa là “Mười Hai Tháng Anh Đi.”

“Tháng Giêng xuôi quân ra xứ Huế
Cố đô tan hoang, gạch ngói điêu tàn
Không còn thấy áo em bay chiều bãi học
Tóc thề đã quấn khăn tang
Tháng hai về trấn giữ ven đô
Chong mắt hỏa châu ghi súng giữ cầu
Gió thoảng ngạt ngào hơi rượu mạnh
Qua màn sương lơ lửng ánh đèn màu...”

Cuối năm thì:

“Hoa mai nở đầy và em đang chờ
Mười hai tháng rồi dài những ước mơ
Nhớ má cho hồng, nhớ môi cho ngọt
Anh về bên em cùng đón giao thừa.”

(Phạm Văn Bình)

Người nghe và người hát nhận ra chân dung người lính, không phân biệt binh chủng. Chỉ thấy một nét chung là đời lính gian khổ, bận chuyện hành quân nên với người yêu thì cứ hẹn và... hẹn.

Tuổi học trò, tôi quý mến những vần thơ, những nét nhạc này biết mấy!

Đầu tháng Tám năm nay, đang ở xa thành phố, tôi nhận được email của Phay Văn chia sẻ bài trong blog Trần Hoài Thư:

“Nhận được tin trễ là nhà thơ Phạm Văn Bình qua đời vào ngày 22-7-2018. Người cho biết tin là nhà thơ Trần Yên Hòa.

Vào nursing home báo tin cho Y. nghe. Y. khóc. Mở youtube nghe bài Chuyện Tình buồn, thơ PVB, Phạm Duy phổ nhạc. Hai vợ chồng già cùng nghe, cùng rung rung.

PVB cùng khóa 24 Thủ Đức với tôi. Ra trường, anh phục vụ Phòng Báo Chí SD TQLC.

Chúng tôi không gặp nhau kể từ ngày ấy. Mỗi khi ở Mỹ, tôi mới gặp lại anh tại Nam Cali. Sau đó, anh gọi điện thoại tôi thường xuyên. Anh bảo rất thích Thư Quán Bán Thảo, truyện của Cam Li Nguyễn Thị Mỹ

Thanh. Tôi khuyến khích anh tiếp tục làm thơ. Và tôi sẵn sàng giúp anh in (free).

Anh nói anh đang chuẩn bị.

Giọng nói thật khỏe, trí nhớ minh mẫn. Chúng tôi nhắc lại những ngày tháng ở Thủ Đức. Tôi nói một bài hát mà Y. thích nhất là bài Chuyện Tình Buồn. Nghe đi nghe lại không chán.

Vậy mà bạn lại bỏ mà đi. Từ đây mất một độ giả trung thành của TQBT. Và mất những lần điện thoại của bạn chia sẻ với tôi những vui buồn...”

(Trần Hoài Thư)

...

Cuộc chiến Việt Nam đã trở thành quá khứ. Nhưng thắng, thua vẫn chưa phân định. Bởi lòng người vẫn luôn hướng về cái thiện, cái cao đẹp và lòng yêu nước chân thành. Hình ảnh người lính VNCH luôn rực sáng trong lòng dân tộc. Và những nét nhạc, vần thơ viết về người lính, không bằng lối xưng tụng thần thánh, chỉ đơn giản mà sâu sắc, luôn được giữ trong tim người mến mộ.

Tôi viết những dòng này để tri ân người lính VNCH, cùng cảm ơn những người nghệ sĩ - viết về người lính - đã để lại những tác phẩm khó quên. Riêng với tôi, như đã vào trong máu thịt của mình.

Tháng 8, 2018

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Trần Thị Nguyệt Mai

Chúc mừng Thư Quán Bản Thảo 17 tuổi

Thư Quán Bản Thảo chào đời vào tháng 9/2001, cùng năm và tháng với sự kiện khủng bố 911. Dịp này bọn khủng bố Hồi giáo Al-Qaeda đã cướp tổng cộng 4 máy bay: hai chiếc đâm vào hai ngọn tháp đôi của Trung tâm Thương mại Thế giới ở thành phố New York, chiếc máy bay thứ ba nhằm vào Ngũ Giác Đài ngay bên ngoài Washington D.C., và chiếc máy bay thứ tư bị rơi trên một cánh đồng ở Pennsylvania. Sự kiện này đã làm rung động toàn thể nước Mỹ cũng như thế giới.

Tôi tin rằng Thư Quán Bản Thảo (TQBT) cũng đã làm rung động giới văn chương Việt Nam trong nước và hải ngoại khi hai anh Trần Hoài Thư và Phạm Văn Nhân đã ráng trụ và lèo lái tờ tạp chí này trong suốt 17 năm qua để ngày một thêm khởi sắc và vẫn giữ được chủ trương từ những ngày đầu. Từ bấy đến nay thoáng chốc đã 17 năm trôi qua và bây giờ TQBT đang bước vào năm thứ 18.

Ngày ấy hai anh đã tập hợp một số thân hữu “cùng một lứa bên trời lận đận” để cho ra đời TQBT, mà trong số tháng 11/2001 có nhắc đến:

“Mục đích là giữ gìn và phổ biến những sáng tác của bạn bè thân hữu và những người làm văn học nghệ thuật của miền Nam trước 1975. Họ đã bị quên lãng.

25 năm qua, quá lâu, quá dài, để nói một lời tạ lỗi và cảm ơn của chúng tôi. Về những giữ gìn của họ, về khi phách của họ, nhọc nhằn của họ, để văn chương miền Nam ngày nào không bị đồng hóa và lai hóa.” ()*

Ngoài những thành quả của những năm trước như đã giới thiệu các tạp chí văn học nghệ thuật cũng như các tác giả của văn chương miền Nam trước năm 1975. Như các tạp chí Ý Thức, Trước Mặt, Bách Khoa, Văn, Sáng Tạo, Khởi Hành, Trình Bầy, Hiện Đại, Nghệ Thuật, Mai, Văn Học, Văn Hóa Nguyệt San, Tình Thương. Về các tác giả có thể kể: Y Uyên, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Nguyễn Bắc Sơn, Võ Hồng, Vũ Hữu Định, Hoài Khanh, Nguyễn Nho Sa Mạc, Phan Nhự Thức, Từ Thế Mộng, Trần Dạ Lữ, Lê Văn Trung, Khuất Đầu, Thảo Trường, Doãn Dân, Luân Hoán, Lâm Vị Thủy, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Thị Thanh Sâm, Khoa Hữu, Nh Tay Ngân, Dương Nghiễm Mậu, Phạm Ngọc Lư, Phùng Thăng, Hoàng Ngọc Hiến...

Trong năm vừa qua, TQBT đã giới thiệu thêm 4 tác giả: Lữ Quỳnh, Triều Sơn, Trần Hoài Thư và Cao Đông Khánh cùng tạp chí Giữ Thơm Quê Mẹ. Đặc biệt là tác giả Triều Sơn cùng tác phẩm Nuôi Sẹo và tác giả Cao Đông Khánh. Nhà văn Triều Sơn đã qua đời từ khi còn rất trẻ – 33 tuổi – và tiểu thuyết Nuôi Sẹo của ông còn ở dạng bản thảo đã được đăng từng kỳ trên báo Tình Thương (TT) của sinh viên Đại Học Y Khoa Saigon. Nhưng đăng chưa hết thì báo TT đã bị đình bản và bản thảo duy nhất viết tay ấy nay đã bị thất lạc. Nhờ một thân hữu giúp mượn 29 số báo TT từ thư viện đại học Cornell qua *interloan library* mà TQBT đã đánh máy lại và giới thiệu được phần tác phẩm đã đi

trên TT. Còn nhà thơ Cao Đông Khánh đã mất từ năm 2000. Năm 2001 tạp chí Văn Học kêu gọi bạn bè đóng góp bài vở để thực hiện số chủ đề “Tưởng Niệm Cao Đông Khánh” nhưng không thành công. Với sự giúp đỡ của anh Tô Thẩm Huy cùng những thân hữu khác, hai anh Trần Hoài Thư và Phạm Văn Nhân đã thực hiện được một số báo kê là rất "gai góc", như trường hợp số báo chủ đề về nữ sĩ Phùng Thăng. Còn hạnh phúc nào hơn?

Nhắc đến TQBT, không thể không nhắc tới chị Nguyễn Ngọc Yến, hiền thê của anh THT, người đã cùng anh lặn lội đến những thư viện Cornell và Yale của Hoa Kỳ để sưu tầm di sản văn chương miền Nam đã bị ngọn lửa lịch sử oan khiên đốt sạch tại quê nhà.

*Chỉ là yêu một bài văn
Mà tay chị lật một trang sử đời
Đến khi yêu dấu một người
Là yêu người của một thời chiến chinh
Là bao gian khổ hy sinh
Chia ly, tù ngục, điêu linh, nhọc nhằn
Là năm và tháng gian nan
Âm thầm, son sắt, táo tợn, thủy chung
Nắng mưa bão tuyết chia cùng
Chị - người chiến hữu của Trần Hoài Thư
(Lâm Thúy - Đau lòng lắm chị Yến ơi!)*

Hai bộ văn thơ miền Nam dày mấy ngàn trang là một tài liệu rất quý đã được giới trẻ trong nước dùng làm tài liệu để viết những luận án về Văn chương miền Nam trước 1975. Chị cũng là người ngoài việc nội trợ trong gia đình, đã giúp anh khâu bằng chỉ những cuốn

sách dày cả ngàn trang, phụ khiêng những thùng giấy, viết địa chỉ, bỏ sách bảo vào phong bì, dán tem... Một cánh tay mặt rất đắc lực của anh. Vậy mà sau cơn đột quỵ vào cuối năm 2012, nghĩa là đã gần 6 năm, một mình anh phải cáng đáng mọi việc, từ việc nhà, săn sóc và nấu ăn cho chị Yến cũng như lo cho TQBT.

*Vậy mà em bỏ đi xa
Bỏ ngôi nhà, bỏ buồng thờ, đèn nhang
Em đi để nhận đoạn trường
Xe lăn định mệnh, chiếc giường nghiệp oan*

*Hay là em chuộc giùm chồng
Như xưa Chúa đã chuộc giùm thế gian?*
(Trích từ tập thơ VỊN VÀO LỤC BÁT của Trần Hoài Thu
Thư Ân Quán xuất bản, tháng 7.2017)

Năm vừa qua, sức khỏe của chị ngày một xấu hơn. Đầu óc chị không còn minh mẫn như xưa. Nhưng may mắn là chị vẫn còn nhận ra anh. Những món ăn anh nấu chị thích thì có khi bây giờ chị không đụng tới. Thương lắm! Anh cứ phải lên mạng để tìm kiếm nấu những món ăn thích hợp với khẩu vị của chị. Hôm nào chị ăn hết anh vui mừng như đứa trẻ được quà. Còn những hôm chị không chịu ăn anh lại buồn rười rượi... Ngoài ra, bệnh Gout thỉnh thoảng lại hành hạ khiến anh có khi không “lét” nổi. Vậy mà TQBT vẫn ra đều đều cứ mỗi 2 hoặc 3 tháng. Chưa kể những cuốn văn thơ phụ bản anh làm giúp thân hữu. Có thể nói tập thơ "Thu Hoang Đường" của Lê Văn Trung với bìa in nổi tuyệt đẹp, ai cũng phải trầm trồ.

Anh Phạm văn Nhân cũng thế. Anh bị đau chân và hiện giờ cũng đang chăm sóc chị Thu, vợ anh, bị bệnh.

Tình cảnh của hai người trụ cột như thế nên TQBT còn sống được đến hôm nay là một phép màu.

Cầu mong mọi sự an lành sẽ đến với hai anh cùng hai chị để hai anh có thể tiếp tục con đường mà hai anh đã chọn. Mong TQBT sẽ mãi là một mái nhà để anh em cầm bút chia sẻ những sáng tác mới, là nơi gìn giữ di sản văn chương miền Nam và luôn được bạn đọc yêu thương, ủng hộ.

Trần thị Nguyệt Mai

12.8.2018

(*) trích từ tạp bút “Có một thời như vậy” của Cao Vị Khanh

*Kính viếng hương linh nhà thơ Phạm văn Bình **

Giờ anh đã đi thật xa
Mười hai tháng, chẳng tháng nào còn anh
Ngày ấy từ thuở chiến tranh
Bốn vùng chiến thuật bước chân chẳng ngừng
Anh đi gìn giữ quê hương
Cho hoa tự do nở trên đường thắm tươi
Một ngày vật đổi sao dời
Anh vào tù gánh nặng đời gian nan
Qua rồi khổ ải lắm than

Đến vùng đất mới ỉn an tuổi già
Giờ thì anh đã thật xa
Mong anh yên nghỉ hiền hòa trời mây...

Trần thị Nguyệt Mai
12.8.2018

(*) Tác giả bài thơ “Mười hai tháng anh đi”

CHỦ ĐỀ:
NGUYỄN KIM PHƯƠNG
NGƯỜI LÍNH VIẾT VĂN VÀ DỊCH GIẢ Ở
TIỀN ĐỒN

*“em có định sẽ cùng ai kể lẻ: Một
nỗi đời hư huyền giữa chiêm bao.
Vàng hiu hắt nguyệt hờn mây nhỏ
lệ. Một mùi hương nồng tụ ở nơi
nào...”*

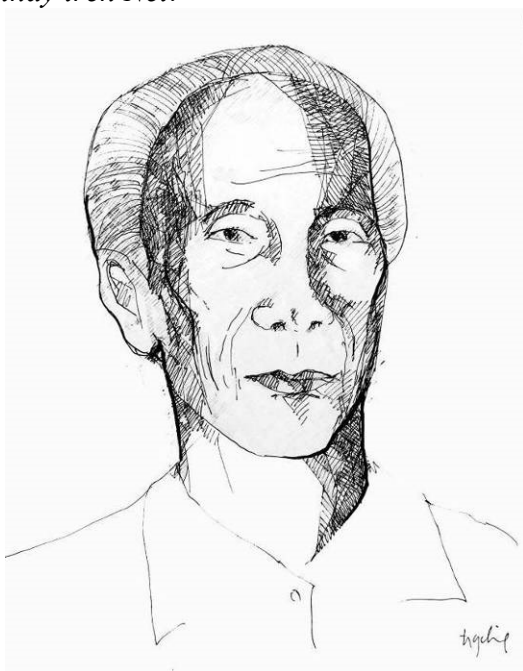
Mấy câu thơ ấy của Bùi Giáng
nhiều khi tôi đọc thấy buồn não
lòng. Những chiều mùa lạnh này,
mây bàng bạc trời cao, đời nhỏ
đóng quân như biệt xa với mọi
người thân yêu, nhân gian đậm
ấm. Người lính Việt Nam ở biên
cương, ở vùng chiến trận quả buồn
hơn bất cứ người lính nào: một nỗi
đời hư huyền giữa chiêm bao !
Sống chết dễ như lật bàn tay, nháy
mắt, để làm gì ? Tôi không định sẽ
cùng ai kể lẻ...

(trích từ *Câu Chuyện*, Khởi Hành số 90
năm 1971)



Sơ lược tiểu sử

LTS: Sơ lược tiểu sử này dựa vào cuốn “Tác giả Việt Nam” của Lê Bảo Hoàng, (chỉ nhắc đến nhà thơ Hoàng thị Bích Ni – một bút hiệu của Nguyễn Kim Phụng), cùng những bài viết của tác giả trước 1975 trên tuần báo Tinh Hoa, Khởi Hành cũng như qua một vài bài của thân hữu có đề cập đến NKP được chúng tôi tìm thấy trên Net.



Nguyễn Kim Phụng
(Đinh Trường Chinh phác họa)

Dịch giả và nhà văn Nguyễn Kim Phượng tên thật Nguyễn Phú Long, sinh năm 1937 tại Vĩnh Điện Quảng Nam. Trước 1975, thời dân sự, ông nguyên là giáo sư dạy Việt văn và Anh văn tại các trường tư thục tại Đà Nẵng. Ông cũng là hiệu trưởng trường trung học Nguyễn Duy Hiệu tại Vĩnh Điện. Nhập ngũ vào trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức, ra trường vào khoảng năm 1967 hay 1968 (?) với cấp bậc chuẩn úy, tình nguyện đi tác chiến, phục vụ tại trung đoàn 47 sư đoàn 22 BB (KBC 3298), chức vụ trung đội trưởng. Khoảng 1 năm sau, ông được chuyển về phục vụ tại văn phòng Tham mưu trưởng Bộ Tư Lệnh Sư đoàn 22 BB (KBC 4061)

Sau tháng 4 năm 75, như mọi sĩ quan QLVNCH khác, ông trải qua một thời gian khổ sai trong các trại cải tạo.

Sau khi ra tù, ông về sống ở Saigon, dịch sách, dịch báo để qua cơn bĩ cực (dưới bút hiệu mới là Bích Phượng). Không còn thấy ông làm thơ viết văn như trước.

Ngoài việc viết văn, dịch thuật, ông còn là nhà thơ (bút hiệu Hoàng thị Bích Ni). Năm 1963, cùng với Nguyễn thị Liên Phượng (tức nhà thơ Nguyễn Nho Sa Mạc) cho ra đời tập thơ “Cùng Chung Tuổi Mộng”.

Hiện tại ông ở tại SG.

Hành trình của một nhà văn, dịch giả ở tiền đồn

Người viết: Trần Hoài Thư

Nguyễn Kim Phụng, nhà dịch giả

Cho đến bây giờ, hầu hết những nhà nhận định, phê bình văn học ngay cả bạn hữu thân thiết của ông vẫn nghĩ Nguyễn Kim Phụng là một dịch giả thuần túy.

Bởi lẽ, trên các tạp chí thời danh bấy giờ như Nghệ Thuật, Văn, Bách Khoa hay Tư Tưởng chỉ thấy bút hiệu Nguyễn Kim Phụng xuất hiện qua những bài giới thiệu về văn chương nước ngoài hoặc những truyện dịch hay thơ dịch.

Ông cho rằng, “dịch, mệt và khó”, nó không phải là một thứ “hạ nghệ thuật” như nhà phê bình Đặng tiến đã nhận định. Nó chẳng có nghệ thuật gì ráo:

“...Một nhà phê bình trẻ Việt Nam, anh Đặng Tiến, cho rằng dịch là một thứ hạ nghệ thuật.

Không phải ! Người dịch không có ý làm nghệ thuật đâu. Làm nghệ thuật phải sáng tạo kia chứ ! Dịch thì sáng tạo gì ? Người dịch chỉ là người bạn tốt bụng ưa giới thiệu cùng bạn bè những gì mình vừa đọc được... Họ không làm nghệ thuật mà cứ bảo họ làm thứ hạ nghệ thuật, thì khác nào nói một cái lá là một cái hoa xấu. Có lẽ không hợp luận lý chăng ?”

(Dịch văn – xin xem phần sau, chúng tôi đăng toàn bộ)

:

Ông làm sao biết, những bài ông dịch vì “tốt bụng

muốn giới thiệu với bạn bè” ấy, sau này, người ta đã đổ xô đi tìm. Họ nhắc nhiều về *Ba Người thánh thiện*, 5 truyện dịch trên Văn số 128 chủ đề về Leo Tolstoy. Bởi lẽ nay chẳng có ai dịch Leo Tolstoy, và nếu có dịch thì chẳng ai có thể tin tưởng nổi khả năng dịch văn của dịch giả.

Sau đây là một số bài dịch chúng tôi sưu tập được hiện giữ trong máy, sẽ lần lượt phổ biến khi có dịp:

Tạp chí Văn số 128 năm 1969, số chủ đề giới thiệu văn hào Tolstoy:

- Các cô bé khôn ngoan hơn người lớn
- Việc làm sự chết và bệnh tật
- Ba cái chết
- Cái xấu cảm dỗ nhưng cái tốt tồn tại
- Người ta sống bởi gì

Văn tháng 11 năm 1971:

- Trên đỉnh Macchu Picchu thơ của Pablo Neruda

Văn số 228 năm 1973:

- Ba thi sĩ Đức hiện tại

Văn số 140 năm 1969:

- Lửa thiêng giao cảm

Bách Khoa số 240 năm 1967:

- Ba người thánh thiện của Tolstoy

Giữ Thơm Quê Mẹ số 7&8 năm 1967:

- Cửa hàng bán hạnh phúc (truyện Alberto Moravia)

Tư Tưởng 1-9-70:

- Con tàu vào cõi chết (thơ của D.H Lawrence)
- Sấm ngôn vọng qua linh hồn Nietzsche – Bodhidharma (thơ)

Tư Tưởng 30-7-1971:

- Một người già bên bờ sông (thơ George Seféris)

Tư Tưởng tháng 5-1972:

- Những chặng đời, Trung Hoa (thơ của Hermann Hesse)

Từ thầy giáo đến người lính viết văn

Trước khi bị động viên vào trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức, chúng tôi không thấy ông có một bài văn nào trên các tạp chí miền Nam bấy giờ. Giả dụ cho dù ông có viết đi nữa, nhưng có lẽ chỉ là một số lượng ít ỏi hạn chế. Đó là lý do tại sao ông được mọi người xem như là một dịch giả thuần túy.

Mãi đến sau khi ông rời trường Thủ Đức, được chuyển đến một đơn vị tác chiến với chức vụ là trung đội trưởng, ông mới thật sự dùng ngòi bút cho văn chương. Có thể nói chính chiến trường khói lửa đã làm ông thay đổi 180 độ. Ông vừa bắn đạn thật vừa bắn đạn chữ :

“... Tôi bắn một tràng đạn lửa, la lớn: Tụi bay nằm sát xuống!

Tức thì một loạt AK 47 chát tại xéo tại.

Tôi la: Bắn về phía ngã ba suối.

Một trung đội, súng AR 16, mà cùng lúc nhả đạn, thì chả nghe được cái gì cả. Rùng rùng.

Hình như có tiếng đũa nào la nói cái gì. Tôi bảo thằng liên lạc: mày xịt đờ trái sáng của mày lên xem. Nghe xẹt một cái, phụt, sáng như trời có trăng. Có tiếng la lớn: đụ mẹ tụi hần chạy phía núi Chóp Chài kia! Rồi thì đạn nghe rùng rùng...

"Chung Oanh, Chung Oanh... đây Chung Hòa gọi, Oanh, Oanh... đây Hòa gọi, nghe rõ trả lời! - Oanh

nghe- Hòa đưng, tụi nó đông, chưa ước tính, tại chỗ tôi nằm, phải rồi, Rạch Giá lên hai mươi mốt, vàng phải mười bảy lên hai mươi mốt... Gọi Nhạn tháp yểm trợ..."

- Thằng Ró bắn qua bên phải đi!

- Diễm, đu mẹ, chọc cây đại liên qua chỗ Chóp Chài, đó, đu mẹ quét đi.

(Rễ cây li ti, Tinh Hoa số 12 tháng 4-69)

Nguyễn Kim Phượng nhà thơ

Nhà giáo Nguyễn Phú Long thật quái ác. Khi không dùng tên nữ “Hoàng thị Bích Ni” để mà làm thơ.. Làm sao mà không tin được khi đọc báo Mai, thấy một bài thơ của Nguyễn thị Liên Phượng tặng “chị” HTBN:



Thôi, khỏi cần thắc mắc làm gì. Văn học miền Nam phong phú đa dạng, tự do. Ai muốn làm gì thì làm, giả trai giả gái giả điên giả khùng là cái quyền của họ. Miễn hay là được.

Có điều tôi thắc mắc là tại sao Nguyễn Kim Phụng không chịu làm thơ cho ông mà làm cho ai đấy.
A, tôi hiểu rồi.

Trời đã im lặng dạy ta đừng nói thành lời những gì ta thấy đẹp.

Mãi đợi đến khi ông gia nhập “đoàn quân rẽ cây”, đó là lúc thơ văn ông xuất hiện.

Vì sao. Vì đời lính ở tiền đồn heo hút quá buồn

*Người lính Việt Nam ở biên cương, ở vùng chiến trận quá buồn hơn bất cứ người lính nào: một nỗi đời hư huyền giữa chiêm bao !
Sống chết dễ như lật bàn tay, nháy mắt, để làm gì ? Tôi không định sẽ cùng ai kẻ lẻ...*

Tôi tìm được bài thơ ấy trên một số Bách Khoa ký tên Nguyễn Kim Phụng. Xin ghi lại dưới đây:

Cổ đút

*“Em như hoa bay tôi cổ đoạn”.
Mỗi phương trời có nghĩ về nhau?
Mùa thu sương lạnh poncho nhỏ,
Phương nhà xa mây ngủ có sầu?*

*Tuyến vẫn bình an, chưa thấy giặc,
Chỉ thấy lòng mình loạn nhớ thương
Súng vẫn chưa say mùi khói đạn,
Trời đêm hương cỏ quện hoang đường.*

*Co ro tìm ấm trong lều lạnh
Miên man đời vẫn ngủ mẫn mà
Từng sợi gió buồn giăng trí nghĩ
Từng giọt sương buồn loang nhớ xa*

*Những phút mênh mang thao thức vậy
Mà say đời lính cỗi xa nhà...
Nhiều khi chạnh nghĩ tình yêu nhỏ
Cũng là tình quê hương thiết tha...*

Thương hoa bay cỏ đoạn la đà...
(nguồn: Bách Khoa số 283 ngày 15-10-1968)

TẠP VĂN NGUYỄN KIM PHƯƠNG

***Lời tòa soạn:** Những bài tạp ghi tản mạn được chúng tôi đăng lại sau đây được sưu tập từ tuần báo Tinh Hoa, tạp chí Thời Tập, tuần báo Khởi Hành.*

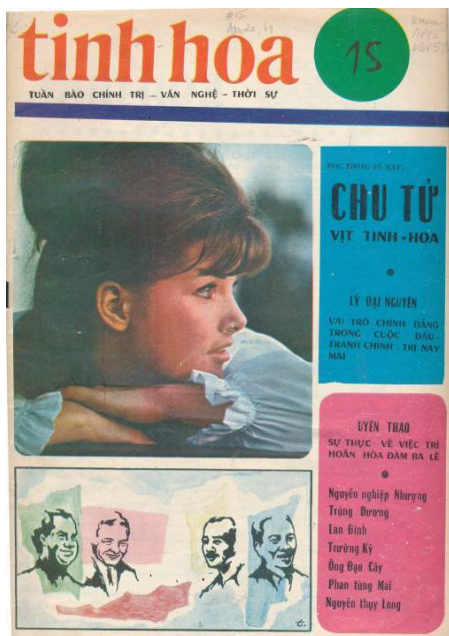
Có một số bài phạm lỗi chính tả rất trầm trọng hay vì báo quá cũ, chữ in nhòà mờ, chúng tôi chỉ đoán. Nếu có chữ không thể đoán được chúng tôi đánh dấu hỏi (???). Xin thưa trước để tránh ngộ nhận.

(TQBT)

Giới thiệu tuần báo Tinh Hoa

Tinh hoa là tuần báo chính trị, văn nghệ, thời sự, phóng sự có mặt trong hai năm: 1968, 1969. Chủ nhiệm: Nguyễn Thạch Kiên. Chủ bút: Nguyễn Thụy Long. Tổng thư ký Tòa Soạn: Tú Kếu. Quản nhiệm: Nguyễn Đức Nhuận. Trị sự: Hải Vân.

Trong số những mục thường xuyên như Vịt Tinh Hoa (Chu Tử phụ trách), Thời sự 7 ngày (Trần Vương Du) Sinh Tử Phù (Ông Đạo Cây), Sổ Tay (Nguyễn Nghiệp Nhượng), Trăm Hoa Đua Nở (Nhã Ca), còn có mục “Viết về Quê Hương”. Mục này đi nhiều bài của Nguyễn Kim Phụng và Phạm Ngũ Yên.



CHIỀU THÁP BẠC

Chiều nay quân về đồi dừng nghỉ. Những ngày rừng núi, những ngày miệt mài bắn giết, những đêm đi kích, hồn cứ treo trên những sợi tơ sao, sao sẽ băng khỏi nền trời ngọc ngà phút giây nào, làm sao biết được. Giá ai cũng biết được định mệnh của mình, đã không có những chàng lính kiểng xanh mặt khi nghe lệnh đòi ra tiền tuyến.



Và cuộc chiến tranh đã hết từ lâu, bởi vì, biết được định mệnh của mình những kẻ vô tài hèn mạt đã chẳng dám mơ ước điên rồ và hành động đầy cuồng vọng như chúng vẫn đang thao túng xã hội đây. Khổ! Càng bần tiện càng ra cái điều hung hăng con bọ xít để leo cho được lên ngôi cao mà “tiểu (??) hi hi”.

Quân không buồn vì nhọc nhằn đánh giặc, mà nghĩ ngợi buồn vì cứ phải làm thân khiêng kiệu cho những kẻ, đáng ra chúng chỉ nên xuống khiêng kiệu cho trẻ con...

Quân giận không phải vì đời của mình lem luốc bụi

sương, mà vì khuôn mặt nước non bị bôi lem luốc bởi những kẻ nhóp nhúa từ trong đầu ra da bàn tay.

Nhưng mệt quá. Lính nghĩ ngợi hoài cũng chỉ là lính. Chỉ có bốn phận phải chu toàn trước mắt. Còn ước vọng, chôn sâu vào, càng sâu vào tâm tưởng càng hay. Chiều nay quân về đồi tháp. Tạm xếp súng đạn đôi hôm vào hậu cứ thăm lại phố phường để hiểu mình bấy lâu đã gìn giữ được an vui cho ai.

Tháp xưa nghiêng bóng nắng. Chợt thấy thời gian trùn đọng trên hết mọi vùng vẫy của thế gian. Tháp càng vươn cao, cổ nhoi lên ánh sáng, càng như bị thời gian kéo nặng xuống lãng quên.

Chàng bỗng thấy bơ vơ. Nhớ đoạn thơ nào đó của một người đàn bà, thềm được yêu thương hơn cả ngôi cao:

Ài Bắc quân thù kinh vó ngựa

Giáp vàng khăn trở lạnh đàn voi

Chàng ơi, điện ngọc bơ vơ quá

Chênh chênh trăng tà bóng lẻ loi

Trời Quy Nhơn với chàng vẫn nhiều kỷ niệm của một cuộc tình ngày cũ. Tự dưng chàng rung rung... Sao cái gì rồi cũng qua đi, mà kỷ niệm cứ như vẫn nằm đâu đó trong một nẻo kín đời mình, chờ mình đi qua là níu lấy chân đi.

Hung hăng trong những lần chạm địch cho mấy, tưởng hồn đã chỉ lại khó còn phút nào cảm động. Vậy mà vừa xếp súng lại, chạm khung trời ngày cũ, đã thấy chùn lòng...

Trung Nữ hung hăng giết giặc, hò hét ba quân. Tưởng vinh quang vui lấp được cuộc tình. Nàng khi bước lên điện ngọc hồn đã sững sờ chàng ơi điện ngọc bơ vơ quá...

Quê hương đẹp, không phải cứ vì những gì hùng vĩ.

Quê hương đẹp và mến yêu vì đâu đó ở khung trời quê hương có một nẻo cho hồn mỗi người tìm thấy phút giây rung rung tuyệt nhớ.

Phiền giận hay oán thù trên đất địch. Chứ trên quê hương tìm sao cho ra cái lẽ của oán thù.

Cho nên quân viễn chinh chúng đánh giặc hăng cả cuống lăm. Còn mình cứ sợ vỡ nát quê hương, nên cứ chống đỡ...

Đừng chê lính khật khừ. Lính có phải trâu chó gì mà nhắm mắt nghe tiếng roi xấn tới... Lính nhắm trúng đầu địch mới bắn. Địch là kẻ giết ta. Nói cho rõ vậy, kéo đau lòng. Không bắn địch, địch bắn ta.

Giành nhau gì? Có lẽ chỉ giành nhau một khung trời để được sống trong kỷ niệm? Để được nhiều dịp đi, về trong những nẻo nhớ nhưng không ai cảm đoán ngăn cản?

Quê hương còn có gì mà giành nhau miên viễn ! Đất đá khô se, phố thị bầy nhầy, người loạng choạng trong nẻo sương lạc hướng.

Chàng thấy chiều nay quá đẹp, níu lấy nắng trên đồi kéo mai một lại hành quân, nắng vỡ trong đạn bay... Nghĩa là, ngày nào chàng cũng như rạn nứt không biết vỡ lúc nào.

Chợt chiều ray, quân về đồi, mới thấy mình còn nguyên thân xác và nhất là còn được khung trời cũ đã nhớ và yêu Bích như xưa... Được sống là cả một huyền nhiệm dịu dàng. Chết là một huyền nhiệm bạo hành. Người ta không thích không mong mà cũng cứ đến là bạo hành.

Mà cũng vì được sống là một nỗi vui, nên tranh nhau để còn được sống. Được sống là một buồn tủi thì tranh

nhau làm gì nữa?

Muốn chết, trước khi phải tạo một cái nhìn đau thương về cuộc sống.

Chàng chắc các anh hùng, các vĩ nhân, lao thân vào một nẻo nào, phải nhìn thấy cái chết là một huyền nhiệm dịu dàng hơn cuộc sống.

Chàng rất mong nhận quê hương và nhân gian này với cái nhìn đau thương để khi đánh giấc không sợ chết. Nhưng khung trời quê hương đẹp quá. Những rác rến hay bản thủ chỉ cựa quậy lẻ tẻ trong các đường cống hẻm, trong các xó xỉnh tối tăm và trong những bọn người giỏi bọ. Còn khung trời quê hương nhìn từ đồi Tháp Bạc nhìn đi thấy đượm tình... thấy cả trời kỷ niệm thân yêu thấy cả những dáng xưa thấp thoáng.

Sống không có kỷ niệm mới dễ thành tàn bạo. Quân đầu trộm, đuôi cướp hẳn tuổi thơ thiếu kỷ niệm... và đời thiếu lịch sử dịu dàng.

Quê hương này có quá nhiều dáng hình lịch sử và có quá nhiều yêu thương làm sao là quê hương của tàn bạo được? Chỉ có những kẻ thiếu quê hương mới tàn bạo. Chỉ có những kẻ thiếu tình mới tàn bạo... Có tình che cả ngôi cao... nói chi đến một chút hư vị..,

Ái Bắc quân thù kinh vỏ ngựa

Giáp vàng khăn trở lạnh đầu voi

Chàng ơi điện ngọc bơ vơ quá...

Bơ vơ quá Bích ơi... Trời Quy Nhơn nơi đây. Chiều nay về dừng quân, tưởng tìm lại dáng em, ... Mà em xa anh mãi...

Nói cho cùng, mỗi người chiến đấu cho một kỷ niệm, ... Trăm muôn kỷ niệm là lịch sử quê hương...

Quê hương còn có gì? Còn có kỷ niệm trong từng đứa con đang lao khổ... Chúng vẫn gan lì vì chúng muốn

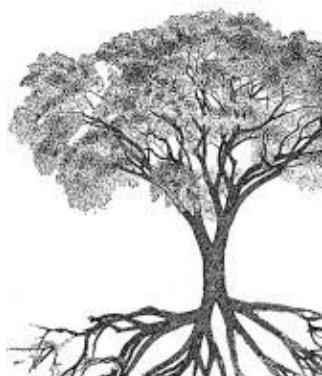
được về vùng trời kỷ niệm xưa một buổi dừng quân
sau những ngày ngất ngư trong chém giết.

NGUYỄN KIM PHƯỢNG

KBC 4061

(Tinh Hoa số 20 ngày 25-5-69)

RỄ CÂY LI TI



- Hãy lịm người...

Rễ cây li ti có cần biết hoa lá trên cành đẹp hay không

mới chịu hút nhựa nuôi cây?

Trong lòng đất âm thầm ánh mặt trời không soi cái đẹp. Nói cho cùng, đẹp cũng là tĩnh từ của nhân gian rảnh rỗi. Còn cái phần nhân gian bận bịu... Ôi, có thì giờ đâu bước ra khỏi vị trí của mình mà ngắm nhìn cái đẹp, nhất là cái đẹp của chúng mình.

Tôi bắn một tràng đạn lửa, la lớn: Tụi bay nằm sát xuống!

Tức thì một loạt AK 47 chát tai xéo tai.

Tôi la: bắn về phía ngã ba suối.

Một trung đội, súng AR 16, mà cùng lúc nhả đạn, thì chả nghe được cái gì cả. Rùng rùng.

Hình như có tiếng đũa nào la nói cái gì. Tôi bảo thằng liên lạc: mày xịt đờ trái sáng của mày lên xem. Nghe xẹt một cái, phụt, sáng như trời có trăng. Có tiếng la lớn: đụ mẹ tụi hần chạy phía núi Chóp Chài kia! Rồi thì đạn nghe rùng rùng...

" Chung Oanh, Chung Oanh... đây Chung Hòa gọi, Oanh, Oanh... đây Hòa gọi, nghe rõ trả lời! - Oanh nghe- Hòa đưng, tụi nó đông, chưa ước tính, tại chỗ tôi nằm, phải rồi, Rạch Giá lên hai mươi một, vàng phải mười bảy lên hai mươi một... Gọi Nhận tháp yểm trợ..."

- Thằng Ró bắn qua bên phải đi!

- Diễm, đụ mẹ, chọc cây đại liên qua chỗ Chóp Chài, đó, đụ mẹ quét đi.

Thằng đại liên không bắn từng tràng dài... Nó cứ chóc chóc- chóc, chóc, chóc- chóc, chóc...

Tôi nói: Được đó. Tôi la to về phía hạ sĩ Cọt: - Bảo thằng Nhơn thụt M79 tới chỗ bụi dứa, chỗ bụi dứa!

Thằng y tá kê tai nói với tôi: chuẩn úy hỏi thằng nào bị thương cho nó bò lại đây, chứ tôi làm sao bò tới nó.

- Đụ mẹ, mày phải bò tới nó chứ. Mà không đũa nào bị

chi đâu.

Ình một tiếng bên phải. Tôi nói nhỏ: tụi nó bắn B40 chắc đông.

Tôi không dám la là tụi nó bắn B40. Chỉ la lớn:

- Tụi xụt bệ, nó lia lựu đạn chày bay ơi, bắn tới chỗ bụi dứa cho tao Diễm.

Chóc, chóc-chóc, chóc, chóc- chóc, chóc, chóc, chóc, chóc... Cây đại kiên 60 bắn nghe ít sượng bằng đại liên 30, Mà điều cũng ngon.

Có thằng nào cho một quả M79 vào phía bên phải, lọt vào làng.

- Đụ mẹ, đừng có bắn bậy vào làng!

Ình một tiếng thật lớn. Tiếng hạ sĩ Quáng ở góc ruộng la thật to: Đụ mẹ tụi nó bắn B40. Rùng, rùng... Tôi la to thằng M79 bên trái: Mày bắn ra xa tao xem, đụ mẹ bắn phía bên trái tao xem...

Đúng là ồn như giặc... Như giặc thiệt!...

Tôi cho một tràng đạn lửa lên trời. Thừa, rồi im. Rồi thì im bặt.

Trái sáng 81 lò dờ, lừng đùng trên trời, bích kích pháo ình ình trước mặt, bên phải, bên trái... rồi dứt.

Im chi lạ thiệt. Dứa nào cũng đang thủ thế, nín khe.

"Oanh, Oanh... đây Hòa. Rồi, im. Phải rồi, chờ đợi.

Lục soát cái gì Chúc nữ? Tối đen như mực. Cho trái sáng trong bao lâu? Được rồi, mười lăm phút. Đợi."

Dứa nào cũng nín khe. Chắc chúng đang toát mồ hôi.

Mẹ, vừa mới đến, chưa kịp đào hầm bố trí đã lãnh sẹ.

Đụ mẹ, vậy mà nói đêm nay Noel ngưng bắn, mấy anh đi kích không sao đâu... Đi kích mà bảo không sao đâu! Nằm ngay ở đầu làng như vậy, trên con đường về lấy lương mà bảo không sao đâu....

Ông Đại đội trưởng người Công giáo ông tưởng ai

cũng mở rộng đón Chúa trong đêm Giáng sinh...
Rễ cây không cần biết hoa lá đẹp trên cành mà! Đêm nay Chúa ra đời. Những cành thông Noel xinh đẹp, đèn sao long lanh trên nóc nhà thờ.
Rễ thông vẫn âm thầm nhựa cho sang năm có cành mà đón về làm lễ. Những đoàn quân rễ cây!

Tôi lắng nghe một lát. Im lặng hoàn toàn. Tiếng máy 25 như tiếng lốp xe xì..." Oanh, Oanh, đây Hòa. Im rồi. Cho trái sáng lục soát đi. Nghe. Mười lăm phút, lên hai cây số, lui. Hai trăm thước chớ sao hai cây số. Tội quá Chúc Nữ ơi. Rồi. Lên hai trăm thước. Lui. Bắt đầu chưa. Chưa? Đợi..."

Tôi lên tiếng:

- Hạ sĩ Quảng. Phía đó có sao không?
- Không sao chuẩn úy. Đụ má ! Nó bắn B 40!
- Biết rồi! Bò tới chỗ đó coi sao.

Tiếng bàn tán được thê, thôi thì, loan xạ- Đụ má nó bữa nay mà bắn- Mẹ, tao chưa kịp để cái ba lô xuống nữa- Thì tao định lấy cái cuốc ra- Tao thấy nó trước này, định kêu chuẩn úy, thì nghe ổng la nằm xuống- Tụi nó đông thiệt bay ơi- Tụi nó đi lấy tiếp tế mà- Đờ, làng nì đêm nay đờ nộ- cái làng Phước Khánh này giàu nhứt Phú Yên mà - Bi đông mày đầu Sến, cho tao miếng nước mày - Hết mẹ nó rồi.

Sẵn cây gậy tao khui cho hai thằng hai cây: Đi kích mà không lấy nước, tao dạn tụi bay sao?

- Bữa nay Noel mà chuẩn úy, em nói không sao đâu, ngưng bắn mà, tới ngủ rồi địa chứ làm cái thớ gì. Đụ má nó!...

Hy vọng đêm nay Noel được đi coi hát. Vậy mà lệnh tiêu đoàn bảo đi kích. Lính giận.

Trong đêm âm thầm, từng nhóm nằm rải rác trên khắp

quê hương còn lại này. Li ti như rể cây, cây gì? Không phải cây đa tùm lum xấu đui của ông Lê văn Sửu thuở nào bảo là cái cây văn hiến văn hiếc gì đó đâu. Vẽ chi xấu vậy mà cũng vẽ trời! Phải vẽ một cái cây có cả hoa cả trái, hoa thiệt đẹp mà ở giữa có con sâu rồi để tên hoa Sài Gòn, hoa Nha Trang, hoa Đà Lạt, hoa Huế- hoa Huế chứ không phải hoa Huệ - hoa lung tung...

Trái thì để tên trái Kiêu (cũng có con sâu trong đó), trái Lục Vân Tiên, trái Dưa Đỏ, trái Chinh Phụ Ngâm - trái này vẽ thật to và đẹp, không có con sâu nào trong đó hết, bởi có đi lính mới thấy nó hay chi lạ.

.... Non kỳ quạnh quẽ trắng treo
Bến phà gió thổi đu đưa hiu hắt...
Chàng thì đi cỡi xa mưa gió
Thiếp thì về buồng cũ gói chân...
Đoái trông theo đã cách ngăn...

Nhớ đêm Noel nào xưa, cùng người tình, tuy cả hai không đạo, cũng cầm tay nhau nghiêm trang đi lễ.... Giờ, đưa đi kích nằm đây, đưa đợi mong...gối chăn buồng cũ... đã cách ngăn biên biệt...

Lính như rể cây lẳng quẳng trong tầm tới.

Nhắc lại. Vẽ cái cây trên kia, khi vẽ đến rể thì ngoài mấy cái rể bự đề tên thuộc lòng của dân như Lê Lợi, Quang Trung, Trần Hưng Đạo... còn thì rể lẳng quẳng thật nhiều đừng để tên khỉ nào cả.

- Chuẩn úy, chờ mình nằm đây luôn hay đi chỗ khác.
- Để tôi hỏi. Trung sĩ dẫn một tiểu đội lên lục soát xem, về báo cáo.

"Oanh, Oanh, đây Hòa. Cho lục soát rồi đó. Hỏi Chúc Nữ có cho zoulou số nhà mới, nghe rõ trả lời- Chúc Nữ bảo làm ăn y tại số nhà cũ, Dứt- Nghe rõ."

Tôi nằm lẫn ra poncho, nghĩ đến người tình, hiu quạnh quá Bích ơi... và tôi ngủ vùi... trong thú đau thương..."
Hãy lịm người trong thú đau thương..."

(Tinh Hoa số 12)



VIẾT VỀ QUÊ HƯƠNG

Hoàng.

Được dừng quân ghé thăm em. Trông em thơ ngây và tâm hồn còn quá đẹp, anh giật mình nghĩ ngợi. Bấy lâu anh cứ tưởng phố phường thấp đuốc đi tìm bảy ngày không chắc còn có người con gái qua hai mươi xinh như mộng mà vẫn còn “thơ ngây” - Soyez au côté de l’optimiste! (??) Người trung sĩ già trong đại đội của anh bảo anh là dù trong hoàn cảnh nào cũng đứng về phe bọn người lạc quan vui sống. Thường anh vẫn bực mình ông già đó. Nhưng chợt thấy ông có lý phần nào.

Hoàng nói: sao anh cứ viết về lính hoài, mà lại viết tục nữa! Anh chỉ biết cười buồn với em, chứ biết nói chi.

Những ngày ở nhà có bao giờ anh nói lời thô tục! Mồm miệng, là chị Bích nhét khăn vào họng anh bảo hễ còn nói, tức là chị rách mặt, tạt át xít. Dọa kiêu con nít vậy mà anh cũng sợ đấy! Mãi đến nay, mỗi lần về, chị dọa anh vẫn cứ sợ: Bề gì anh cũng là sĩ quan mà ăn nói thô tục. Ghét.

Chị Bích, với Hoàng với phố phường đẹp của các người, chỉ luôn nghe những lời lịch sự, chỉ luôn nhìn áo quần đẹp, chỉ luôn gặp những ông lính kiểng hình dong chải chuốt áo quần bánh bao. Trong cái xã hội văn minh lịch lãm như thế ai đại gì cho tuôn ra những lời thô tục. Mất mặt anh hùng! Gặp nhau chỉ nói chuyện “văn thơ nghệ thuật”. Dù nô vong cũng là văn thơ nghệ thuật chứ! Cái nước mình Tàu, Tây, Nhật, Pháp, Mỹ chi cũng có hết kết đọng tinh hoa mà!

Trí thức và thượng lưu chỉ ở phố phường, chỉ giao thiệp với những dân tộc văn minh, chỉ hiểu cái thứ first

and last freedom, tự do đầu tiên và cuối cùng, chứ còn cái thứ tự do tranh đấu gây xương sườn, tóc đóm mắt họ cho là tự do lưng chừng đây, tự do nô-bộc!

Anh phải dùng chữ “nô bộc” vì đây là chữ của một thằng lính kiểng nó gọi anh. Nó nói: “Tụi bây cứ cong lưng ra chiến trường đánh giặc đi, để ông ở nhà. Cái đời tụi bây chui rúc quen rồi. Ông đéch chui bờ ngủ bụi được, ông đéch canh cho ai ngủ.”

Canh cho người ta ngủ, không phải gác đàn thì là gì? Thì là lão bộc già ấy à? Thì đúng rồi!

Canh cho em ngủ, hay cho chị Bích ngủ, “Em ơi hãy ngủ anh hầu quạt đây, lòng anh mở với quạt này, trăm con chim mộng về bay đầu giường ...”, thì trong một nghĩa nào mà vẫn thấy mình hạnh phúc.

Còn canh cho cái tụi mặt trâu ấy ngủ, để khi chúng tỉnh dậy, chúng nói năng như vậy, thì không thể nào không nói tục, Hoàng ơi! Em đừng buồn sao anh ăn nói thô tục, viết cũng viết tục nữa! Chắc anh Ân không bao giờ nói năng kiêu tục như anh.

Nhiều buổi hành quân anh sa nước mắt. Cái dân tộc mình học không mấy nên làm gì cũng lờ mờ lạng quạng. Thua sút chót bẹt trên thế giới mà cứ há họng ra là, bốn nghìn năm văn hiến với văn hóa dân tộc với nguồn gốc lễ nghĩa. Lễ nghĩa bốn ngàn năm đủ dạy cho một số người quy lụy đúng lễ nghi cung cách ăn nói uốn lười đúng ba chục lần, để được hưởng ơn mưa móc vài ba hột.

Chưa từng và chưa hề chịu được ai một tiếng mà khỏi bị người ta quạt cho gãy xương sống! Còn người ta, người ta “mệt xà lù”, “mệt ca lo!”, “gót đăm” “bu si-a” mình cả đấy, mà đéch có làm gì họ! Cứ ngậm mà nghe! Minh lịch sự mà!

Anh sa nước mắt không phải vì biên biệt nẻo nhà rồi

thương nhớ. Mà chỉ vì nhiều khi chả biết đi cái nẻo nào cho nó vẹn nghĩa người lính chiến. Chắc anh em bên kia họ cũng suốt ngày nghe cái thứ “tiu mà há!” của kẻ thù truyền kiếp họ.

Bởi vì, nghĩ thật kỹ, lực lượng và khí giới đâu, nếu không ngửa tay xin? Mà xin, bị chửi là cái chắc. Rốt thành, cùng ngửa tay xin, để cùng bị chửi, rồi quay ra tức khí chửi nhau, đánh nhau chỉ mạng. Tội bố thí cho chúng ta ngửa mặt lên trời cười ngất. Tiên sư chúng nó, chúng nó giàu, nhàn cư vi bất thiện.

Bày ra những cái “isme” cho thiên hạ có cớ phát giành nhau làm tuồng... phát-x-isme, mát-x-isme, mao-i-isme, ca-bi-ta-l-isme, con khi isme, bố tiên sư ism... Tiên sư nhà bay! Tao sẽ lập một cái thuyết gọi là vaginisme, sexualisme cho tội bay lao vô chết cả đám xem ai nhục hơn ai. Chuyện tiểu lâm có kể anh chàng cả ngờ, đánh trống chầu, đang khi mùi mẫn trên sân khấu thì anh ta giục cả hồi. Làng nước ngẩn ngơ ra, anh ta hoảng vía, mới hô lớn: nhà cháy! nhà cháy!

Vâng, nhà cháy rồi. Còn ức hiếp mà coi tuồng nữa hồi các cụ nhà quê! khổ quá!

Hoàng ơi!

Anh khổ quá, quê hương tan nát hết, mà tuồng chưa dứt em ạ, nên anh cực cần chửi cho nó đỡ cơn tức bực.

Cờ mà đến tay, anh phát loạn lên, chửi loạn nữa, xem nó tới đâu cho biết.

Em thơ ngây trong trắng. Em ngoan học đi, cho hết hai năm ra làm cô giáo. Rồi anh Ân cũng làm thầy giáo. Chung nhau mà xây dựng gia đình đẹp. Cha mẹ, con cái đều lịch sự, đều có học, đều hạnh phúc.

Dừng quân, ghé thăm em, Những ngày xưa nào tự dung xao xuyên dậy. Trường xưa đó một lần anh đến, nay hoa lá đẹp xinh. Những màu áo chiều cuối tuần

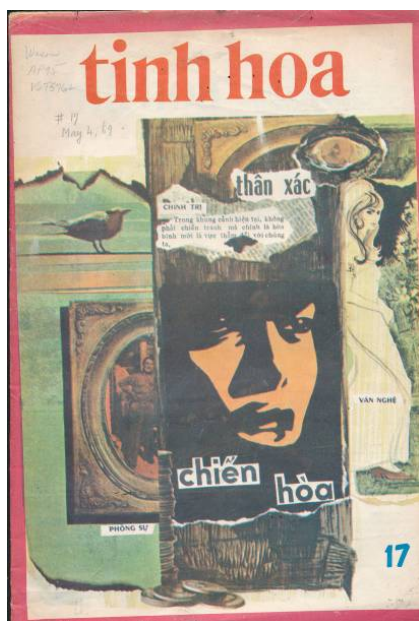
hoa mộng.

Giữ cho quê hương, là giữ cho những ngày thơ mộng
ấy không ai giày xéo chúng, và cho những ngôi trường
còn tươi lá non xanh... Cho màu áo em bay trong nắng
mộng. Phải không em?

Chứ không giữ quê hương cho những thằng mặt mọt.
Chúng núp sau mấy em, tìm hơi hám để tụi anh khỏi
bắn chúng vỡ mặt. Tiên sư cha chúng nó...

NGUYỄN KIM PHƯỢNG

(Tinh Hoa số 17)



VƯỜN XUA

“Chuyện ái ân dành khi nhàn rồi. Cười cũng hay mà khóc cũng hay. Không vui ta hãy cùng vui gượng. Vì không buồn cũng bị buồn lây...” Thơ Lưu Trọng Lư ngọt ngào, đẹp, và dễ thương.

Yến Loan gọi Yến Huệ, nghe rõ trả lời? - Huệ nghe - Ngày N cộng một, gia đình anh tới Tư Tưởng phải mười sáu lên hai mươi hai nghe rõ trả lời? - Tư Tưởng phải mười sáu lên hai mươi hai đúng? Trả lời? - Đúng rồi, sáu giờ báo cáo tình hình, số nhà gia đình trừ anh sẽ nằm và số nhà 2 đứa con, nghe rõ? Trả lời! - Trước sáu giờ báo cáo còn gì nữa? Trả lời? - Hết - Hết.

Chiều nay dừng lại đúng làng quê, mai mới đi kịp tới địa điểm. "Yến Loan, đây Yến Huệ, nghe rõ, trả lời? - Loan nghe. - Gia đình tôi đến nơi, vô sự, trả lời - Nghe cho 1 đứa con đi làm ăn đêm nay ở Tư tưởng phải không ba xuống ba mươi mốt, nghe rõ, trả lời? - Rõ - Dứt.

Người lính "au dos" hỏi tôi: - Chuẩn úy nằm đâu, em treo võng, đào hầm?

- Nhà tao đây mày ơi.

- Ủa, nhà chuẩn úy đây à?

- Thì nhà của bồ tao cũng như của tao, không được à?

- Ngó cái nền còn lại đây thì chắc nhà này bị lăm?

- Bị mà làm cái gì mày?

- Cô bồ chuẩn úy chừ ở đâu?

- Hả? Mà y hỏi gì vậy mà y. Tao làm sao biết. Hồi tao đi thì em tao còn ở đây. Mới hai năm sau đã như thế này rồi mà?

- Chỗ này năm ngoái đánh kinh lắm chuẩn úy ời. Lúc chuẩn úy chưa về Đại Đội, tụi tui hành quân lên đây hoài. Tụi ngủ nhà nàg một lượt rồi.

- Mẹ! Hay vậy tao xin về đây sớm sớm. Buồn quá hả mà y. Mà ngó này, cho cái ngõ đó, hồi xưa tao với em nói chuyện hoài. Nó đẹp lắm mà y ời.

- Tên chi chuẩn úy?

- Tên nhà quê lắm mà y ời! Tên Búra! Tao thương nó quá trời! Mắt nó tròn, mắt sáng lắm mà y ời. Để coi, năm nay nó học tới Đề Nhị rồi. À, Đề Tam, hồi tao đi nó học Đề Ngũ.

- Chừ ở đâu?

- Tao cũng chẳng rõ. Tao tưởng về đây... À, chắc em ra Đà Nẵng học rồi.

- Ở đây? Thôi chớ, tàu bay hay "canh nông" cho chết sao chuẩn úy! Hồi tụi tui xấp trận ở đây, chỗ dưới suối kia kia, thôi chớ, tụi nó đông như kiến cỏ. Không nhờ máy bay và "canh nông", làm chi đánh được tụi nó. Chuẩn úy, còn hầm kia kia! Tụi nó đào đó!

- Ủ, mà y đào hầm đi.

- Chuẩn úy buồn không chuẩn úy?

- Tao đổ mà y đây thuộc về đâu?

- Ngày bữa gì, đây là xã Cầu Nhi, bên kia cái suối là xã Cẩm Lậu, ra miệt nữa là Vĩnh Hòa, rồi Bằng An. Xuống phía dưới là Vĩnh Xương, xuống nữa là Bồng Lai. Bọn tui thuộc hết rồi chuẩn úy. Chúc nữ chỉ cần nói đi đâu, là bọn tui đi được hết, chuẩn úy khỏi cần coi bản đồ! Làng mình mà mình không biết được sao chứ!

- Tao mà không đi hành quân kiểu này thì cũng mù tịt.

tao chỉ biết Hội An, Vĩnh Điện - Đà Nẵng. Mà có cười tao không?

- Chứ hỏi quen với cô Bứa, chuẩn úy không biết xã này tên gì sao?

- Biết chứ, ừ thì chỗ mô người yêu mình ở mình biết thì nói chi. Bởi vậy tao mới đổ mày đó. Xã này tao thuộc tên nhà nữa chứ. Cái nền nhà cao cao kia là của ông Thừa Thoại. Chỗ cây dừa kia là nhà ông Hương Dao, cậu của em tao đó. Chứ tan tành cả mày thấy không.

- Ở đây thôi chứ nhà đúc sắt cũng nhào, nói chi nhà gạch! Dành dụm mười năm tan một giờ như gió.

- Tội mày hi. Đào hầm đi chứ.

Chuyện ái ân dành khi nhàn trôi. Những lúc bô ba hay những khi loạn lạc chỉ có buồn phiền đợi mong sao?

Muốn tìm Bứa, chắc em có đợi? Tôi không ngờ đời mình giống như một tuồng cải lương thế này? Giam mình để giết, như Marcel Proust kể cũng lạ! Mà còn đời sống dồn dập như ngày nay tại Việt Nam đây, mà không ai viết qua mặt được Proust. Cũng lạ nữa! Thôi, phải bảo trí tưởng bắt chộp hình ảnh đời sống, tạo dựng nên văn nghệ.

Đánh giấc nhọc thấy mẹ thì còn trí tưởng đâu làm văn nghệ nữa trời! Văn nghệ cũng dành khi nhàn rồi vậy. Chiều quê, trời như bằng thủy tinh, tiếng vọng xa cũng vang dội cả hồn. Vậy mà chỉ có tiếng cuộc đào hầm và tiếng dao chặt cây treo võng, mắc poncho. Có hồn văn nghệ cũng sẽ bị vỡ nát ra. Lại lo đêm nay có đụng không đây nữa. Nó thụt B40, trúng một cái, đen như than. Ở đó mà mần dzăng nghệ!

- Chuẩn úy ơi, em đào chung cái hầm 2 người luôn hi?

- Đào cho sâu nghe mày. Để tao đi xem mấy đứa đào ra sao.

Phải cái sức đào đó dành cho công cuộc đồng áng, ruộng tươi xanh xiết bao? Phải buổi chiều nay có Búra cùng anh nói chuyện, đời đẹp hơn thơ nữa! Và ngày đời trọn vẹn cho cuộc sống ấy tốt đẹp, nhân đạo.

Biết là sống chém giết như thế này vô đạo. Vương Dương Minh bảo cái ý khi pháp động thấy ác thì dẹp đi. Đẹp sao được trời ạ! Như vậy quả tri hành không hiệp nhất đâu cổ nhân ơi! Biết một đàng làm một nẻo. Cho nên mọi sự hư đi hồng mãi cái trí lương tri quả nó không về được đại thể Bất phục phản...Người xưa cũng sa nước mắt...

Thôi cười cũng hay mà khóc cũng hay

Không vui ta hãy cùng vui gượng.

Vì không muốn cũng bị buồn lây...

Gió lao xao ở nẻo nào trên ấy? Buổi chiều quê sắp sửa treo tim đám quân nhỏ này lên những sợi dây hồi hộp.

Đêm đi kích động hồng mà ngủ...

Búra đang sống ở nơi bình an nào?

Đem những phút hồi hộp này đọ những phút bình an, mới thấy sự hư hồng khi an vui trên cái run tim của người khác là hành động quả có đê tiện thật... Trong bình an, em vẫn hồi hộp nhớ thương người ngoài cõi, tự em, em cũng hiểu như vậy đẹp...

Dĩ nhiên đẹp hay ác hay đê tiện... chỉ là tỉnh từ của cuộc sống. Nhưng đã bảo, khi cái ý ở trong tâm phát chuyển, thấy xấu, ác thì đẹp, sẽ về cùng với đạo... em ngoan đạo, thì về... Đi trên con đường về nẻo xưa hoa đẹp long lanh... Vườn xưa....

- Rồi chuẩn úy. Chỗ này góc vườn khó đào quá.

- Mẹ tổ, thằng Dạy, mày đào hầm của mày vậy? Ngồi

xuống bắn thử tao coi nào. Đụng, nó bắn toác cái đầu mày ra. Mẹ! Đào nữa cho tao coi!

- Dạ...

- Thằng Hồng, hầm mày đâu?

- Dạ kia, sau bụi lá vang đó, chuẩn úy.

- Ủ, được.

- Đại liên đâu?

- Dạ đây chuẩn úy, tụi em đào đây, mình bắn ra suối đó, quét từ chỗ cây dừa qua cây chi chi chỗ cái bụi nhỏ đó.

- Ông Sự 79 đâu? Tới gần nằm gần Đại liên đi.

- Dạ, em nằm đây rồi chuẩn úy!

Mỗi người đã biết vị trí mình và phận sự mình. Sự có mặt của người chỉ huy chỉ là để kéo vào trật tự những kẻ chệch ra ngoài, như người chặn cừu lừa con cừu lạc. Vậy ra, khi không có ai lầm lạc, không cần Trời sao?

Có lý! Có lý mẹ gì! Biết là giết người lầm lạc mà vẫn cứ bố trí bắn như điên. Lạc mẹ hết cả đám rồi! Có lý khi khô gì? Thì có lý ở chỗ vẫn cần có mặt Thượng Đế. Mẹ tổ hèn gì cứ đào tạo sĩ quan cả mớ. Lính nó hay làm sai quá. Biết mà cứ làm sai! Chứ nó không làm sai thì không cần chỉ huy cái mẹ gì cả?

- Chuẩn úy, chuẩn úy! Thằng Sến nó ho quá thế này làm sao?

- Thì mày cho nó uống thuốc đi. Tim cho nó mũi calcium. Bắt đầu chạng vạng mà nó còn ho thì bảo nó lấy cái khăn nhét trong họng. Không thôi tụi bay chết cả đám.

- Không sợ chết chuẩn úy, mà sợ chàng về, chàng về nay đã cụt chun...

- Ủ, thằng Xuân, mày ca một bài tao nghe đi. Đứa mô đào hầm thì cho nghỉ đi. Chia gác rồi hả Trung sĩ Mế?

- Dạ rồi, chuẩn úy bảo thằng Xuân hát một bài đi

chuẩn úy.

- Ủ, ca đi Xuân. Mà ca cái bản gì mà em hỏi anh biết
đâu lường, mẹ già chi chi đó, chuẩn úy bảo mà ca đi!

Ngày trở về anh bước đi trên quãng đường dề... Tôi
nhủ thầm: Không vui ta hãy cùng vui gượng...

NGUYỄN KIM PHƯỢNG
(Tinh Hoa số 11 ngày 23-3-69)



Quê hương còn có gì?

KBC 3298

Khánh thân mến

Canada đang mùa tuyết lạnh phải không? Nghe anh Phán về nói là Khánh độ này trầm tư lắm, bà xã Khánh cũng nói tiếng Việt khá rành rồi, và hai vợ chồng cùng dạy về môn địa chất tuy bận rộn nhưng tương đối sung sướng.

Anh mừng cho Khánh. Dạy đâu thì cũng dạy, cũng đem kiến thức truyền lại cho tương lai. Mai sau bình yên, học trò Khánh lại qua Việt Nam dạy cho sinh viên không chừng con anh được học. Con những người lính khổ không lẽ lại thiếu học như cha chúng nữa?

Trước đây, có số ít người, cũng đi lính như anh, khổ quá, giận chửi bới tùm lum lên rằng thì là ai giữ đất đai cho mấy ông đi học ngoại quốc mai sau về làm chúa tể. Khi giận thì nói vậy. Chứ đất nước mà không cho người được cơ hội học, thì rồi bình yên đốt hết cả nước, mất cả nước, làm sao?

Bộ chiến tranh không có lúc yên sao?

Yên thì vợ chồng Khánh về, kéo theo ít đồ đạc. Miễn về đừng ra điều ta đây, trí thức hạng lớn, giành giật cơm áo với những người vốn đã quá khổ.

Anh bấy lâu chẳng thư chi cho Khánh cả, vì một là cứ hành quân hoài ở những miệt quê, hai là gửi không biết nói thứ gì, ngoài những lời thăm lạt lẽo. Anh nói chị

Bích gửi thư thăm em, không rõ chị có gửi không nữa. Nhiều khi thư anh cũng cả tháng mới đến tay chị, tuy rằng Việt Nam nhỏ bằng bàn tay. Bàn tay đó lại chia hai ra nữa đó, thì bằng cái đất chén chứ mấy! Mà đa sự, mà lộn xộn, mà tùm lum tà la lên điếc tai điếc óc thiên hạ.

Ba Mẹ đang ở Nha Trang. Chị Bích dạy ở Pleiku. Anh thì hành quân hiện đang ở miền Phú Yên, lên sát chân núi Hương, có khi men vào đến Suối Cái, và núi Ông La, Ông Sáng, hòn Gió... Chắc Khánh còn nhớ? Hồi ở nhà Khánh ưa đi lăm, và chị cũng hỏi cho rõ ngọn nguồn.

Lúc xưa ở nhà, từ Nha Trang ra Vạn Giã chơi, thẳng đường đi luôn ra Tuy Hòa thăm thị xã nhỏ, xứ của ngựa, mình nhìn lên miệt Tây, thấy núi sắp lớp. Nói cái xứ chi mà núi quá loạn. Nay anh hành quân lên miệt đó đấy.

Khánh biết sao không? Khổ quá đi trời nợ! Con mắt mình nhìn thấy ngán vậy, mà anh đi ngao ngán không hết ruộng đồng. Cứ một lớp núi, rồi qua một vùng thung lũng rộng, rồi lớp núi... Ruộng đồng bao la... Mà, Khánh ạ, bỏ hoang gần như hai phần!

Quê hương có còn gì? Em hỏi vậy làm sao nói! Thì còn có Khánh đấy. Đáng lẽ phải hỏi như vậy: Hết chiến tranh, quê hương mình còn lại gì? Lớp Khánh về còn được gì để nhận lãnh! Mấy ông đi xa chi thắc mắc có bấy nhiêu chớ gì? Khánh đừng giận sao anh nói vậy. Phải nhìn nhận là cái quan niệm của những người sống trong những nước giàu tư bản như Canada, luôn luôn là nhìn ở cái lợi tức, ở mức sản xuất và recession. Sáu năm qua, anh không nói là Khánh thay đổi hoàn toàn song ít ra cái nhìn của Khánh đã đổi. Biên cương

quốc gia không thành vấn đề. Dòng máu và ngôn ngữ không có chi hệ trọng? Bởi vì nếu là vấn đề hệ trọng, Khánh đã không lấy vợ Canada và Khánh đã về.

Thôi, bây giờ anh kể Khánh nghe quê hương từng vùng còn có gì. Rồi Khánh ước tính theo quan niệm của Khánh, xem với số nhân tài ở ngoài, khi về, yên, có dựng lại được Việt Nam “same same”, như Nhựt chẳng. Nói “same same”, ngày nay mọi người Nam Việt Nam đều hiểu nghĩa gì. Nhất là tụi con nít.

Khánh này.

Anh bắt chước ông Không Tử, anh hỏi Khánh: Như ý Khánh, chừ cho làm quan, Khánh thích coi mấy quận huyện?

- 5 quận huyện với 2 cỗ xe? Một Mercedes và một chiếc Land Rover?

- 5 tỉnh lớn, đại diện chính phủ với nhiều cỗ xe?

- Bộ Trưởng với bao nhiêu cỗ xe hay bấy nhiêu?

Hay bắt chước Thầy Tăng Diêm đầu xuân, dẫn năm ba thiếu niên đi hóng mát ở Great Lake, rồi hát mà về Québec?

Nếu em bắt chước ông Diêm: anh cũng xin thử dài mà phụ họa cùng em: ý ta cũng như Khánh, đầu xuân, dẫn năm ba đứa con đi hóng mát ở Xuân Hương, rồi hát mà về Nha Trang...

Bởi vì anh đang nhọc quá, và buồn lắm.

Đi qua những thôn xóm xác xơ anh thấy dấu có làm quận trưởng kiến thiết lại cũng trầy da chưa xong việc. Huống làm Tỉnh Trưởng, Bộ Trưởng, hay Tổng Thống, mà tài hèn, trí kém.

Một cây số đất ở vùng quê ngày nay em có thể khai khẩn và tìm ra các thứ này: mảnh đại bác, mũi đạn AR 15, AK 47; mảnh lựu đạn; bột trái sáng; và xương, hay da, hay tóc người...

Chiều hôm kia anh hành quân ra miệt Đồng Hòa. Em nhớ Đồng Hòa không? Ở Phú Yên có nhiều tên thiệt đẹp, Khánh nhớ hết không? Đồng Hòa, Đồng Cam, Hạnh Lâm, Nho Lâm, Thọ Vực, Phước Khánh...

Tên gọi, có gọi lên gì thân ái cũ?

Khánh đã là professeur mà sao nhiều khi anh cứ mừng tượng Khánh, những ngày đi lang bạt vui chơi, dẫn chị Bích ra tận Vĩnh Điện, Quảng Nam.

Đáng lẽ ra anh phải gọi em là Chú Khánh hay Cậu Khánh. Cho ra người lớn.

Khánh à,

Cái đập Đồng Cam đó kia, cái đập mà hồi ông Diệm bảo sửa lại, nay anh đi qua chỉ thấy những ga nước cạn.

Anh có ghé hỏi một ông già. Ông ta kể: “Hồi xưa, Pháp nó định rằng là phải chặn cái đập đó đủ nước cho cả Bình Định, Phú Yên. Mà công trình phải 15 năm, Pháp thấy lâu. Bỏ. Chỉ làm đủ tưới cho tỉnh Phú Yên. 10 năm. Cũng bỏ. Sau mới làm tưới nội có quận Tuy Hòa đây mà thôi. Mà cũng làm tới 5 năm. Rồi thì là Nhứt qua, Nhứt phá. Nói cho phải. Tây nó ăn ở đâu mình không biết, chớ cũng làm cho tui tôi nhờ. Còn chừ, ông ngó coi, ruộng bỏ không như đây đây!”

Phải đó Khánh, ruộng bỏ không mênh mông. Dân thì ăn gạo bao nhập cảng giá mỗi ngày mỗi leo thang như hỏa tiễn. Quý vị kỹ sư thì ở ngoài.

Cái địa chất của Việt Nam như thế nào? Đợi Khánh về. Chứ anh mù tịt. Trên dãy núi nằm dài miên man ra đến Bắc Trung Việt, có những gì trên? Cũng phải đợi yên, Khánh về. Nay người Đại Hàn họ lên đóng trên chóp núi Đại Lãnh, chỗ đèo Cả, giữa khu Nha Trang-Tuy Hòa đó Khánh kìa. Họ chỉ biết đóng đồn. Vàng hay thau hay zircon dưới chân họ chả cần biết.

Một đêm nọ anh nằm trên một đồi nhỏ, thì địch – cứ đánh ai, gọi là địch đã – đi dưới đường nước. Họ khôn, lội giữa đường nước, chứ không đi trên bờ. Đây, đường dẫn nước trở thành đường di quân! Anh nằm im nghe họ nói gì. Nói gì? Anh nghe lọt câu rất hay:

“Ỗ trời, mình hóa nước, chảy tuốt xuống Tuy Hòa chắc mau, mà lợi cho mấy ông làm ruộng nữa chứ!”

Họ vẫn biết họ không ích gì cho dân bằng nước tưới ruộng! Ừ, em, đất, nước, nắng gió là cần... Chiến tranh thì ích lợi gì?

Hỏi mãi vậy, mà mình vẫn lao đầu vào đấy. Cái engrenage nghiền nát từng người chung với ý nghĩ của họ, dù ý nghĩ chắc như kim cương.

Khánh,

Một quá, cho anh nghỉ. Ngồi mà viết cho em, trăm trang không chắc hết ý.

Chỉ có một ý chót mong em: môn địa chất em dạy đó, vậy mà hay vô cùng. Mai mốt yên, em nhớ dẫn vợ về, thêm đồ đệ nữa, dạy cho sinh viên khai thác nước non này cho nên một quốc gia.

Thăm, thân ái

NGUYỄN KIM PHƯỢNG

(Tinh Hoa số 6 ngày 12-1-69)

QUÊ MUÔN PHƯƠNG

KBC 3298 ngày ... 1968

Anh Phán,

Em biết anh giận em. Thằng em mất dạy. Ngày mãn khóa, anh có ý lo cho em được chỗ phục vụ tốt. Anh bảo em có khiếu văn chương, làm văn phòng hay hơn đi tác chiến. Và với địa vị cùng uy tín của anh, ung chỗ nào thì anh lo cho. Dĩ nhiên anh lo giúp một tí là được ngay.

Vậy mà em cứ chọn ra đơn vị tác chiến miền cao nguyên. Khốn nạn.

Em lớn rồi cái tính anh hùng rơm đã bị người ta cho mấy chục mớ lửa. Vậy nghĩa là không phải em khí khái hảo, và bướng bỉnh xằng hoặc còn mơ mộng lý tưởng kiểu kiêu hiệp.

Thưa anh, cũng không phải em theo cái triết lý dẫn thân dẫn mạng hay làm l'homme revolté gì ráo rọi. Em sợ chết lắm. Bích, vợ em, em yêu lắm. Đi biệt biệt tháng ngày em nhớ thương vô hạn.

Em có buồn phiền gì mà nói chuyện “tìm vui quên trong chiến chinh!” Như mấy bài ca của Minh Cảnh!

Cũng không phải em chán phố phường. Phố chợ đông vui, rục rờ, cung phụng cho người đầy đủ hơn những thôn xóm tiêu sơ hoang vắng. Dầu đời sống tạp nham

và ung thư ở phố chợ đáng quan ngại lắm đó, mà vẫn hấp dẫn, dễ chịu hơn những miền xôi đậu, xôi vò, nửa nạc nửa mỡ ở mấy vùng chiến đấu.

Đến đây anh hẳn bức mình lắm rồi. Lại mắng em mất dạy.

Mày nói cái lý của mày tao nghe coi. Thằng khốn nạn. Mày không biết quý cái đời mày.

Thưa anh.

“Ai cũng ngồi trên kiệu cả, thì ai khiêng kiệu?”

Những thằng ngu khiêng kiệu! Chắc anh dạy em thế?”

Thưa anh, những thằng ngu khiêng kiệu chúng lác lư cho thì mấy cái người ngồi trên kiệu xanh máu mặt! Có ngày những thằng ngu, chúng ngu quá. chúng hất cha cả kiệu xuống. Thì mấy ông trên kiệu bò lê bò càng ra như cua.

Thà làm người ngu hơn là con cua khôn. Con cua có khôn vật đến nay cũng là con vật. Người ngu hành động một lát cũng bắt được cua nhai xương. Làm người.

Thôi, chuyện đó buồn, và chán lắm.

Để em kể những chuyện khác, anh nghe anh nguôi giận. Anh ở Saigon làm sao rảnh rỗi đi thăm quê hương. Để em đi qua đâu, kể anh nghe đến đấy.

Rừng ven quốc lộ 21

Cuộc hành quân mang tên “Tiến-Bộ”. Tiểu Đoàn em có nhiệm vụ yểm trợ cho các làng buôn Thượng ở ven lộ 21, khoảng từ Khánh-Dương lên Ban-Mê-Thuột.

Khánh Dương cách Ninh Hòa gần 60 km và cách Nha Trang 90 km. Để em kể tên các buôn. Không rõ hỏi anh ở Pleiku, có lần nào anh đi từ Nha Trang lên Ban Mê Thuột rồi lên Pleiku không?

Có lần em đi với Bích lên thăm chú Bích ở Ban Mê Thuột, rồi lên anh. Nên lần này, hành quân ở đây tự dung em thương thương đoạn trường,

Những kỷ niệm xưa lao xao dễ chịu. Tình cảm lặt vặt nhiều khi cho em quên được những bấn khoản phiền nghĩ.

Thường anh vẫn bảo em không biết nghĩ. Biết nghĩ thì đời đã sướng. Tuy nhiên anh cứ mang mang nhớ Chu Mạnh Trinh nói là người khôn thì gặp gian truân, chuyện đời khéo lắm trò quanh quẩn.

Không phải là em khôn. Nhưng đời mình khổ, mình đừng tự nghĩ là mình đại mà mình khổ. Nước đời lắm nỗi lạ lùng. Dân chúng ta cũng khôn đáo để lắm. Mà mệnh nước gian truân thế thôi.

Người Thượng họ sống bình yên, an lành lắm anh. Không hẳn họ khôn lanh chỉ hơn người Kinh mình anh ạ. Sự an lành có thể là phần thưởng cho người chân thật giản dị.

Em vào các buôn như: Duôn Tai, M' brin, Ea M'rong, Ea Thi, Ea pal, Tlung, Ea cô...

Sở dĩ họ hay đặt tên buôn là Ea, vì các buôn thường ven hoặc gần một cái suối. "Ea" tiếng Thượng là suối hay nước.

Dân Pháp điều ngoa, ngày xưa cứ đuổi người Thượng vào các vùng đất xấu, còn những vùng đất tốt họ đoạt, lập vườn cà phê hay vườn chè, vườn cam.

Sau này họ đi. Một số họ bán rẻ lại cho các người Việt giàu hay mấy ông Ba Tàu nhiều bạc. Em đi qua nhiều vườn cà phê hoang, cỏ mọc đầy. Thấy mà tiếc sùng. Chỉ có mấy vườn nhỏ gần Ban Mê Thuột người mình còn gắng gượng chăm sóc. Nhưng năng lượng sản xuất không là bao, khi được khi mất vì lúc yên lúc rộn.

Em vào buôn Tlung, đi qua một vườn cam bỏ hoang.

Trời! Trái trầu sành và ngọt không thua chi cam Sài Gòn, Lục Tỉnh! Quít cũng to gần bằng cam. Rụng đầy! Ở Đà Nẵng, Nha Trang hay cả Saigon có khi cam vãi trăm đồng một ký. Nhà nghèo ít được ăn cam. Ở đây rụng chim ăn. Đó cũng là một sự phí của nhỏ trong cuộc chiến. Ai dám lên đây hái nếu không có cuộc hành quân! Mà có ai hành quân đi hái cam, Anh!

Có địa điểm dinh điền của T.T. Ngô Đình Diệm nay cũng bỏ hoang. Em vào Buôn M'Brin thì đi ngang qua đó. Có cả vụn cây mít, măng cầu và cam quít. Bỏ không, cho chim, thú rừng ăn. Chương trình dinh điền quả là sáng kiến hay và tốt của TT Diệm! Ông đã tự hào là tiền nhân có cuộc Nam Tiến, ông có công cuộc dinh điền. Không rõ các chính phủ kế tiếp sao không chú ý. Có lẽ vì áp lực quân sự miền cao nguyên mạnh quá chăng.

Thái bình anh hay vợ chồng em, hoặc mình chung lại (nếu anh không chê em khờ) lên đây lập một khu đồn điền. Có lẽ lúc đầu vất vả (Sao mà em hay thích sự vất vả!) Anh thích trồng gì? Em thích trồng cà phê. Để được uống cà phê nguyên chất sáng trí, nghĩ cái sự đời. Vợ em chắc thích trồng cau. Thì ung gì trồng nấy! Khổ cho cái cuộc chiến này. Nơi đất tốt bỏ hoang, nơi thị thành dân chen nhau bám vào lề đường rãnh nước thối tha mà sống. Người ta tránh một nơi không phải vì cộp beo mà đúng là vì chế độ. Cái gì đó hà khắc lại hại hơn là hổ...

Dân quê luôn về đô thị. Đời sống không sản xuất hẳn nhiên là bám víu. Chừng không còn gì để bám víu sẽ sống đọa đầy lây lất, như dân xóm Poor Boy mà Erskine Caldwell tả trong cuốn Tragic Ground đó anh.

Con người ở đâu trong những hoàn cảnh tương tự nhau, phản ứng không khác nhau mấy anh ạ. Khác thì làm sao có liên lạc thông cảm về văn hóa hay tôn giáo chẳng hạn. Nghĩ đến một độ nào đó em thấy chính trị kỳ thực chẳng có chi khác ở nội dung anh ạ.

Hình thái của một chế độ hay chủ nghĩa chỉ là màu mè rêu cưa của ông trùm nào đó ra đứng một chân vào lịch sử. Không đứng được hai chân như Nghiêu Thuấn, Alexander, thì cũng thò được một chân cả khêu vào lịch sử như Napoléon hay Staline. Em nói thò được một chân, là em mừng tượng có người ưa hất họ ra. Mà chưa kịp hất, họ chết tốt! Như ông Diệm thì chưa kịp thò chân vào, đã bị hất dựng ra ngoài lịch sử chủ nghĩa nhân vị của anh em ông.

Thưa anh. Em đang nói cái gì, mà lạc đề mất rồi.

A, chuyện rừng ven quốc lộ 21.

Tiểu đoàn em yểm trợ cho người Thượng từ các buôn hẻo lánh, nguy hiểm, ra định cư ven quốc lộ 21. Như buôn Trung ra ở chân đồi Chư-Kuk, cây số 50 cách Ban mê Thuột. Buôn Ea Thi ra ở chân đồi Chu Lai, cây số 35 cách Ninh Hòa, Buôn Ea l'al ra ở Khánh Dương...

Đưa họ và như vậy một là để tiếp tế cho họ, hai là triệt hạ cơ sở nằm vùng của địch; giữ yên cho quốc lộ 21.

Khi đi, coi là họ tiếc rẻ lắm. Trông họ buồn. Vâng, thưa anh. Tous les changements mélancolie. Em chắc khi bình yên, họ cũng men về buôn cũ. Đất đai cùng với kỷ niệm níu giữ chân người.

Hồi Tổng Thống Diệm đưa đồng bào Quảng Nam lên các khu dinh điền. Lạ, có người ở quê không có đất cắm dùi, lên tới nơi, chia cho đất, phát tiền ăn, vậy mà rồi họ cũng lò mò trốn về.

Có phải càng u mê càng dày đặc tình cảm? Khen dân

tộc mình thi sĩ và tha thiết đất đai cũng có nghĩa là ngại rằng dân tộc mình chưa tiến bộ, và hơi lười biếng. Anh đi ngoại quốc về hẳn anh cũng thấy điếm đó? Dân Tây phương, đi được đến nơi nào khảm khà là họ đồ xô nhau đi, thiếu điều chém giết nhau mà tới Rush Gold! Cuộc Nam Tiến của mình, dường như vua quan hồi đó thiếu điều phải trói dân đem vào thả các vùng mới khai hoang!

Hành quân qua đây, thấy những khu vực màu mỡ bỏ không kể cả thời tương đối yên hàng chục năm trước - em tiếc sùng. Hồi đó em còn nhỏ quá, anh!

Chùng nào yên giấc đây anh? Khổ sở thiệt! Nghĩ mà đau! Giấc già không có cái nghĩa lý mẹ gì cả. Mỗi bên đành gắng tìm một cái cớ. Một cái *cause*.

Có tìm được cái *noble cause* nào không? Anh? Ne vaut rien! Anh hay bảo những hành động của em như vậy: Ne vaut rien! Em cũng bị ám ảnh câu đó hoài. Thường lắm lắm Une jeune ne vaut rien (???). Nói ngọng nói ngịu mà cứ nói. Ne vaut rien!

Dân chi mà tiếng Tàu, tiếng Tây, tiếng Nhật, tiếng Mỹ, tiếng Nga, tiếng Tiệp Khắc, Ba Lan... chi cũng biết ráo!

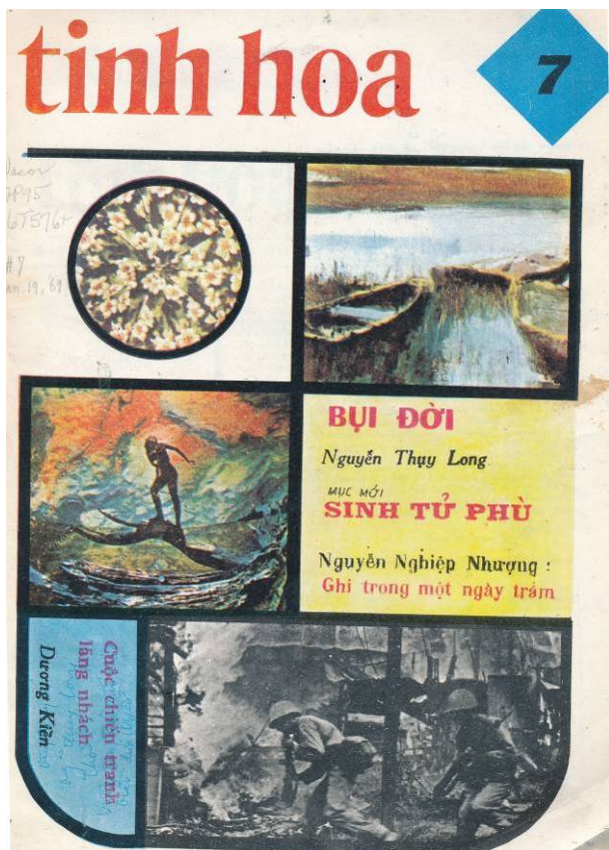
“Thôi em chán quá, em buồn quá”. Em mụ mẫm cả hồn. Em dừng đây, thư sau em viết về cuộc hành quân bình định qua miền quê hương khô còi Phú Yên.

Em thăm anh chị và các cháu vui. Trang, Hương, Lý, Tâm, Sơn, Tú đều mạnh như bầy sói con.

Với bầy sói đang tuổi lớn, ăn như tằm ăn lên, anh có muốn đi như em cũng không thể được.

Vậy, em chưa có gì buộc chân, thì anh cho em đi đây đó. Còn được thân thì em về. Rủi có bỏ thân đâu đó thì thực ra em có gì mà tiếc! Của đời chung, không em, thì người khác đón nhận. Lựa là phải vợ đủ vào cho

riêng em!
KÍNH THƯ'
NGUYỄN KIM PHƯỢNG
KBC 3298
(Tinh Hoa số 7 ngày 19-1-69)



quê hương ngày con lớn

Con của Ba,

Con còn ở trong bụng Má. Má đã lập cho con một cuốn nhật ký. Ghi những ngày con cựa quậy, máy tay. Gớm, còn ở trong bụng mẹ đã muốn đánh đàn. Chiến sĩ từ trong bụng mẹ như vậy hèn gì con đầu thai ở nước Việt Nam.

Má cũng ghi cả những giòng tâm tư của má những ngày ba “lặn lội đầu non”. Mà nói là để khi con lớn, học tới Đệ Ngũ, chừng nào học đến tác phẩm Chinh Phụ Ngâm, má cho con đọc nhật ký này, mà hiểu rõ hơn tác phẩm danh tiếng nọ.

Má nói nhất định má sẽ dạy con “nên người tử tế”. Ít nhất là tử tế đến 18 tuổi. Sau đó nếu quê hương này vẫn còn chiến tranh, con có đi lính cũng thành “lính tử tế”.

Má nói “lính tử tế” là lính kiềng đấy. Ba hiểu ý má con mà! Cứ mong ba làm lính kiềng ở gần má.

Khô! Ba làm lính kiềng thì má còn viết được gì cho con để mà hiểu Chinh phụ Ngâm! Tình cảm đây con người vào cái vòng lẩn quẩn. Tội. Loanh quanh trong kiếp người. Từng kiếp nối nhau từng kiếp quanh cái vòng nhân quả lao lung...

“Đành muôn kiếp chữ tình đã vậy

Theo kiếp này hơn thấy kiếp sau...”

Má có lần nói với Ba rằng: “Mặc kệ, lẩn quẩn loanh quanh chi không cần biết, chỉ cần anh ở gần em, cho trọn cái kiếp này.”

Con thấy, má làm đào cải lương được chứ há?
Nhưng vì không phải đào cải lương, nên lời nói làm cảm động.

Má con là một khối tình cảm bất cựa quậy. Còn ba, chỉ là một cục đất sét biết cựa quậy. Đưa cây súng lên, nhắm một mắt lại, bắn ào ào tới trước. Đáng lẽ phải nhắm hai mắt. Nhưng như vậy thì thấy gì? Còn phải biết là trước mặt ba hàng nghìn cục đất sét cựa quậy, chúng mở thao láo hai con mắt chứ không nhắm bốt gì ráo.

Nên ba phải bắn đã. Không thôi nó bắn bể cái hình hài đất sét của Ba. Bầy nhầy, buồn mưa, ai thương.

Quê hương ngày con lớn, hy vọng con và bạn con có tình cảm của Má thổi vào, sẽ làm cho đượm màu “nhung gấm” chứ không bạc phai, “binh lửa” như thời Ba Má con đang gồng đây. Ba một nơi, má một nẻo, “đội mong nhau”.

Ba lại đóng kếp cải lương được rồi!

Nhưng vì Ba không là kếp, nên đó là lời chân thực của Ba. Làm một người chân thực thì khó, đã đành. Mà nói một lời chân thực, được người ta tin là chân thực trong thời này quả là thiên nan vạn nan. Vì chính Ba, Ba không tin ai nói lời chân thật cả, thì ai tin Ba? Mong Con tin Ba vậy.

Chẳng hạn Ba muốn nói một lời chân thật nữa: muốn trời mưa vào mùa xuân, để ngủ cho khỏe giấc nông.

Con phải biết, một ước vọng tâm thường nhất nhiều khi cũng phải diễn tả dưới một hình thức “sao cho không là phản động”. Con đủ hiểu sinh thời Ba Má, và các người cùng lứa tuổi Ba Má loay hoay với ngôn ngữ đến thế nào!

Quê hương ngày con lớn ba mong ngôn ngữ của lứa tuổi con (khi đến bằng tuổi ba) được vẹn tròn nguyên

tính, nguyên ngữ.

Cho đạt đến nguyên tính và nguyên ngữ của đời, là cả một sự trở về ray rứt. Con phải quên Ba Má. Quên. Quên và Quên.

Văn hóa là quên những gì đã học. Nhưng phải quên luôn văn hóa của mình, mới thành người chân thật. Mà con phải quên con là người chân thật, Con mới nói được lời chân thật,

Thời của Ba Mã có quá nhiều triết gia và triết lý đất sét. Ba là cục đất sét cựa quậy nên mở miệng cũng nói triết lý đất sét của con người.

Quê hương ngày con lớn, mong đừng lời ra những triết gia đất sét nào nữa, bản trí nghĩ con và thế hệ các con con.

Quê hương ngày con lớn, mong đừng lời ra chủ nghĩa gì nữa, dơ bàn tay và thân thể các con.

Quê hương ngày con lớn chỉ cầu mong cây cỏ xanh tươi, mưa mùa xuân dịu nhẹ, nắng mùa hè chín trái còn ươm, gió mùa thu đủ mát bên sông, và mùa đông chim về ngủ nơi hiên nhà, con đừng đuổi.

Má con bảo Ba phải viết cho con bằng cách gửi thơ về cho má chép lại vào nhật ký của con. Má nhất định tin rằng con sẽ đọc và sẽ hiểu. Má nói là con nhất định thông minh hơn người. Con nhút nhát hơn Ba, Má quyết định dạy con từ trong trứng nước. Má nói là suốt trong thời gian mang nặng hình hài con nơi Má, Má không nói lời nặng, má không làm việc gì thất đức: má không nhìn việc quấy, không nghe lời sai.

Như vậy nếu con “nên người tử tế” là công của Má. Còn giá dụ con có hư, phần nào đó là - theo lời má con - xã hội thời con vẫn chưa tốt đẹp. Cái đó má không trách nhiệm. Quê hương bây nhầy ai chịu trách nhiệm

mà con hư bà má chịu? Má nói nhất quyết không tại má.

- Má quả quyết con không hư.

Má bảo quê hương ngày con lớn thì những kẻ bầy nhầy đất sét như ba bị tổng cổ xuống hầm cả thầy rồi. Má nói: giả tỷ tổng cổ được lớp bầy nhầy trước Ba và Má xuống biển cả thì ba đâu đến nỗi “lặn lội đầu non” “ngày nắng đêm sương chinh chiến” như ba đã chịu, Má cũng dặn Ba là khi con đọc được nhật ký này thì Ba Má cùng rút lui cho thật lẹ vào một xó nào đấy... Má nói là “xó trời quên”. Đừng cản mũi kỳ đà lớp tuổi các con.

- Con ơi.

Con chưa ra đời. Ba thì “chiến trường đi thẳng đời trai” (Quang Dũng), Má thì “tin xuân luống những rày mong mai chờ”(ND). Đời Ba Má lắm khi như thơ. Ba cũng như Má quá buồn nên hết sức thương con và mong con “nên người tử tế”.

Ba Má, nhất là Má, quyết rằng chiến tranh có ngày phải chấm dứt. Sự tàn bạo và vô luân không thể nào lâu mãi ở một nơi. Nó phải trốn chạy. Nó không chết (nếu chết thì không còn nhân từ và đạo hạnh), nó trốn chạy qua một phương trời nào đó... đây những kẻ khốn nạn kia...

Quê hương ngày con lớn, chỉ có con và các bạn của con cùng một lứa tuổi khôi ngô, đức hạnh, hội ngộ nhau nơi bờ suối, bến xuân, có thềm chen chân nhau vào nhà cao cửa lớn đâu mà hư hỏng?

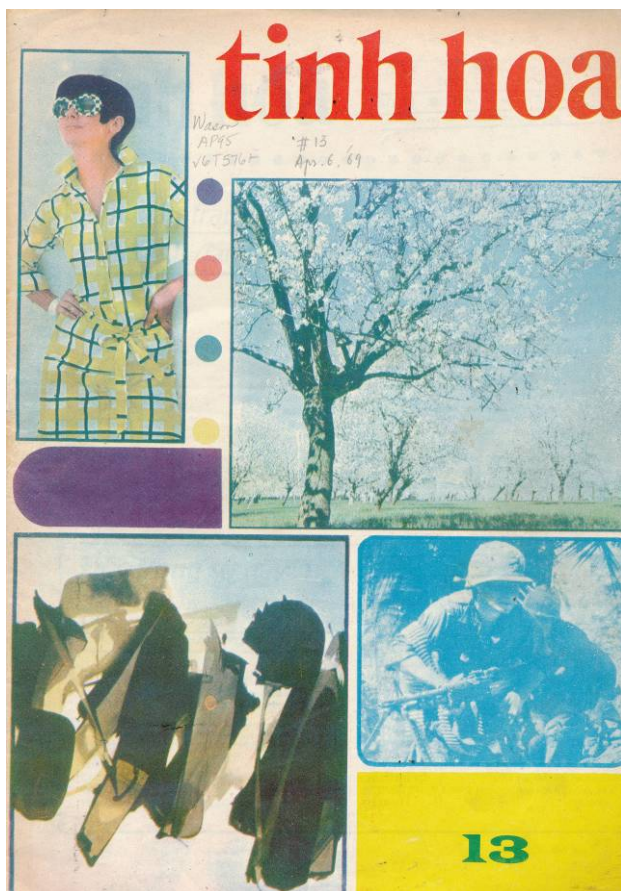
Má nói vậy. Nhưng đó là ước vọng của má.

Có lẽ cũng là của ba đây chứ. Ba quên.

Con của Ba Má

Quê hương ngày còn lớn nó thế nào, kết luận là ở nơi

Má con có biết dạy con từ thuở còn trong trứng nước hay không. Ba yêu Má con, và cảm ơn Má con biết lập cuốn nhật ký này. Dạy con từ trong trứng nước,
(Tinh Hoa số 13 ngày 6-4-69)



QUÊ HƯƠNG CÒN CÓ GÌ?

Quê hương còn có Saigon. Đi tới đâu tôi cứ hay nghĩ: quê hương còn có chỗ đó. Hành quân qua sông Cầu, thấy bóng dừa nghiêng bóng nước tôi tự nhủ: quê hương còn có Sông Cầu. Lên Pleiku thấy sở trà bát ngát, A, quê hương còn có Pleiku. Ra Huế, thấy thành phố có nếp sống còn tương đối nguyên vẹn trầm buồn: Dù sao, quê hương còn có Huế.

Thành ra phải đến tận nơi mới chợt nhận: quê hương còn nhiều nguyên tính.

Ngồi một nơi cứ tưởng tượng chiến tranh tàn phá hết rồi.

Saigon, chiến tranh không tàn phá. Tôi về phép 7 ngày. Gái đã hoàn lương được. Thì rồi nước non cũng bình yên được chứ. Lở loét đâu rồi chữa đó, cũng làm được người đàn bà. Ờ, còn dĩ vãng cũng như lịch sử thì làm sao thay đổi được. Nhưng quên được. Thánh Augustin nửa đời hoang đàng, về sau ai nhớ? Phật Thích Ca có vợ đấy chứ!

Lội và sống rừng rú quen, về, thấy Saigon đẹp thật. Saigon không đẹp và không được vui chơi thì lính đi ra ngoài làm cái chó gì? Dạ Lan đêm đêm hết còn thương mến anh. Những khi mệt quá, giận, chửi um lên rằng Dạ Lan làm dĩ miệng. Về tới nơi thấy cũng tội. Vuốt ve lính cho nhiều để xin những giờ phút bình yên mà nô giỡn.

Đi qua đường gì đấy thấy có lễ đặt viên đá đầu tiên xây thư viện quốc gia. Gớm! Xây đủ thứ nhà, cuối cùng mới sực nhớ không biết tìm công tác gì nữa cho đỡ ăn không ngồi rồi bèn xây thư viện quốc gia! Không rõ rồi sách đâu mà nhét vào nữa đây!

Mai một mình có còn sống mà về ghé đọc đây không nữa. Thôi còn có tụi em, và con mình! Con mới ba tuổi, trời ạ! Con lớn ít tuổi nữa có còn bố không?

Mẹ! Đi kích bắn địch chết thì mình cũng không biết chết phút mô. Đang đánh không rùng mình. Mà về phép đi thăm loanh quanh, sực nghĩ rùng mình lạ! Mấy ông lính kiểng ở Saigon hèn gì nghe nói bị đưa đi đâu là xanh mặt xanh mày.

Không phải sợ địch. Mà sợ không biết quê hương còn có gì khi mình tịch! Quê hương còn có Saigon đẹp quá mà ! Đi xa, tịch, uống bỏ mẹ!

Đang hành quân đâu có sợ chó gì địch. Mình chết thì nó cũng ngủm củ tỏi trước mình đã!

Mà về phép Saigon là cứ y như giựt mình nghĩ lại sợ. Không muốn đi nữa. Thật chứ không muốn đi nữa. Vô vị!

Tôi nói vậy, các ngài đơn vị trưởng mà biết được dám cúp phép các bạn quê ở Saigon. Vâng thì cúp đi. Hoặc cho về thì cho về luôn. Đồi mấy ông lính kiểng ra thay ít lâu. Về thăm ra lại đơn vị xuống tinh thần quá lắm!

Như bây giờ đây, treo võng nằm trong xóm hoang, đợi chiều nay đi kích, tôi muốn ghi lại những gì trong 7 ngày phép về Saigon, mà không biết ghi gì: Hồn lao chao. Trí lão đảo. Như rơi phịch từ một cõi nào xuống một cõi nào vậy.

Lạ nhỉ. Quê hương có nhiều cõi mơ hồ thật! Nằm cõi này cứ nhất định nghĩ là cái kia không có! Vậy mà có thật kia! Có xóm quê hương điêu tàn tiêu sơ đồ nát, và

có Saigon hoa lệ rực rỡ.

Mơ hồ thật!

Trang Chu điên điên mộng mộng vậy mà có lý.

Mấy giờ ngồi trên phi cơ đúng là ngủ một giấc: Khi về phép thì giấc ngủ đẹp. Khi ra phép là giấc ngủ buồn!

Bùng dậy thấy mình ở cõi khác nhau. Y như vẫn đang ngủ. Ở hay cái quê hương mộng mị này! Hèn gì lắm thi sĩ và lắm nhạc sĩ mộng mơ! Lắm kẻ đang ngủ mơ nữa đấy!

Nhớ hôm về phép, bà xã đưa đến thăm một cô bạn của bà Cô học trường luật mới ra nghề. Cô hỏi lung tung đủ chuyện. Kết luận?: - Quê hương này chỉ còn được các cô cậu sinh viên thôi đấy, còn thì hỏng tuốt rồi.

Đi lính rồi thì còn trông cậy gì nữa?

- Vâng thưa cô, bọn tôi đi lính, càng ngày càng cùi ra, rùng rú. Ý muốn nói là tính tình càng ngày càng *sauvage*. Về Saigon thấy khổ sở lạ.

- Này, ông này, sao hồi xưa không cần viện trợ mà dân mình cũng sống được đấy. Ông thấy lạ không?

Tôi giật mình. Cô nhỏ này có ý nghĩ lạ đấy.

- Vâng, thưa cô, phải gồng cam khổ và nghèo cực, chớ sống như ở đây thế nào được!

- Nhứt hồi xưa nghe nói còn bết hơn mình chừ nhiều.

Phiền cô bạn vợ lạ. Lính đang ghét suy nghĩ lại cứ cố đưa mình vào chỗ nghĩ ngợi. Dĩ nhiên chiến tranh có cái phần xây dựng của nó.

Mệt quá, đành đứng dậy kiếu về.

Saigon còn khá nhiều sinh viên có tư tưởng khả ái. Quê hương còn có họ.

Tưởng hỏi quê hương còn có gì thì không trả lời được. Nhưng mới móc ra, thấy cũng dễ trả lời.

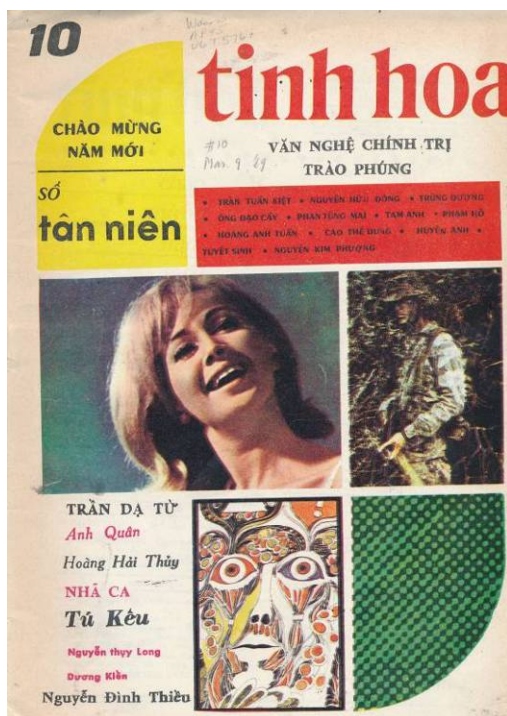
Sự chán nản lúc đầu cũng bởi vài cái nhìn vào một ít nếp sống phù phiếm. Đi thực sâu và thực chậm vào bên

trong quê hương cũng như vào ý nghĩ của đa số người bình tĩnh, thấy còn tin cậy được nhiều, Đời sống hư hỏng trước hết là do ở ngu dốt và mất bình tĩnh. Cho được học và được sống bình tĩnh, ai hư! Mệt quá. Lại đến giờ đi kích, hồi hộp và mất bình tĩnh rồi đây.

• NGUYỄN KIM PHƯỢNG

KBC: 3298

(Tinh Hoa số 10)



ANH BẠN DÃI DẦU

“Anh bạn dải dầu trưa nắng gắt. Gục bên súng ngủ bỏ quên đời...”

Nghĩ cho kỹ, không phải anh bỏ quên đời, mà đời bỏ quên anh. Nếu tôi là bạn của Quang Dũng tôi nói thế cho Quang Dũng biết. Mà nếu Quang Dũng viết về người lính bây giờ chắc không viết được câu đó. Người lính thời kháng Pháp được nhân dân theo dõi từng giờ và từng đường đi.

Còn bây giờ, dân chúng thành đô bận theo những nẻo đường di chuyển của những chuyến xe chở hàng hóa Mỹ, những chuyến bay chở những người bạn đồng minh hai bọc đầy tiền... Còn những nẻo đường tối tăm của “chiến sĩ” hành quân, thì “thưa các anh chiến sĩ, chúng em ở đây (ở đây là ở giữa lòng đô thị) và chờ đón thư các anh...”. Rủi các anh có chết ngoài ấy thì... kệ xác cha mấy anh! Ở đó mà chờ! Chờ mấy ông lính kiểng họ rảnh họ làm áp-phe với các bậc đồng minh giùm em thì được!

Anh bạn dải dầu,

Mình hãy ngủ cùng nhau trưa nay nơi hiên căn nhà hoang đổ nát. Chia phiên nhau ta gác giấc. Đời thành đô đã quên hẳn chúng ta, anh ngóng về đây làm gì.

Anh sợ người tình của anh đi lấy Mỹ?

Xời ơi! Nó muốn lấy Mỹ thì anh có về, anh ôm nó hai tay, anh buông ra năm phút thôi, nó cũng vụt đi lấy Mỹ...

Còn nếu người tình yêu anh, và thực sự yêu anh xin

anh đừng lo sợ hãy đánh cho yên giấc. Mỹ nó thấy yên, nó giao nước lại cho ta, người tình sẽ níu lấy anh. Bởi khi ấy, anh về tôi sợ e đàn bà nó bu quanh anh như đĩa xôi, tha hồ mà anh bán cả người ra... Còn chừ sức mấy mà họ nhớ anh, anh ngồi anh ngóng! Ngủ cha nó đi anh, tôi nay còn đi kích, giữ hơi mà dựa bờ canh chừng địch!

Trời nắng trưa, im lìm đến hiu quạnh? Mỗi người quân nhân trong giấc ngủ chập chờn lấy sức đã mơ thấy mơ ước gì?

Làm sao vẽ được ước mơ của từng người trong kiếp sống. Lại ước mơ của một kiếp sống gian lao mệt mỏi, thì đến quan niệm thôi cũng không quan niệm nổi ước mơ đó như thế nào.

Những nhà trí thức ngồi ở văn phòng mà vẽ vời những ước vọng của quần chúng đăng lập nên thuyết này thuyết nọ! Sai mẹ nó hết cả các ngài ơi! Bố Marx, bố sai cha hết rồi bố ạ! Cha Chardin, cha khảo cổ làm mẹ gì, cha cứ qua Việt Nam, sống với tội lính chúng con đây, cha sẽ viết được lý thuyết về con người mà đối đầu với Marx, đăng mà gìn giữ Thiên Chúa lại cho loài người không thôi nó hạ sát cả Chúa, cả cha! Nó biết, nó biết có Chúa, mà nó làm, nó không làm theo Chúa, cha ơi! “Đạo bất viên nhân?” Khổ quá đạo đâu không muốn xa người, thì người nó cũng xa đạo lằng lắt rồi cổ nhân ơi! “Xa lắt rồi em, người mỗi ngả. Bên này đất nước nhớ thương nhau...” Người em đạo hạnh, nhân thế đã xa em bằng bến bờ cuồng vọng và bởi những hàng rào nguy tín... Nhớ thương em anh cũng muốn trở về, nhưng sợ lắm, em! Giặc nó giết anh trước khi về được cùng với đạo. “Thương em anh cũng muốn vô, sợ truông nhà Hồ sợ phá Tam Giang.”

Truông nhà Hồ hay Phá Tam giang giờ đã là cuồng

nguy, là đam mê một chiến thắng hoang tàn. “Anh sợ lắm! Anh sợ lắm giá băng tràn mọi nẻo.”

Thôi anh cứ ngồi giữa nắng trưa, cùng các bạn dãi dầu của anh chia phiên nhau gác gác.

Anh bạn dãi dầu,

Ta không quên đời, đời cũng quên ta. Tôi xin anh cứ “gục bên súng ngủ bỏ quên đời”. Nhưng đừng quên gác gác. Nó sẽ bắn anh toác đầu!

Gió, nắng, trắng mây đẹp vậy mà phố phường còn bỏ quên, nữa là chúng ta, những người lính “sauvage” của súng đạn.

Hơi đâu anh ngóng nhìn về những cái bình an vui sướng ấy! Không có chút phần nào của anh trong đó cả đâu! Phần của anh, phần của chúng ta, phần của những người lính trẻ dãi dầu này, là một số quê hương quên lãng nơi đây hay nơi kia, phía trong rừng kia nữa.

Đừng buồn phải không anh? Đừng so đo! Đừng phân bua, đừng tiếc nhớ... Bởi so đo là anh thua. Tiếc nhớ là anh càng thấy mình mất mát.

Mình quá hiểu đời chúng mình tắm tới trong những nẻo quê hương mờ mịt. Mình quá hiểu đời chúng mình là những con số ghi trên tờ trình hằng ngày hằng tuần hay hằng tháng, con số trời sụt không thành vấn đề cho riêng ta cho phận ta. Nhưng là một vấn đề cho quê hương yêu dấu...

Anh bạn dãi dầu ơi,

Chúng ta buồn vì dường như bị lãng quên tư cách người, chỉ còn tư cách tay súng. Chúng ta đau đớn vì không giữ vẹn được quê hương dù ta đã có sức giữ trong khi nhiều những kẻ phố phường đã bôi lọ nham nhở quê hương...

Nhưng dù buồn dù đau, dù biết bị bạc đãi khinh khi hay cười mũi, thì vẫn phải cố tìm cho chúng ta chỗ

đứng để cho quê hương ta một chỗ đứng ngang bằng
cùng thiên hạ, anh ạ.

Các người ở trên ngôi cao tại đô thị! Ta hỏi các người
tháp Chăm đều xây tại những ngọn núi cao mà nay dân
Chăm đi nẻo nào biên biệt?

Hãy coi chừng! Đứng ở trên cao đi rồi sẽ muôn đời
như tháp Hời hoang dại!

Nước mắt thì đứng trên đỉnh cao Hy Mã Lạp Sơn cũng
trở thành hieu quạnh trước nhân gian.

Cố mà giữ lấy ngôi sao các ngài ạ! Các bạn nương tựa
vào người bạn dãi dầu của ta hay bạn ta nương tựa vào
các người! Xin đừng bôi loang lở quê hương.

Ta muốn nhỏ nước dãi vào mặt hời người bản thiu
buôn tằm chính trị.

Ngủ đi anh bạn dãi dầu. Tôi gác giấc cho anh ngủ
trong nhà vắng trưa nay. Rồi đêm nay ta cùng đi kích.

Tôi nhớ người yêu, làm sao ngủ được! Nắng trưa này
tóc em mát rười rượi nguồn yêu...

(Tinh Hoa số 19 ngày 18-5-69)

ĐƯỜNG GIÓ

ĐƯỜNG GIÓ

Khi Pháo binh yểm trợ xong thì quân kéo vào làng. Qua khóm nhà xơ xác đến ruộng mênh mông cỏ mọc. Buổi sáng quê hương thơm mùi khói đạn. Lục soát xong, quân đào hầm bố trí rồi nghỉ ngơi. Ngán địch gài bẫy lựu đạn đó đây, nhưng buồn quá cũng vác súng đi dạo một đôi. Sống chết có mạng cả. Nhất ẩm nhất trắc giai do tiền định. Không tin cũng cố mà tin cho nó thông dong cái trí não...

Đường thênh thang gió lộng, một mình ta... Ta buồn ta đi lang thang bởi vì... đêch có ai dám ở cái vùng này nữa. Nhà đây, ruộng đấy, nhưng nhà trống, ruộng hoang buồn đến sa nước mắt... «Nul oiseau ne chante!» Chim không hót trên cành cây xanh, tình không còn trong người một xứ? Có lẽ không còn gì cay đắng hơn điều đó. Cay đắng mà vẫn chấp nhận, đây là hậu quả của lý luận thuần lý, cái *raison pure*, *no pure no sure* thì nó cũng *dure* như sắt đá.

Một người không thể vừa quốc gia vừa cộng sản, vừa cộng hòa vừa dân chủ, vừa bảo hoàng vừa cấp tiến, vừa Myist vừa Ngaist, vừa Việt Nam Cong Hoaist vừa Việt Congist.

Nhưng vẫn có thể vừa ăn vừa ỉa, vừa khóc vừa cười, vừa yêu vừa ghét, vừa đánh giặc vừa làm thơ...

Những cái trừu tượng của lý trí thì không kiêm nhiệm được mà những việc cụ thể vẫn kiêm nhiệm được. Lý trí quả có cứng rắn.

Ông nhà văn kiêm khoa học gia kiêm triết gia Pascal của cựu mẫu quốc Pháp bảo rằng thì là ta có thể qnan

niệm được bao trùm vũ trụ.

OK, tôi có thể quan niệm được chân như của nhà Phật (quan niệm thôi! còn đạt đến thì xin hẹn vài triệu kiếp nữa...), tôi có thể quan niệm được không gian bao la mà ánh sáng đi hàng tỉ tỉ năm chưa hết một chặng. Nhưng cái cuộc chiến tranh một phần tư thế kỷ đất nước này, tôi đi hành quân, gặp nhiều trường hợp mà tôi không quan niệm nổi ông Pascal ạ!

Tỉ dụ rằng là ông sống đây qua Việt Nam đi hành quân với tôi chơi, ông có quan niệm nổi rằng một gia đình kia; ông bố nông dân, đưa con trai đầu đi làm “giải phóng quân”, đưa dâu trưởng đi làm dĩ Mễ, đưa con thứ đi chủ lực quân cộng hòa, đưa dâu thứ ở nhà đi theo nữ giải phóng quân đưa con trai thứ ba đi nghĩa quân quân. Đứa cháu đích tôn ông nông dân già ấy phải làm quần quật để nuôi nổi ông, một hôm kia, hai bên giáp trận, ông già ôm cháu lặn xuống hầm, ngụp củ tỏi vì hầm súp luôn! Mẹ, tôi thách ông quan niệm nổi một chuyện như thế để viết thành truyện đấy!

Vậy mà có đấy ông ạ!

Quyển Chiến Tranh và Hòa Bình của Tolstoy có ăn nhằm gì! Khi cuộc chiến ở Việt Nam này xong rồi, mười năm sau đó sẽ có một tác phẩm gấp mười lần “War and Peace” cho ông xem. Còn Les Pensées của ông nước mẹ gì! Nói thật đấy! Nhảm thấy mẹ!

Cái gì lại Je ne te cherche pas si je ne t'ai pas trouvée ! (??) Anh không tìm em nếu chưa một lần anh đã gặp em? Đồng ý. Là triết lý đấy. Nhưng nhằm thấy mẹ? Mời ông qua sống trong lòng cuộc chiến Việt Nam này ông sẽ ngộ được cái triết lý siêu nhân thế ông ạ! Anh vẫn mất em, cho dù một lần anh đã tìm thấy em, khiêng em về làm vợ, em bỏ em đi đâu? Tìm em khắp bốn phương trời! Mẹ, tỏ ra em ở trong nhà chứa, đang

đi khách cho Mễ, trời ả?

Anh đi hành quân thấy bà nội, để em thanh thoi du hí đây. Ông tạo cho tôi một cái triết lý đi! Có cái ông con con Clément Rosset nào viết cái triết lý bi đát đấy! Qua đây ông Rosset ơi, ông sẽ ném sách ông vào sọt rác!

Trong lòng cuộc chiến nóng như lửa bỏng này, mọi người đều mang con tim lạnh như đá buốt. Bởi vì se sắt quá rồi! Đếch học triết cũng giỏi triết!

Đường gió lạnh. Mà dẫu không gió chắc cũng lạnh buốt đi. Chẳng thấy hồn thiết tha một điều gì nữa cả. Chán lắm! Chán đến không thể nào chán hơn được nữa. Muốn tu theo Phật, nhưng ngại một mai hội đàm thượng giới giữa Chúa và Phật... đi chia đôi địa cầu, thì mình lại phải ở bên phe Phật, chiến đấu thấy bà nội nữa.

Trường kỳ uỳnh lộn!... le vivre est souvent un mal. Mẹ, người Việt Nam khổ hơn chó! Đợi chi nhà văn An Nam mới khổ như chó!

Thương Quang Dũng:

Mai chị về em gửi gì không?

Mai chị về nhớ má em hồng

Đường đi không gió lòng sao lạnh

Bụi vương ngang đầu mong nhớ mong...

Tôi muốn về quê hương của thơ, như Xuân Diệu xưa muốn về rừng, quê hương chung của muôn loài. Lửa hồng đâu!

Ta nhớ rừng xanh, ta nhớ đồi cây, ta muốn về quê hương, quê hương chung của muôn vật, muôn loài, ở đó tất cả đều như nhau không phân biệt gì nữa cả...

Cái mơ tưởng đại đồng ấy Xuân Diệu tưởng, ngỡ tìm thấy trong Xã Hội Chủ Nghĩa. Mẹ kiếp, chắc bây giờ

ông ấy ngẩn ngơ ra! Ôi, héo hắt...
Này ngực khô khan lòng bỏ trống,
Xin em giòng suối chảy êm đêm,
Đất hết hoang vu sâu hết mọc,
Nhịp đời theo tiếng nhịp tim em...
Thành ra lãng mạn nhất là những người lính mặt trận,
sau những phút hò hét ba quân trở về trong băng giá
của hồn buồn.
Phan Duy Nhân viết 4 câu thơ trên cho người tình,
nhưng có lẽ khi đất hết hoang vu thì người tình của anh
tim cũng hết đập rồi.
Già quá mà! Cuộc chiến 25 năm là đã trọn hết tuổi
xuân rồi Nhân ạ! Tôi thương tôi và thương anh lẽo đẽo
theo bóng sương đời, cho Hà chờ đợi trong héo hon...
Bích, hay Hà, hay những người tình thơ mộng và trọn
vẹn của tuổi trai trong thu này quả là những salut du
monde. Dĩ nhiên cái thể giới tâm linh của bọn mình
thôi.
Cám ơn Bích, cám ơn Hà... cám ơn những người chinh
phụ... Đường gió lạnh nhưng tim em nồng ấm. Cho tôi
qua ngừng trọ một đời đau... Giữa quê hương đạn khói
buốt giá này.
(Tinh Hoa số 21 ngày 6-6-69)

GỬI CHỊ MIN

Chị Min,

P. vừa di chuyển bằng trực thăng lên Pleiku và về. Nhưng chuyến đi ngang không mệt, mà đi lên sao mệt ghê. Đáng lẽ gió sương làm mình mạnh ra, mà sao P. cứ yếu lần. Chắc phải vui mới mạnh chị hả?

Chị thi xong rồi phải không? Chị mà cũng thi với tụi nó làm gì. Họ in bằng cho chị đủ cả rồi! Sướng nhé, tà tà ở nhà học, không mấy chốc mà lượm cái bằng tiến sĩ văn chương. Bura sức mà viết lách nhé! Học giỏi mà được cung nữa thì nhất rồi, mai một bình yên cũng được mấy Đại Học cung nữa.

Mấy bà đang lên ghê quá. Lâu lâu giả vờ ra mấy cái đồn ủy lạo chiến sĩ khen tới hột sen chúng nó ít câu, chúng nó giữ yên cho mà ở nhà học. Ủ, mà P. đi như thế này, chị ở nhà học P. còn thưởng được, chứ ở nhà mà cà chón, thì chỉ muốn rĩa cho ít loạt đạn.

Ngoài bài vở, chị ở nhà có đọc nhiều không? P. sao kỳ này ưa đọc mấy tờ báo lá cải mới lạ chứ! Không hiểu sao kỳ thiệt. Đi ngang qua một thôn xóm nào, chợt có cái quán treo vài tờ có hình ảnh chi chi khéo khéo một chút là P. kéo xuống đọc.

Không biết sao lại có bài P. thấy hay nữa chứ! Kỳ ghê chị Min ơi! Tinh thần P. đọa hung rồi, với lại đọc xong bản thân buồn bực lại ưa đọc nữa. Chả hiểu. Có khi P. bảo một ông lính nào đó ca lên bài vọng cổ in trong tờ báo. Nghe hay và thấm thía lạ.

Chị có tin vậy không? Nên tin đi là vừa. Đọc mấy bài khảo luận, nghiên cứu sao P. mệt trí hết sức. P. cũng thất vọng về chính P. nữa. Không rõ yên giấc rồi về, con người mình mệt đến đâu. Chết trận lắm khi cũng là an ủi đấy chứ chị Min. Lắm lúc P. ưa ăn đạn cho khỏe. Chị rửa P. nói bậy hả? Nhiều khi P. thêm được có chị bên cạnh để thấy mình đâu đến nỗi là cái thứ bết bát gì. Phải có người thân cạnh mình để so đo mà hiểu mình hơn và ít tự đoạ hơn. Tuy sống với lính theo tình huynh đệ chi binh, nhưng P. biết là cái tình đó cời áo ra là hết. Lính họ hay nói “bạn nhà binh tình nhà thổ” chị Min ơi. Chị nên gửi thư cho P. đều đều. Chị đọc được gì kể tóm tắt cho P. coi thử. Phải là chị viết chắc P. đọc mới tin và mới không bỏ nửa chừng. Thực tình nay P. chẳng tin tưởng chi nữa hết. Sao đòi lính khổ kinh khủng thế này mà tụi nó viết gì gì đâu. Nghĩ mãi, nghiệm ra rằng chắc tụi viết được thì nằm ở chỗ yên hưởng còn tụi đi khổ thì chán không thèm viết chi nữa cả.

Rồi thì tha hồ phía bấy bạ ở phố phường, đem in cả chón kiếm tiền. Chị đọc được gì, kể P. nghe thử. Thiệt buồn chi lạ. Nghe họ dịch quyển War and Peace của Tolstoy phải không? Hồi xưa P. dịch một đoạn in nơi tờ Nghệ Thuật, chừ nghe họ dịch in rồi mà ứa gan.

Bởi, đi lính là P. nói coi như tàn mất ước vọng. Chiến tranh không hẳn đáng trách. P. cũng hiểu thế. Chị cũng bảo thế. Nhưng trong cuộc chiến, sự nhân danh nó dễ bóp ngẹt ước vọng của con người, quả là đáng trách. Mà P. ở đây, “có cảm tưởng” như là mọi ước vọng đều nghẹt cứng. Không nghẹt thì P. đã không buồn tàn mạt. Mà nói chi đây.

P. nghe ở nhà, sách in, đừng nói sáng tác làm gì, sách dịch thôi, mà cũng cầm lên cầm xuống...

Thôi đẹp chuyện đó đi. Để P. kể chị nghe chuyện đánh giặc nhá? Ừ, mà thôi. Đánh giặc thì bắn qua bắn lại, chết, bị thương, tịch thu, bị loại... vân vân lằng nhách. Để hỏi thăm chị vài chuyện, chị phải trả lời rõ ràng cho P. nghe, biết nhá,

Hỏi này Tịnh Tâm có chồng chưa? Chắc y thì đẹp hơn lúc P ở nhà nữa hỉ? Tóc để dài vậy hay uốn lên rồi? Chị nói Tịnh Tâm uốn tóc lên đi! Để dài đẹp thì có đẹp mà xưa quá. Khi có chồng chả lẽ bôi lên? Khi đó uốn, thì có một xúc động tâm lý như rằng có chồng phải bị mất mát gì. Hỏi đó thì nổi sùng đấy!

Nói cho vui chứ bà Bích bà ghen quá trời. Nói bậy bà xé xác P.

Hỏi thêm anh “ấy” có thường gửi thư về cho chị không? Đi đến đâu rồi? Chị cứ tà tà lo bọ mấy cái bằng, coi anh ấy buồn, bị complex, rồi a-la-de đấy. Đừng có nói mà không cần! Tình đầu nó hay vật mình ẹo xương sống.

Bộ khi anh ấy về, chị dạy anh ấy học lấy Tiến sĩ ấy à? Phiền quá chị Min ơi.

P. càng nghĩ càng buồn. Con trai chứ sao lờ dờ chả ra cái gì hết trơn. Bộ mô đánh giặc hoài sao hè? Mà già đeo một đồng lon trên vai thì hết dốt sao chị? Hỏi xưa họ bảo “văn thời cử phẩm đã sang, võ thời tứ phẩm còn mang gương hầu”.

Võ là cái nghề hầu thiên hạ, đếch có thể hãnh diện được chị hỉ! Một mai khi hòa bình cái đám dốt nát như P. sẽ sao đây, thầy không ra thầy thợ không ra thợ, hầu thì nhất định không chịu hầu ai rồi đấy, mà tự lực thì biết chó gì. P. nghĩ lẫn quẩn, lắm khi ung chết, khỏe.

Hay lúc ấy nhờ cái bằng Tiến sĩ của chị, mượn đỡ mở cái trường? Mà P. còn có chị để mượn, đưa nó không có chị, nó làm gì? Cả một vấn đề! Chị thấy không, cả

một vấn đề. Và đó, là vấn đề gần như then chốt nó kéo dài dai cái cuộc chiến tranh này.

Phải không chị? P. mơ hồ thấy cái quê hương này như đang bị kẹt trong một cái thế chết. Chết cứng, chết không cựa quậy. Chị ơi, trừ phi bắt đầu sống hết sức kham khổ trở lại, trong mười năm như vậy...

Ồi chuyện mười năm. Đối với P. sống chết như lật bàn tay trong một sát na. Chuyện mười năm nghe rùng rợn. P. đang nói cái gì với chị mà lãng nhách thế này. P. ngừng nghe.

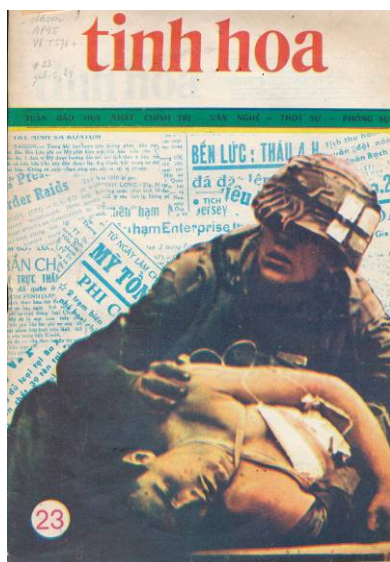
Thăm và thương chị nhiều. Thương chị nhất trong đời của P. Và P. rất mong được thấy chị sống đẹp hơn, hơn hết mọi người con gái.

Thăm, thương.

NGUYỄN KIM PHƯỢNG

KBC: 4061

(Tinh Hoa số 23 ngày 5-7-69)



Trích từ tuần báo Khởi Hành

(Tuần báo Khởi Hành chúng tôi đã giới thiệu khá kỹ trên TQBT số 62)

Dịch văn

Dịch, khó và mệt. Nhiều khi nó phản, như nhiều người đã nói hay đã bị.

Nhiều vị giáo sư hết sức tài giỏi, càng tài giỏi, càng thấy dịch là phản.

Tôi còn nhớ thầy tôi, giáo sư Cao Hữu Hoành, dạy Pháp văn cho chúng tôi, không bao giờ dịch cho chúng tôi, chỉ giảng bằng tiếng Pháp. Đoạn nào bắt buộc phải dịch, ông đưa hai tay lên trời: “Coi chừng về chó ra mèo !”

Dịch như Phan Huy Vịnh dịch *Tỳ Bà Hành* có người nói về chó thành ngựa. Đã đành là phải hay ! Ngựa đẹp hơn chó ! Trường hợp Tản Đà dịch thơ Đường cũng vậy, về lá, ra hoa! Đã đành là hay ! Hoa đẹp hơn lá ! Một nhà phê bình trẻ Việt Nam, anh Đặng Tiến, cho rằng dịch là một thứ hạ nghệ thuật.

Không phải ! Người dịch không có ý làm nghệ thuật đâu. Làm nghệ thuật phải sáng tạo kia chứ ! Dịch thì sáng tạo gì ? Người dịch chỉ là người bạn tốt bụng ưa giới thiệu cùng bạn bè những gì mình vừa đọc được... Họ không làm nghệ thuật mà cứ bảo họ làm thứ hạ

nghệ thuật, thì khác nào nói một cái lá là một cái hoa xấu. Có lẽ không hợp luận lý chăng ?

Đồng ý là có nhiều học giả thật uyên bác mà dịch văn đọc nó ra làm sao í ! Tỉ như trường hợp thầy Nguyễn Hiến Lê dịch cuốn *Chiến tranh và Hòa Bình*. Đọc nghe nó năn thế nào ! Tôi không đọc được bản tiếng Nga, chỉ có đọc bản tiếng Anh do Constante Garnett dịch, thấy nhiều chi tiết sống động.

Lại trường hợp thi sĩ Bùi Giáng, những sách dịch của ông không những là vẽ chó ra ngựa mà còn đeo râu, mang kính cho ngựa. Năn chí thật !

Các vị đó đều có lý do của các vị.

Trường hợp giáo sư Đỗ Khánh Hoan với bản dịch *Chân Dung Chàng Nghệ Sĩ* (Nguyên bản là *A portrait of the Artist as a Young Man*) tôi xin có ý kiến về một chi tiết như sau:

Có lẽ giáo sư không quan tâm đến quán định từ *A* trước danh từ *Portrait*. Quán định từ *A* này rất quan trọng.

Thưa, là vì tác phẩm này của James Joyce nó như một loại hồi ký. Các chi tiết mà nhân vật Stephen Dedalus kể trong truyện là những chi tiết có thật của tuổi thơ J. Joyce, nhưng Joyce chọn lọc, xếp đặt, cắt xén, gói ghém thành những chi tiết nghệ thuật. Do đó J. Joyce đã nhìn tuổi thơ theo một quan điểm nghệ thuật khá lãng mạn.

Chủ đề tuổi thơ có nhiều cách diễn tả mà đây là một. Hình ảnh Joyce vẽ đây chỉ là một khía cạnh. Chứ không phải thiết yếu chân dung chàng nghệ sĩ nó là như thế mà thôi. Joyce chỉ phác họa những nét như một họa sĩ. Thế thì họa sĩ có thể vẽ nhiều chân dung với nhiều màu sắc. Mà đây là một.

Đồng ý tác giả là phải dịch : *Một chân dung thời Trẻ*

Của Chàng Nghệ Sĩ . J. Joyce không viết The Portrait ma viết A Portrait...

Ngoài tác phẩm này J. Joyce còn có các tác phẩm như Stephen Hero, Exiles, Finnegans Wake, và nhất là Ulysses... là những chân dung khác vẽ J. Joyce dưới những màu sắc khác .

Tôi viết bài này trong mục ghi chép này không thể nói dài dòng. Xin sẽ nói về các tác phẩm này trong một bài khác (nếu có thể cũng trên báo này).

Giáo sư William York Tindall, Đại học Columbia khuyên là đọc J. Joyce phải hết sức thận trọng vì J.J. ông viết thật khó hiểu, và vì Joyce là tác giả quá vĩ đại của thế kỷ này.

Tôi đang đóng đồn ở một đồi núi heo hút miền Trung, khó liên lạc cùng giáo sư dịch giả để thỉnh ý, nhưng tôi chắc giáo sư đã đọc H.S Gorman, S. Gilbert, L.

Golding, H. Levin, W.Y Tindall, L. Cazamiam, hoặc Thomas F. Staley, họ viết về J. Joyce rất nhiều,,,

Tuy nhiên nhiều khi giáo sư vô tình bỏ qua 1 chi tiết quan hệ...

Dịch, Khó và Mệt !

(Khởi hành số 75 ngày 15-10-70)

■■■■■

Tuổi trẻ viết

* Phê bình gia Anh nổi tiếng William Hazlitt trong bài essay viết về “*Tuổi trẻ và cảm nghĩ về bất diệt*” (Of the feeling of immortality in Youth) cho rằng thanh niên ít ai nghĩ đến cái chết (No young man believes he shall ever die).

* Nếu quả đúng như vậy đối với thanh niên Âu Mỹ thì phải nói rằng Tuổi trẻ Việt Nam bây giờ là Tuổi Trẻ “Già Cỗi” ?

Tuổi trẻ Việt Nam nghĩ đến cái chết trước khi bước vào tuổi trẻ. Và đã có những bà mẹ *thấy con trai lớn lên mà sợ run*, ứa nước mắt.

* Chết cho Quê hương ? Đồng ý ! Nhưng cho Quê hương được còn là quê hương; hay chết cho Quê Hương được lên đường đến Xã Hội Chủ Nghĩa hoặc lên đường tiến tới trở thành một ngôi sao trong lá cờ Hợp Chúng Quốc ??? Đã biết bao người kêu gào rằng chết phi lý, chết vô nghĩa, chết oan ức, tức tử, đau thương vân. vân...

- Biết rồi khổ lắm nói mãi !

Nghĩ cho cùng trong ba tí cái chết thì được mấy cái chết được ý nghĩa ?

* Sống trong một tâm trạng thường trực ưu tư, và trong “nỗi chết không rời” như thế, nên tuổi trẻ bây giờ ưa “nói lên” và “viết lên”.

Nhưng Nói, lời nói bay đi, và đối tượng ít ỏi, nên tuổi trẻ chọn Viết.

Cứ giờ mục Hộp Thư các nhật báo, tuần báo, bán

nguyệt san, nguyệt san hay giai phẩm nào, là đủ thấy tuổi trẻ muốn viết ra sao !

Hình như trong tuổi trẻ có một mặt trời, như Thomas Brown viết: *Đời sống là ngọn lửa thiêng và chúng ta sống với một mặt trời vô hình trong ta* (Life is a pure flame and we live by an invisible sun within us). Ông Phạm Công Thiện có viết cuốn “Mặt trời Không bao Giờ Có Thật” có lẽ đúng là invisible sun của Brown ?

* Tuổi trẻ Việt Nam bây giờ cũng có một mặt trời, một mặt trời rực rỡ trong tim. Nếu không làm sao sống nổi 25 năm trong một đêm tối lạnh lẽo xương trắng, máu tanh và ma không đầu, hồn không nơi nương tựa ! Cái mặt trời đó trong tuổi trẻ nung nấu khiến tuổi trẻ viết.

* Tuổi trẻ bây giờ viết những gì ? – Hình như họ viết tất cả những gì họ đang sống thật. Hơn bao giờ hết ngày nay văn nghệ của tuổi trẻ đầy những chất liệu nguyên thực.

Các cụ xưa chỉ viết hoa hòe hoa soái những gì đọc ở sách nho. Nguyễn Du mượn cả cốt truyện Tàu. Đặng Trần Côn mượn quá nhiều điển cổ !

Các nhà văn tiền chiến thì viết bằng tưởng tượng hết bảy phần mười. Trường hợp Vũ Trọng Phụng thì cũng chỉ loanh quanh xã hội Hà Nội.

Kể cả nhóm Sáng Tạo cũng hãy còn tưởng tượng quá nhiều.

* Không ai thành thật bằng kẻ đi bên cạnh cái chết. Tuổi trẻ Việt Nam đang cứ mãi đi bên cạnh cái chết nên muốn viết lên, và viết hết sức thành thật, cái tình cảm bất diệt nơi tuổi trẻ. There is a feeling of Eternity in Youth (W. Hazlitt).

(Tuổi trẻ Viết, KH số 80 19-11-70)

Lười nhác

1.

Hình như một trong những “ đặc tính” mà người ngoại quốc nói là thường nhận thấy ở dân Việt Nam ta, đó là tính “ lười nhác”. Trước đây tôi có nghe chuyện một kinh tế gia người Đức qua thăm Saigon, được hỏi nhận thấy thế nào về người Việt Nam, ông hứa lúc đi máy bay nước sẽ xin trả lời đầy đủ. Thế rồi khi gần lên máy bay, ông lắc đầu nói : “ Khổ mà có biện pháp gì giúp người Việt Nam bây giờ, vì tôi thấy người Việt Nam lười biếng quá”. Nói xong ông quay quả tên máy bay, ý chừng sợ bị vả gáy răng chằng.

2.

Dĩ nhiên nhận xét của một người ngoại quốc – dù là một giáo sư lỗi lạc cách nào – cũng có phần không xác đáng trong đó, vì họ đâu có thể hiểu hết tâm tư Việt Nam.

Nói người Việt lười biếng, nhưng nay như cái vụ hi hục đánh giặc trên hai mươi sáu năm liên tĩ thì chẳng lười biếng chút nào! Các dân tộc khác đang le lười sợ luôn đó chứ !

Tôi chỉ đoán chắc một điều là vị giáo sư người Đức, kia đã tới thăm Việt Nam vào cái lúc Việt Nam vừa thoát khỏi “ một ngàn năm nô lệ giặc Tàu, một trăm năm đô hộ giặc Tây”. Lúc đó dân Việt đang nghỉ xả

hơi, để sẽ tiếp tục đánh vật nhau nữa !

3.

Ngày nay sau hai mươi sáu năm quần thảo nhau chỉ chết, dường như người Việt cũng đang muốn bước vào một cái entré act (???) để xóc nước, thở lấy hơi... Người ta có cảm tưởng như xã hội Việt Nam ta đang thở dốc, tay chân xuôi xị. Chỉ hã hòng chờ ngoại viện đứt cho ăn, nhỏ giọt cho uống, khắp người toát mồ hôi, hôi hám khó ngửi... ngó chẳng ra cái thân hèn gì cả. Ngân khố trống trải, chính trị điều đóm, văn hóa đứt dây, giáo dục vá đùm, lương tâm thờ hắt... Ai đến nước Việt bây giờ hẳn phải nhận xét là người Việt quá lười ?

Phải chăng lười nhác vì đã quá mệt mỏi ? Người ta có quyền nằm lười sau những lúc quá mệt ? Giáo sư Paul Lafargue một nhà xã hội Pháp, và là con rể của Karl Marx, trong bài “Cái quyền Lười Nhác” có đoạn viết: “ Cũng như chúa Ki Tô, hiện thân dịu dàng của lớp người nô lệ cũ, ngày nay (bài viết năm 1883) đàn ông, đàn bà và trẻ con của lớp vô sản đã qua hơn trăm năm cực nhọc mới trèo lên được gò vinh quang của đau đớn, một trăm năm cơ cực đã làm ọ xương họ, bầm thịt họ, queo thần kinh họ, một thế kỷ đói đau đã dày vò gan ruột họ và làm tan nát tâm trí họ. Ô, hỡi sự Lười Nhác, hãy thương cho nỗi khổ đau lâu dài của chúng ta ! Ô, sự Lười Nhác, bà mẹ của nghệ thuật và của các đức tính cao quý, người hãy làm hương thơm ướp nổi xao xuyến của nhân loại ”. (Xem “Essential works of Socialism” của Irving Howe, 1971, trang 223-224).

Sau một ngày chủ nhật nằm lười, sáng thứ hai sẽ bắt đầu một tuần lễ hăng hái.

4.

Bao người than thở tình trạng đất nước ta nay, bị quan và ngao ngán trước tình trạng xã hội bệ rạc... Tại sao không nghĩ rằng cái con lười biếng của một mỗi là chuẩn bị một thời gian hồi sinh đầy khí lực sắp tới ? Hoặc nghĩ tích cực hơn: ung rã để cho mầm non có thể mọc lên từ sự nứt nẻ !.

Tưởng rằng mỗi người tự vun xới bản thân cho đầy tiềm lực là cách là cách hay nhất xây ngày mai. Trong cơn Lười Nhác chung, mỗi tế bào vận đang hội lực ?

(Khởi Hành số 122 ngày 16/9/71)

CHỮ VỚI NGHĨA

1.

Người bạn thí sĩ trách: “ Tôi ghét anh một điểm là cứ hay trích dẫn lời tui ngoại quốc. Để làm gì ?”

Chẳng để làm gì cả. Nhiều lúc tôi không có ý tưởng, nên mượn ý tưởng người khác. Và lại, cái thứ đã dốt thì hay nói chữ.

Ngày xưa bị anh dốt cử ưa nói sách, nói kinh tiếng Tàu. Chứ Hồ Quý Ly và Vua Quang Trung giỏi, không cần chữ nghĩa theo tiếng Tàu, Nhứt gì ráo. Ngày nay mình dốt mình trích sách Tây, Anh, Mỹ... Có khi Đức, Ý, Phan vân vân... Giỏi, thì thêm gì trích vào !

Với lại, nhiều khi có ý tưởng đi nữa, thì lại thiếu tự tin, bèn trích dẫn người này bên Tây cũng nói thế, người nọ bên Đức cũng nói vậy vân vân... để được chắc ăn rằng mình nói không mấy thiếu căn bản...

2.

Song nói thế không phải cũng ngụ ý nói rằng các nhà biên khảo là dốt. Biên khảo thì bắt buộc phải trích, vì môn biên khảo thường không đòi hỏi ý tưởng sáng tạo nào. Đã không sáng tạo thì phải trích nguyên si của người ta, lạng quạng bị ghép tội “ ăn trộm văn” ngay. Lại cũng không ngụ ý rằng những cái mémoires và thèses của sinh viên luận trình là dốt cả. Không phải

vậy, mà là do các giáo sư đòi hỏi, để tin chắc là người trình kia có chút ít khiêm nhường, chờ mai một ra đời bớt thất bại chưa cay... Chứ thực tình trích dẫn khổ chết cha đi! Đọc mờ con mắt ra. Ai ham !

3.

Trong khoa học, anh có quyền ghép những phát minh của người khác lại thành một hệ thống mới, và nói là phát minh của riêng anh. Tỉnh bơ. Chứ trong văn học, người đứng đắn, trích dẫn phải đề tên tác giả. Nếu tôi ma giáo, tôi đừng ghi xuất xứ cứ viết như là chính mình đã nghĩ thế, thì rồi trước sau gì người ta cũng tìm ra nguyên là của ai. Chi bằng ghi cho rồi. Dốt thì chịu nhận mình dốt, thiếu ý tưởng thì cứ trích dẫn của người ta, nhờ họ nói giúp mình, đỡ suy nghĩ. Mà có suy nghĩ chắc chi đã kịp họ ?.

4.

Rồi khi càng lớn tuổi, càng có thêm được chút ít tư tưởng thì càng bớt trích dẫn đi. Bớt dốt được chừng nào sẽ bớt nói chữ chừng ấy. Xin người bạn thi sĩ đừng lo. Phần anh, trời đã phú cho nguồn năng sáng tạo, xin cứ hãy tiếp tục sáng tạo. Một ngày nào đó năm mươi sinh viên trình luận án này nọ, thiếu ý tưởng có thể sẽ trích dẫn ý tưởng của anh hoặc năm ba người viết báo dốt nát nào đó ưa nói chữ sẽ có thể trích dẫn lời anh để qua con túng bản ý tưởng chẳng hạn...

5.

Xin đừng ghét tôi, xin hiểu nỗi khổ của người viết bài định kỳ mà thiếu ý tưởng, làm sao hơn là không trích dẫn Tây, Tàu ?. Kỳ thực, Tây, Tàu chắc gì nó suy nghĩ hơn mình ? Mình chỉ thua chúng ý tưởng thực dân thôi...

(Khởi Hành số 110 ngày 24/6/71)

BÚT MỰC PHÂN VÂN

1.

Trước đây giáo sư Nguyễn văn Trung lấy ý của Sartre viết một loạt bài về Nhà Văn: *Nhà Văn Người Là Ai ? Tại sao viết ? Và cho ai ?* vân vân... Loạt bài này về sau trở thành một cuốn sách giáo khoa cho chương trình năm Dự Bị Văn Khoa.

Giáo sư Trung trước đó chưa từng là Nhà văn theo đúng cái nghĩa thuần túy sáng tác, mặc dầu với bút hiệu Hoàng Thái linh trên: SÁNG TẠO, giáo sư có viết vài truyện...

2.

Do đó những khai triển nhằm đáp lại những câu hỏi đặt ra kia, giáo sư đã viết theo lập trường của hiện tượng luận, nhìn nhà văn như là một cây bút, bình mực, tờ giấy v.v... không phải viết với tư cách một nhà văn là một recule đề viết về mình. Mà cho dầu giáo sư là một nhà văn đi nữa, khi lùi xa để nhìn lại như thế, bút mực đã phân vân...

3.

Nhà Văn ? Nhất là các nhà văn trẻ của Việt Nam ngày nay, họ là ai ? Tại sao họ viết ? Họ viết gì ? Họ viết cho ai ? Có họa trời mới trả lời được những câu hỏi đó - Họ là ai ? Có khi họ là họ, có khi họ là bạn họ, có khi họ là đồng bào họ, rất nhiều khi họ là người tình của họ, và lắm khi họ chẳng là ai cả, họ là một con số không biết rất rõ mình là con số không để cố gắng trở thành khác con số không. Thực rất khó chắc (???) nhà

văn là ai .

= Họ viết gì ? Họ viết loạn lên: viết về chính mình, viết về chiến tranh, viết về quê hương, viết về cơm áo, hoặc chẳng viết về cái cả, viết khơi khơi thôi... Viết để mà viết... Chẳng biết họ viết cái gì cả, đang tả cảnh, chợt đổi thoại, chợt viết thư, chợt làm thơ, chợt lý luận, chợt trích dẫn... Loạn cả lên, khó chắc họ viết cái gì.

- Tại sao họ viết ? Có khi tại họ muốn trình bày thân phận này nọ, có khi muốn tố cáo hoàn cảnh, có khi muốn mô tả quê hương rách nát, hoặc cỗi lờn họ rách nát, có khi chẳng tại sao cả, viết khơi khơi chơi thôi...

“for nothing”, “Pour rien” “*ngứa cổ hót chơi !*” Đã sao ?

- Họ viết cho ai ? Cho bồ họ, cho bạn họ, cho đồng bào họ, cho tương lai, “*cho mai sau*”... Cũng có khi chẳng cho ai cả, “*cho cỏ cây hoa lá*”, “*cho chuồn chuồn châu chấu*” , khó biết cho ai.

*

Tóm lại trừ nhà văn họa may ra có biết chính mình là ai, viết gì, cho ai, tại sao viết, viết cho ai... chứ còn thánh cũng khó xác định và trả lời những câu hỏi kia... Phải không các nhà văn trẻ ? Đố ông thánh nào nói được Bùi Giáng là ai, viết gì, tại sao viết, viết cho ai? Tôi thách thánh đấy ! Đẹp Sartre và xin lỗi, giáo sư Trung qua một bên đi. Vớ vẩn ... Còn khuya quý vị mới xác định nổi.

*

Ôi, bút mực phân vân, đừng bao giờ đem hệ thống và máy móc kia vào bút mực !

(*Khởi Hành số 94 ngày 4/3/71*)

TƯƠNG LAI CHỐNG GẬY ?

1.

“ Để an ủi chút lòng kẻ nghèo nàn cùng khổ, đem cái thân mẹ cha âu yếm ra làm nô lệ cho người, không còn ngẩng được lên trời cao tìm nguồn dịu vợi, để an ủi cái tội nô lệ đó, người ta đã hứa hẹn cùng chúng rằng: tương lai là của các người. (Ồ hay !) Tương lai ! đó là thứ của cải duy nhất những thằng chủ giàu có sẵn sàng nhượng không, cho đứt cho kẻ khốn cùng nô lệ”. (Albert Camus, L'HOMME RÉVOLTÉ, trang 233).

Cứ đem hai chữ tương lai tặng ào ào ra, trút ngập đầu thứ nhất là tội nghèo, thứ hai là tội nhỏ... có mất đồng xu chớ nào đâu mà người ta không đem ra xài cho đã! “Tương lai là của các anh !...” “Tương lai là của các cháu !...” Mẹ, còn hiện tại với danh vọng, tiền bạc, của cải, gái đẹp, rượu ngon vân vân...là của ta, riêng ta, ta ngu, ta chỉ biết có hiện tại !

Có phải tội ngu là tội chỉ biết có hiện tại thôi không ?

2.

Các anh vô sản ! hãy ráng xâm mình đi tìm thiên đường tương lai ! Các thầy, các cha hãy ráng khắc khổ đi tìm cõi tương lai trên thượng giới ! Ráng làm những utopistes !

Khi vừa đọc xong hàng này thì tương lai đã vừa khuất mắt. Lá có ngừng xanh, mưa có ngừng giọt, mây có ngừng bay, và ta cố ngừng chết...để mà còn đợi tương

lai chậm chậm chống gậy tới thăm ta chẳng ? Tương lai cái mặt nó tròn hay trái soan ? Có râu không ? Môi nó đỏ thắm hay xám xịt ? Ở đó mà chờ nó tới đăng quan sát !

Nói cho cùng, có ai đã từng thấy được tương lai ? Cũng có người vẽ vời tương lai này nọ, tưởng như cuộc đời xuôi rớt không có đá sạn chỉ (???) gập ghềnh, hoặc không có cái ổ gà, ổ xóc nào ráo, in hệt con đường highway Mỹ mới vừa làm xong ! Chùng khi nhắm mắt, chết tức tưởi như ông Ngô Đình Diệm chẳng hạn, thì hồi đó đã rơi tòm xuống ... hố sâu dĩ vãng...

3.

Rốt cuộc câu: chỉ có dĩ vãng là chắc ăn ! Nghĩa là ta biết rõ mặt mũi nó thế nào... Thường thường là nó buồn hiu, ngồi chếp miệng lia lịa như hàng trăm con thạch sùng nói nhau tiếc của... nhớ tình...

... “ *Ôi thân mến nhắc làm chi thuở ấy
Đêm nay đây hồn xế nẻo thu tàn
Khóc chia lìa ai nín gọi than van
Ta chỉ biết nằm nghe tình hấp hối
Say đã gắng để khuya sầu lẻ gối
Mưa mưa hoài rượu chẳng ấm lòng đau
Gấm the nào từ buổi lạnh lùng nhau
Vàng son có thay màu đôi mắt biếc
Tình đã rời đi, riêng mình tưởng tiếc
Thôi rồi đây chiều xuống giấc mơ xưa.*

(Bài LÁ THƯ NGÀY TRƯỚC. Vũ Hoàng Chương)

Dĩ vãng của mỗi người hầu hết là buồn hiu. Dĩ vãng của nước ta cũng trăm trảy trăm trật, hót hơ hót hời, bê

bết những máu xương... Có lẽ tại tiền nhân ta cứ hay ngồi ngó nhìn tương lai chống gậy tới ? Nó tới, nó trở mặt vung gậy, rồi mới quơ đuốc quơ đèn lên chống đỡ, u đầu chảy máu !

4.

Thành thử tôi nghĩ là ai làm được cho quê hương hãy làm ngay tức tốc bây giờ. Đừng trù mền chờ đợi, boặc giương cổ ra ngóng mong ... hòa bình hoặc kêu than này nọ ! Địch tới, ta đánh !. Trồng rau, ta trồng !. Cày ruộng, ta cày!.. Làm cái chi thì làm liền đi. Cứ về vùi tương lai ngó rầu máu quá! Coi chừng mắc mưu tụi giàu có hoặc tụi chính khách chúng ưa tặng ta Tương Lai !

(Khởi Hành 109 ngày 17/6/71)

CÂU CHUYỆN

“em có định sẽ cùng ai kể lể: Một nỗi đời hư huyền giữa chiêm bao. Vàng hiu hắt nguyệt hờn mây nhỏ lệ. Một mùi hương nồng tụ ở nơi nào...”

Mấy câu thơ ấy của Bùi Giáng nhiều khi tôi đọc thấy buồn não lòng. Những chiều mùa lạnh này, mây bàng bạc trời cao, đời nhỏ đóng quân như biệt xa với mọi người thân yêu, nhân gian đầm ấm. Người lính Việt Nam ở biên cương, ở vùng chiến trận quả buồn hơn bất cứ người lính nào: một nỗi đời hư huyền giữa chiêm bao ! Sống chết dễ như lật bàn tay, nháy mắt, để làm gì ? Tôi không định sẽ cùng ai kể lể...

♦ Trường ạ, tôi biết em ở Montreal, đã đỗ Tiến sĩ địa chất học, em nhất định không về, về đi lính bỏ công đã học. Tôi đi lính dùm em. Được rồi ! Không sao ! Mai ạ, cậu biết cháu đã học xong mấy lớp dương cầm cuối cùng, bây giờ thì bàn tay óng ả ngày ngày lướt trên phím nhạc tạo những chiêm bao nghệ thuật. Cậu đi lính cứ ở ngoài đời này giữ giấc cho phở cháu được bình yên . Được rồi ! Không sao ! Minh ạ, mày cứ lo dạy học trò cho khá đi. Kiều ạ, mày cứ lo làm báo cho khá đi. Thạch ạ, mày cứ chơi thể thao cho hay đi. Pháp ạ, mày cứ nhảy đầm cho lả lướt đi... Tụi bay đều được ưu đãi. Được rồi ! Không sao ! A la faveur de la guerre... vous avez beaucoup d'MPC.

♦ Tôi không định sẽ cùng ai kể lể...Nhưng tôi đã kể lể

quá nhiều !!!

Những người lính của tôi than thở nhớ vợ con, không có tiền gọi về cho con mua áo ấm mùa này. Không có tiền... Không có tiền ...Và không có tiền ...Đây là nguyên nhân cuộc chiến tranh dai dẳng. Đây là căn cơ nhân tài rụng như lá mùa thu, và kẻ tuấn kiệt như sao buổi sớm. Đây là chất tủy của cuộc sống vùi đồng trong mê này đẩy các anh lính của ta ạ !

♦ Một mùi hương nồng tụ ở nơi nào ? Tôi đã không định cùng ai kể lể. Nhưng sao nghe buồn quá nơi đây. Tôi muốn kể lể cùng cây cùng cỏ bên ngoài vòng kẽm gai bao bọc đời này. Những người lính cỏ hoa chỉ có một câu chuyện.

Nhưng dầu vậy cũng làm sao kể hết ? Khi vừa kể xong một câu chuyện này thì lòng mình đã ở trong một tâm trạng khác, ta muốn kể câu chuyện khác... Câu chuyện miên man bất xả trú dạ...

♦ Những bạn ta, anh em ta, anh em cùng cha mẹ cũng như anh em cùng quê hương, người nào cũng hùng hổ hui hui xây tương lai... Nhưng một đôi lâu đài rực rỡ giữa vô số vụn vỡ, tối tăm thì là sao quê hương đẹp được?

Những người anh hay những người em đang được ung dung hái vòng nguyệt quế ở những nước ngoài, xin hãy hiểu câu chuyện “nguyệt hờn mây nhỏ lẻ”.

♦ Cho dù tôi không kể, thì câu chuyện buồn của người lính trận đã trăm người kể lể. Trời đã im lặng dạy ta đừng nói thành lời những gì ta thấy đẹp. Nhưng cảm nín thành đau. Và cũng chẳng đẹp gì khi ta không thấy

ta sẽ đi tới đâu được cả,..
. Trang sử đã hoen ố mười lăm năm.
“Ta không định sẽ cùng ai kể lẽ...”

Chỉ buồn quá ta viết lên cho đời sương bớt chiêm bao,
và hương nào xa nồng tụ trở về.
(KH số 90 ngày 4-2-1971)

Từ tạp chí Thời Tập...

(xin đọc TQBT số 65 chủ đề tạp chí Thời Tập)

CHƯ' HỒDRON VÀ PLEI-LASON

1. “Tôi đến một nơi gọi là Từ Lâm, xa xa toàn là núi, ngọn nọ ngọn kia không dứt, núi màu lam, buổi sáng buổi chiều mây bay sương phủ...” Hình ảnh làng Từ Lâm đó của Nhất Linh tôi có thể mượn để làm cái khung của những làng miền Tây Nguyên tôi từng được đi qua.

Nhớ lại đoạn đời làm lính biên cương, cùng những kỷ niệm rất “hoang vu” tràn ngập cái tâm tư bé bỏng co rút của một thị dân quẳng mình vào sơn dã, tôi không khỏi ngậm ngùi thấy rằng quả là Trời hành cái dân tộc Việt Nam lắm chuyện này.

Nếu không phải là bị Trời hành thì tại sao có một miền đất bao la tươi tốt như Tây Nguyên vậy, mà không mấy người chịu lên lập nghiệp, để rồi chen chúc nhau ở “phố phường chật hẹp người đông đúc”?

Ông Trần Tế Xương mỉm cười nói:

Lặng lặng mà nghe nó chúc con

Sinh năm để bầy được vương tròn

Phố phường chật hẹp người đông đúc

Bồng bế nhau lên chúng ở non...

Ông tưởng vậy mà thật ra lại không vậy. Bây giờ người ta lại bồng bế nhau về xuôi!

Nhưng tôi đã lạc đề. Trở lại những vùng đất Tây

Nguyên thơm cỏ lá... hương hoa... sương nắng...

Tôi đến một nơi gọi là Chư Hodron. Chư có nghĩa là đồi hoặc núi. Đồi Hodron cách Pleiku khoảng 7 km về phía Tây Nam. Nơi đây đúng là “buổi sáng buổi chiều mây bay sương phủ”. Có những chiều anh em chúng tôi lái xe nhỏ ra Pleiku chơi hoang một lát; khi về, sương chiều đã phủ mờ mịt đường đi, xe phải bật “pha” thật sáng mới từ từ chạy được... Sáng sớm có những hôm đến mười giờ mới tan mây. Lúc mây hòa cùng ánh nắng, nhìn phía chân trời như một mặt gương, hiện tượng này tôi chưa hỏi các nhà khí tượng học xem tại sao. Nhưng đẹp ời là đẹp. Đứng trên đồi Hodron lúc đó có cảm nghĩ như giữa cảnh Bồng Lai, nghĩa là một cảnh trong ảo mộng. Ảo vậy mà lại thật! Đang khi những cảnh đồi thật đó đây chỉ là ảo mộng! Khách đi xe qua quốc lộ 14 hoặc rẽ vào tỉnh lộ 59B để xuống quốc lộ 19 đều có thể nhìn thấy đồi Hodron mờ màng mây sương mộng ảo ấy.

Tuy nhiên những người tin dị đoan thì nói rằng Chư Hodron thường “quần vành khăn tang trắng”: ấy là những ngày trời quang, ở phía Pleiku nhìn về, đồi Hodron có một quang mây trắng ngang đỉnh. Lạ thay, Sư Đoàn 23 Bộ Binh và Sư Đoàn 22 BB đều có đóng ở đồi này trong năm 1973 và 1974, thì năm nay, 1975, hai sư đoàn này “gần như tan rã” vì những chuyện đầu đầu!!! Chưa hết, phi trường Cù Hanh của Pleiku cũng đã “cúng” vào đồi này mấy chiếc trực thăng và C47, các vị phi công sống sót mô tả ngọn đồi này như là có nam châm hút sắt. Sơn lâm vẫn giữ riêng một chút gì màu nhiệm.

2. Dưới chân đồi Hodron độ 1km5 là một làng nhỏ của người Thượng, nhưng nay có cả người Kinh đến ở; làng có cái tên của một danh nhân xưa: La Sơn Phu Tử

(có lẽ chỉ là một sự trùng tên). Plei tiếng Thượng là Làng (Buôn, Ban và Kon cũng là làng, đại khái như mình nói làng, xã, lý, hương...)

Plei La Sơn có một cái hồ nhỏ nước tốt quanh năm. Nhờ đó dân trong làng trồng trọt, chăn nuôi rất là sung túc. (Sung túc ở đây với nghĩa là có nhiều lương thực. Chứ tiện nghi thì chẳng có gì). Người Thượng trồng gì nhiều nhất? – Thơm và Chuối. Làng Plei La Sơn có những rẫy thơm mỗi mùa hái ít nhất cũng ba vạn trái. Còn chuối thì phải nói là “tùm lum” khắp làng.

Lạ thay, một rẫy thơm như vậy có năm, mười hoặc vài mươi gia đình chung nhau, nhưng không có hàng rào ngăn cách. Tới mùa, phân thơm trên đất của ai nấy bẻ; dù chỉ vói tay là qua cây thơm ngon ngọt của người láng giềng, họ cũng “tĩnh bơ” không bẻ. Nhiều quá, họ không thèm, hay lòng họ vẫn còn đầy chân thật?

Những hàng rào và những bức thành không bao giờ là dấu hiệu của sự tiến bộ đạo lý. Càng dựng lên những hàng rào (kể cả những hàng rào luân lý) là càng ngã đổ về đạo hạnh; càng dựng lên những bức thành (kể cả những thành quách đức lý) là càng đổ nát về tâm linh...

A, nhưng tôi đã lấn đất ông Khổng Khuru một cách “dò diên”. Hãy trở lại Plei La Sơn.

Hôm đó tôi vào thăm làng vào một ngày họ cúng mộ. Dân làng tụ tập ra chỗ nghĩa trang đầu làng, đem theo những ché rượu, phèo la, và trâu thịt.

Nói nghĩa địa quý vị đừng tưởng như khu đất gồm nhiều mộ như của mình. Nghĩa địa của họ toàn những nhà nho nhỏ bên ngoài chạm trổ hoa lá cảnh ngậy ngô nhưng khá mỹ thuật, bên trong để xác người chết bó gói cẩn thận.

Họ cúng bái làm sao đó tôi không rành lắm, nhưng xong rồi thì bày ra ăn thịt, uống rượu (rượu “cần” dĩ

nhiên), và đánh phèng la, “nhảy mọi” coi vui ra phết. Họ có mời chúng tôi không? Chắc quý vị hỏi thế. – Thừa không. Họ tỉnh bơ như người Ăng Lê, và rất giống cái điệu sống lảng giềng kiêu Saigon, Ba Lê, Nữ Ước, nghĩa là ai ở bên cạnh mà lạ, thì họ làm chi “mặc xác” họ.

3. Trời ơi, ngồi viết mấy giòng này mà tôi đôi lúc ngẩn ngơ khi nhớ lại những ngày qua lang thang rừng núi ấy! Quê Hương ta đẹp thế mà sao trời nỡ hành hạ dân tộc này nhiều nỗi truân chuyên khổ ải thế, không cho vui hưởng mây sớm sương chiều?

Phải chăng đây là huyền bí của núi sông như hình ảnh Chư Hodron quàng khăn mây trắng?

(Thời Tập số 23 tháng 4-75 chủ đề Văn chương trước tình thế mới)

THƠ NGUYỄN KIM PHƯỢNG



Khăn tím
sơn dầu trên canvas 16 x 20 in
đình hương

LTS: Cả đời làm thơ của thầy giáo Nguyễn Phú Long chỉ dành hầu hết cho Hoàng thị Bích Ni. Chúng tôi chỉ tìm một bài duy nhất ký Nguyễn Kim Phượng. Và đặc biệt nó chỉ dành cho người lính miền Nam sau khi nhà thơ mang bộ đồng phục. (TQBT)

Cỏ dút

“Em như hoa bay tôi cỏ đoạn”.
Mỗi phương trời có nghĩ về nhau?
Mùa thu sương lạnh poncho nhỏ,
Phương nhà xa mây ngủ có sầu?

Tuyến vẫn bình an, chưa thấy giặc,
Chỉ thấy lòng mình loạn nhớ thương
Súng vẫn chưa say mùi khói đạn,

Trời đêm hương cỏ quyện hoang đường.

*Co ro tìm ấm trong lều lạnh
Miên man đời vẫn ngủ mặn mà
Từng sợi gió buồn giăng trí nghĩ
Từng giọt sương buồn loang nhớ xa*

*Những phút mênh mang thao thức vậy
Mà say đời lính côi xa nhà...
Nhiều khi chạnh ngỡ tình yêu nhỏ
Cũng là tình quê hương thiết tha...*

*Thương hoa bay cỏ đoạn la đà...
(nguồn: Bách Khoa số 283 ngày 15-10-1968)*

thơ
HOÀNG THỊ BÍCH NI

nẻo cao

Những chiều Trường Sơn gió cao, gió nhớ
Sao người không về theo gió chiều nay
Cho em tình ấm vui hồn nhỏ
Đợi chờ nhiều, em giận cả ...mây bay

Những chiều buồn đường về lên dốc thẳng
Em ngỡ chừng đang về cửa trời cao
Mây nệm trắng êm đêm thân thể mỏi
Thông rừng xanh gọi gió nhớ lao xao...

Nhân gian nhỏ âm thầm vui kiếp sống:
Thung lũng chiều từng sợi khói lên sương
Hồn đau nhỏ em tủi đời hiu quạnh
Những ngày xanh anh biển biệt nẻo đường

Trường Sơn cao... Hồn quê hương lão đảo
Cây vượn trời và cỏ ngã đường xuôi
.....

Chiều bao la em đắm nhớ dáng người
Đường nẻo cao...buồn biết thuở nào người !

Cửa đất

Thôi anh rượu đắng, dừng tay lại !
Sương khóc vòn quanh bờ ly trong
Lạnh xuống bao la trong đáy cốc
Để em rót đổ giọt sau cùng

Đời cũng chợt nghiêng từng giọt xuống
Nhìn theo ngõ nước mắt trong lòng
Hào hoa khí phách bàn tay lạnh
Môi thắm đèn xanh bỗng sượng sùng

Ơ hay tường khói ngang lưng gió
Tắt ngấm lâu rồi lửa sớm xuân
Đường đi chợt tối ngang đầu ngõ
Lạnh theo mi mắt xuống rung rung

Thôi anh rượu đắng thôi đừng rót

Sương khuya chùng lạnh xuống vai em
Nhu đời băng giá trong đáy cốc
Người đi làm rượu đỏ nghiêng nghiêng.

Lối gió

chiều ngập ngừng gió về qua lối ngõ
tôi ngồi đây nghe sâu động vào hồn
trời thì rộng gió theo đường lối gió
ngõ đứng buồn nhìn nắng những hoàng hôn

vọng khơi xa biển chiều lên tiếng thở
tôi cúi đầu đếm ngón nhỏ bàn chân
nghe rừng xanh cũng lời về nhẩn nhủ
chiều xuống đây, cây lá động bằng khuâng

tình với đất bàn chân theo lối cỏ
nuơng diu nhau đi qua trọn cuộc đời
hồn thì mộng nuơng theo đường lối gió
diu nhau đi qua những nẻo chơi vơi

vòng tay ôm những tháng ngày hoang dại
tôi tựa hồn nhìn tuổi sống qua ngang
bên lề đường thương phận mình con gái
hồn bơ vơ không níu được dung nhan

thôi cũng đành. Còn chi mình phải khóc
với chiều đời ảo tượng đẹp mà thôi
chân trên đất, hồn theo trời đuổi mộng
gió trời cao xuống lay cỏ mộ đời.

Hoài vọng

Đó anh thấy viên sỏi này bỏ ngỡ
Nằm im đây ôm kín nỗi vu vơ
Bàn tay nhỏ em làm duyên nhạt lầy
Đời bỗng dung đẹp thương mến không ngờ

Anh bận bịu với nỗi niềm chán nản
Đưa hai tay chực xô ngã cuộc đời
Tha nhân đó vẫn sống sờ tàn nhẫn
Cho bàn tay anh quờ quạng chơi vơi...

Bởi chỉ muốn quay về tìm ảo tưởng
Chợt bàng hoàng máu ứa mới về tìm
Mà từ lâu tìm đời sao nín thở
Anh đau thương nhìn gót mỗi chân mềm

Thì nắm lấy tay em đây bé nhỏ
Trần gian này tìm giao ngộ yêu thương
Bằng nụ cười hoa tình yêu chớm nở
Xóa đau thương hoài vọng một thiên đường
(Mai số 6&7 ngày 15-1-66)

TRUYỆN DỊCH



tranh bút sắt của đình trường chính

NGHỆ SĨ NHỊN ĐÔI

F. KAFKA

Một trong những nhà văn Âu châu viết ít mà lại có ảnh hưởng nhiều ngang với A. Camus và L. Bonges, chính là Kafka, một nhà văn Do Thái lai Tiệp Khắc. Hai tác phẩm chính của ông là The Trial (1925) (Vụ Án) và The Castle (1926) (Thành Quách) đã đưa ông lên hàng một nhà văn lớn của thế kỷ 20. Hai tác phẩm này thực ra ông dặn là khi ông chết thì đốt đi, nhưng bạn ông là Max Brod đã trái lời, đem xuất bản vì thấy đó là hai

kiệt tác của nhân loại.

Truyện "Người Nghệ Sĩ Nhịn Đói" sau đây là một truyện hết sức lạ lùng Kafka đưa ra một ẩn dụ về vị trí của người nghệ sĩ trong xã hội, một xã hội mà Kafka cho rằng nguyên tính là Ác và càng ngày càng đi đến chỗ mọi rợ.

Có lẽ Kafka còn có một ẩn ý gì khác nữa, xin mời quý vị suy đoán qua truyện ngắn sau đây:

Trong những thập niên vừa qua cái thích thú trong nghề trình diễn nhịn đói rõ ràng giảm xuống nhiều. Ngày trước người ta thường trả rất hậu để được riêng xem những trò trình diễn vĩ đại, nhưng ngày nay không thể như thế được. Chúng ta sống trong một thế giới khác đi rồi. Có một thời toàn thể cả thành phố đều quan tâm một cách nhiệt liệt đến người nghệ sĩ làm trò nhịn đói, trong cuộc nhịn đói của anh ta càng ngày cái sự kích động càng lên cao; mọi người đều muốn ít nhất phải đến xem anh ta mỗi ngày một lần; có nhiều người lại mua vé bao hết những ngày sau chót và ngồi từ sáng đến tối trước cái lồng có chấn song của người nghệ sĩ nhịn đói; cả ban đêm cũng có những giờ người ta đến xem, nhất lại dưới ánh đuốc chớp chòe càng nhiều kích thích; còn vào những bữa đẹp trời thì cái lồng được để ra ngoài trời và thế là đặc biệt trẻ con xúm lại xem người nghệ sĩ nhịn đói; đối với *phụ huynh chúng* thì người nghệ sĩ đây chỉ là một trò đùa thời trang, nhưng đối với chúng, chúng là trẻ con, cứ đứng há hốc mồm ra xem, tay chúng nắm với nhau để đỡ sợ và chúng ngó anh ta một cách dị kỳ, trong khi anh ta vẫn ngồi yên, xanh xao trong bộ đồ đen chật bó lấy người, xương sườn nổi hẳn lên rõ rệt; mà anh ta không

ngồi trên ghế, lại ngồi dưới đất trên một ổ rơm, thỉnh thoảng lại gật đầu chào một cách lịch sự, mỉm cười hết sức nhã nhặn để trả lời những câu hỏi, hoặc thò một cánh tay ra khỏi chân song cho người ta sờ xem tay anh ta ốm đến chừng nào, rồi lại rút vào thản nhiên, chẳng quan tâm đến ai hay đến sự vật gì, kể cả đến tiếng gõ nhịp rất quan trọng của chiếc đồng hồ, là vật trang bị duy nhất trong chiếc lồng của anh ta; anh ta chỉ nhìn đắm đắm vào khoảng hư vô, đôi mắt lim dim, thỉnh thoảng nhấp một chút nước trong cái ly nhỏ cho ướt môi.

Ngoài những người đến xem bắt chợt, thì có những người thay phiên nhau thường trực canh chừng, do công chúng lựa chọn và lạ thay, những người canh chừng này thường là các tay hàng thịt, nhiệm vụ các người này là ngày đêm canh chừng người nghệ sĩ nhịn đói, xem anh ta có bí mật ăn uống gì không; cứ mỗi phiên là ba người. Đây chỉ là chuyện canh chừng cho có hình thức để làm quần chúng tin tưởng, chứ còn những người chủ trương việc đó họ cũng biết rõ rằng suốt trong thời gian trình diễn nhịn đói, nhà nghệ sĩ kia không bao giờ ăn một chút gì, dù trong hoàn cảnh nào đi nữa; dù bị ép phải ăn đi nữa; là vì danh dự nghề nghiệp cấm anh ta ăn như thế. Tuy vậy không phải người gác nào cũng hiểu được cái danh dự đó, nên có nhiều người gác đêm cố ý chèn ép trong việc gác chừng, cố ý xúm vào một góc nào đó đánh bài một cách say mê, ý rằng để cho người nghệ sĩ trình diễn nhịn đói kia có dịp ăn uống lén lút một chút gì mà anh ta giấu đầu đậy. Thật là không có gì làm khổ người nghệ sĩ bằng mấy ông gác đêm đó; họ làm cho anh khó chịu; họ làm cho anh ta cơ hồ không chịu nổi cơn nhịn đói; đôi khi anh ta phải hát ca lên không ngớt để dẫn

sự cảm dỗ, để chứng tỏ cho các người đó biết rằng họ làm. Nhưng vô hiệu. Các người đó càng lấy làm lạ là làm sao anh ta tài tình vừa nhịn ăn vừa hát. Người nghệ sĩ chỉ thích thú nhất là với các người gác đêm mà ngồi sát lại trước cái lồng, ánh đèn trong phòng chưa đủ cho họ vừa ý, họ còn dùng đèn pin để soi vào quan sát người nghệ sĩ. Ánh đèn pin chói lòa không làm người nghệ sĩ khó chịu chút nào; vì dù trong trường hợp nào thì anh ta cũng không thể ngủ được, cho dầu ánh đèn thế nào và dù lúc nào, và dù trong phòng đông người xem ồn ào đến đâu đi nữa, anh ta cũng chỉ buồn ngủ chút chút thôi. Anh ta hãnh diện nếu qua được một đêm mà không ngủ chút nào trước mắt người xem biết chú tâm đến anh ta; anh ta sẵn sàng làm trò cười cùng họ, kể chuyện cho họ nghe về cuộc sống vô định của anh ta, một cuộc sống không có gì có thể nói là làm cho họ thao thức cả và anh cho họ thấy là trong lồng của anh ta chả có gì ăn được cả và anh ta nhịn đói trình diễn như thế này họ khó mà làm theo cho được. Nhưng giờ phút thú vị nhất đối với anh ta là lúc sáng sớm ra, anh ta chịu trả tiền để đãi các người gác đêm một bữa điểm tâm đầy đủ, các người này đổ xô lại ăn một cách ngon lành sau một đêm thức mệt nhọc để canh chừng. Dĩ nhiên nhiều người lý luận rằng bữa điểm tâm này là một cố gắng không tốt, nhằm hối lộ các người gác đêm kia. Nhưng họ lý luận như vậy là đi quá xa, đến khi mời chính họ gác đêm, đừng cho họ ăn sáng như vậy thì họ lại chuồn mất, để rồi lại vẫn cứ nghi ngờ một cách ngoan cố.

Dù sao, những sự nghi ngờ như thế không thể không có đối với nghề nhịn đói biểu diễn. Bởi không ai có thể liên tục ngày đêm canh chừng người nghệ sĩ trình diễn nhịn đói, nên không ai có thể làm chứng hiển nhiên

rằng quả thật cuộc trình diễn nhịn đói đã tiếp diễn hết sức đứng đắn; chỉ có chính người nghệ sĩ trình diễn là tự biết điều đó, thành ra chỉ có mình anh ta là kẻ chiêm ngưỡng thỏa mãn nhất về cuộc trình diễn nhịn đói của mình. Tuy thế, có nhiều điều khác, anh ta lại không được thỏa mãn; như có lẽ không phải chỉ vì nhịn đói mà anh ta ốm gior xương, ốm đến nỗi nhiều người không dám nhìn, đành bỏ qua không dám xem cuộc trình diễn của anh ta, mà anh ta ốm xuống như thế có lẽ còn vì không được toại nguyện với chính mình nữa. Không có ai, ngoại trừ chính nhà nghệ sĩ kia, biết được rằng cái chuyện nhịn đói rất là dễ. Nó là việc dễ nhất trên đời. Nhà nghệ sĩ đã không dùng một bí quyết nào cả, thế nhưng thiên hạ lại không tin như vậy; giỏi lắm là họ tin rằng anh ta nói nhữn nhận thế thôi. Còn hầu hết thì nghĩ rằng anh ta nói như vậy là nói quảng cáo, hoặc là lường gạt, đã có một bí quyết nhịn ăn, rồi mới nói ầm lên nhịn ăn là dễ này nọ và trình diễn như thế. Nhà nghệ sĩ đã phải chịu đựng những nghi ngờ như thế, lâu rồi thành quen, nhưng trong thâm tâm sự bất mãn luôn luôn ngấm ngấm, và chưa bao giờ sau một cuộc trình diễn nhịn ăn mà anh ta đứng dậy rời khỏi chiếc lòng một cách thỏa mãn - hẳn thế! Cuộc trình diễn ở những đô thị lớn; và dĩ nhiên có lý do để ông bầu quyết định như vậy. Kinh nghiệm cho biết rằng trong khoảng bốn mươi ngày thì sự chú tâm của quần chúng hết sức là dễ kích động nhờ hiệu năng quảng cáo, nhưng sau khoảng thời gian đó thành phố bắt đầu mất dần sự chú tâm thích thú và sự nâng đỡ về mặt cảm tình mất dần đi rõ rệt, dĩ nhiên không phải đến nơi nào cũng thế, mỗi thành phố hay mỗi địa phương đều là có chút ít khác nhau, tuy nhiên lệ chung thì vẫn là trong giới hạn bốn mươi ngày. Tối ngày thứ bốn mươi,

chiếc lồng trang điểm nhiều hoa của nhà nghệ sĩ nhện đỏi đó được mở ra, các người xem đứng chật cả rạp, một dàn nhạc nhà binh thổi nhạc, hai vị y sĩ bước vào lồng để đo nghiệm những hậu quả của cuộc nhện đỏi, các hậu quả đó được đọc to lên máy phóng thanh, và cuối cùng có hai vị phu nhân quý phái, nét mặt tươi vui sung sướng vì được tuyên chọn danh dự, đến đỡ nhà nghệ sĩ bước xuống mấy bậc cấp tới một chiếc bàn nhỏ trên đó đã dọn sẵn một bữa ăn nấu cẩn thận hợp cho người còn yếu. Và cho đến lúc đó nhà nghệ sĩ vẫn tỏ ra chưa chịu. Anh ta có thể đưa đôi cánh tay gầy ốm ra cho hai vị phu nhân đang cúi xuống đỡ lên, nhưng còn chuyện đứng dậy thì anh ta không chịu đứng dậy. Tại sao lại phải ngưng trình diễn nhện ăn vào ngày thứ bốn mươi đặc biệt như vậy? Anh ta sẽ chịu đựng được một thời gian dài, một thời gian dài không giới hạn; tại sao bây giờ phải ngừng đang khi trình diễn hay nhất, hoặc nói cho đúng hơn đang khi chưa hoàn toàn nhện đỏi tới độ hay nhất? Tại sao người ta lường gạt anh, không cho anh được cái danh tiếng là nhện lâu hơn nữa, không cho anh được cái danh tiếng là một nghệ sĩ trình diễn nhện đỏi không những phá kỷ lục từ xưa tới nay mà còn phá được chính kỷ lục của mình bằng một cuộc trình diễn nhện ăn vượt ngoài sức tưởng tượng của con người, điều mà anh cảm thấy anh có thể làm được đến vô giới hạn? Công chúng giả bộ ngưỡng phục anh quá nhiều, mà tại sao họ không có chút ít kiên nhẫn cùng anh ta; anh ta có thể nhện ăn lâu hơn thì tại sao họ không chịu đựng xem anh lâu hơn? Và lại, lúc bấy giờ anh thấy mệt, ngồi trong ổ rơm bấy lâu dễ chịu, bây giờ phải đứng thẳng lên để đi dùng một bữa ăn mà chỉ nghĩ đến bữa ăn đó thôi anh ta đã thấy lợm giọng; cố gắng lắm và nhất là vì sự có mặt của hai vị phu nhân

kia, anh mới không nói điều đó ra. Và anh ta nhìn vào mắt hai vị phu nhân, hai người bề ngoài có vẻ thân ái nhưng thực ra rất độc ác, anh ta lắc đầu, chiếc đầu như quá nặng trên cái cổ không còn sức lực của anh ta. Đúng vào lúc đó thì điều luôn luôn xảy đến là: Ông bầu của anh ta bước tới, không nói không rằng gì cả - có nói thì ban nhạc cũng lấp mất tiếng nói - đứng trước mặt chàng nghệ sĩ, đưa hai tay lên trời, như muốn mời Thượng Đế hãy nhìn xuống đứa con của ngài trong ổ rơm đây, một kẻ có thể nói là tuần đạo - mà thực ra là kẻ tuần đạo thật dù có một ý nghĩa hoàn toàn khác lạ, rồi ông bầu ôm lấy cái eo tiều tụy của người nghệ sĩ, cẩn thận một cách quá đáng như thể rằng ý thức sự yếu đuối mong manh của nghệ sĩ; nâng anh ta lên giao cho hai vị phu nhân đang tái mặt và không quên bí mật lắc người nghệ sĩ một cái, buộc chân anh ta phải cử động bước tới và thân hình anh ta phải di chuyển. Bây giờ thì người nghệ sĩ hoàn toàn chịu khuất phục; đầu anh ta ngoẹo xuống ngực như nó vô tình mà ngoẹo xuống; thân hình anh ta hốc hác; hai chân anh ta giựt giựt để cố đứng vững, hai đầu gối như dính lại nhau; thế mà cũng quèo quào trên mặt đất như thể đất nghiêng ngả và hai chân anh ta như đang tìm một miền đất vững vàng; toàn thể sức nặng của thân thể anh ta - thực ra chỉ nhẹ như lông - khụy tựa lên một vị phu nhân, vị phu nhân này nhìn quanh để cầu cứu và hơi thở có phần hỗn hên - nàng không ngờ cái vị trí danh dự lại là như thế - trước hết nàng ngửa cổ để tránh cho cái mặt mình khỏi chạm tới người nghệ sĩ, rồi thấy không tránh được, mà người bạn gái cùng với mình cũng tay đang run run để đỡ cái bộ xương nghệ sĩ, nàng liền bật lên khóc trước sự đang vui của mọi người và thế là phải đưa một vị phu nhân khác, đã đợi sẵn từ lâu vào thay

nàng. Rồi tới bàn ăn, ông bầu tìm cách đưa chút đồ ăn lên mời người nghệ sĩ trong khi anh ta ngồi im như trong một cơn xuất thần ngây ngất và dàn nhạc thì trỗi lên âm ỉ như để làm xao lãng bớt sự chú tâm của công chúng đang để ý đến tình trạng sức khỏe của người nghệ sĩ; sau đó, dường như là do người nghệ sĩ nói khê vào tai ông bầu, một ly rượu được anh ta nâng uống chúc mừng công chúng; dàn nhạc lúc đó trỗi lên một điệu hết sức rộn rã, các người đi xem lần lượt tan dần và không ai vì lẽ gì mà chẳng vừa ý được, ngoại trừ chính chàng nghệ sĩ trình diễn nhin đôi, luôn luôn chỉ một mình anh ta là không mãn nguyện.

Cứ thế qua bao năm, trừ những khoảng ngắn đều đặn để phục hồi sức khỏe, còn thì người nghệ sĩ trình diễn nhin đôi sống trong vinh quang trông thấy, sống trong sự được thế giới cảm phục; thế mà tinh thần anh ta vẫn bức bối và càng bức bối vô cùng là không ai coi điều bức bối của anh ta là điều quan hệ. Vậy anh ta cần sự an ủi gì? Anh ta ao ước điều gì hơn nữa? Một người bộc trực nào đó, giá mà cảm thấy thương hại anh ta, đến để an ủi anh ta bằng cách chỉ cho anh ta thấy rằng nỗi buồn trong lòng anh có lẽ do sự nhin đôi mà ra; thì anh ta sẽ bùng bùng nổi giận, nhất là ngay lúc mà anh ta đã nhin đôi được một thời gian, và thế là anh ta rung lắc những chấn song của chiếc lồng, trông tựa một con thú dại. Tuy nhiên ông bầu anh ta có một cách trừng phạt những cơn nổi giận đó và ông rất thú vị mỗi khi đem ra thi hành cách trừng phạt này. Ông ta sẽ xin lỗi công chúng về thái độ nổi giận của người nghệ sĩ, nói là thái độ đó đáng tha thứ và nói là do ở sự nhin đôi gây ra; người ăn uống no đủ khó mà hiểu được tình trạng của anh ta; rồi, một cách rất tự nhiên ông bầu bắt qua nói về cái tính khoe khoang khó hiểu của người

nghệ sĩ dám quyết rằng có thể nhìn đối lâu hơn thời gian anh ta đã thực hiện được; ông bầu không phải là không ca ngợi cái ước vọng cao xa, cái thiện chí, cái sự quên mình cao cả hàm chứa trong sự khoe khoang của người nghệ sĩ, nhưng ông đưa ra những bức hình, những hình này cũng để bán cho công chúng, chụp hình ảnh người nghệ sĩ nhìn đối ở ngày thứ bốn mươi nằm trên một cái giường, trông kiệt lực gần chết. Chuyện giải thích sự thật một cách sai bậy như thế tuy người nghệ sĩ chịu đựng quen rồi, nhưng bao giờ cũng cứ làm cho anh ta thêm một lần cảm thấy bất hoại. Cái hiệu quả của việc sớm ngưng cuộc trình diễn nhìn đối của anh ta, lại bị trình bày ở đây như là nguyên nhân! Chiến đấu chống lại sự thiếu hiểu biết như thế, chống lại cả một thế giới không hiểu biết như thế, là một điều vạn nan. Thỉnh thoảng có khi người nghệ sĩ cố tin tưởng, bèn vịn chân song đứng lên nghe ông bầu của mình nói, nhưng đến khi những bức hình được đưa ra thì anh ta đành thở dài ngồi phịch xuống đồng rơm và đám công chúng bị thuyết phục bởi ông bầu liền đến gần để quan sát người nghệ sĩ một lần nữa.

Mấy năm về sau này khi những người đã từng chứng kiến các cảnh trên, nhớ lại các cảnh đó, họ cũng không thể nào hiểu chính mình ngày đó chút nào. Là vì, như đã nói lúc đầu có một sự đối khác trong quan niệm thưởng thức của công chúng; sự đối khác đó tựa như xảy ra chỉ qua một đêm; hẳn phải có những nguyên nhân sâu xa của nó, nhưng ai bận tâm làm gì để biết; một ngày đẹp trời, người nghệ sĩ trình diễn nhìn đối bấy nay được quý mến bỗng hôm nay thấy bị bỏ lơ, những người đi tìm vui lạnh lùng đi lướt qua trước mặt anh ta để tìm những thú hấp dẫn hơn. Lần cuối cùng, ông bầu của người nghệ sĩ trình diễn nhìn đối đã đưa

anh ta đi vội vã qua gần khắp nửa Châu Âu để xem đó đây họa chằng còn sống dậy cái quan niệm thường thức cũ kia chằng; nhưng vô ích; khắp nơi như tuồng theo một sự đồng tình bí mật đều rõ ràng từ khước thường thức trò trình diễn nhện dơi. Dĩ nhiên, thực ra thì sự kiện không thể nào xảy ra đột ngột nhanh như vậy, đã có những triệu chứng báo trước, nhưng trong lúc còn thành công rực rỡ, những triệu chứng đó đã không được nhìn thấy ra, hoặc đã bị át đi, bây giờ hồi tưởng lại thì thấy rõ nhưng đã quá chậm trễ mà có biện pháp đối phó. Có thể rằng trong tương lai trò trình diễn nhện dơi lại được thịnh hành nhưng điều đó chẳng có gì an ủi được những kẻ đang sống bây giờ về nghề đó. Thế rồi, người nghệ sĩ trình diễn nhện dơi phải làm việc gì đây? Anh ta từng được hoan hô đã nhiều trong đời, thì khó mà hạ mình trình diễn trong một quán nhỏ bên đường vào những lần hội chợ làng; còn tập một nghề mới khác thì không những anh ta đã lớn tuổi mất rồi, mà còn đã quá lỡ hiển mình cho nghề trình diễn nhện dơi. Thành thử anh ta phải từ giã ông bầu của mình, cũng là một người bạn nghề, để đến làm việc cho một gánh xiếc lớn; anh ta đã không đọc hết các điều kiện trong bản giao kèo ký với gánh xiếc, để tránh những cảm xúc của riêng anh ta.

Một gánh xiếc lớn có sự sắp xếp và tuyển mộ người, vật, dụng cụ... một cách quy mô, thì luôn luôn lúc nào cũng có thể thu dụng một người, dù là một nghệ sĩ trình diễn nhện dơi, miễn rằng người đó đừng đòi hỏi gì quá nhiều; và trong trường hợp người nghệ sĩ này, không những người ta thu dụng anh, mà thu dụng cả cái danh tiếng có được từ lâu của anh. Thật vậy, xét tính chất riêng biệt trong sự trình diễn của anh ta, thì thấy không hề kém đi vì tuổi tác; người ta không thể

nói rằng anh ta là một nghệ sĩ đã về già, không còn đạt tới mức tuyệt đỉnh của khéo léo nghề nghiệp, muốn tìm một chỗ an thân trong gánh xiếc; mà trái lại, người nghệ này còn quả quyết rằng anh ta có thể trình diễn nhện đói giỏi như bao giờ, một điều quả quyết hoàn toàn tin được. Anh ta còn quyết rằng nếu được phép nhện đói theo ý muốn - điều này khó nhọc gì mà người ta không hứa chấp thuận cho anh ta - thì anh sẽ làm ngạc nhiên mọi người bằng cách ghi một kỷ lục chưa từng có; một lời quyết như thế hẳn gây ra một cái cười mỉm giữa những kẻ chuyên nghiệp khác, vì người nghệ sĩ tỏ ra không quan tâm đến sự thay đổi trong quan niệm của quần chúng; trong lúc hăng say anh ta đã quên sự thay đổi kia.

Tuy nhiên, thực ra anh không mất ý thức về hoàn cảnh thực tại, và anh ta coi như một điều dĩ nhiên rằng anh ta và chiếc lồng của anh ta sẽ được đặt không phải giữa sân khấu để lôi cuốn sự chú tâm, mà được đặt bên ngoài, gần những lồng nhốt thú vật, một nơi làm sao cho dễ tới gần. Những tấm bảng quảng cáo lớn, vẽ màu sắc vui tươi làm thành một cái khung cho cái lồng và báo hiệu cho người xem biết trong lồng có gì. Khi công chúng đi ra ngoài rạp để giải trí trong thời gian cách quãng của các phân trình diễn, họ đến xem các con thú thì phải ngang qua chỗ cái lồng của người nghệ sĩ trình diễn nhện đói, họ dừng lại xem một lát. Nhưng họ không thể đứng lại xem lâu vì phía sau có nhiều người ùn tới, ai cũng nôn nóng xem các con thú của gánh xiếc, thành thử không ai đứng cản đường đặng mà mãi mê xem người nghệ sĩ nhện đói. Chính vì lý do đó mà người nghệ sĩ thay vì chờ mong giờ phút khán giả đến xem này, như một sự chờ mong thể hiện nghề nghiệp của mình, thì lại rùng mình ghê sợ khán

giả. Lúc đầu anh ta đã hồi hộp đợi cái thời gian khán giả nghỉ giải lao kia, thấy khán giả đi về phía anh ta, anh ta rất lấy làm thú vị, thế rồi liền sau đó, dù ngoan cố tự lừa phỉnh thế nào, anh ta cũng phải nhận ra rằng hầu hết các khán giả không trừ một ai, xét theo các cử động của họ thì họ chủ tâm đi về phía có nhốt các thú của gánh xiếc. Lúc nhìn thấy họ đằng xa thì còn đỡ, chừng họ tới gần cái lồng của người nghệ sĩ thì anh ta điếc tai lên vì tiếng ồn ào om sòm của họ, cãi cọ nhau giữa hai nhóm, một nhóm muốn dừng lại ngắm xem người nghệ sĩ trình diễn nhện đói, một nhóm muốn đi thẳng tới xem các con thú. Anh ta ghét cái nhóm thú nhất vì họ dừng lại xem không phải vì thích thú mà vì ương ngạnh trong vị trí của họ. Khi cái đám đông ồn ào này qua hết rồi, thì có một số người lẻ tẻ đi tới, lẽ ra không có gì cản ngăn các người lẻ tẻ này đứng lại lâu để xem người nghệ sĩ trình diễn nhện đói, thế mà họ cũng không đứng lại xem, mà còn như không để mắt đến nữa là khác, cứ vội vã bước nhanh về phía các con thú của gánh xiếc cho kịp xem. May đâu thì cũng chỉ có một người cha dẫn mấy đứa con dừng lại trước lồng người nghệ sĩ, trở vào người nghệ sĩ trình diễn nhện đói và giải thích cho các con ông ta một cách rành mạch về ý nghĩa của hiện tượng trình diễn nhện đói, kể cho chúng nghe những câu chuyện của những năm trước, hỏi chính ông ta từng xem những vụ trình diễn như thế này nhưng hồi hộp hơn; mấy đứa trẻ vẫn chưa hiểu, vì ở trong trường hoặc ngoài đời chúng chưa được dạy cho hiểu gì về ý nghĩa của sự nhện đói cả - tuy nhiên qua các cặp mắt sáng ngời và chăm chú của mấy đứa trẻ, thì có thể là những thời kỳ mới và tốt đẹp hơn sắp đến với người nghệ sĩ. Nhiều lần nhà nghệ sĩ đã tự nhủ rằng có lẽ sự việc hẳn tốt đẹp hơn nếu cái lồng của anh

ta không để quá gần với các lồng nhốt các con thú của gánh xiếc. Để gần như thế, như thế, người nghệ sĩ chịu đựng khổ sở cái mùi hôi hám của thú vật, cái ồn ào cựa quậy suốt đêm của chúng, cái cảnh tượng người ta đem thịt tươi đến cho các con vật ăn, cái tiếng hét kêu của chúng khi được cho ăn v.v... đều làm cho người nghệ sĩ khôn đồn miên man. Nhưng anh ta không dám than phiền với ban quản lý; dù sao thì cũng nhờ có các con thú đó mà khán giả mới đi ngang qua lồng của anh ta, trong đám khán giả đó thỉnh thoảng có người chú ý đến anh ta; và nếu anh ta kêu ca than vãn để người ta chú ý đến sự hiện hữu của anh ta, một sự hiện hữu mà nói cho đúng ra như là một trở ngại trên lối đi đến xem các con thú, thì người ta sẽ lại đem anh bỏ vào một góc xó nào ai biết!

Một trở ngại nhỏ, hẳn nhiên là thế; và là một trở ngại nhỏ càng ngày càng nhỏ đi. Người ta đã quen với cái ý tưởng lạ lùng rằng họ bị yêu cầu phải chú tâm đến người nghệ sĩ trình diễn nhện dơi, chính vì quen nghĩ tưởng như thế mà thành ra họ chống lại anh ta. Anh ta cố gắng nhện được cho thật lâu, nhưng rồi vô vọng, người ta đi qua không chú tâm đến anh ta nữa. Làm sao giải thích cho ai nghệ thuật nhện dơi! Không ai thích nữa thì ai hiểu nữa! Các tấm bảng quảng cáo càng ngày càng bản và hầu như không còn đọc được vì bị hư nhiều chỗ; tấm bảng ghi số ngày đã nhện được thì lúc đầu người ta cẩn thận thay đổi hàng ngày, nay cứ nằm ỳ với nguyên một con số, vì sau vài tuần dường như không ai làm cái việc thay bảng đó nữa; thế là người nghệ sĩ chỉ có việc cứ tiếp tục nhện dơi như đã từng mong muốn; anh ta đã từng bảo là nhện dơi bao lâu cũng không sao; thế nhưng chẳng ai đếm giúp số ngày cho anh ta, chính anh ta cũng không biết mình

ghi được kỷ lục là bao nhiêu ngày rồi; nghĩ tới đó chột lòng anh ta nặng chùng xuống. Thằng hoặc có một người nào lững thững đi ngang qua, đứng lại cười ngạo với con số cũ mềm ghi trên bảng và chơi cái trò ghi một con số lường gạt vào, thì đó là một cái trò ngu si vô ý thức nhất, vì chính ra không phải người nghệ sĩ lường gạt; anh ta đã trình diễn hết sức của mình, để người đời chơi xí gạt công lao của anh mà thôi.

Nhiều ngày trôi qua, sự việc phải đến một lúc cuối. Một hôm một người giám thị trong đoàn xiệc chột mắt đến cái lồng của người nghệ sĩ, và ông ta hỏi các người làm trong đoàn rằng tại sao cái lồng còn tốt kia lại để làm gì một cách vô dụng với đồng rơm bần trong đó vậy; chẳng ai biết để trả lời ông ta cả, cho đến khi một người nhìn thấy tấm bảng dơ bẩn, sực nhớ ra có người nghệ sĩ trình diễn nhện đói. Họ liền lấy cây thọc vào đồng rơm và thấy người nghệ sĩ trong đó. Người giám thị hỏi: "Anh còn nhện đói à? Chùng nào thì chịu dừng lại?" Nhà nghệ sĩ thì thầm rất nhỏ, chỉ có người giám thị đề tai sát vào chân song là nghe: "Xin mọi người tha lỗi". Người giám thị một ngón tay đập đập lên trán mình để có ý cho các người đứng đầy biết tình trạng của người nghệ sĩ và nói: " Dĩ nhiên chúng tôi tha thứ cho anh". Người nghệ sĩ nói: "Tôi luôn luôn muốn các ông phải phục sự nhện đói của tôi". Người giám thị nói một cách hòa nhã: "Chúng tôi phục lắm"... Người nghệ sĩ lại nói: "Nhưng ông không nên phục lắm". Người giám thị bảo: "À, thế thì chúng tôi sẽ không phục lắm, nhưng tại sao chúng tôi lại không nên phục lắm?" Người nghệ sĩ nói: " Là tại vì tôi phải nhện đói, chứ không làm sao hơn". Người giám thị nói: "Anh bạn là người thật lạ, thế tại sao anh không thể làm khác hơn?" Người nghệ sĩ hơi ngẩng đầu lên, môi anh ta hơi

chu ra như để hôn và nói từng tiếng một vào tai người giám thị: "Là tại vì tôi không tìm được thứ thực phẩm tôi thích. Chứ nếu tìm được thực phẩm tôi thích, thì ông cứ tin tôi đi, tôi không làm điều bộ gì đâu, tôi ngoan như ông hay như mọi người ngay!" Đây là những lời nói cuối cùng của anh ta, nhưng trong đôi mắt lơ mờ của anh ta vẫn còn sự cương quyết, tuy hết sự kiêu hãnh, cương quyết tin tưởng rằng anh ta vẫn tiếp tục nhịn đói.

"Thôi, dọn sạch cái này đi!" Ông giám thị nói xong, mọi người đào chôn người nghệ sĩ, luôn cả rơm anh ta đang lót ngồi. Rồi họ đem một con báo con nhốt vào cái lồng đó. Dù một người lạnh lùng thế nào cũng thấy vui tươi khi nhìn con vật hoang dại nhảy tung tung trong lồng, cái lồng bấy lâu nay buồn thảm. Con báo con coi bộ hay quá. Các người làm không ngần ngại mang ngay thức ăn thích thú của nó đến cho nó; mà nó dường như không mất mát gì sự tự do của nó cả; cái thân hình quý đẹp của nó như chứa đầy đủ tất cả gì cần thiết, như đi tới đâu mang tự do tới đó; đầu đó trong cái hàm của nó như ứng lửa; và từ cổ họng nó như tiết ra dòng sống vui đến nỗi như làm cho các người xem khó chống nổi cảm dỗ. Họ kết chặt tay nhau đứng chung quanh cái lồng không muốn bỏ đi.

NGUYỄN KIM PHUƠNG dịch

Chú thích: (°) *Truyện này dịch theo bản Anh ngữ, trích trong tập The Pena Colony của Kafka, do Abraham H. Lass và Leonard Kriegel tuyển chọn cho tập "Master Of The Short Story" nhà NAL in tháng 6 năm 1971, trang 317-325.*



BA NGƯỜI THÁNH THIỆN

LEO TOLSTOY

NGUYỄN-KIM PHƯỢNG dịch

Hơn nữa, khi con nguyện cầu, con đừng dùng nhiều câu để đọc như những kẻ tà giáo, họ tưởng nhờ nói hay mà kẻ khác nghe theo. Con đừng như vậy, Cha trên trời đã hiểu rõ những gì con cần thiết trước khi con cất lời cầu nguyện (Matthew, VI, 7, 8)

Một vị giám mục đi tàu thủy từ Arkhangelsk đến Sololetok. Trên tàu còn có những người hành hương đi thăm thánh địa. Thuận gió, trời trong và nước yên. Những kẻ hành hương xúm nhau nói chuyện, kẻ nằm, người ăn, kẻ ngồi, người nói... Vị giám mục cũng đi đi lại lại trên sân tàu. Gần chỗ mũi tàu ngài thấy một nhóm người đang yên lặng nghe một người đàn ông kể chuyện, anh ta đang chỉ một cái gì ngoài biển xa. Vị giám mục - dừng lại nhìn ra chỗ mà người đàn ông đã chỉ xem thử có gì, nhưng chỉ thấy nước lóng lánh, không có gì nữa cả. Vị giám mục đi gần lại đám người để nghe. Nhưng thấy ngài, người đàn ông ngả mũ chào và im lặng. Mấy người kia thấy vị giám mục thì cũng cất mũ và cúi đầu chào.

Vị giám mục liền bảo: “Ta đến nghe các con nói chuyện gì, cứ nói đi, đừng ngắt chuyện.”

Một thương gia bạo dạn nhất liền thưa:

- Dạ, người đánh cá này vừa kể cho chúng con nghe ba người đàn ông già thánh thiện.

Vị giám mục hỏi:

- “Chuyện gì vậy? Kể cho ta nghe xem. Con đang chỉ cái gì ngoài kia vậy?”

Vị giám mục đến chỗ bao lon tàu và ngồi trên một cái thùng gỗ.

Người đàn ông kể chuyện liền chỉ ra phía trước, bên tay phải và nói:

- Những hòn đảo nhô lên phía xa kia. Dạ có hòn đảo mà ba ông già thánh thiện đang ở, lo cứu rỗi linh hồn.

Vị giám mục hỏi:

- Những hòn đảo nào đâu?

- Dạ, cha ngó chỗ tay con chỉ đó, chỗ có đám mây, ngay phía dưới bên trái đám mây đó, dạ, Cha thấy một vệt nhỏ đó.

Vị giám mục nhìn, nhìn kỹ, mặt nước lấp lánh, nhưng mắt ngài chưa quen chẳng nhìn thấy được gì. Ngài nói:

-Ta có thấy gì đâu. Những ông già sống trên đảo là người gì vậy?

- Dạ là những vị thánh. Con nghe nói lâu rồi, cho đến năm ngoái con mới thấy tận mắt.

Và người đánh cá kể lại chuyện anh ta đi đánh cá, bị đánh tạt vào bờ cát hòn đảo, anh ta không biết là đâu. Sáng sớm ra mới đi loanh quanh thì gặp căn nhà đất. Một ông già đứng cạnh căn nhà, rồi thì trong nhà có hai ông nữa đi ra, họ cho anh ta ăn uống, hơ áo quần và giúp anh ta sửa lại chiếc ghe.

Vị giám mục hỏi:

- Trông họ như thế nào?

- Dạ một người thì nhỏ, khom lưng xuống và già lắm, ông ta mặc một cái áo rộng, và có lẽ già hơn trăm tuổi, râu bạc xám của ông lại trở màu đen xanh lại, ông ta mỉm cười và vô tư như một thiên thần. Một người nữa thì cao lớn hơn và cũng già lắm, ông ta mặc chiếc áo khoác ngoài đã rách, tóc bạc và có sợi vàng. Ông ta rất

mạnh, ông ta cầm mũi ghe của con mà xoay lại như không, và ông ta cũng vui vẻ lắm. Ông già thứ ba thì cao lớn, râu dài và trắng bạc như mặt trăng, xuống tới tận đầu gối, ông ta có vẻ ưu sầu, lông mày sát mắt và chỉ choàng một chiếc khăn vải bố quanh người.

Vị giám mục hỏi:

- Họ có nói chuyện với con không?

– Dạ họ gần như là chẳng nói gì với nhau, chỉ im lặng làm việc. Người này chỉ cần đưa mắt nhìn, tức thì người kia hiểu ngay. Con hỏi ông già cao lớn xem ông ta ở đây lâu chưa, ông ta liền nhú mày, nói gì lắm bầm và như giận, nhưng ông già thấp liền cầm tay ông già cao, mỉm cười, ông già cao im lặng ngay. Ông già thấp, người già nhất mới nói:

- Xin tha lỗi bọn tôi.

Và ông ta mỉm cười.

Trong khi người đánh cá kể chuyện, thì chiếc tàu đi gần lại phía hòn đảo hơn.

Một người thương gia nói:

- Chừ đã thấy rõ hơn, Cha xem.

Và anh ta chỉ ra xa.

Vị giám mục nhìn theo, và ngài thấy một vật nhô lên – hòn đảo. Ngài nhìn và nhìn, rồi ngài từ đầu tàu đi tới cuối tàu và hỏi chuyện người đi tàu.

Ngài hỏi: - Đảo gì ngoài xa kia vậy?

- Dạ không có tên, biết bao là đảo như vậy, dạ.

- Có thật tại đó có ba người đàn ông thánh thiện cứu rỗi linh hồn không?

- Thưa Ngài, dạ, họ kể vậy, con cũng không rõ có đúng không. Mấy người đánh cá họ nói họ thấy, nhưng có thể là họ bày chuyện vậy.

Vị giám mục nói:

- Ta muốn ghé đó xem ba người thánh đó. Làm sao để

đến đó?

Người lái tàu thưa:

– Dạ tàu lớn thì không thể được, đi ghe thì có thể. Dạ, Ngài hỏi thuyền trưởng.

Thuyền trưởng được mời đến. Vị giám mục hỏi:

- Cha muốn gặp để xem những ông già thánh thiện kia, xem có đến được chăng?

Vị thuyền trưởng tìm lời để tháo lui:

- Dạ được, nhưng mà mất thì giờ lắm, cha cho phép con nói, chứ thật dạ không đáng phải thăm mấy người đó. Con nghe người ta bảo rằng mấy ông già ấy ngu khờ lắm, họ không hiểu chi cả đâu ạ, họ không có biết nói chuyện hơn con cá dưới biển nữa.

Vị giám mục bảo:

- Cha muốn biết họ. Con đưa cha đến đó. Rồi cha sẽ trả tiền cho cuộc hành trình ấy.

Lệnh được ban ra, buồm đổi hướng. Người lái tàu cho tàu quay về hướng hòn đảo kia. Một chiếc ghế được đặt nơi mũi tàu cho vị giám mục. Ngài ngồi và xem chừng. Mọi người cũng tụ tới và nhìn ra hòn đảo. Những người tinh mắt đã thấy được đi và căn nhà trên đảo, lại có người thấy cả ba ông già. Vị thuyền trưởng lấy ống nhòm ra xem, rồi đưa qua vị giám mục, Vị thuyền trưởng nói:

– Dạ đúng rồi, cả ba người đàn ông đang đứng trên bờ phía bên phải tảng đá lớn.

Vị giám mục hướng ống nhòm và nhằm về phía đảo. Thật vậy: ba người đàn ông đứng nơi đảo, một người cao, một người thấp hơn và một người rất nhỏ. Cả ba đang đứng nắm tay nhau.

Vị thuyền trưởng đến bên vị giám mục và thưa:

- Dạ phải ngừng tàu đây, thưa cha chúng con bỏ neo

đây và Cha có thể dùng thuyền để vào bờ. Tàu bỏ neo, hạ buồm, đứng giựt lại và rung rinh. Rồi thuyền được hạ xuống, mấy tay chèo vào thuyền, vị giám mục cũng leo thang xuống thuyền. Ngồi trên ghế giữa thuyền, các tay chèo cho thuyền lướt về phía đảo. Khi còn cách độ chừng ném một viên đá, họ thấy ba ông già đứng nơi đảo: một người cao lớn thì ở trên chỉ mang cả một băng vải bố ngang lưng; một người thấp hơn, mặc chiếc áo rách, và một người rất già, khòm xuống, mặc chiếc áo rộng đã cũ. Cả ba nắm tay nhau.

Mấy tay chèo cho thuyền ghé bờ và móc thuyền lại đậu sát. Vị giám mục bước ra, ba người đàn ông cúi đầu chào. Vị giám mục làm dấu thánh và ban phước lành, ba người càng cúi thấp hơn. Rồi vị giám mục bảo:

- Các người thánh thiện, ta nghe các người ở đây, lo cứu rỗi linh hồn và cầu Chúa cho nhân loại. Và ta, nhờ ơn Thiên Triệu, ta là tôi tớ Chúa Christ thờ phượng Chúa, chăn dắt đàn con của Chúa. Nên ta muốn gặp các người, tôi tớ Chúa, và nếu được, ta chỉ vẽ cho các người.

Cả ba người đàn ông im lặng. Họ nhìn nhau và mỉm cười. Vị giám mục hỏi:

- Các người thử nói ta nghe làm sao các người cứu rỗi được linh hồn mình và thờ phượng Chúa cách nào?

Người đàn ông không cao không thấp thờ dài và nhìn người đàn ông nhỏ già nhất. Người đàn ông cao lớn thì nhú mày và cũng nhìn người già nhất. Người già nhất mỉm cười và nói:

- Chúng tôi không biết phụng thờ Chúa thế nào, thưa Ngài tôi tớ của chúa; chúng tôi chỉ phụng sự và lo ăn cho chúng tôi thôi.

Vị giám mục hỏi:

- Nhưng các người cầu nguyện Chúa như thế nào?

Người già nhất nói:

- Chúng tôi cầu nguyện như thế này? Lạy Chúa có ba ngôi, chúng con có ba người, xin thương xót chúng con...

Và vừa khi người già nhất nói như vậy thì cả ba người già ngược mặt lên trời và cùng nói: “Lạy Chúa có ba ngôi, chúng con có ba người, xin thương xót chúng con”.

Vị giám mục mỉm cười và nói:

– Các người cũng biết rõ Ba Ngôi rồi đó, nhưng không phải nguyện cầu theo cách đó. Ta mến các người, những người thánh thiện, ta hiểu các người muốn thờ phượng Chúa nhưng các người không biết cách. Các người cầu nguyện theo lối đó thì không phải. Hãy nghe ta bày vẽ. Điều ta bày vẽ đây không phải ta đặt ra, mà là lời Chúa dạy mọi người muốn cầu nguyện Chúa, theo Thánh Kinh đã dạy.

Và vị giám mục kể cho ba người kia nghe Chúa đã biến hiện như thế nào. Ngài giảng cho ba người nghe về Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Thần, rồi ngài nói:

– Đức Chúa Con xuống trần để cứu nhân loại và đây là cách Chúa dạy mọi người cầu nguyện. Hãy nghe và lặp lại theo ta.

Vị giám mục đọc: “Lạy Cha”. Một ông già lặp lại: “Lạy Cha”. Ông già thứ hai lặp lại: “Lạy Cha”. Ông già thứ ba lặp lại: “Lạy Cha”.

Vị giám mục lại đọc: “Cha ở trên trời”. Mấy ông già lặp lại: “Cha ở trên trời”.

Nhưng người không cao không thấp nói vấp cả chữ, không đúng nguyên. Còn người ở trần, cao lớn, thì không đọc đúng được, râu ông mọc kín miệng nên ông

không nói rõ được. Ông già nhất. không có răng thì lắp bắp lắp bắp.

Vị giám mục đọc lại. Mấy ông già lại lắp lại. Vị giám mục ngồi xuống trên một tảng đá, mấy người già đứng quanh. nhìn vào miệng vị giám mục và lắp lại những gì Ngài nói. Vị giám mục tập cả ba người cho đến tối. Ngài tập một chữ. Có khi mười, hai mươi, một trăm lần, và mỗi lần, mấy người già đều lắp lại. Mỗi khi họ sai Ngài lại chữa và bắt đầu lại, tập lại.

Vị giám mục tập cho họ xong cả bài Cầu Nguyện Chúa mới thôi. Bắt họ đọc lại hết theo vị giám mục, rồi đọc lại hết tự mình. Người không cao không thấp là người thuộc trước hết. Vị giám mục bảo người đó đọc lại nhiều lần, cho đến lúc cả ba cùng đọc được.

Trời đã tối, trăng mọc, vị giám mục mới đứng dậy về tàu. Khi vị giám mục đi, cả ba ông già cúi đầu chào sát đất. Ngài bảo họ đứng dậy và ôm từng người và dặn họ cầu nguyện như Ngài đã bày. Rồi ngài lên thuyền về tàu.

Lúc hướng thuyền về tàu, vị giám mục nghe ba ông già cầu nguyện đằng sau. Lên tàu rồi thì không còn nghe được nữa, nhưng vẫn còn thấy được họ, họ vẫn đứng nguyên một chỗ trên bờ: người thấp nhỏ nhất ở giữa, người cao lớn nhất bên phải và người không thấp không cao đứng bên trái.

Vị giám mục lên tàu rồi thì tàu nhỏ neo, dừng buồm, và gió căng buồm, tàu đi. Vị giám mục đến ngồi chỗ đuôi tàu nhìn lại hòn đảo. Ban đầu còn thấy được ba người già, sau họ biến mất chỉ còn thấy đảo, rồi đảo cũng biến mất, chỉ còn biển bao la, nhấp nhô dưới ánh trăng.

Những người hành hương nằm ngủ cả, mọi vật im lặng trên boong tàu. Song vị giám mục không thấy muốn

ngủ. Ngài ngồi một mình nơi đuôi tàu, nhìn nơi chỗ biển mà hòn đảo đã biến đi, và ngài nghĩ ngợi về ba người đàn ông già thánh thiện. Ngài nghĩ đến nỗi vui mừng của họ khi ngài dạy họ bài kinh cầu nguyện, và Ngài cảm ơn Chúa đã dẫn dắt Ngài đến giúp dạy họ những lời thánh thiện.

Vị giám mục ngồi nghĩ ngợi, nhìn qua biển bao la về phía hòn đảo ấy. Ánh sáng chập chờn đó đây trên sóng làm Ngài lóa mắt. Bỗng ngài thấy có vật gì sáng trắng trên đường ánh trắng: một con chim? một con hải âu? có lẽ vậy? hay một cánh buồm trắng? Vị giám mục nhìn chăm chú. Ngài nghĩ: “Chắc một chiếc thuyền buồm chạy theo sau chúng ta. Và chắc sẽ kịp. Mới ở xa đây, chừ đã gần rồi. Nhưng thuyền cũng không là thuyền, mà buồm cũng chẳng là buồm. Mà như có gì đang theo đuổi chúng ta muốn theo cho kịp.”

Vị giám mục không định được đó là cái gì. Không phải chiếc thuyền, không phải con chim, cũng không phải con cá, mà xem hơn giống như người. Song lại lớn hơn một người, và người thì làm sao đi giữa biển vậy. Vị giám mục đứng dậy, tới chỗ người lái tàu và bảo:

- Nhìn ra xem, gì ngoài kia vậy?

Vị giám mục bây giờ thấy rõ là ba ông già, râu họ dài, chiếu sáng và họ chạy trên mặt biển đuổi theo chiếc tàu rất nhanh, như thể chiếc tàu đứng nguyên một chỗ vậy. Ngài lại hỏi nữa:

- Cái gì vậy?

Người lái tàu nhìn ra, sợ hãi quá, bỏ tay lái và kêu lên:

- Trời ơi! Mấy ông già chạy theo chúng ta trên mặt biển như chạy trên đất vậy kìa!

Hành khách thấy đều nghe tiếng kêu, chồm dậy, túa hết lại sau đuôi tàu. Họ thấy ba người đàn ông già đang

chạy, nắm tay nhau, hai người hai bên ra dẫu cho tàu dừng lại. Ba người chạy trên mặt biển như chạy trên đất liền, chân như không động đậy mà đi...

Tàu chưa kịp dừng lại, thì họ đã tới, níu một bên tàu và ngẩng lên cùng nói:

– Ngài tôi tớ của Chúa, chúng tôi quên hết cả rồi, quên mất hết những gì Ngài dạy! Chúng tôi lặp đi lặp lại được một lúc, còn nhớ được đôi chút, nghỉ đọc một giờ, quên mất một chữ rồi cả bài chạy dẫu cả. Chúng tôi chẳng nhớ gì nữa. Ngài dạy lại giúp...

Vị giám mục làm dấu thánh, cúi xuống phía ba người, và nói:

– Các người thánh thiện. Lời nguyện của các người cũng đủ đến Chúa. Ta không phải là người được dạy các người. Xin hãy cầu nguyện cho chúng ta đây, những kẻ tội lỗi này.

Vị giám mục cúi đầu sát đất trước ba người già. Ba người già quay lại và lướt biển đi mất, một vệt sáng chiếu ngời con đường họ đi trên mặt nước cho đến sáng mới hết.

NGUYỄN KIM-PHƯỢNG (dịch)

(Bách Khoa số 240 năm 1967)

Việc làm, sự chết và bệnh tật

Ở PATAGONIANS CÓ MỘT CÂU CHUYỆN TRUYỀN KỲ. NGƯỜI ta kể nhau nghe rằng thuở đầu Chúa tạo nên con người mà cho khỏi phải làm việc, khỏi cần chốn ở, áo mặc, cơm ăn và sống cả trăm năm không biết bệnh tật là gì.

Được ít lâu, Chúa đi thăm xem con người sống như thế nào. Chúa thấy rằng con người không biết hưởng thụ đời sống ; những lo lắng riêng tư gây nên nhiều nỗi bất hòa cãi cọ, đưa đến chỗ đời sống con người không những không biết hưởng thụ mà còn trách cứ nữa. Chúa tự nhủ : « Đây là tại chúng nó sống riêng rẽ, đứa nào chỉ lo phần đứa ấy.» Để ngăn ngừa sự chia rẽ ấy Chúa bắt con người phải làm việc mới sống được. Để tránh đói lạnh, con người phải tự xây chỗ trú thân, chăm bón đất đai lo trồng trọt và gặt hái.

Chúa nghĩ : « Công việc sẽ hợp con người lại nhau. Một đứa không thể tự đốn cây chở cây một mình dựng được nhà ở ; một đứa không thể tự dọn đất, trồng tía, gặt hái, quay, dệt may áo quần một mình ; Chúng sẽ bắt buộc phải hiểu rằng càng làm việc thân thiện với nhau chúng càng thành tựu và đời sống càng sung sướng hơn, công việc sẽ làm chúng hợp lại nhau.»

Ít lâu sau, Chúa lại đi thăm loài người xem chúng sống ra sao và có hưởng thụ được đời sống không.

Nhưng con người lại đang sống khổ sở hơn trước. Chúng làm việc với nhau (điều không thể tránh được) nhưng đáng lẽ chung sức tất cả lại mà làm, thì chúng lại phân ra từng nhóm nhỏ,

và mỗi nhóm tìm cách giết công việc của nhóm khác thành thử chúng cứ xen cạ nhau, phí thì giờ và năng lực để chống đánh nhau, rất là đau khổ.

Thấy rằng đời sống con người cũng chưa được tốt đẹp, Chúa quyết định rằng con người không được biết lúc nào mình sẽ chết, và vì thế có thể chết bất cứ lúc nào. Chúa phán cho con người biết như vậy.

Chúa nghĩ : « Vì đời sống không biết sẽ tan vỡ lúc nào con người sẽ hết chơi xấu với nhau, và sẽ không còn phá hại những giờ phút được sống »

Nhưng mọi việc không xảy ra như vậy. Khi Chúa trở lại để xem con người đang sống ra sao, Chúa thấy đời sống chúng cũng không hơn chi cả.

Những kẻ mạnh hơn thì lợi dụng chỗ yếu của người khác để gây cái chết bất ngờ ; những kẻ mạnh chinh phục những kẻ yếu bằng cách giết một vài đứa để dọa những đứa còn sống. Đời sống trở thành một mê mải, vì kẻ mạnh khỏi phải làm việc, trở nên một mê mải vì thì giờ nhàn cư, còn kẻ yếu thì làm hết lực, trở nên một mê mải vì không được nghỉ ngơi. Đứa này sợ và ghét đứa khác, đời sống con người càng thêm khổ hơn bao giờ cả.

Thấy vậy, Chúa mới định một cách khác: Chúa đem đủ thứ bệnh đến cho con người. Chúa nghĩ rằng khi mọi người có thể bị đau thì sẽ hiểu rằng kẻ còn sức khoẻ phải thương hại kẻ đau và săn sóc, để khi mình đau sẽ được kẻ mạnh khác giúp đỡ.

Rồi Chúa lại để con người tự sống như vậy. Đến khi Chúa trở lại thăm xem thế nào, thì thấy rằng từ lúc con người phải chịu bệnh tật, đời sống càng khổ não hơn. Chính bệnh tật mà Chúa dự định dùng để kết hợp loài người lại nhau thì càng chia cách con người ra nữa. Những kẻ bắt người khác làm việc cho mình thì cũng bắt kẻ khác săn sóc mình khi mình đau yếu. Còn mình thì không bao giờ săn sóc người đau yếu khác. Còn những kẻ bị bắt buộc phải làm việc săn sóc người đau thì đầu tắt mặt tối, không còn thì giờ đâu săn sóc người thân của mình bị đau yếu, đành bỏ mặc. Cho nên cảnh đau yếu không làm hư mất chi những vui thú của kẻ giàu, họ xây những căn nhà to lớn để những người đau nằm hoặc chết, trong tay những kẻ người ta thuê

đến săn sóc, những kẻ mà vừa làm vừa ghê tởm chứ không biết yêu thương.

Chúa tự nhủ :

« Đến thế này mà con người cũng không hiểu đâu là hạnh phúc, thì thôi, mặc cho chúng đau khổ chịu lấy. » Và Chúa bỏ con người cô đơn.

Và trong một thời gian lâu dài con người sống không hiểu mình có thể tạo hạnh phúc và được hạnh phúc. Chỉ mới đây có một số ít người bắt đầu nhận thức rằng công việc là một bồn phiền chung để con người kết hợp lại nhau, không ai được trốn tránh và bắt kẻ khác làm cho mình. Và họ bắt đầu hiểu rằng vì cái chết đe dọa con người từng giờ phút nên chỉ có một cách đáng cho con người sống những tháng năm, giờ phút còn lại của đời mình là biết thương yêu nhau và hòa bình. Họ cũng bắt đầu hiểu rằng bệnh tật không những không chia biệt con người, mà trái lại còn là một trao đổi tình yêu thương giữa con người.

NGUYỄN KIM PHƯỢNG dịch

Cái xấu cảm dỗ nhưng cái tốt thì tồn tại

THUỞ XƯA, CÓ MỘT ÔNG CHỦ RẤT TỐT. NHÀ ÔNG CÓ NHIỀU đồ và lắm đầy tớ hầu hạ. Mấy người đầy tớ thường khoe khoang về ông chủ của mình, bảo : — « Trên đời này không có ông chủ nào tốt hơn ông chủ chúng tôi. Ông nuôi bọn tôi và cho ăn cho mặc đàng hoàng tử tế, giao cho công việc vừa phải, ông không bóc lột ai và ganh tị ai. Ông không như các người chủ khác đối đãi với đầy tớ tàn tệ hơn súc vật, hành hạ vô cớ và không bao giờ nói lời dịu ngọt. Ông chủ chúng tôi muốn chúng tôi được tử tế, ông đối đãi tốt và nói dịu lời với chúng tôi. Chúng tôi không còn muốn cuộc đời nào khác hơn. »

Các đầy tớ đều ca tụng chủ như vậy. Quĩ Sứ mới lấy làm khó chịu rằng sao đầy tớ mà sống yêu thương và vui lòng với chủ được. Quĩ Sứ liền bắt một đứa đầy tớ, tên Aleb, ra lệnh nó phải dụ dỗ mấy đứa kia. Một hôm, bọn đầy tớ đang nghỉ ngơi, và ca tụng ông chủ, Aleb lên tiếng nói : « Các bạn này, các bạn ca tụng lòng tốt của ông chủ làm chi vô ích vậy, được chi đâu ! Nếu các bạn biết cách làm vui lòng Quĩ Sứ, thì Quĩ Sứ cũng tốt với bạn như vậy chứ có chi ! Chúng ta hầu hạ ông chủ đàng hoàng và làm mọi điều vừa lòng ông, ông chỉ nghĩ ra một việc thế là chúng ta thi hành, chúng ta đoán cả được ý của ông, thì làm sao ông không tốt với chúng ta được ? Thử đừng làm vừa lòng ông, làm

hại ông một lần thử ông có chơi xấu lại in hết mấy ông chủ khác không!»

Những đứa tó bắt đầu cãi lý với Aleb. Sau cùng thì cá nhau. Aleb sẽ cố làm cho ông chủ nổi giận, nếu ông chủ không nổi giận, Aleb sẽ chịu mất bộ áo quần mới; nếu ông chủ nổi giận, mấy đứa tó phải đưa hết áo quần mới cho Aleb, và hơn nữa sẽ can thiệp cho Aleb khỏi bị chủ đánh đuổi, và nếu Aleb có bị tù thì chúng sẽ thu xếp cho Aleb được tự do. Aleb hứa sáng mai sẽ làm ông chủ giận.

Aleb thường ngày có bốn phận lo chuồng cừ, săn sóc những con cừ giống, có giá trị.

Sớm hôm sau, khi ông chủ dẫn khách tới chỗ chuồng cừ để chỉ khách xem những con cừ giống tốt mà ông rất quý, thì Aleb — tay sai của Quỷ Sứ — nháy mắt với các bạn mình, có ý nói là: ta sẽ làm ông chủ điên lên cho coi. Tất cả đầy tó đều rình xem, và Quỷ Sứ thì leo lên cây cao nhìn vào sân trại để xem tên tay sai của mình làm sao.

Ông chủ đang chỉ cho khách xem những con cừ non và cừ mẹ; ông chủ đi quanh chuồng để tìm chỉ cho khách xem con cừ đẹp bảnh nhất.

Ông chủ nói: «Những con khác cũng tốt giống cả, nhưng con cừ đẹp này có cái sừng cong, thì là vô giá, tôi còn quý hơn cả cặp mắt tôi nữa.»

Đàn cừ vì sợ người nên chạy loạn xạ trong chuồng, khách cũng không xem rõ được con cừ quý giá kia. Mà hễ con cừ quý đó vừa đứng yên, tức thì Aleb vờ vô tình làm chuồng cừ nào loạn lên, lộn xộn hết cả, khách không làm sao biết được con cừ nào quý nhất. Ông chủ khó chịu lắm và bảo: «Này Aleb, chịu khó bắt con cừ quý nhất, có cái sừng cong, và giữ nó đứng im xem.»

Ông chủ vừa nói thế, Aleb nhảy bổ như một con sư tử vào trong chuồng cừ nắm bộ lông con cừ quý, Aleb chụp nó, một tay nắm chân trái sau của con cừ đưa cao nó lên trước mắt chủ, vịn ngược chân con cừ lên, gãy rắc như một nhánh cây khô. Aleb làm gãy chân con cừ khúc dưới đầu gối, con cừ kêu rống lên và khụy xuống, Aleb lại nắm chân phải sau của nó lên, chân trái bây giờ như một khúc đa lủng lẳng.

Khách và bọn đầy tớ hết sức kinh ngạc, Quĩ Sứ thì hài lòng thấy Aleb tài thật. Ông chủ tối tắm mặt mày, nhũu mày, rồi cúi đầu yên lặng không nói một lời. Khách và bọn đầy tớ nín lặng, đợi xem sự việc sẽ ra sao. Bình tĩnh một lúc, ông chủ tự mình lắc đầu như thê đề xua đuổi một cái gì trong ông, rồi ông ngẩng lên, nhìn đăm trên trời một lát. Rồi thì mặt ông không còn nhũu mày nữa, ông cười nhìn Aleb, và nói với Aleb :

— «Ồ, Aleb, Aleb, thầy của người bảo người chộc giận ta. Nhưng thầy ta mạnh hơn thầy người, người không làm ta giận được, song ta sẽ làm cho thầy người giận dữ. Người sợ ta trừng phạt người, và người muốn được tự do. Thì người biết, ta sẽ không trừng phạt người, và ta cho người được tự do đó, ngay bây giờ, có khách đây làm chứng. Hãy vào lấy áo quần mới và muốn đi đâu thì đi.

Ông chủ tốt cùng với khách vào nhà, còn Quĩ Sứ thì nghiêng rắng, rớt từ trên cây xuống, lún sâu xuống đất mất luôn.

NGUYỄN KIM PHƯƠNG dịch

THƠ DỊCH

D.H. LAWRENCE

CON TÀU VÀO CỐI CHẾT

Nguyễn Kim Phụng dịch

I

Bây giờ là mùa thu và trái rụng
cuộc hành trình dài vào cõi lãng quên.
Những trái táo rụng xuống, tựa hồ những giọt sương
rơi nặng
để giập vỡ ra thoát khỏi tự thân.

Và đã tới giờ đi, vẫy lời từ biệt
với chính mình, tìm cõi thoát
ra khỏi tự thân tàn rụng.

II

Người đã đóng xong con tàu vào cõi chết chưa, ô, hỏi
người ?

Ồ hãy đóng con tàu vào cối chết, rồi ra người sẽ cần đến nó.

Sương đã xuống mù rồi, táo sẽ rụng đầy
rào rào trên mặt đất cứng giá lạnh băng.

Và nổi chết thoảng đầy như mùi tro khói !
Ồ! Người không ngủi thấy sao ?
Và trong thân xác đập bầm, linh hồn hãi sợ
linh hồn run rẩy, linh hồn co ro, vì con giá băng
thổi từ cối đời qua miệng vết thương.

III

Và có thể nào con người tìm thoát được đời
Chỉ nhờ bởi một cây kim đâm nhỏ ?

Với dao găm, kim đâm, đầu đạn, con người có thể tạo
được một vết đâm vỡ thoát cho đời mình.
Nhưng phải chăng đó là giải thoát, ồ, hãy nói cho ta
hay
phải chăng đó là giải thoát ?

Không ! vì sao làm kẻ sát nhân, dù là tự sát, lại thoát
được đời ?

IV

Ồ, hãy bàn về sự tĩnh tâm mà ta được biết, mà ta có thể
biết, sự tĩnh tâm sâu thẳm đáng yêu của một tâm hồn
an lạc !

Làm thế nào ta tạo được cho ta niềm giải thoát an lạc

ấy ?

V

Hãy đóng cho người con tàu vào cỗi chết,
Vì người sẽ phải làm cuộc hành trình dằng dặc vào cỗi
lãng quên.

Hãy chết cái chết lâu dài khổ nhọc
Cái chết nằm giữa tự thân cũ mòn và tự thân đổi mới.
Thân xác chúng ta đã tàn rụng xuống, thân xác chúng
ta

bị thương trầm trọng.

Linh hồn chúng ta đã lên qua miệng thoát của vết
thương

tàn bạo.

Đại Dương tối tăm vô tận của giới hạn cuối cùng đang
trào lên qua miệng những vết thương, và chúng ta ngập
lụt.

Ồ, người hãy đóng con tàu vào cỗi chết, con tàu nhỏ
cho

con hồng thủy.

Và hãy chất lên: đồ ăn, bánh, rượu
Cho cuộc đi tối tăm vào cỗi lãng quên.

VI

Thân xác ta chết ra từng mảnh nhỏ, và vết chân linh
hồn
sẽ bị con lụt tối tăm dâng lên xoá sạch.

Chúng ta đang hấp hối, chúng ta đang rẫy chết, tất cả chúng ta đều đang rẫy chết.
và không có gì ngăn chặn được cơn-lụt-chết đang dâng lên trong ta.
Và sẽ **dâng** ngay lên tràn thế giới, tràn lên thế giới bên ngoài.

Chúng ta đang hấp hối, chúng ta đang rẫy chết, thân xác
 chúng ta đang chết ra từng mảnh nhỏ,
 và sức mạnh của chúng ta từ bỏ chúng ta,
 và linh hồn chúng ta co rúm, trần trụi trong cơn
 mưa
 tối tăm trên cơn lụt,
 Linh hồn co rúm trong những cành nhánh cuối cùng
 của
 cây đời, cuộc
 sống.

VII

Chúng ta đang hấp hối, chúng ta đang rẫy chết, và điều
chúng ta còn có thể làm được bây giờ
là bằng lòng mong muốn chết, và đóng con tàu để vào
cõi chết
để chở linh hồn qua cuộc hành trình dang dặc vào cõi
lãng quên.

Một con tàu nhỏ có mái chèo và đầy thực phẩm
Có những chiếc đĩa con, có đủ đồ trang bị
thích hợp và sẵn sàng cho linh hồn khởi sự ra đi.

Hãy ha thủy con tàu khi thân xác ta vừa chết

và đời sống vừa bỏ đi, hãy thả linh hồn mong manh
vào con tàu mỏng mảnh, con tàu mỏng mảnh của
can trường và của lòng tin.
với đủ kho thực phẩm, với nồi súp bé nhỏ
với áo quần đổi thay.
Hãy thả con tàu trên mặt bao la đen của cơn lụt ngập
trên mặt nước của biển tận cùng
trên mặt biển của sự rẫy chết, và chúng ta tiếp tục
giương buồm tàu đi
trong tối tăm mịt mờ vì lâu không lái và biển không
bờ bến.

Không bên bờ, không nơi nào để ghé
Chỉ một màu đen càng lúc càng đen sâu, sự lạnh căm
càng lúc càng đen tối,
Đen càng đen, càng đen hơn trên cơn lụt âm thầm
không hề rách rưới
tối tăm cùng với tối tăm, trên, dưới, bốn bên
hoàn toàn đen tối, chẳng còn phương hướng cho tàu,
mà con tàu nhỏ vẫn còn kia, và con tàu nhỏ mất đi.
Không thể thấy con tàu, vì không còn gì để thấy
Tàu đã mất đi ! mất đi! mà vẫn còn kia
vẫn còn đâu đấy.
Không nơi nào.

VIII

Và tất cả mất đi, thân xác mất đi,
Hoàn toàn chìm khuất, hoàn toàn mất đi , trọn vẹn mất
đi.
Bóng tối bên trên cũng nặng nề như bóng đen bên dưới
Con tàu nhỏ nhoi ở giữa
mất đi.

Đấy là tận cùng, đấy là quên lãng.

IX

Nhưng có một sợi tơ khởi từ vĩnh cửu
Một sợi tơ giăng ngang
Cắt hình trên bóng tối,
Sợi tơ bay khỏi xanh lơ cắt hình trên bóng tối.

Phải chăng là ảo ảnh? Hay màu xanh lên khói
Màu xanh lên khói cao hơn ?
Ồ hãy chờ xem, chờ xem có áng rạng đông,
áng rạng đông tàn ác của sự trở lại cuộc đời từ cõi
lãng quên.

Hãy chờ xem, chờ xem, con tàu nhỏ
lênh đênh dưới màu xám chết bụi tro
của một rạng-đông-ngập-lụt.

Hãy chờ xem, chờ xem! Dù sao thì hãy chờ xem, ở
một
sắc vàng rực rỡ.
Lạ lùng thay, ồ, linh hồn tái xanh lạnh lẽo ở một sắc
hồng rực rỡ trào lên.

Một sắc hồng rực rỡ trào lên, và toàn thể lại khởi đầu
trở lại.

X

Con lụt rút đi, và thân xác như vỏ sò mòn cũ lại hiện
lên mới lạ đáng yêu.
Và con tàu nhỏ lướt cánh trở về, loạng choạng dật dờ
trên con hồng thủy,
và linh hồn mong manh rời tàu về căn nhà xưa

con tim đầy an-lạc.

Con tim đôi mới đong đưa với niềm an-lạc dù là
an-lạc của bờ cõi lãng quên.

Ồ, hãy đóng chiếc tàu vào cõi chết, ồ, hãy đóng đi !
vì rồi ra người sẽ cần đến nó.
Vì cuộc hành trình vào cõi lãng quên đang đợi
chờ người

Nguyễn Kim Phụng dịch
(Modern verses by Oscar William Jr. 301-304)

Trên đỉnh Macchu Picchu

Pablo Neruda

Nguyễn Kim Phụng dịch theo bản Anh ngữ của Kate Flores, trong Modern European Poetry, Batam 1970, các tr. 575 – 586)

Bài trường thi Alturas de Macchu Picchu gồm 12 đoạn khúc.

Macchu Picchu là một thành lũy cổ xưa nơi phát nguyên của đế quốc Inca. Nó cao gần 12.000 bộ so với mặt biển, trong góc hiểm trở của rặng núi Andes ở Peru, được xây khoảng 3.000 trước Tây Lịch. Thành phố Mỹ châu cổ xưa này bị mất dạng bao nhiêu là thế kỷ đến năm 1912 mới được Hiram Bingham tìm ra. Tuy các mái nhà bằng rom rạ mục nát cả song thành phố vẫn còn nguyên dấu tích rõ rệt.

Trên đỉnh Macchu Picchu

1.

Từ khoảng trời này qua khoảng trời kia, như một màn lưới trống không,
tôi đi giữa những con đường và những bầu không khí,
đến nơi rồi lại ra đi với những báo hiệu của mùa : mùi hương thoảng động của lá cây, thời gian giữa lúa xanh, lúa nở,
với hương vị mà tình yêu lớn lao đem đến cho chúng tôi như một mùa trăng dài,
tựa trong vòng hương thoảng bay khi một chiếc bao tay vừa rơi xuống.

(Trong những thân thể đón đau
những ngày đời rực rỡ: chất thép của ngày rút lại thành
sự lặng yên của chất a-xít;
đem trộn lộn thành chất bột cuối cùng;
những nhụy hoa tàn hư của đất mẹ hôn phối.)
Một người nào đó đã chờ đợi tôi giữa những vĩ cầm
mở ra một thế giới như một ngôi tháp bị vùi chôn
tầng xoáy ốc lún xuống sâu hơn cả
những chiếc lá màu lưu huỳnh gòn gợn;
sâu hơn nữa, xuống tận chất vàng của những lớp địa
tầng
như một lưỡi guom bọc kín trong nhiều tinh thể
tôi nhúng tay tôi ngọt ngào và khuấy động
vào trong lòng thăm sâu khối nguyên sinh của quả đất.
Tôi ép trán mình vào những gợn sóng thăm sâu
rơi như một giọt nước xuống cối bình yên nồng chất
lưu huỳnh
và tựa người mù tôi trở về với mùi hoa nhài
của mùa xuân một kiếp con người.

2.

Nếu cái mầm cao quý của con người di chuyển từ hoa
này sang hoa nọ
và đá khô nuôi dưỡng được cành hoa lưu truyền đó,
thì con người lại làm tan nát cánh hoa rực rỡ sáng mà
con người tìm được qua những mùa xuân trôi bất tận
hải hồ
và nghiền nát trong tay người chất kim loại pháp
phòng nứt vỡ.
Và rồi thì, giữa quần áo và khói bay, trên chiếc bàn
dàn chìm xuống
chỉ còn lại linh hồn, như một lượng chất lẫn lộn;

đá thạch anh và sự thức tỉnh, nước mắt vào đại dương
như những hồ của băng giá; song le
người ám sát linh hồn và dây vò linh hồn với giấy tờ
và thù hận,
làm ngập chìm linh hồn trong tầm thăm của đời sống
loanh quanh, và xé vụn nó ra
trên hàng kẽm gai hận thù của quần áo.
Không; nơi những hành lang, trên không trung, ngoài
bể, hay trên các con đường
ai canh giữ mà không cầm dao găm (như những cây
anh túc màu hồng) để giữ máu mình? Con phần nộ làm
bớt đi cuộc mua bán buồn bã của kẻ bán linh hồn.
Và từ trên cao của cây táo, sương
đã từ nghìn năm rời bỏ sứ mệnh trong suốt của mình
đối với cái cành cây đang mong đợi; Ôi tâm hồn, ôi
vàng trán bị nghiền nát
giữa những khoảng trống của mùa thu!
Bao nhiêu lần trên các con đường của mùa đông, hay
trên một chiếc xe đồ, hay một chiếc tàu vào buổi hoàng
hôn, hay trong cơn dày đặc nhất
của cô đơn, của một đêm hoan lạc, dưới tiếng vang của
bóng âm và chuông đỏ, giữa ngay nguồn vui thú của
con người,
tôi đã ước ao dừng lại để dò tìm mạch sâu vô tận vô
cùng mà một lần tôi đã chạm gặp trong đá lạnh hay
trong cái chớp phóng ra của một nụ hôn.
(Điều đó quen như một câu chuyện cũ
được những khung ngực nhỏ căng đầy kể lại một số
lần
mà lần nào cũng là sự dịu dàng trong những lớp đầy
sinh chất
và điều đó, là đất mẹ trinh nguyên trong nguồn nước -
một cái chuông ngân

từ tuyết trắng quanh hiu cho đến những con sóng máu.)
Tôi chỉ có thể giật lên được một chùm những khuôn
mặt hay mặt nạ
trong hư không, như những vòng vàng trống rỗng,
như những chiếc khăn quàng được trải ra bởi những
đứa con gái của một mùa thu hoang dại làm cho cái
cây khô héo của những giống nòi sợ hãi phải run lên.
Tôi không có chỗ để đặt bàn tay yên, một chỗ dịu mềm
như mặt nước chảy tuôn của những con suối bị chặn
lại,
hay một chỗ cứng trơn như một cục than đá hay mặt
pha lê để trả lại được cho mình cái hơi ấm lạnh của bàn
tay.

Con người đã là gì? Cuộc sống bền lâu và vô tận của
con người nằm ở phần nào trong câu chuyện của con
người bằng bạc giữa các quán đời và các tiếng hót rộn
rã, và ở đâu trong số những trào lưu sắt thép của
người?

3.

Con người như một cánh lúa nhỏ bị đập
vào cái vựa vô tận miên man của những việc làm đã
mất, của những biến cố dơ bẩn, từ một đến bảy, đến
tám, và không phải một, mà nhiều cái chết cho mỗi
người;
mỗi ngày một chút sự chết, một chút bụi bặm, sâu bọ,
ánh đèn bị hủy chết đi trong đám bùn của những xóm
nhà nhỏ,
một chút sự chết mang đôi cánh to bay vào mỗi người
như một chiếc lao ngắn nhọn và dù bánh mì hay bị dao
găm sẵn đuổi, thì con người đã là kẻ thắng cuộc: đứa
con của các cửa biển, vị chủ tối tăm của luống cày

hoặc là kẻ gặm nhấm những con đường dày cộm, mỗi người ngất đi trong khi chờ chết, cái chết gần hàng ngày; và cuộc thử thách hải hùng ngày-qua-ngày của họ cũng tựa như chiếc cốc đen mà họ bung uống rung rung.

4.

Cái chết đầy sức mạnh đã nhiều lần ra dấu gọi tôi;
nó tựa như chất muối vô hình trong sóng biển,
và sự tỏa bay của mùi hương sự chết
thì cũng tựa như nửa chừng dang dở của chìm ngập và
lên cao, hoặc tựa như những kiên trúc bao la của gió
tuyệt.

Tôi đã đến tận bờ đá dựng, đến tận những vực
không trung, đến tận những mảng quanh co của đá và
của mùa màng
đến tận sự trống rỗng ngút trời của những tầng cấp
cuối cùng
và đến tận con đường xoáy tròn choáng váng; nhưng
biển bao la.

Ồ sự chết! Người không đến từng con sóng đều mà đến
tựa con nỏ bùng của sự trong sáng về đêm hoặc tựa
những con số tổng cộng của đêm.

Người không bao giờ đến lục tìm trong túi áo, sự viếng
thăm của người không thể nào không với màu trang
phục đỏ;

không thể nào không với tấm thảm yên lặng buổi rạng
đông; không thể nào không với những tặng vật đưa cao
hay chôn sâu của nước mắt.

Tôi không thể yêu trong mỗi người một thân cây
mang một chút mùa thu trên lưng nó (sự chết của hàng
nghìn chiếc lá) mang tất cả những cái chết giả tạo và

những sự hồi sinh
mà không mang đất, không mang vực thẳm.
Tôi muốn bơi lội trong những cuộc đời rộng lớn nhất,
trong những cửa sông rộng lớn nhất,
và khi dần dà con người từ bỏ tôi
và bọc thêm và cửa ngang gài lại, sợ những bàn tay
tuôn chảy của tôi
sờ vào cái hư vô bị thương của nó,
thì tôi bỏ ra đi qua những con đường, qua những dòng
sông, qua những phố thị, qua những chiếc giường.
Và chiếc mặt nạ nặng muối của tôi băng ngang vùng
hoang dã và trong những căn nhà xấu hổ cuối cùng,
không đèn, không lửa, không bánh không cơm, không
đất đá, không cả niềm lặng lẽ, tôi một mình ngã lăn
chết, cái chết của riêng tôi.

5.

Không phải người, hơi sự chết tôi tắm, con chim lông
bằng sắt,
không phải người để cho kẻ thừa kế của các căn phòng
cru mang người dưới lớp da trống rỗng của y, giữa
những lần uống ăn đầy đủ;
mà là một cái gì khác, một tao dây nghèo nàn của một
sợi dây đã tắt thở; một phần rất nhỏ của cái ngực y nó
không chịu tham dự cuộc đấu tranh hoặc một giọt
sương nguyên trinh nó không rơi trên vàng trán của y.
Phải là một cái gì mà không thể được tái sinh, một
phần nhỏ của sự chết bé bỏng thiếu bình an mà cũng
thiếu hãi hùng; một cái xương, một cái chuông, nó chet
ở trong y.
Ta giờ cái băng hoen đầy chất thuốc, ta nhúng tay ta
vào những nỗi đớn đau khôn khó đã từng giết đi sự

chết, và ta chỉ tìm thấy trong vết thương một luồng gió lạnh lẽo len lỏi vào theo những khe hở mơ hồ của linh hồn y.

6.

Rồi ta trèo lên chiếc thang của mặt đất
xuyên qua đám hỗn độn góm ghê của những cây rừng
đã mất,
đề lên tới ngươì, hỡi Đỉnh Macchu Picchu.
Thành phố vọi vọi cao của bao tầng đá chết,
ngôi nhà ở cuối cùng của những kẻ không bị khuất che
bởi những lớp áo ngủ yên của đất.
Trong ngươì, tựa như trong hai đường thẳng song song
chiếc nôi của ánh chớp và của con người đơng đưa
theo ngọn gió của nhiều gai nhọn.
Mẹ hiền của đá, bọt nổi của chim ưng
Cột buồm cao vút của bình minh con ngươì
Chiếc xẻng vùi chôn trong lớp cát nguyên sơ.
Đây đã là quê nhà, đây hiện là khung cảnh;
nơi đây những hạt mầm của lúa đã tung lên rồi rơi
xuống như mưa đá đỏ.
Đây sợi lông tơ vàng của loài ngựa cao
để mặc vào cho tình yêu, cho những nắm mộ sâu; cho
các bà mẹ hiền,
cho đức vua, cho những kẻ nguyện cầu, cho nhiều
chiến sĩ.
Đây con người dùng chân nghỉ lại trong đêm
bên cạnh những bàn chân của giống đại bàng, trong
những hang động vút cao
ngầu nghiêng thịt ngươì, và vào buổi rạng đơng
giẫm từng bước chân sấm sét lên sương mờ loãng,
và sờ vào đất và đá tìm đến tận sự nhận thức trong đêm

đen hoặc trong sự chết.

Tôi thấy những áo quần và những bàn tay,
dấu vết của nước chảy trong những đường xói mòn
sẫm sét,

bức tường dịu bằng khi một khuôn mặt chạm vào
và nhìn bằng đôi mắt của tôi những ngọn đèn trần thê
và đánh bóng bằng đôi tay của tôi những thanh gỗ đã
tan biến; vì mọi vật, áo quần, chăn lông, hũ lọ, chữ
nghĩa, rượu vang, bánh mì, đều đã mất, rơi xuống đất!

Và không khí bay vào thoảng mùi hoa cam thơm nở
khe khẽ động trên tất cả những gì đang ngủ;
một nghìn năm không trung, những tháng không trung,
những tuần lễ không trung,
nghìn năm ngọn gió xanh trời, nghìn năm những rặng
núi cao đá sẫm,

như những cơn bão nhẹ của những bước chân
làm bóng ngời vùng cô đơn của đá.

7.

Tất cả các người, kẻ chết của cùng một vực thẳm, bóng
rậm của cùng một vực sâu,
vực thẳm sâu, như chứa giữ

cái chiều kích thật sự của các người
cái chết thực sự, cái chết bao hàm toàn thể đã tới, và
tới từ những phần đá chạm trở, từ những cột trụ đồ
thảm từ những thủy lộ xếp thành lớp lớp các người bị
trì nặng xuống như một mùa thu trong một cái chết cô
đơn.

Ngày hôm nay không trung trống trơn không còn khóc
nữa,

nó không còn biết những bàn chân đất sét của các
người, bây giờ đã bị lãng quên rồi những cái bình của

các người, những cái bình đã tháo nước của bầu trời khi bị những con dao của sấm sét chém đổ tung tóe ra, và thân thể mạnh mẽ của các người bị tiêu mòn bởi mù sương, bị đốn nhào bởi gió mạnh.

Không trung đưa một bàn tay lên, bàn tay chọt rơi xuống từ đỉnh cao tận chót đáy thời gian.

Bây giờ các người không còn nữa, bởi những bàn tay giăng nhện, những sợi tơ hồng, những mạng nhện rối tung;

tất cả những gì các người đã là, thì nay đã quy: những phong tục, những tiếng nói đã được dùng hay ho, những mặt nạ sáng lòe rực rỡ.

Nhưng một sự có mặt thường hằng của đá và của lời; được nâng lên cao như một ly rượu bởi những bàn tay của tất cả người sống kẻ chết kẻ yên lặng - được chống đỡ bằng biết bao sự chết; thành đô - một bức tường được chống đỡ bằng biết bao cuộc đời làm nên những phiến đá; chiếc hoa hồng trường cửu, quê nhà; cánh buồm Andean này bằng sự chông chênh của tuyết băng.

Khi bàn tay có màu đất sét

đã trở nên đất sét, và những mí mắt nhỏ khép lại đầy những bức tường nguyên thô cùng sống lại những lâu đài,

và tất cả những gì rất người nằm hỗn độn trong lỗ hổng của nó, sự chính xác nằm lại trên cao; cái cảnh trí vút cao của buổi bình minh con người; cái thùng cao nhất chứa đầy niềm yên lặng; một cuộc đời của đá sau bao nhiêu là những cuộc đời.

8.

Hãy trèo lên với tôi, hỡi tình yêu...

Hãy hôn với tôi những tảng đá đầy bí mật.

Màu bạc đổ thác ngàn của Urubamba
rải phấn hoa cho chiếc cốc màu vàng.
Đã rải sự trống rỗng của rượu nho dính đặc của cây
khô, của tràng hoa cứng lên trên sự yên lặng của quan
tài núi đá.

Hỡi cuộc đời bé bỏng, hãy đến đây giữa những chiếc
cánh của mặt đất, trong khi pha lê và khí lạnh -không
trung rít lên vun vút chẻ vun ra kim cương ngọc thạch -
Ồ hỡi những nguồn nước man dại, người tự tuyết cao
đổ xuống.

Tình yêu, tình yêu, vào trong đêm tình cờ, từ đá lửa hò
reo của Andean cho đến buổi rạng đông có đầu gối
nhuộm hồng người nhìn ngắm đũa con mù lòa của
tuyết.

Ồ hỡi dòng sông Willkamayu của những tràng hò reo
âm ỉ, khi người đập vỡ những tiếng sấm lâu đời của
người thành bột trắng, như tuyết trắng bị thương, khi
con gió dựng ngược của người hò reo và quất mạnh
đánh thức bầu trời thì lúc đó người đem câu chuyện gì
đến kể bên tai của kẻ không mấy khi khỏi nghe tiếng
bọt sóng của người?

Ai bắt được ánh chớp của cơn lạnh lẽo và buộc nó
thành hàng trên đỉnh núi cao, phân phát vào những giọt
nước mắt lạnh giá, phóng những lưỡi gươm nhanh của
nó, làm tổn thương những hương nhụy hào hùng của
nó, mang đi chiếc giường chiến sĩ của nó, chế ngự
được sự tận cùng thành đá của nó?

Sự lóe sáng có gọn sóng của người nói lên điều gì?

Đã một lần nào ánh chớp phản kháng đầy bí mật của
người rung lên chuyển đi thành lời thành tiếng?

Ai đang làm vỡ ra những âm tiết giá băng, những ngôn
ngữ tối tăm, những lá cờ vàng ánh, những cái miệng
mở ra không có đáy, những tiếng kêu ú ớ của những

dòng nước lớn tinh sạch của người?
Ai kẹp chặt lại những mi mắt nở hoa từ mặt đất lên đây
để nhìn ngắm?
Ai làm những cành cây đã chết rít lên thành tiếng hú
và rơi ào ào xuống tay người để đập rơi ra đêm dài của
chúng ta đã từ bao lâu dính yên trong lớp than địa
chất?
Ai đang ném xuống những chùm xích xiềng nói buộc?
Ai đang chôn một lần nữa những lời già biệt?
Tình yêu, hơi tình yêu, đừng đến ven bờ vực thẳm,
cũng đừng ngưỡng mộ chiếc đầu đã chìm thấp xuống;
hãy để thời gian làm tròn đầy vóc hình của nó trong cội
riêng những dòng suối vỡ của nó, và, giữa những vách
tường với những thác nước ào đổ, thu góp lấy gió lộng
của suối khe, những tấm song song của gió, con kinh
mù lòa của những rặng non cao, cái chào thô kệch của
sương trời và từng bông từng hoa, trèo lên xuyên qua
lớp cây dày, giẫm lên con rắn đồ dốc xuống.
Trong vùng trời của các dốc đá và rừng cây, của bụi
những vì sao màu lục, những gỗ rừng tươi sáng Mantur
bùng hiện ra như một vùng hồ sống động hay như một
nền rộng lặng yên mới mẻ.
Hãy đến với chính ta, với chính bản thể ta, với niềm cô
đơn chót vót.
Vương quốc của người chết vẫn còn hoạt động.
Và cái bóng râm tàn bạo của cánh chim ung đi ngang
qua chiếc đồng hồ như một con tàu đen tối.

9.

Con đại bàng thiên thể, nho xanh của sương mờ.
Pháo đài đã mất, mã tấu mù lòa.
Chiếc dây nịt đây sao, bánh mì trang trọng.

Chiếc thang đồ tuôn như thác, mi mắt rộng bao la.
Cái áo hình tam giác, phần bột của đá.
Ngon đèn nham thạch, bánh mì của đá.
Con rắn khoáng kim, hoa hồng của đá.
Con tàu chôn vùi, mùa xuân của đá.
Con ngựa của trăng, ánh sáng của đá.
Khu vực phân điểm T, hơi bay của đá.
Địa chất cuối cùng, cuốn sách của đá.
Băng tảng do gió bắc mang đi.
Loài lục thạch của thời gian chìm đắm.
Bức tường mềm nhũn bởi những ngón tay.
Mái nhà bay đi bởi những chiếc lông chim nhỏ.
Những chùm gương sóc, những nền móng của bão tố.
Những ngai vàng bị xô ngã bởi dây nhợ leo.
Sự ngự trị của móng vuốt bạo tàn không thương xót.
Gió cuốn treo lưng chừng trên triền núi.
Thác nước im lìm của lam ngọc.
Chiếc chuông trường tộc của những người ngủ.
Cái còng của tuyết bị siết vòng chế ngự.
Sắt nằm yên trên tượng.
Cơn bão tố có chấn song không thể nào bị xâm nhập.
Những bàn tay của cộp, đá đầm máu.
Tháp cao đổ bóng râm, sự bàn cãi của tuyết.
Đêm đứng lên trong các ngón tay và rễ cây.
Cửa sổ của sương mù, con chim bồ câu cứng rắn.
Cây cỏ về đêm, tượng của những sấm sét.
Rặng núi chính, mái nhà của biên.
Kiến trúc của những con đại bàng đã mất.
Sợi dây bện của bầu trời, con ong của những chiều cao.
Mực độ đầm máu, ngôi sao được kiến tạo.
Bong bóng kháng thể, vàng trắng thạch anh.
Con rắn Andean, vàng trán của hoa mồng gà.
Vòm trời của niềm lặng lẽ, đất mẹ tinh thần.

Niềm yêu thương của biển, cây cối của những nhà thờ.
Chùm muối, cây anh đào có những cánh đen.
Răng trắng tuyết, sấm sét lạnh.
Vàng trắng trải trụa, đá đầy đe dọa.
Lông bờm của giá lạnh, sự khuấy động của không khí.
Núi lửa của các bàn tay, thác màu đen.
Sóng của bạc, chiều hướng của thời gian.

10.

Đá bên trong của đá, con người, con người ở đâu?
Không khí bên trong không khí, con người, con người ở đâu?
Thời gian bên trong thời gian, con người, con người ở đâu?
Có phải người cũng là mảnh nhỏ của con người bất tận, của con đại bàng trống trơn mà qua những nẻo đường hôm nay, qua những dấu chân in, qua những lá cây của mùa thu chết đang đề linh hồn xuống mộ?
Bàn tay tội nghiệp, bàn chân, cuộc đời tội nghiệp...
Những ngày của ánh sáng tiêu hao trên người, tựa như mưa, trên những lá cờ của ngày hội, chúng có ban cho cái miệng trống rỗng của người từng cánh nhỏ thực phẩm mờ đen của chúng? Sự đói, chỗ khô cạn của con người; sự đói, cái cây bí mật, cái rễ cây của người đốn củi; sự đói, phải chăng những mép cánh bướm vươn trèo lên những tháp cao sụp lở?
Ta xin người, hơi muối mặn của những con đường đất, hãy chỉ cho ta chiếc thìa; hãy cho phép ta, hơi thuật kiến trúc, được gặm mòn những nhụy men của đá, được trèo lên tất cả những bậc thang của không trung để đến tận thái hư, được lần mò vào tận trung tâm cho đến khi sờ được con người.

Hồi Macchu Picchu, người có đặt chất chồng đá lên tầng đá, và ở dưới nền là một lớp đá đen vụn vỡ? Than lên tầng than và ở dưới nền là nước mắt?

Lửa trong vàng và giữa lửa run run tia máu đỏ lớn lao tung tóe?

Buông ra cho ta kẻ nô lệ mà người đã chôn!

Cho phun ra từ linh hồn người bánh mì cứng của kẻ khốn cùng, chỉ cho thấy áo quần của kẻ nông nô, và khung cửa sổ của y.

Hãy kể cho ta nghe khi y sống y ngủ thế nào.

Hãy kể cho ta nghe phải chăng giấc ngủ của y thì thô kệch, nửa chừng, như một lỗ hồng tối đen lũng mòng nơi vách tường vì sự nhọc mệt.

Bức tường, hồi bức tường! Phải chăng trên giấc ngủ của người kia chất nặng từng lớp đá, và phải chăng y ngã xuống với giấc ngủ dưới lớp đá như dưới một vầng trăng!

Hồi nước Mỹ cũ, cô dâu đã bị chôn vùi, phải chăng những ngón tay của người khi từ trong rừng vươn đến cõi hư vô của các thần linh, dưới những lá cờ hôn phối của ánh sáng lễ nghi - cũng đã hòa trộn với tiếng sấm vang của những chiếc trống và những cây lao, phải chăng những ngón tay của người, của chính người - những ngón tay mà chiếc hoa hồng trừu tượng và dòng khí lạnh cùng chiếc ngực đỏ máu của hạt giống mới, đã mang đến cho cái màng lưới nhện của các lớp sóng rục rờ, đến cho những hang hốc cứng - phải chăng người, hồi nước Mỹ bị chôn vùi, người cũng ở nơi chỗ hèn kém nhất, trong ruột gan cay đắng, tựa một con đại bàng, người cũng đói?

11.

Ngang qua sự rực rỡ hỗn độn, hãy để ta nhúng bàn tay ta vào trong đêm của đá và để cho quả tim xưa cũ của lãng quên lên tiếng nức nở trong ta, tựa một con chim đã có nghìn năm bị giam giữ!

Bây giờ đây hãy để ta quên niềm vui này, niềm vui rộng hơn biển cả, vì con người còn rộng hơn biển cả cùng những hòn đảo của biển cả, và người ta phải rơi vào chính mình như rơi vào một giếng sâu để từ sâu trỗi dậy với một tia nước bí mật và những sự thật chìm sâu.

Hãy để ta quên, hồi tảng đá lớn, những kích thước lớn lao, quên sự đo lường truyền thống, quên những tảng đá xây thành tổ ong, và hãy để cho bàn tay từ khu vực T lướt xuống cạnh nằm nghiêng của máu động và áo lông.

Khi, như một móng cứng của những cánh cam đỏ, con chim ung điên cuồng đánh vào màng tang tôi khi nó bay và con bão khát máu của đôi cánh nó quét bụi tối tăm bay lên từ thang cấp nằm xuôi dốc, thì ta không thấy con vật nhanh nhẹn ấy, ta không thấy cái chu kỳ mù lòa của vòng móng vượt nó, mà ta chỉ thấy con người xưa cũ, kẻ nông nô, kẻ ngủ yên, trong những cánh đồng, ta thấy một thân thể, ngàn thân thể, một người đàn ông, ngàn người đàn bà, dưới cơn gió đen, đen vì mưa và đêm tối, vì đá nặng của tượng;

John Kẻ-đẻo-đá, con trai của Wiraccocha,

John Kẻ-ăn-giá-lạnh, con trai của vì sao màu xanh lục,

John Chân-trần, cháu nội của thạch nham, hãy đứng lên cùng ta, hồi người anh em, để được sinh ra.

12.

Hãy đứng lên cùng ta, hồi người anh em, để được sinh

ra.

Từ dưới vùng sâu xao xuyên buồn mênh mông hãy đưa bàn tay lên với ta.

Từ những vực sâu của đá bạn sẽ không bao giờ trở lại.

Từ thời gian chìm đắm bạn sẽ không bao giờ trở lại.

Tiếng nói khó khăn của bạn sẽ không bao giờ trở lại.

Đôi mắt xoi mòn của bạn sẽ không bao giờ trở lại.

Từ những cỗi sâu của mặt đất hãy nhìn lên ta, hỏi người nông phu, người thợ dệt, người chăn cừu yên lặng; người chăn dạy loài đà mã; người thợ nề của dân cày đầy thách thức; người xách nước của những giọt lệ Andean; người thợ nữ trang của những ngón tay hang động; người đi gieo run run trong hạt giống; người làm lọ đồ tung vào đất sét của bạn; hãy đem những niềm ưu tư chôn sâu cũ xưa của các bạn đến chiếc ly của cuộc sống mới mẻ này.

Hãy cho ta thấy máu của các bạn và những nếp nhăn của các bạn; hãy bảo ta: nơi đây tôi đau khổ vì ngọc ngà đã không chiếu sáng hay mặt đất không sản xuất đá hoặc hạt cát đúng thời gian; hãy chỉ cho ta xem đá nào mà trên đó các bạn đã từng ngã xuống, gỗ nào mà trên đó các bạn bị đóng đinh thập tự, hãy đánh lên cho ta những viên đá lửa cũ, đốt lên cho ta những cây đèn cũ, những lần roi nằm yên trong các vết thương của các bạn qua bao thế kỷ và những chiếc riu lông lánh màu máu đọng.

Ta sẽ nói qua miệng đã chết của các bạn.

Từ bên kia thế giới gom tụ tất cả trở về những làn môi đỏ vỡ lặng yên và từ những đáy sâu hãy nói chuyện cùng ta qua suốt đêm dài này như ta đã cùng các bạn từng buông neo ở đây, hãy kể cho ta nghe từng chuỗi này qua chuỗi khác, từng vòng nối này qua vòng nối khác, và từng bước qua từng bước, hãy mãi bén những

con dao các bạn thường cất giữ, đặt chúng lên ngực và lên tay ta, tựa một dòng sông của những con hổ bị vùi chôn, và hãy để cho ta được khóc nhiều giờ, nhiều ngày, nhiều năm, nhiều thế hệ mù lòa, nhiều thế kỷ đầy sao.

Hãy cho ta sự yên lặng của các người, nước của các người, hy vọng của các người.

Hãy cho ta sự chiến đấu của các người, sắt thép của các người, núi lửa của các người.

Hãy kết chặt thân thể của các người vào thân thể ta như đá nam châm.

Chia sẻ những mạch máu của ta và miệng của ta.

Hãy nói bằng những lời của ta và máu của ta.

(Trích Văn tháng 11 năm 1971)

Hermann Hesse

NGUYỄN KIM PHUƠNG dịch

Những chặng đời

*Như mọi chiếc hoa sẽ phai tàn và như mọi tuổi trẻ sẽ
tàn phai,
Cuộc đời cũng thế từng giai đoạn,
Mọi đức hạnh và mọi những đạt thành chân lý của
chúng ta,
Chỉ nở hoa vừa đúng thời, và không thể kéo dài mãi
mãi.*

*Cuộc đời có thể gọi ta đi ở bất cứ tuổi nào
Nên hãy sẵn sàng, dọn lòng để ra đi, thử thách mới,
Hãy sẵn sàng một cách dũng mãnh và không tiếc hận,
Tìm ánh sáng mới mà các ràng buộc cũ không thể đem
lại
được cho ta.*

*Ở tất cả những khởi đầu đều có nguồn ma lực
Để giữ cho chúng ta và giúp cho chúng ta vẫn sống.*

*Bình tĩnh êm đềm chúng ta hãy tiến tới những miền xa
cách*

*Và đừng để những tình cảm quê nhà ngăn trở được
chúng ta.*

*Hồn Vũ Trụ không tìm cách giữ chúng ta lại trong hạn
hẹp*

*Mà đưa ra chúng ta từng chặng đời càng tới những
không
gian rộng mở.*

Nếu chúng ta chấp nhận một quê nhà do riêng mình tự

tạo

Thì thói quen thân thuộc sẽ dẫn chúng ta dần đến sự nhác lười.

Chúng ta phải sửa soạn để ra đi và già từ,
Còn không sẽ mãi mãi làm những người nô lệ.

Ngay cả giờ chết của chúng ta đi nữa
Cũng có thể đưa chúng ta tới những miền tươi mới,
Và đời sống có thể gọi ta đi, đến những nòi giống mới.
Vây lòng hồi lòng: đừng bao giờ thôi từ già.

Trung Hoa

Qua những cụm mây trắng đục
Ánh trăng mờ hồ soi hình thể những khóm tre
Và dịu dàng in hình xuống dòng nước
Bóng dáng của nhịp cầu cao uốn cong.

Đây là những hình ảnh mà chúng ta yêu dấu,
Trên mặt đất không đầy ánh sáng của trần gian đêm tối
Những hình ảnh trôi đi ma quái, và hiện lên ma quái,
Với chúng ta bây giờ, và rồi sẽ tắt biến đi.

Dưới khóm dâu, nhà thi sĩ say sưa
Vung bút lên cũng rành rẽ như vung bình rượu
Miêu tả đêm trăng đã làm hưng khởi hồn chàng
Qua những ánh sáng dịu mềm và những bóng hình
bềnh bồng trôi.
Quần bút nhanh nhẹn của chàng vung lên phác họa
Vùng trăng và mây và tất cả những ánh hình
Vừa lóe ngang trí óc.

*Bằng sự ngợi ca những hình ảnh thoát qua
Và bằng kinh nghiệm đời chàng về những hình ảnh đó
Nhà thi sĩ dịu dàng đem lại cho chúng
Tinh thần và sự trường cửu*

Chúng sẽ thành bất diệt.

Nguyễn Kim Phụng dịch

(Portrait of Hesse, Bernhard Ziller,
H&H 1971, pp 152, 153, 157)

THƠ
GEORGE SEFÉRIS

Một Người Già Bên Bờ Sông

Dù sao ta cũng cần nghiệm xem ta tiến tới như thế nào.
Cảm xúc thôi, chưa đủ, tư tưởng thôi hay vận chuyển
thôi, đều chưa đủ,
mà liều thân vào hòng súng cũ mòn cũng là chưa đủ
khi mà chì nóng, dầu sôi xói nên rãnh những vách
tường.

*

Dù sao ta cũng phải nghiệm xem ta tiến tới đích gì, đó
không phải như là nỗi khổ, hay con cháu ta đói khát,
hoặc bạn bè ta gọi thăm thăm bên kia bờ xa; cũng
không phải như ánh đèn xanh nhợt nhạt lao chao của
đêm bệnh viện hoặc ánh sáng leng keng của dao kéo
trên gối người thanh niên can trường vừa lên giường
mở trưa nay;
Mà ta phải xét xem một cách khác hơn - có lẽ phải tựa
như con sông dài phát nguyên từ những vùng hồ lớn
lao thăm thăm giữa Phi châu.
Con sông ngày xưa đã làm thần thánh, rồi làm nẻo giao
thông, làm nguồn ân huệ, làm kẻ xét soi và làm vùng
châu thổ;
con sông không bao giờ nguyên vẹn từ đầu như cổ
nhân đã dạy, nhưng lại vẫn nguyên hình thể cũ, nguyên
những địa tầng, nguyên Dấu-Hiệu, và nguyên một

hướng đi.

*

Ta không muốn gì hơn là được cái ân huệ của giòng
sông đổi thay trong nguyên vẹn ấy.
Bởi chúng ta đã đem vào bài ca quá nhiều tiếng nhạc,
làm cho nó nặng nề chìm xuống thấp đi.
bởi chúng ta đã đem vào nghệ thuật quá nhiều điểm tô,
mạ vàng sơn son tác phẩm, làm cho mặt mũi nghệ
thuật sứt mẻ nát mòn,
Đã đến lúc chúng ta nói lời ngán ngùi, vì ngày mai hồn
đã ra khơi.

*

Nếu khổ đau là số phận con người, thì chúng ta không
phải làm người chỉ để nhận khổ đau, cho nên ta thường
ngồi trên giòng sông này nghĩ ngợi,
giữa cỏ cây hoa lá ta nghĩ ngợi về ý nghĩa sự tiến lên.
Loài vật ăn lá non, uống nước qua cơn khát, và con
người thì gieo, con người gặt lấy đến cả mộ phần huy
hoàng hay huyết lạnh đơn sơ.
Giòng nước trôi đi theo lối nước, đâu khác gì bao xa
với máu con người,
đâu khác gì bao xa với mắt con người, khi nhìn thẳng
tới trước người với cõi lòng không sợ hãi;
không xuyên xao từng ngày vì chuyện loanh quanh hay
vì chuyện lớn lao;
khi mắt ta nhìn thẳng tới xa, tựa người lữ hành quen
nhìn ánh sao để định hướng đường đi,
chứ không phải như ngày xưa nào nhìn chăm vào khu
vườn kín cửa của ngôi nhà Ả rập
thì khu vườn mát nhỏ đổi thay hình thể sau khung cửa
sổ, nó trở nên lớn hơn và cũng nhỏ hơn,

và ta nữa, cũng đổi thay hình thể những ước vọng của
ta cùng hình thể của tâm hồn ta.
chúng ta, khối bột nhào mềm của thế giới này, cái thế
giới đã ném ta ra và khuôn định hình hài ta,
vào lúc mặt trời lên đỉnh cao chói lọi thì ta đã lọt vào
những màn lưới đẹp để giăng ra miên man của đời
sống, đời sống đã có lần chân thật mà nay trở nên bụi
nhỏ chìm vào trong cát chỉ để lại hình bóng lắt lay của
một ngọn dừa cao đong đưa bờ nước, khiến chúng ta
mệt mờ choáng váng.

Nguyễn Kim Phụng dịch
(Modern European Poetry, Greek Poetry,
by Kimon Friar, trang 217-218)

(nguồn: Tạp chí Tư Tưởng số 5 tháng 7-1971)

MỤC THƯỜNG XUYÊN

Đôi Giày Tango

Truyện Nguyễn thị Hải Hà

Sáng hôm sau nàng về nhà. Loay hoay một hồi không mở được cửa nàng nhận ra cửa đã thay ổ khóa. Trên thềm là phong thư của chồng nàng. Nội dung ngắn gọn. “Anh đã nộp đơn ly dị. Mọi liên lạc hay điều đình, đều phải qua luật sư của anh.” Nàng thấy chénh choáng như thể men rượu đêm qua còn sót lại. Dù biết rằng chuyện sẽ đến mức này nhưng đây là cách cư xử rất tệ. Không thể nói bằng lời với nhau à? Phần nửa tài sản này cũng của nàng đấy chứ. Trước kia, cuộc sống của nàng khá đầm ấm. Chuyện khúc mắc trong nhà chỉ xảy ra mấy tháng gần đây thôi. Nàng không ngờ chồng đòi ly dị và nàng bị đuổi khỏi nhà. Chỉ vì chuyện nàng đi học nhảy Tango.

Nàng cũng không ngờ nàng đoạt giải nhất cuộc thi Tango hạng nhập môn. Cuộc thi thật dễ dàng, quá sức tưởng tượng của nàng. Nàng không bị vấp ngã, rách áo, quên bài, lỗi nhịp như nàng hằng lo sợ. Nàng nhẹ nhàng bay lướt trên sân khấu, buông người vào vòng tay của Vũ, và thả hồn theo tiếng nhạc Tango. *When the marimba rythm starts to play. Dance with me. Make me sway...* . Hết bản nhạc này đến bản nhạc khác. Nàng bước như mơ trong ánh đèn rực rỡ và tiếng

vỗ tay cuồng nhiệt của khán giả. Sau cơn mơ là cơn say. Say vì rượu sâm banh rót tràn lan, hay vì cơn giao hoan với Vũ? Sau mấy tháng tập luyện, những bước chân nồng cháy quyện vào nhau, cơ thể hai người quá quen thuộc ở vùng ngực và hông, cuộc giao hoan diễn ra như một sự đồng điệu của thể xác, và thăng hoa của nghệ thuật. Người ta nói không sai. Tango là cách biểu lộ theo chiều đứng của những khao khát ở chiều nằm. Đêm qua nàng ở lại với Vũ trong căn gác của trường. Chỗ này trước kia của bà Bianca, cô giáo chuyên dạy trẻ em môn Tap dancing.

Nàng ngồi xuống bậc thềm duỗi dài đôi chân nhìn đôi giày khiêu vũ lấp lánh trong nắng. Từ khi có đôi giày hình như nàng chẳng hề rời nó. Đôi giày như giúp nàng tăng sinh lực, khỏe ra và trẻ hơn. Nàng tự hỏi. “Minh đoạt giải khiêu vũ bởi vì mình thật sự có tài, hay nhờ đôi giày?” Lời ông chủ tiệm giày trở lại với nàng. “Mỗi đôi giày có định mệnh của nó. Và nó sẽ thay đổi định mệnh của bất cứ người nào nó chọn.”

Đó là một buổi chiều cuối tháng Năm, trời mùa xuân ấm áp, khiến nàng thềm dạo phố. Nàng đến một thương xá mới mở, không chú ý mua gì, chỉ ngẩn nhìn hàng hóa trưng bày trong các tủ kính. Một hành lang của thương xá nhiều gian hàng chưa được thuê nên khá vắng vẻ. Ở cuối hành lang có một tiệm bán giày cả nam lẫn nữ. Trong khung kính là những đôi giày đủ màu đủ kiểu. *Via Spigel* da cá sấu, đế bằng, mũi nhọn. *Louboutine* với cái mặt dưới của giày, nơi đặt bàn chân, làm bằng da màu đỏ. Màu đỏ chẳng để làm gì cả ngoại trừ cho người ta biết đây là loại giày đắt tiền. *Manolo Blanik* với những kiểu giày thật lạ chẳng đôi

nào giống đôi nào. Chỉ cần nhìn gót giày *Blanik* là biết ngay tên thương hiệu bởi vì nó được đẽo vuốt bằng lòng yêu mến của người thợ làm giày. Mặt trước hiệu giày là tường kính trong, sau tường kính là khoảng rộng để trưng bày hàng, trên cái bệ trắng có thể tự xoay chung quanh tâm điểm của nó là một đôi giày làm bằng tơ, hay lụa, rất mỏng màu da người, có đính cườm, kim tuyến lóng lánh. Cách bày hàng khiến nàng có cảm tưởng những đôi giày hiệu danh tiếng kia chỉ là hàng phụ thuộc, như những nàng cung phi châu chực bên nàng công chúa là đôi giày tơ. Nhìn một cặp, nàng có cảm giác đôi giày bay lên, như có cánh. Đôi giày cúi mũi giày xuống rồi ngẩng lên ba lần, như thể chào nàng. Nàng chớp mắt đã thấy đôi giày đáp xuống kệ, yên tĩnh. Không có dấu hiệu nào chứng tỏ nó vừa cất cánh bay. Nàng nhìn lăm chằng?

Người bán hàng bước ra, bắt tay nàng. Thay vì buông tay, ông nhẹ nhàng lật ngửa lòng bàn tay của ông, nâng đầu mấy ngón tay nàng, dẫn nàng vào trong tiệm. Ông mặc áo đuôi tôm và đeo găng tay trắng như người sắp đi dự dạ hội. Có lẽ ông là chủ tiệm chứ không phải là người làm thuê.

“Tôi muốn thử đôi giày tơ, màu da người đang trưng trên kệ.” Ông cụ đi ra khung kính trưng bày nhìn kiểu giày rồi trở vào nói:

“Tôi e rằng không thể chịu ý cô. Đó là đôi giày duy nhất tiệm của tôi còn lại. Chỉ để làm kiểu trưng chứ không bán. Tuy nhiên nếu cô muốn tôi xin lấy nó ra cho cô thử. Đôi giày ấy bé lắm, số 5B, ít khi vừa chân ai. Thường thường phụ nữ mang giày số 6 rưỡi hay 7B.”

“Số 5B thì có thể vừa chân tôi đó ông.”

Ông cụ mời nàng ngồi xuống ghế, quì bên cạnh, nâng đôi bàn chân nàng lên, tháo đôi giày cũ, và mang đôi giày mới lấy từ tủ kính vào chân nàng. Đôi giày làm bằng lụa, tấm hồ keo có vẻ cứng cáp, nhưng khi mang vào nó êm và mềm như da trẻ con. Tùy theo góc nhìn và ánh đèn, đôi giày thay đổi màu, màu da trần, hồng đào, và màu rượu sâm banh. Nàng đứng lên thử giày, đi vài bước. Ông cụ nhìn nàng mỉm cười.

“Cô thích đôi giày này vì cô là vũ công tango?”

“Thưa không. Tôi hành nghề kế toán. Tại sao ông hỏi thế?”

“Vì đây là kiểu giày Tango. Mũi giày bọc gần hết các đầu ngón chân để bảo vệ ngón chân. Gót cao vừa phải để vũ công di chuyển dễ dàng và lâu mỏi. Có dây buộc vào cổ chân để giày khỏi tuột chân và làm tôn vẻ đẹp của cổ chân.”

Đôi giày ôm khít khao chân nàng. Với nàng, tìm được đôi giày vừa khít là một điều khá lý tưởng, ít khi xảy ra. Bên cạnh việc nàng có đôi bàn chân hơi nhỏ hơn bình thường, bàn chân trái của nàng lại nhỏ hơn bàn chân phải một số nên ít khi nàng được mua đôi giày vừa ý. Hễ vừa chân mặt thì chân trái hơi rộng. Đôi giày kiểu hơi lạ, không giống như giày người ta sản xuất hàng loạt bán trên thị trường. Nó như được làm bằng tay, tỉ mỉ, để tặng riêng cho chủ nhân.

“Tại sao cô chọn đôi giày này? Nó có gì đặc biệt khiến cô chú ý đến nó?”

“Tôi nói điều này sợ ông cho là tôi có bệnh ảo tưởng, hay tệ hơn nữa ông sẽ bảo là tôi điên. Đôi giày bay lên và cúi đầu ba lần như chào tôi.”

“Như thế thì nó đã chọn cô làm chủ của nó rồi. Tôi hành nghề bán giày lâu năm. Đã từng nghe truyền thuyết giày chọn người. Thường thường người ta chọn

giày. Nhưng thỉnh thoảng có những đôi giày đặc biệt. Chúng có định mệnh riêng và để hiện thực định mệnh của chúng, chúng sẽ chọn người mang giày. Định mệnh của người mang giày tùy thuộc vào những đôi giày này. Chúng sẽ thay đổi cuộc đời người mang chúng.”

“Thay đổi như thế nào vậy ông? Tốt hơn hay xấu hơn?”

“Có khi tốt hơn, có khi xấu hơn, có khi vừa xấu vừa tốt.”

“Thí dụ như?”

“Đôi giày có thể giúp người ta thành công trong một lãnh vực mà họ không biết họ có năng khiếu trong lãnh vực ấy. Cô đã chẳng từng nghe nói là cứ cho một cô gái đẹp một đôi giày thật tốt cô ấy sẽ thay đổi thế giới hay sao?”

“Còn xấu thì như thế nào?”

Ông lão mỉm cười. Giọng của ông có vẻ như nói đùa, trêu nàg.

“Cô còn nhớ câu chuyện đôi huyết hài của Andersen không? Đôi giày nhảy múa liên tục đến độ chân cô gái ứa máu vẫn không ngừng. Đến khi cô gái kiệt sức, để cứu mạng sống của cô, người ta phải chặt chân cô lấy đôi giày ra. Lại có đôi giày mang số phận ngoại tình; nó xui khiến người mang nó, một phụ nữ đoan chính, phạm tội. Vào cái thời đàn bà ngoại tình sẽ bị xử tử, nàng bị cho vào bao bố cùng với đá tảng rồi đẩy xuống sông.” Ông cụ xoa tay, cười xòa. “O! Sao tôi lại kể cho cô nghe những chuyện nhảm nhí thế này. Làm cô sợ hãi có lẽ chẳng dám mua giày nữa. Đó chỉ là những câu chuyện hoang đường. Cô đừng sợ nhé.”

“Ông kể chuyện rất duyên dáng, xin ông đừng lo ngại, tôi không dễ tin và nhát gan đến thế đâu. Cứ tạm tin là

có những đôi giày có khả năng thay đổi bản tính hay số phận của con người, nếu người ta cởi chúng ra không chịu mang nữa thì sao? Ném đôi giày đi? Hay nếu đôi giày trở nên cũ và hư, thì sao? Định mệnh, nếu có thể bị thay đổi vì một đôi giày, dễ dàng như thế, khi không dùng đôi giày nữa thì sự thay đổi ấy có dừng lại không? Hay chuyển sang hướng khác? Và lại phụ nữ, nhất là phụ nữ, không chỉ có một đôi giày, cả chục đôi là thường. Định mệnh chủ nhân của những đôi giày sẽ như thế nào nếu mỗi đôi giày có một định mệnh khác nhau?”

“Cuộc đời của mỗi đôi giày thì không mấy lâu. Một vài tháng hoặc là một vài năm thôi. Và lại số giày có thể chọn người để thực hiện định mệnh của chúng thì không nhiều. Do đó sẽ không có trường hợp một người có nhiều đôi giày với định mệnh khác nhau.” Ông cụ lại cười, vẻ hiền hòa.

Nàng dợm cởi đôi giày ra khỏi chân.

“Tôi vẫn muốn mua đôi giày này nếu ông đồng ý bán.”

Ngần ngừ một chút nàng nói thêm, kèm theo nụ cười tinh nghịch. “Cho dù ông bảo rằng đôi giày này có số phận bị chôn bỏ tôi vẫn muốn làm chủ nó. À không, muốn nó làm chủ tôi.”

“Nếu cô thích đôi giày đến độ không sợ bị tan vỡ hạnh phúc, tôi xin tặng nó cho cô. Ngay từ lúc cô nhìn nó từ ngoài cửa tiệm, tôi đã biết là nó thuộc về cô. Không mấy người có đôi bàn chân Cinderella như cô. Thêm vào đó, đôi giày đã chọn cô. Cô hãy mang nó, dù đi làm hay đi đâu cũng thế. Một đôi giày đẹp có thể giúp cô trở nên tự tin và thành công hơn. Nếu đôi giày này hư rách trước khi cô chán nó, tôi sẽ tặng cô một đôi giày khác giống hệt như đôi giày này. Cô phải hứa là đâu có bề nào cô sẽ chẳng trách tôi.” Ông cụ nói,

không cười, nhưng chính cái vẻ tỉnh táo này lại càng khiến cho nàng nghĩ rằng ông có duyên. Nàng dợm cởi đôi giày. Ông cụ ngăn nàng lại. Ông lặng lẽ cho đôi giày cũ của nàng vào trong túi giấy. Ông cụ dìu nàng ra khỏi cửa tiệm. Nàng ngỡ ngàng, bước đi như thể bị đôi giày dẫn đường. Ngoái đầu nhìn, cửa tiệm đã tắt đèn. Nàng cố gắng nhìn tên bảng hiệu, không còn rõ nét.

Đi đâu nàng cũng được khen. Đôi giày đẹp khiến nàng vui đến độ không còn muốn mang đôi giày nào khác. Từ khi có đôi giày, trong đầu nàng luôn luôn vang vọng những bài hát trước kia nàng thỉnh thoảng nghe nhưng không chú ý. *“Bài Tango hôm nào. Bước em Tango lẻ loi...”* *“Đàn đã khơi rồi, trong lúc đêm tàn rơi. Đàn khóc ai hoài cho héo hoa lòng tôi...”* Tiếng nhạc trong đầu khiến người nàng bức rút, muốn đi động, muốn chạy, muốn nhún nhảy theo điệu nhạc.

* * *

Vài ngày sau đó, đang lái xe mà đầu óc cứ lơ đãng tưởng tiếng nhạc tango, Quê chạy quá lỗi con ngõ vào nhà. Đường một chiều nên Quê phải đánh vòng khá xa để quay trở lại. Quê lại quẹo nhầm đường, đi ngang một thương xá nhỏ, thấy có trường dạy khiêu vũ. Thầy dạy khiêu vũ lại là Vũ, bạn cũ không chung lớp nhưng chung trường từ thời trung học. Có một dạo đôi bên cùng thích nhau nhưng không nói ra. Vũ nhìn đôi giày của nàng, khen đôi giày đặc biệt như thể có người nào đó làm giày để tặng riêng cho nàng. Chàng nói: *“Đôi giày khởi nghiệp.”*

Quê học một tuần ba buổi. Chỉ mỗi điệu tango với

những phiên bản khác nhau. *Tango Argentina, Milonga, American ballroom, Canyengue*. Vũ đề nghị nàng cắt tóc ngắn, kiểu pompeii, hiên tóc phủ trán cắt thật thẳng, hơi trên chân mày một chút, như cách một làn chỉ mỏng. Phía trước, nhìn nghiêng từ phía gò má, tóc dài hơi quá cằm một chút tạo thành một đường xéo hướng lên trên gáy. Phía sau tóc vừa phủ chân gáy không che cổ. Quê trang điểm kỹ hơn. Son môi đỏ. Tóc đen nhánh. Vẽ chân mày, dặm lông mi đen đậm. Ai cũng bảo Quê thoát xác. Lốp mỡ bụng biến mất. Lưng thẳng. Cằm ngược. Vai ngang. Cổ chân thon. Dáng đi của mèo rừng. Khớp xương của Quê bỗng dung hết đau nhức. Mắt nàng không còn đeo đôi kính cận dày cui. Khiêu vũ, sự năng động vận chuyển của nó khiến nàng trẻ lại. Đồng thời Quê cũng nhận ra sự thay đổi ở chồng nàng. Mùi mồ hôi của Quyền sao đậm thế, anh không tắm mỗi ngày? Anh ăn mặc nhếch nhác trông giống như anh thợ sửa ống nước. Tóc của anh sao bóng nhẫy, không gội đầu mấy ngày rồi?

Quyền không tán thành việc nàng học khiêu vũ nên luôn luôn gắt gỏng. Bản tính của Quyền vốn khó khăn, hay phê bình chê bai, bây giờ càng tệ hơn. Đến giờ ăn không chịu ngồi vào bàn, nếu không mời thì Quyền cứ ngồi đọc báo. Ngồi vào bàn rồi, không chịu cầm đũa nếu vợ không đưa tận tay. Canh nêm nhạt quá.” “Nước mắm mặn quá.” “Em già rồi mà không nên nét, cứ đêm này đêm khác ngả ngón đũa vớ với đàn ông.” “Đàn bà, mọi đam mê đều trở nên lố bịch.” “Em làm sang làm dáng cho đến mấy chân em cũng vẫn dính phèn.” Quê cãi lại. “Khiêu vũ là một nghệ thuật cũng là môn thể thao.” “Không phải ai khiêu vũ cũng mê trai.” “Em chịu trách nhiệm tài chính trong gia đình đồng đều với

anh. Em nấu ăn giặt giũ rửa chén y như những người phụ nữ ở nhà nội trợ. Nếu anh có thể đánh quần vợt một tuần ba lần thì tại sao em không được quyền học khiêu vũ cùng ngày cùng giờ khi anh ở ngoài sân banh?”

Dĩ nhiên, Quê không phải là người mê tín dị đoan có thể tin lời ông cụ bán giày, một đôi giày có thể làm chủ và thay đổi định mệnh của người mang chúng. Tuy nhiên, từ khi có đôi giày, chỉ trong vòng mấy tháng mà cuộc đời nàng có nhiều thay đổi không ngờ. Xin nghỉ hưu sớm để có thể dành trọn thì giờ và sức lực tập luyện Tango. Một ngày sau khi được giải thưởng khiêu vũ Tango thì bị chồng ly dị và đuổi khỏi nhà. Quê thấy ngỡ ngàng đôi chút nhưng ngậm ngùi thì không. Cuộc hôn nhân của nàng đã nhạt nhẽo từ trước khi nàng phát hiện mối đam mê của nàng với Tango. Nàng không biết chắc, có phải vì không có hạnh phúc mà nàng đến với Tango? Hay Tango là giọt nước làm tràn ly dẫn đến ly dị? Thay vì buồn phiền, nàng cảm thấy nhẹ nhõm trong lòng. Phải chăng quyết định của Quyền, ly dị và đuổi nàng ra khỏi nhà, là giải pháp ngắn nhất và giản dị nhất mà từ lâu nàng thầm ước?

“Quê có thể ở tạm căn gác của trường.”

“Thế Bianca thì sao?”

Nhiều lần đến lớp học khiêu vũ Quê gặp Bianca đứng trên gác bên cửa sổ. Nét mặt buồn, mắt hướng xa xăm. Người bà toát ra một vẻ cô độc lạnh lẽ. Bà đứng bên trong trường khiêu vũ nhìn ra bên ngoài đường phố như tìm kiếm và tiếc nuối một điều gì đã mất. Quê đứng bên ngoài đường phố nhìn vào bên trong trường khiêu vũ như tìm kiếm một cái gì đó nàng khao khát nhưng chưa có. Ly dị chồng từ hồi còn trẻ, bà dành hết

cả cuộc đời cho khiêu vũ “Táp” (tap dancing). Học sinh của bà thường là những cậu bé cô bé tuổi từ năm đến mười hai. “Bianca bị đột quỵ qua đời từ tuần trước. Anh không muốn Quê xao lãng tâm trí trước ngày dự thi nên không nói cho Quê biết.”

* * *

Bianca có một đôi giày khiêu vũ “Táp”. Đôi giày cũng kín mũi và có quai ở cổ chân, màu vàng kim, bên dưới đế có gắn hai miếng kim loại. Bà đặt đôi giày ngay ngắn trên một cái kệ giống như bệ thờ. Dưới gót giày là tấm thiệp có hàng chữ “Đôi giày khởi nghiệp.” Quê nhớ, ngày đầu tiên nhìn thấy đôi giày của nàng, Vũ cũng nói như thế. Thế nào nàng cũng phải hỏi Vũ: Chữ nghiệp chàng dùng đi đôi với chữ nghề, hay nó liên quan đến định mệnh, như trong nghiệp chướng.

Quê đến đứng bên cửa sổ. Trong đầu nàng vẫn vang dội điệu nhạc tango “*I can hear the sound of violin, long before it begins... .*” Mùa lễ Tạ ơn bắt đầu. Năm nay tuyết rơi sớm. Soi bóng mình qua cửa kính, nàng thấy mình hao hao giống Bianca.

HOA QUỲNH CHỈ NỞ VỀ ĐÊM

Truyện ngắn của NGUYỄN AN BÌNH

Khang ngã người vào miếng đệm tựa lưng ở phía sau chiếc ghế ngồi của bàn làm việc, đưa hai bàn tay ra sau làm động tác lên xuống gáy vài lần cho đỡ cứng tay. Mỗi miết lướt trên bàn phím hơn tiếng đồng hồ làm cho mấy đầu ngón cứng và mỏi, đó là mấy động tác anh thường làm sau một bài viết căng thẳng, cần nhiều sự tập trung, vất vả vật lộn với từng con chữ, câu văn lập luận viết làm sao để thuyết phục được ông biên tập, rồi còn người đọc nữa chứ. Ai nói nghề làm báo dễ ăn đâu, nhất là chuyên về mảng xã hội, không hề, thế rồi cũng xong bài viết. Anh khoan khoái vươn vai đứng dậy, làm thêm một vài động tác cho vận động rồi bước ra ngoài ban công để hóng gió và thư giãn tinh thần một chút. Từ trên cao tầng 10 của cao ốc, Khang nhìn xuống mặt đường vẫn lộ nhỏ những hàng đèn xe nối đuôi nhau trên mấy trục đường tạo nên những vệt sáng ngoằn ngoèo đan xen vào nhau trông lạ mắt y như những vệt sáng vàng ối của những thanh sắt vừa mới ra lò trong nhà máy luyện sắt thép nào đó. Sài Gòn giờ này chắc đã hơn 24 giờ, cái giờ vừa mà định lượng thời gian của một ngày cũ và bắt đầu cho một ngày mới, con số ám thị cũng thay đổi theo. Khang là người luôn nghiêm túc trong công việc nên anh thường xuyên thức khuya hoàn tất bài vở phần tin để kịp giao bài về tòa soạn cho kịp số báo tới nên anh khi nhìn nhịp độ xe lưu thông bên dưới là có thể đoán được thời gian của cái thành phố vừa lạ vừa quen này mấy giờ. Lạ cũng phải vì Khang không phải là người sinh trưởng ở thành phố này, anh người miền Tây lên Sài Gòn trọ

học, tốt nghiệp xin vào một tờ báo mà mình thời sinh viên thực tập để làm việc, cũng may người ta nhận vì thái độ làm việc cần mẫn nhanh nhạy của anh khi còn thực tập, thời buổi này sinh viên ra trường tìm việc làm không phải dễ, quen cũng đúng vì mấy năm đi học và làm việc anh gắn bó với thành phố này biết bao nhiêu, nó trở thành quê hương thứ hai của anh, cái thành phố mà trước kia thường ta thường ví nó là hòn ngọc viễn đông, nay là một thành phố năng động nhất của cả nước, nó được ví như đầu tàu phát triển nhưng cũng từ đó phát sinh nhiều hệ lụy cần phải giải quyết, nhất là những năm gần đây những dự án đất đai bất động sản có qui mô rất lớn ồ ạt được triển khai kéo theo nhiều vụ việc tiêu cực ảnh hưởng đến đời sống xã hội dân sinh rất nhiều, là một phóng viên thuộc mảng xã hội anh thấy mình có trách nhiệm làm rõ những mảng tối này, nói thì như vậy chứ muốn đi đến tận cùng của sự việc nhiều khi là điều không thể. Đôi lúc anh cảm thấy mình bất lực, buồn vì sự chiến đấu của anh quá đơn độc đôi lúc sợ bất trắc, nguy hiểm luôn rình rập đầu đây. Nhiều đồng nghiệp anh từng bị, biết thế nhưng anh vẫn cố gắng tự động viên mình, tự nhủ làm gì cũng không thẹn với lòng mình là được.

Khang ngược lên nhìn bầu trời đêm, Đêm cuối tháng không trăng nhưng đầy sao. Những vì sao lấp lánh trên cao tạo nên một khoảng không gian đầy huyền hoặc, anh tự hỏi trên dải ngân hà xa xôi kia có sự sống nào tồn tại như trên trái đất này không nhỉ? Anh biết có nhiều chuyến tàu vũ trụ được phóng lên không gian, tiếp cận nhiều hành tinh xa xôi cách trái đất hàng triệu năm ánh sáng, nhưng chưa có một tín hiệu nào le lói về một hành tinh có cấu trúc xã hội như loài người. Anh cũng mong đừng có còn hơn là có một xã hội loài người hiện đại như cái hành tinh anh đang sống, cái hành tinh chứa đựng trong lòng nó đầy rẫy sự bất ổn, tồn tại những bất công, tội ác hoành hành không bao giờ chấm dứt.

Anh tự cười thầm với ý nghĩ vớ vẩn không đâu vào đâu của mình, trong cái không gian tĩnh lặng của trời đêm đột nhiên Khang cảm giác có một mùi hương thoang thoảng đâu đó xộc vào mũi đánh thức khứu giác làm lá phổi của anh căng lên một lên một cách dễ chịu. Mùi gì nhỉ? À! Phải rồi đó là hương hoa quỳnh, một mùi hương nhẹ như hơi thở, thơm tho thanh khiết biết dường nào như mùi hương của người con gái. Chậu quỳnh được đặt một góc ban công của căn phòng trọ của anh có một nụ hoa đang nở, cái nụ hoa mà mấy hôm trước nó còn nhỏ xíu bây giờ lại sắp mãn khai, thời gian đi nhanh thế sao? Đây là chậu quỳnh của người trọ trước bỏ lại khi trả phòng, không biết tại sao không mang đi, khi anh đến thuê phòng đã thấy nó rồi, chắc người chủ nhà cũng lười biếng dọn dẹp lại thấy không tổn hại gì nên để yên đó, còn anh cũng lười biếng, suốt ngày chạy rong ở ngoài đường lấy tin, về nhà đã mệt mỏi còn phải xử lý công việc trên máy làm gì có thì giờ đâu lo mấy công việc nhỏ nhặt thế kia, vả lại sự có mặt của cái chậu hoa đâu có ảnh hưởng gì đến công việc của anh nên anh cứ để yên, trên tầng cao có chút màu xanh của hoa lá thêm phần thú vị một chút có sao đâu. Thỉnh thoảng ra ban công nhìn trời đất, anh cũng tưới cho nó một chút nước cho nó có thêm sức sống. Vậy mà nó cũng chịu đựng được và ra hoa. Đây là lần nở bông đầu tiên của nó từ ngày anh dọn tới đây. Nghĩ cũng thú thật, trên tầng 10 cao vút của tòa nhà mà được thưởng thức mùi hương tinh khiết của một loài hoa chỉ nở về đêm thì còn thú vị nào bằng.

Hoa Quỳnh có một thế giới riêng của nó, thế giới của loài hoa diễm lệ chỉ nở về đêm, một thế giới khi mọi vật bắt đầu chìm đắm vào giấc ngủ thì nó lại vươn vai thức giấc, những cánh hoa e ấp từ từ bung ra một cách khoan thai như những bước đi dịu dàng của người con gái đang độ xuân thì. Hoa quỳnh trong chậu nhà Khang là loại quỳnh trắng, cánh mịn như tơ, mà anh không rảnh lắm về các loại quỳnh chỉ biết đại

khái quỳnh cũng có nhiều màu: trắng, đỏ, hồng, vàng...trong cuộc sống hiện đại với nền công nghệ sinh học phát triển người ta lai tạo được rất nhiều loại quỳnh với nhiều màu sắc khác nhau ngay cả có loại quỳnh nở vào ban ngày lâu tàn người ta thường gọi là nhật quỳnh, anh thì không thích loại quỳnh này vì nó không có mùi hương và anh cho rằng nó làm mất đi vẻ đẹp cao quý của loài hoa được người đời tôn xưng là “Nữ hoàng bóng đêm”, bởi vì hoa quỳnh chỉ nở vào ban đêm và hương thơm của nó dặt dìu biết bao trong không gian tĩnh lặng. Khang nhớ ngày còn nhỏ ở quê nhà, mẹ cũng rất thích mùi hương của hoa quỳnh, bà trồng trong những cái chậu nhỏ ở hàng ba, trên lối đi từ nhà ra tới cổng và tuổi nhỏ của anh đã đắm chìm trong mùi hương trang nhã quý phái ấy. Quỳnh khi nở có hình dạng giống kèn trumpet, đài hoa phủ một màu đỏ cam bóng mượt. Hoa nhiều cánh, mỏng mềm mại, bề mặt như phủ một lớp sáp trong sắc trắng với chum nhị vàng bên trong và hương thơm phảng phất nhẹ nhàng thanh tao nhưng không kém phần quyến rũ làm thơm ngát cả một vùng không gian xung quanh nó. Phải chăng như món quà của tạo hóa dành tặng cho tao nhân mặc khách, cho những ai luôn say mê khám phá , thưởng thức cái đẹp dịu dàng, trang nhã mà không phải người trần tục nào cũng có thể vươn tới hay sao?

Khang ngồi xuống vuốt nhẹ đóa hoa như có cảm tưởng đang vuốt ve gò má của một cô gái xuân thì. Từng cánh hoa mềm mượt như run rẩy theo từng ngón tay của anh và anh cảm nhận như có làn hương của người con gái nào đó đang quanh quẩn gần đây và anh lặng yên để chiêm ngưỡng niềm hạnh phúc đó. Bỗng trên máy tính của anh nghe có tiếng bíp bíp báo hiệu có người đang gửi tin hiệu trong messenger của anh, Khang không nghĩ giờ này có ai đó còn thức: Một người bạn thân hay một bạn đồng nghiệp nào đó thấy máy anh còn bật sáng nên gõ vào messenger để nói chuyện cho

vui chẳng, chắc không có ai rảnh hơi vào cái giờ vì ai này cũng đã mệt nhoài sau một ngày làm việc vất vả chỉ trừ một người nhưng chắc gì là cô ấy. Anh trở lại bàn làm việc, đúng là tin nhắn của Quỳnh Hương. Đèn online của Quỳnh Hương bật sáng, anh liếc nhìn sang đồng hồ đã qua 24 giờ rồi, một thời khắc không gian và thời gian bắt đầu bước qua một ngày mới. Bao giờ cũng vậy anh chỉ có thể nói chuyện với Quỳnh Hương vào giờ này vì cô nói ban ngày đã dành thời gian cho công việc hết rồi, đôi lúc rảnh anh vào inbox gửi tin nhắn nài nỉ nhưng không bao giờ thấy nàng online khiến anh có lúc bực mình, làm việc gì mà dừ vậy. Thường thì Quỳnh Hương online trước và anh vào máy trao đổi chuyện trò gì đó với nàng thế thôi. Đôi lúc anh ngạc nhiên hỏi nàng sao thức khuya vậy, Quỳnh Hương trả lời: Em cũng như anh thôi, ban ngày phải dành thời gian cho công việc cho xã hội, chỉ có khoảng thời gian sau 24 giờ mới buông bỏ công việc và dành riêng cho mình một chút thời gian ít ỏi mà thôi. Đôi khi ngồi trên máy muốn ngủ gà ngủ gật đó anh biết không? Sau lần đó Khang không hỏi và thắc mắc nữa, mỗi người có cái tự do cho riêng mình, Khang biết Quỳnh Hương không thích lắm việc người khác tìm hiểu riêng tư sâu quá về nàng.

Khang quen Quỳnh Hương đã hơn ba tháng, nói đúng ra từ ngày dọn về ở tòa cao ốc này, anh mới biết và quen cô, quen nhưng chưa hề biết mặt mũi ra sao nghĩ có ngộ không. Lúc đó tâm trạng Khang đang phiền muộn, công tác anh không được suông sẻ lắm, loạt bài phóng sự điều tra của anh đang bế tắc nên anh viết lên fb của mình sự chán chường mệt mỏi đó. Quỳnh Hương đã vào comment động viên và chia sẻ với anh. Kiến thức của cô về công việc của anh phụ trách hình như cô rất rõ, nắm bắt được các sự việc anh nêu ra và có những lời khuyên rất xác đáng làm anh vô cùng ngạc nhiên. Cô gái thật thông minh, có những lý luận sắc sảo thiên

phụ của một người làm báo. Có điều cái hình đại diện trên facebook của Quỳnh Hương chỉ là một đóa quỳnh trắng muốt và một cái tên Quỳnh cụt ngùn cụt nghèo. Khang lại chúa ghét cái người xin kết bạn với mình không rõ chân tướng mặt mày ra sao thì làm bạn thế nào được. Nhưng khi qua fb của cô, biết Quỳnh Hương từng là phóng viên của một tờ báo phụ trách về mảng xã hội như mình và những câu chuyện nàng kể khi tác nghiệp làm cho Khang cảm thấy thích thú nên anh coi như là một ngoại lệ vậy.

Có lần anh hỏi nàng: sao cái amatar là đóa quỳnh mà không là gì khác. Tại em thích hoa quỳnh mà. Khang vặn vẹo tiếp: Sao không là Thu Quỳnh, Lê Quỳnh, Quỳnh Hoa, Quỳnh Hương gì gì đó mà chỉ có cái tên Quỳnh cụt ngùn cụt nghèo vậy? Vì tên em là Quỳnh, ai muốn gọi thế nào cũng được có sao đâu. Quỳnh thì phải có hương, hương thơm dịu dàng thanh khiết không lẫn với loại hoa nào, anh gọi là Quỳnh Hương được không? Cám ơn anh đặt cho em cái tên thật đẹp. Khang kết bạn với Quỳnh Hương như vậy đó và ngầm hiểu với nhau chỉ có thể chat với nhau sau 24 giờ mà thôi.

Quỳnh Hương gõ vào máy trước, dòng chữ hiện lên trên inbox sau tiếng bíp mà anh đã nghe từ ngoài ban công:

- Anh vẫn còn thức?

Khang cũng gõ lóc cóc lên bàn phím trả lời:

- Ừ! Anh chưa ngủ.

- Chưa ngủ tức là con thức?

Khang bật cười bông đùa:

- Dĩ nhiên rồi. Còn em sao vẫn thức như mọi khi sau 24 giờ ?

- Em cũng mới vừa viết bài xong. Bây giờ mới bắt đầu là thời gian dành cho riêng mình. Buồn ngủ nhưng muốn trò chuyện với anh giây lát.

- Lịch làm việc của em sát sao nhỉ?

Quỳnh Hương không trả lời mà chỉ hỏi:

- Hình như anh mới vừa ra ban-công?

Khang kinh ngạc:

- Ủ! Sao em biết?

Khang như nghe có tiếng cười khúc khích bên kia đầu máy:

- Em có giác quan thứ sáu mà. Em thoáng thấy mùi hương quỳnh đâu đây truyền qua máy của em.

- Ôi! Em là thần thánh phương nào vậy? Đúng là có một đóa quỳnh vừa nở và anh mới vừa chạm vào nó, thì thâm tâm sự với nó đây. Cánh hoa mượt mà trắng muốt tựa như làn da của một cô gái vậy.

- Nghe anh nói mà em cảm thấy ớn ớn nổi da gà.

- Sao thế. Thần giao cách cảm phải không. Mà sao em biết chỗ anh có cây quỳnh.

- Có lần anh viết trên máy mà.

- Ủ nhỉ. Anh quên mất.

- Giỡn chơi thôi, em đoán như vậy. Có lần em từng nói với anh em có cô bạn đồng nghiệp từng sống ở cái cao ốc này mà, cô ấy rất thích hoa quỳnh.

Quỳnh Hương chuyển sang công việc của anh:

- Bài phóng sự về BC anh viết xong hết chưa?

- Bài cho ngày mai đã xong, tuy có nhiều trở ngại nhưng cuối cùng cũng sắp kết thúc rồi.

- Em cũng mong thế. Đấu tranh với hiện tượng tiêu cực thời nay không phải dễ anh nhỉ?. Công việc chúng ta nhiều khi gặp khó khăn và đầy nguy hiểm, không phải có nhiệt tình của tuổi trẻ là đủ.

- Anh biết nhưng bên cạnh ta còn nhiều người tốt mà em. Còn em, công việc thế nào rồi.

- Vẫn vậy. Địa bàn của em là các tỉnh nên đi suốt nhưng ít căng thẳng và nguy hiểm như anh. Công việc cứ cuốn hút ta đi, bất kể thời gian và không gian, một ngày nào đó bỗng dưng ta thấy già mà không hay anh nhỉ?

Khang dò hỏi:

- Có bao giờ em cảm thấy mình nên dừng lại và nghĩ đến hạnh phúc riêng mình không?

- Ôi anh. Em thích công việc này mà.

Quỳnh Hương lại gõ vào máy:

- Ngày mai anh có đi xuống hiện trường không?

- Phải đi chứ. Ngày mai anh gặp nhân chứng để lấy thêm chứng cứ, thuyết phục mãi họ mới đồng ý đưa, ban đầu họ nghi ngờ anh là người của chủ đầu tư, tiếp cận họ để lấy chứng cứ tiêu hủy bây giờ thì ổn rồi, có nó bài viết anh mới thêm phần thuyết phục và có cơ sở để làm việc với cơ quan hữu quan nữa.

- Em đề nghị với anh ngày mai không đi xe riêng nên đi xe ôm quen nhé

Khang ngạc nhiên:

- Sao thế?

- Có bạn chung đường đỡ nguy hiểm hơn. Kinh nghiệm của một người bạn làm báo nói cho em biết điều đó. Cô ấy từng bị theo dõi và suýt chút nguy hiểm.

- Anh biết rồi. Cám ơn em. Sao em không trả lời anh câu hỏi lần trước?

- Câu hỏi gì thế anh?

Khang hỏi cắc cớ:

- Em quên hay cố tình quên nhỉ?

- Thật mà.

- Mình quen đã lâu mà chưa từng có dịp gặp nhau. Anh muốn gặp em một lần mời cà phê hoặc đãi món gì đó được không?

Bên kia ngập ngừng giây lát:

- Chưa phải lúc anh ạ.

Khang hơi thất vọng:

- Nhưng anh vẫn muốn một lần được gặp.

Bên kia lại im lặng khá lâu, tin nhắn hiện lên:

- Em công tác xa thành phố thường xuyên. Về nhà chưa

nóng ghế lại đi rồi, công việc cứ cuốn em đi.

- Cứ đi mãi sao, em không mỏi chân à?

- Mỗi chứ anh nhưng phải cố gắng thôi. Nhiều người còn cần ngòi bút của ta anh à.

Mà thôi, em hứa bài phóng sự của anh thành công, tranh thủ thời gian anh em mình gặp nhau ăn mừng được không?

Khang mừng ra mặt:

- Hứa rồi đấy nhé.

- Tất nhiên. Em hứa mà.

*

Khang bước ra khỏi thang máy đi nhanh ra hành lang của chung cư. Một chiếc xe máy trời tới, Lâm - cậu thanh niên chạy xe ôm, quen cười thân thiện:

- Anh lên đi em chờ cho.

Khang cười cười:

- Lâm biết anh đi đâu không mà chờ?

- Thì anh bảo đi đâu em chờ anh đến đó mà.

Sau khi Khang ngồi yên ở phía sau, cậu xe ôm xoay người ra phía sau nói nhỏ vừa đủ anh nghe:

- Anh ngồi chắc nhé em chạy cắt đuôi đây. Đừng nhìn lại phía sau bọn mọi nghi ngờ.

Khang hơi ngơ ngác nhưng nhanh chóng hiểu, khẽ gật đầu. Cậu bạn trẻ lướt nhẹ ra đường phố, qua một đoạn đông người, cậu bắt đầu tăng tốc. Với tay nghề thuần thục của một tài xế xe ôm, Lâm luồn lách qua những con phố có lúc ngoặt vào con hẻm nhỏ trước khi thoát ra đường cái khác, chẳng mấy chốc cậu ta đã bỏ xa chiếc xe gắn máy phân khối lớn bám theo. Nhìn qua kính chiếu hậu Lâm nói với Khang một cách thích thú: Thành công.

Khang hơi thắc mắc;

- Sao gọi bọn chúng là mọi?

- Vì bọn tay sai này chỉ biết bám đít chủ, chủ sai đâu làm đó giống bọn mọi trên rừng vậy thôi.

- Chuyện lần trước cảm ơn Lâm nhé.
- Chuyện gì vậy anh?
- Chuyện hôm trước bọn con đồ muốn hành hung anh đây mà.

Khang nhớ ngày hôm đó trên đường đi công tác xuống địa bàn ở một khoảng đường khá vắng, xe anh đang chạy bỗng nghe có tiếng rồ ga mạnh và hơi gió lướt tới sau lưng. Linh tính của một người phóng viên biết có chuyện chẳng lành anh vội hụp đầu xuống thì thấy một cây dầu vuông lướt ngang qua đầu và cái đập thật mạnh vào chiếc xe anh đang chạy làm xe anh loạng choạng ngã xuống mặt đường, anh chỉ còn kịp nhìn thấy hai thanh niên bị khẩu trang che kín mặt xẹt ngang. Bọn chúng nhìn lại thấy anh bị ngã nhưng không có vẻ gì bị thương nặng, nên chúng muốn quay đầu xe lại hành hung tiếp thì phía sau anh có tiếng la lớn:

- Cướp! Ăn cướp! Bà con ơi có ăn cướp.

Biết bị động hai thanh niên lạ mặt phóng xe chạy mất. Khang chỉ xây xát chút đỉnh, cũng may lúc ấy Lâm tới kịp nếu không chắc tính mạng anh nguy hiểm mất, không biết bọn nào mà khốn nạn thế, chúng hành hung anh để được gì?

- Lâm chở khách về ngang đó à?

Lâm âm ừ:

- Thì cũng có chở khách.

- Sao thế.

Lâm cười:

- Thì em bám theo anh, nếu có khách gọi thì em chở khách.

- Tại sao bám theo anh, nói gì lạ vậy.

- Số là khi anh vừa chạy khỏi chung cư bên tai em nghe như có tiếng thì thầm rất quen: Chạy theo anh ấy, có chuyện đó Lâm ơi. Em như bị bỏ bùa chạy theo anh thôi.

Khang nghe lạnh sau gáy, nhưng anh cố trấn tĩnh bật cười:

- Nói gì nghe ghê vậy. Coi bộ anh có quơì nhờn phù hộ chắc.

Lâm cười hề hề:

- Chắc vậy. Giờ điểm đến là đâu ông anh?

- Lâm đưa anh qua BC.

*

Buổi sáng vào tòa soạn giao bài rồi qua phòng tài vụ nhận tiền nhuận bút, đẩy cửa vừa bước ra chạm mặt anh phó tổng biên tập. Thấy Khang anh ta hồ hởi: Loạt bài của chú về sự sai phạm của chủ đầu tư và chính quyền địa phương về đô thị mới ở BC trong công việc bồi thường và tái định cư cho người dân tạo được hiệu ứng tốt lắm đó nghe. Người dân họ nhìn mình với cặp mắt thiện cảm hơn, chính quyền thành phố đã chú ý tới và giao cho phía công an vào cuộc rồi, chắc chắn mọi việc sẽ được xử lý rất ráo trong thời gian tới. Tuần sau mình có một sự kiện khác hay lắm, ban đầu mình định giao cho tay Cang nhưng nay mình đổi ý giao công việc này cho chú mình yên tâm hơn. Vậy nhé.

Khang hơi đỏ mặt vì được sếp khen khá bất ngờ, nói cảm ơn sếp đã tin tưởng và tạo điều kiện cho mình làm việc rồi đi ra. Vừa bước ra khỏi cổng tòa soạn thì anh trưởng phòng nhân sự đi công tác ở đâu cũng mới vừa trở tới. Thấy Khang anh ta dừng xe lại hỏi:

- Định về à.

Khang gật đầu:

- Vâng thưa anh.Ồ! Mà anh có bận gì không vậy?

Ngữ - Tên người trưởng phòng cười khà khà:

- Xong công việc hết rồi. Định vào báo cáo thủ trưởng một tiếng rồi thẳng luôn

Khang đang có chuyện không vui trong lòng nên cũng không muốn về nhà lúc này, nên nói với Ngữ:

- Vậy mình đi vui một chút được không anh?

- Mới lãnh tiền nhuận bút rồi chứ gì? Cũng định mời chú đây. Mình thích cách viết về BC của cậu quá. Phải nói hay không chê vào đâu được. Phải vậy mới không uổng công của

tôi không đánh giá làm người. Thôi mình đi luôn nhé.

Khang hơi lúng kượng:

- Anh không vào báo cáo à?

Ngữ nhún vai làm ra vẻ bất cần:

- Chuyện cũng không quan trọng mấy. Ngày mai cũng không muộn. Thôi mình đi.

Hai anh em chạy lên đường NĐC ghé quán Vỹ Dạ. Quán này của một ông nhà văn gốc Huế, khá nổi tiếng, có một thời gian chuyển qua làm báo viết kịch bản phim truyện truyền hình nhưng coi bộ không sống nổi với nghề viết lách nên bàn với vợ mở quán nhậu các món đặc sản của Huế. Thời buổi giao thông thuận tiện nên mỗi ngày đều có những chuyến hàng hải sản tươi, rau trái Huế nhờ máy bay làm cầu không vận đưa vào nên quán không thiếu những món tươi ngon của miền sông Hương núi Ngự, cánh văn nghệ Sài Gòn cũng thương nên kui tới ủng hộ khá đông vì thế cuộc sống gia đình ông nhà văn này cũng dễ thở. Hai anh em cụng ly chúc mừng sức khỏe nhau. Khang cũng có chút tâm sự có người đồng điệu nên cũng vui. Ngữ một thời cũng là phóng viên của mảng xã hội nên anh có thừa kinh nghiệm chỉ dẫn cho Khang lúc Khang mới chập chững bước vào nghề nên Khang rất quý anh, coi Ngữ như là anh của mình, Khang kể:

- Có một điều lạ mà em không biết nói cùng ai. Kỳ phóng sự này hình như tổ đãi hay sao đó anh?

- Chuyện gì? nói tao nghe.

- Em có quen một cô bạn gái đồng nghiệp trên fb tình cờ cũng không lâu. Hôm đó đi công tác về thấy người dân kêu oan mãi vụ đất đai mà không thấu đến ai. Cái sai phạm của chủ đầu tư cấu kết với chính quyền địa phương rành rành như thế mà mình là phóng viên chỉ biết viết bài, nêu chứng cứ phản ánh sự việc còn lảng tránh của cấp thẩm quyền về sự việc đó như thế nào mình không thể đoán được nên cảm thấy bất lực, buồn tình than thở một chút câu chuyện khó khăn đó

trên fb, cô ấy vào chia sẻ, mình thấy cô ấy có kiến thức, kinh nghiệm nên mình rất khâm phục nhờ đó mà việc điều tra của mình thuận lợi hơn. Chẳng hạn như em đi lấy tin tức, có người theo dõi thậm chí gây sự đều có người giúp đỡ.

Ngữ hỏi:

- Thật vậy sao?

- Em cũng không rõ nữa, avatar của cô ấy chỉ là một đóa hoa quỳnh.

Ngữ cười ha hả, vỗ vai Khang:

- Ông kết bạn ngộ quá. Không biết mặt cũng không biết tên luôn mà tin người ta à? Có ngày bị mắc bẫy đấy ông em.

- Ban đầu em cũng định delete đó chứ, nhưng thấy mấy comment của cô ấy viết hay quá nên thôi, vào trang của cô ấy mình biết cô ấy có một thời gian làm phóng viên phụ trách mảng xã hội nên cũng có ít nhiều kinh nghiệm, trao đổi với nhau về công việc riết rồi tự nhiên thân với nhau lúc nào không biết.

- Tên cô nàng?

- Chỉ có cái tên Quỳnh cụt ngùn. Em thắc mắc hỏi, cô ấy bảo thích vậy. Nhưng em lại thích gọi cô ấy là Quỳnh Hương hơn,

Ngữ đắm chiêu nhìn ra ngoài sân. Nắng lấp lóa xuyên qua tàng cây bàng vừa thay lá xanh mướt rượt. Anh nói băng quơ:

- Tao cũng có một đứa em họ, Hấn từng làm phóng viên mảng xã hội cho báo Người Đồng Bằng, rất xông xáo và say mê công việc vô cùng. Nhiều bài báo cô ấy viết rất tốt có tác động tích cực làm bọn sai phạm vừa sợ vừa ghét.

Khang hơi tò mò:

- Cô ấy vẫn còn công tác chứ anh?

Giọng Ngữ trầm buồn:

- Không! Cô ấy đã đi xa rồi.

- Là sao?

- Trong một đêm đi công tác xa về, cô ấy bị tai nạn giao thông.

- Ở đâu anh?

- Hình như ở góc đường bùng binh HCR thì phải.

Khang nghe hơi thở mình nóng lên hấp tấp hỏi:

- Cô em họ anh tên gì? Tai nạn giao thông xảy ra lúc mấy giờ anh nhớ không?

- Thằng em này hỏi lạ. Em tao mà tao không nhớ. Hẳn tên Quỳnh Hương mới vừa 24, Theo tao biết trong biên bản giao thông tai nạn chết người đó xảy ra cũng vào 24 giờ đêm. Sau này bên công an điều tra người ta phát hiện đây không phải là một tai nạn giao thông bình thường mà đó là một vụ án giết người. Bọn tội phạm đã theo dõi và dàn dựng, muốn sát thủ hại Quỳnh Hương để bịt đầu mối một vụ ăn chia đất đai rất kinh tởm của bọn quyền thế mà Quỳnh Hương đang theo đuổi để đưa ra ánh sáng.

Khang nghe hơi lạnh hình như chạy dọc theo sống lưng, thở hắt một tiếng không nói được tiếng nào. Địa điểm đó là nơi Quỳnh Hương hẹn gặp anh sau khi kết thúc loạt bài phóng sự về BC thành công như đã hứa, cô nói: xong công việc em bắt xe về có lẽ rất trễ, nhà người quen ở bùng binh HCR, khoảng 24 giờ em sẽ về đến. Anh đến sớm trước hơn một tiếng đem theo một bó hoa thật đẹp. Chờ mãi qua 24 giờ mà vẫn không thấy, anh bồn chồn lo lắng không biết vì sao Quỳnh Hương vẫn chưa tới, sau đó Khang nhận được tin nhắn của nàng trong inbox: Xin lỗi anh. Xe hư. Em không về được. Anh đừng chờ.

Khang buồn nhưng đành chịu không hiểu vì sao Quỳnh Hương không đến. Đã hứa với nhau rồi mà.

Chợt Ngữ quay mặt qua hỏi Khang:

- Ô! Mà cậu nói đang cái cao ốc Trần Hưng Đạo gì đó ở Q.5 phải không?

Khang ậm ừ vâng dạ, Ngữ hỏi cặn kẽ hơn:

- Phòng mấy?

Khang trả lời cụt ngủn:

- 10.5

Ngũ vô tình nói:

- Quỳnh Hương cũng ở phòng đó gần một năm trước khi nó bị tai nạn giao thông. Mình có đến chơi chỗ nó ở một lần, ngoài ban-công nó có trồng một chậu quỳnh thật đẹp, cậu dọn vào đó ở không biết chậu quỳnh có còn không hay chủ nhà đã vứt đi mất rồi

Khang không trả lời Ngũ, mặt anh tái nhợt thở như không ra hơi. Trong phút chốc anh xâu chuỗi lại các sự việc và hiểu tất cả: Vì sao Quỳnh Hương không đến điếm hẹn. Điếm hẹn chính là nơi Quỳnh Hương gặp nạn, có lẽ nàng muốn mình cảm nhận được nỗi bất hạnh mà nàng chịu đựng quá lớn. Quỳnh Hương ơi! Trong cái thời gian và không gian vô tận của thế giới này em mãi mãi tồn tại trong anh, dù em chỉ còn là sương khói em vẫn mãi mãi là đóa hoa quỳnh mảnh mai trong trắng dù chỉ nở một lần duy nhất về đêm nhưng luôn đem đến cho đời một hương thơm dịu dàng thanh khiết và vĩnh cửu.

Thơ LÊ VĂN TRUNG

Thấp Lá

Em từ buổi theo trăng về cuối hạ
Tôi ngỡ vàng chiều đã nhuộm hương thu
Lòng khuê phụ, hồn sương chia mấy ngã
Áo tình xanh chìm mấy bãi sa mù

Con đường cũ, con đường hồng xưa đã
Áo hoàng hôn trắng một góc sân trường
Con đường cũ, con đường tình hoa nở
Đã mấy lần hoa rụng dưới mưa sương

Con đường cũ, con đường tình năm cũ
Em qua chiều vời vợi giấc chiêm bao
Tôi cứ ngỡ màu trắng mùa thiếu nữ
Theo nhau về cho vện nghĩa thương đau

Em có gọi mùa thu về cuối hạ
Mà mưa tôi chìm phủ một hồn chiều
Nhớ dòng tóc chia hai đường ngời rẽ
Để tình buồn chia mấy ngã liêu xiêu

Em từ buổi mùa sương hồn phố cũ
Đèn hoàng hôn tôi thấp lá thu vàng
Xin cúi nhặt hồn tôi từng chiếc lá
Nằm im lìm như giọt lệ chưa tan.

LVT

THƠ TRẦN DZA LỮ

CHẢ NHỄ

Chả nhẽ ngồi nghe lòng mới mọt
Khi chiều treo cổ bến hoàng hoa?
Phong trần cạn kiếp ,chưa nguôi nhớ
Chén rượu ngang mày nâng xót xa...

Uống rượu bao giờ cho đủ ấm
Giang hồ trong mắt cổ nhân đây?
Chả nhẽ khoanh tay chờ mối nhện
Tơ lòng cuộn chỉ rồi trong tay?

Cứ như kẻ lạ sầu ngơ ngác
Qua đường ném vội một ngày quên
Có không, không có thôi đành bước
Ngựa gầy cũng giục vó qua đêm...

Mỹ nhân xưa nay làm bại tướng
Chả nhẽ ta giam mộng hải hồ?
Ra đi ,dẫu có mòn quan tái
Cũng cười khinh bạc với trắng xưa...

BUÔNG

Buông nhau
mấy bận trong đời

Buông rồi
lại nín, người ơi...đừng về !
Biết rằng
hai chữ vô vi
Sẽ yên tĩnh giữa nhu mì chiều xanh!
Nhưng
tôi buông bỏ sao đành
Một nhan sắc cũ
đã thành thực yêu?
Một đêm người ấy cung chịu
Hơn
mười năm sống liêu xiêu cõi tình...
Buông rồi
có hết phiêu linh
Hay
đem thương nhớ nhốt mình vào trong?
Lạ thay!
Một sợi chỉ hồng
Buộc nhau suốt kiếp, đừng hồng thoát ra !

Thơ TRẦN VĂN GIÃ

NGOÀI CỬA SỔ LÀ NHỮNG PHƯƠNG TRỜI XA

1.

Mẹ cống câu ca dao

Chạy theo câu thơ hậu hiện đại của con gần đuổi sức

Mẹ về

Nằm võng đong đưa và hát à ời

- Ví dầu cầu ván đóng đinh

Cầu treo lắt lẻo gập ghình khó đi

Câu ca dao mẹ ru con khi mới lọt lòng

2.

Ngoài cửa sổ là những phương trời xa

Nhưng ao làng vẫn là nơi khởi điểm

Những cuộc hành trình

Con xa mẹ ra đi

Nơi ao làng

Con ếch kêu sương vẫn trong veo tiếng ếch từ ngàn xưa

Nơi ao làng

Gió trong trăng vẫn trong veo tiếng gió từ ngàn xưa

Đừng qui chụp mẹ thế hệ người già bảo thủ

Quanh đi quẩn lại sau lũy tre làng

Nhưng con ơi

Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi một. @@@

Vì có quê hương nơi một chốn con trở về

3.

Ví dụ con không trở về

Ở phương trời xa con đừng quên khung cửa hẹp

Đừng quên con nhện giăng tơ chùm bồ hóng trước hiên
nhà
Đừng quên nước ao làng từng dội bóng mẹ cha
Mẹ tin con ở xa day dứt nhớ
Và đừng quên
Câu ca dao câu thơ lục bát
Có từ ngàn xưa và đến tận ngàn sau.

@@@ Trịnh Công Sơn

thơ M.H.HOÀI LINH PHƯƠNG

Đi Qua Nỗi Buồn

*Ừ thôi, thì đã nát nhàu
Ừ thôi, tình cũng phai màu theo mưa...*

Ta vực mình trở dậy
Chiều dịu dàng bên song
Vẫn là màu nắng cũ
Sao nghe đời... hư không

*

Ta tìm ta không thấy
Ta tìm người mù tăm
Ta tìm tay bằng hữu
Cũng thôi đành... phù vân!

*

Vẫn biết... đời dâu bể
Trong cõi tình trôi pha
Thêm một lần buông bỏ
Cho nỗi buồn đi qua...

*Vùng Hoa Thịnh Đốn tháng 06/ 2018.
MH Hoài Linh Phương*

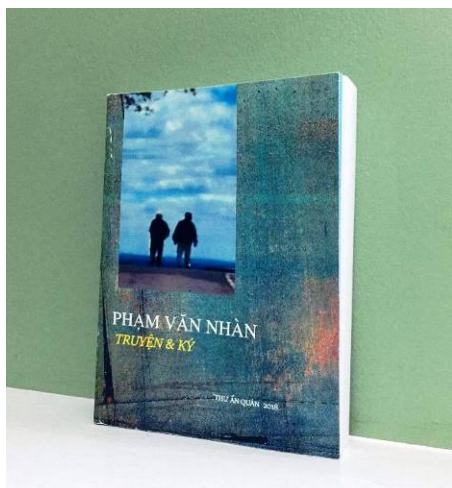
ĐƯỢC MÙA

LTS: Trong mùa xuân và mùa hè 2018, nhà xuất bản Thư Án Quán và tạp chí Thư Quán Bản Thảo đã cho ra đời những tác phẩm sau đây:

- **Truyện và Ký** của Phạm văn Nhân
- **Dặm Trường**, truyện dài của Trần Doãn Nho (tái bản với nhuận sắc)
- **Truyện và tạp văn cực ngắn** của Nguyễn Âu Hồng
- **Biển Khuya** truyện của Cao Thanh Tâm
- **Truyện ngắn thời chiến** của Trần Hoài Thư

Chúng tôi xin trích một chương (nếu là truyện dài) hay một truyện/ bài văn tiêu biểu của mỗi tác phẩm, để giúp quý bạn có cái nhìn rõ hơn về tác phẩm. Và để cùng chia sẻ niềm vui của chúng tôi: Chỉ với máy móc nghèo nàn thô sơ, và trong hoàn cảnh khắc nghiệt của đời sống hiện tại, nhưng chúng tôi vẫn được bạn bè, bằng hữu tin cậy, giao cho những đứa con tinh thần mà tác giả ưng ý nhất để chúng tôi chăm sóc xuất bản. (TQBT).

PHẠM VĂN NHÀN
truyện và ký



Sách dày 408 trang, khổ lớn

Liên lạc tác giả:

phamvannhan1942@yahoo.com

Nói chuyện với Ng~ về những tấm hình cũ

Những lần nhận email trước, bạn đã cho tôi biết ngày, giờ anh em họp mặt. Ở xa, nhưng sao tôi cũng nghe rạo rực trong lòng. Bạn nói cho tôi nghe những người bạn mà bạn và anh H. sẽ gặp nhau. Mẹ kiếp, ngày còn ở trong nước, chỉ cần một cuộc xe đồ thôi, mà còn đi không nổi để thăm nhau. Mấy năm miệt mài “lao động” chạy cái ăn bỏ hơi tai, làm gì có chút tiền dư, bạc để

mà đi thăm những người bạn một thời chơi trò chữ nghĩa. Nghĩ tới chuyện đi thăm bạn bè khi còn ở trong nước, thật buồn. Nhiều khi bạn bè đau ốm cũng chẳng hay hưởng hồ tham gia làm việc này việc nọ....

Thế mà bỗng dưng hôm nay bọn mình gặp lại gần đủ, phải không. Người gặp cuối cùng hôm nay là Lê Văn Trung, cậu ta đang làm rẫy làm nương ở một vùng Kinh tế mới tại Long Khánh. Như vậy là đủ hết rồi. Ngoại trừ một vài con chim “ lẻ bạn ” đi kiếm ăn riêng rẽ. Nhưng rồi bạn xem, một vài con chim đó rồi cũng chết khô héo trên cành với những giọt máu ứa ra từ một cái “ mỏ ” từng gõ cửa nhà quan, và từng làm cho bạn bè khổ đau. Trong đó có bạn và anh H..

Ngày họp mặt. Những gương mặt bạn bè một thời lại hiện rõ

trong tôi, nào: Phạm Ngọc Lư, nào Mang Viên Long, nào Võ Tấn Khanh, nào Lê văn Thiện, nào lão thiền sư Đặng Tấn Tới, Nào anh Trần Huyền Ân, và còn nhiều người nữa không đến được vì lý do này, lý do nọ, như TTM, như LVT...Nhưng chúng ta phải thông cảm: thời buổi khó khăn đi đứng. Còn như N.M thì ở xa quá, Sài Gòn, lại mang chứng bệnh đau bao tử, đi đứng chắc cũng khó khăn lắm, thế mà vẫn còn viết và làm cái nhiệm vụ là: đem chút nguồn vui nho nhỏ đến cho bạn bè mình. Nghĩ, cũng phải cảm phục cho cái anh chàng nhỏ con này.

Rồi lại nghe bạn nói: Phạm Ngọc Lư đi xe đò từ Đà Nẵng vào Bình Định để đón Mang Viên Long. Còn có cái tình nào hơn như vậy nữa đâu nào. Nghe, để bao nhiêu cái thân thương ngày nào trở về trên mái tóc đã điểm sương hôm nay. Tôi trân quý từng gương mặt

bạn bè. Tôi hình dung từng gương mặt bạn bè. Để rồi, tôi cứ chửi đổng mãi: mẹ kiếp, ngày còn ở quê nhớ bạn bè mà không thể nào đi thăm được. Như hôm nay, tôi nhận được lá thư của Võ Tấn Khanh, nhắc lại khi VTK đứng đợi mưa dưới hiên phố ở Phan Rang bên cạnh người đồng nghiệp cũ, nói nhỏ với VTK là có gặp tôi ở PT, và tôi nhắn lời hỏi thăm. VTK nhìn người thầy cũ (đồng nghiệp) mà e dè, không dám hỏi nhiều, chỉ ừ hử qua loa. Năm đó đâu khoảng 83, 84 gì đó. Cái năm vẫn còn phải dè dặt lời ăn tiếng nói và nghi ngờ...

Bây giờ bạn bè lại trùng phùng hội ngộ. Trùng phùng hội ngộ nhưng vẫn còn thiếu vài ba anh em, nào: Trần Hoài Thư, nào Phạm Cao Hoang ,và cả tôi nữa. Hội ngộ, để như ngày nào bọn mình gặp nhau nơi thành phố có núi Nhạn, sông Đà chia nhau từng điều thuốc. Chia nhau từng bữa ăn đạm bạc trong ngôi nhà tạm bợ của bố mẹ bạn khi phải lánh cư về thành phố để tránh đạn, tránh bom nơi thôn quê. Cũng như trong ngôi nhà của PCH. Hội ngộ vài ba anh em để ngồi nhìn trăng Nguyên Tiêu chiếu sáng trên đỉnh núi Nhạn mà nhớ bạn bè năm xưa năm xưa: nghìn trùng xa cách, mà nhớ lại những năm tháng đã qua. Những người bạn hôm nay đầu đã bạc mà vẫn còn nằm với nhau trên một chiếc chiếu để nhắc lại cho nhau bao kỷ niệm mà nhìn vàng trắng sáng trên phố xưa để cho những kỷ niệm xưa đó lảng đãng, thấm dần trong từng tế bào trí nhớ. Đêm yên tĩnh lạ lùng. Yên tĩnh trên phố xưa nhỏ bé. Yên tĩnh trên dòng sông, trên núi tháp. Để rồi: *mời mòn tiếng sóng nghe chung. Bờ Tây rụng tóc...bờ Đông bạc đầu.* Để rồi với bao kỷ niệm còn đó in đậm trong tâm hình cũ mà bạn gọi từ quê nhà qua cho tôi, gồm có: PNL, THT, NLU, PVN. Và rồi, từ Seattle,

PCH cũng lại gọi đến THT thêm một tấm hình cũ nữa, gồm có tôi và THT.



(Phạm Ngọc Lư, Trần Hoài Thư, Nguyễn Lê Uyên, Phạm Văn Nhân)



(Phạm Văn Nhân, Trần Hoài Thư)

Những tấm hình cũ này các bạn còn giữ lại qua một thời gian dài mà tôi với THT không có được. Nếu hôm nay tụi mình không gặp lại thì những tấm hình này tôi với THT không bao giờ thấy lại những kỷ niệm khó

quên của một thời rất trẻ. Nhìn hình, rồi đọc lại những dòng chữ viết của bạn trong thư: *lính gì mà ốm quá, thua là phải*. Tôi cười một mình. Mà quả thật. Ốm thật. Nhìn hình, thấy hai thằng lính như: thiếu ăn thấy rõ. Phải rồi. Nào gạo sảy dài dài thì làm sao mập nổi phải không bạn? Có người còn gán cho tôi cái tên: Nhàn xì ke nữa có sao đâu. Tôi nhớ lại, tụi mình gặp nhau sau tết Mậu Thân 68. Nhìn hình, qua hai gương mặt của bạn và PNL nổi đăm chiêu hiện rõ trên gương mặt của hai ông giáo trẻ, dưới đội kính đòi mỗi cận nặng. Đăm chiêu cũng phải; vì năm đó, chiến tranh đã thật sự đi vào thành phố. Nổi bình yên của những ông giáo trẻ không còn được yên ổn đứng trên bục trước đám học trò trung học của mình. Đăm chiêu như những câu thơ của Nguyễn Cát Đông năm nào:

“ Vắng nghe tiếng trống trường thành

“ Với câu chinh phụ còn quanh chỗ ngồi

“ Người xưa, người đã đi rồi

“ Còn đây tiếng phấn nhẹ rơi giữa ngày

Còn tôi và THT thì sao? Đã dấn thân vào nghiệp binh đao có đăm chiêu rồi cũng thế thôi. Cái chết lúc nào cũng chờ bên cạnh. Thôi thì ta cứ vui được lúc nào hay lúc đó. Nhìn hình, và tôi nhắc lại một chút kỷ niệm cho bạn nhớ. Tết mậu Thân năm đó, nghĩ cho cùng, tin hay không tin, con người ta có mạng số cả bạn ạ. Tôi nhớ, sáng 30 tết, nhận lệnh rút đơn vị ra khỏi “ địa bàn ” hoạt động. Để cho 405 thám kích của THT nhảy vào an ninh khu phố. Hình như ấp Huyền Trân thì phải, chỗ cây xăng Ông Tề dẫn vào phố Qui Nhơn. Tôi nhớ đêm đó, chó sủa dữ trong xóm lao động gần mé đầm Thị Nại và bên kia đường rầy xe lửa, dưới chân núi Bà Hòa. Mẹ, chó đâu mà sủa dữ vậy.

Đám con cái của tôi vẫn nói: người ta sấm tết mà. Mà tết thật. Giao thừa, súng nổ dữ, để sáng mừng một chiếc hoa mai vàng trên ngực áo trận của THT nhuộm máu thật sụ. Một viên đạn AK của người bên kia núp trên lầu, trong khu phố đã bắn THT trọng thương bên ngực phải. Nghe tin THT bị thương, ngấm lại mình, nếu không bàn giao khu vực đó cho 405 của THT, thì chắc tôi lãnh viên đạn đó chứ không phải THT. Thế mà sau khi vết thương lành, hai thằng rủ nhau về núi Nhạn, sông Đà để thăm bạn bè, và vẫn còn giữ nguyên nụ cười trong tấm hình mà bạn đã gọi ra cho tôi.

Hôm nay ngồi nhìn hình cũ, tức mà chửi thề một mình. Cái thời mà chỉ có : chạy chốt, đứt lốt, con ông cháu cha mới về chỗ sướng làm việc. Còn những thằng lính” ốm tong ốm teo “ như THT, như Lê Văn Thiện và nhiều người khác nữa, cho dù tác phẩm có in ra, truyện ngắn, truyện vừa có xuất hiện hết tạp chí này đến tạp chí khác thì vẫn là dân bộ binh, lội miết hết rừng này núi nọ, sống chết kệ bay. Chẳng có ông Tư Lệnh nào kéo về làm nhiệm vụ: chính trị, báo chí cho sư đoàn. Mà ngược lại, những kẻ chẳng cầm bút bao giờ lại kéo về ngồi trong bóng mát làm báo, làm chí.

Sáng mừng một tết năm đó, nghe THT bị thương tôi lại ngậm ngùi cho số phận của những thằng lính như chúng tôi. Để rồi những năm sau đó với tấm thân : *lính gì mà ốm thế* lại tiếp tục trả nốt cái kiếp con tầm nhá tơ trong mấy năm tù tội.

Mấy mươi năm rồi, hai tấm hình của bạn và của PCH gọi qua hôm nay cho chúng tôi gọi lại cho tôi nhiều kỷ niệm của cái thời rất trẻ và đam mê “ gùng nghề ” đó. Cái kỷ niệm rất sáng, chẳng có một bọt mây mù nào che khuất như ánh trăng rằm Nguyên Tiêu của năm

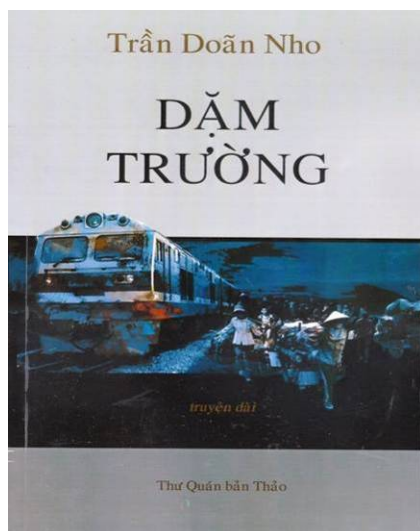
2003, mà các bạn gặp mặt, để ngồi uống với nhau một chung trà đậm ngát hương sen, nhìn ánh trăng trải dài trên giòng sông Đà như dòng sữa chiều xuống mái nhà lá của bạn, mà nhớ lại bạn bè năm xưa tản mát khắp nơi.

Bạn nói: PNL đang vô ĐĐ để đón MVL cùng về. Tôi lại nhớ vùng đất mà tôi đã qua lại nhiều lần trong chiến tranh. Khi đơn vị tôi còn đóng quân ở Phù Cát. Rồi bạn lại nói VTK từ PR ra. Tôi lại nhớ cái xứ Thuôn nơi VTK lớn lên. Xứ Thuôn mát rượi bởi vườn cây ăn trái và những dây trầu xanh mượt, khi tôi về đóng quân ở Tháp Chàm. Và dòng sông Dinh, cây cầu Mống, nơi đây tôi với THT lại có rất nhiều kỷ niệm cho những tháng thật khó quên trong đời quân ngũ. Bạn bè còn đó, đủ hết mà, có thiếu ai đâu, chỉ thiếu có Tô Đình Sự, và bây giờ lại nghe bạn nói nhà thơ Nguyễn Lê Tuấn dân Phan Rí Cửa vừa mới bỏ cuộc chơi ở quê nhà vào ngày 24 tháng 2 năm 2003 vì bệnh đau màng óc.

Đêm trăng Nguyên Tiêu như một dòng sữa ngọt ngào trên những mái đầu đã nhuốm bạc gặp nhau. Và cái vui nhất đời của bọn mình mà tôi đã nói với bạn trong TQBT 9 là: các bạn dù ở xa chúng tôi, xa độc giả của TQBT hằng nửa vòng trái đất mà vẫn không bao giờ thấy cô đơn, khi mà tôi nghe bạn nói chị X.H gọi điện thoại từ Nam Cali về nhà chúc tết bạn và PNL. Đó chính là dòng sữa ngọt dành cho bọn mình đó. Tôi tin là, sau chị X.H còn trăm ngàn chị X.H nữa không bao giờ quên các bạn đang sống nơi quê nhà. Với tôi, biết nói gì hơn là: cảm ơn chị X.H cùng nhiều độc giả khác của TQBT đã dành cho những anh em cầm bút cũ nhiều tấm lòng. Tấm lòng của những độc giả phương xa.

(TQBT 10)

TRẦN DOÃN NHO



Sách dày: 498 trang , khổ lớn
Bìa Nguyễn Trọng Khôi
Kỹ thuật in ấn: THT
Tái bản với nhuận sắc

Một chương trong Dặm Trường

... Thuận chờ hàng đến chỗ an toàn xong, trở về.
Hong hỏi:

- Hàng chừng đó đủ để nhập cho công ty chưa?

Thuận lăm li nhìn nàng, không nói, đi thẳng xuống bếp, rửa tay.

Rửa ráy xong, Thuận chẳng nói chẳng rằng, lấy xe đi. Hong đóng cửa, vào phòng, ngồi đọc tiếp “Hong Ngọc”. Chốc chốc, nàng gấp sách, nhìn ra cửa, nghe ngóng, đợi. Đợi mãi, vẫn không thấy Thuận về. Lại đọc tiếp. Đến đoạn người cha khuyên cô con gái độc nhất của mình đi sống thử với người bạn trai mà cô vừa quen trước khi quyết định đám cưới, nàng gấp sách lại, ngẫm nghĩ vu vơ. Đời sống ở Mỹ “đã” thật. Đàn bà, con gái yêu đương tinh bơ, không hề lụy gì vào chuyện đạo đức, danh giá như ở Việt Nam, nhất là ở Huế. Nàng mỉm cười, thì nàng cũng vậy chứ sao! Nàng đã thoát khỏi những chuyện linh kinh về đạo đức, danh giá từ lâu. Nàng sống cho mình, đơn giản, thoải mái. Con gái cưng của một gia đình giàu có thì được gì! Cô giáo dạy văn chương thì được gì! Vợ hiền lý tưởng của một ông thầy dạy toán thì được gì! Rõm. Nàng đã thoát, thoát hẳn. Thoát hẳn cái thế giới hẹp hòi của những đàm tiếu, thị phi, chê bai, phỉ báng.

Hơn chín giờ tối. Thuận vẫn chưa về. Hong cất sách, đi ngủ.

Tỉnh giấc, không thấy Thuận nằm một bên, nàng nhìn ra phòng khách. Đèn sáng. Nàng ngồi dậy, bước ra. Thuận ngồi bệt giữa sàn nhà, tỉ mỉ kẻ bút chì đen

lên những miếng trâm. Năm, sáu vỏ bia nằm lăn lóc chung quanh. Hồng đặt nhẹ tay lên vai Thuận:

- Thuận về bao giờ thế?
- Mặc tôi!
- Gì vậy? Giận à?

Thuận gỡ tay Hồng ra:

- Ai thêm.

Hồng túm cái “rốp” ngủ ra phía trước, ngồi xuống sàn nhà, đưa tay lấy miếng trâm lên xem. Thuận dẫn lấy:

- Đừng có đụng đến. Mặc tôi!

Thấy Thuận mặt mày đỏ gay, đôi mắt toát ra những tia nhìn hung dữ, Hồng biết là anh đang giận. Giận thì thôi! Hồng lặng lẽ đứng dậy, trở vào phòng, nằm nghiêng người nhìn ra. Bóng Thuận đổ dài cả phòng. Thân hình to, khỏe. Tóc rử dài quá gáy. Trông anh tựa tựa như một quái nhân trong hang động của các phim kiếm hiệp Hồng Kông. Với người đàn ông này, mọi sự trở nên vô cùng đơn giản. Thuận chỉ biết giận chứ không biết hờn. Thương, ghét rạch ròi. Nhìn nét mặt hay quan sát một cử chỉ nào đó là có thể đoán ngay được anh ta đang nghĩ gì. Nhiều lúc thấy Thuận ngồi có vẻ như đang trầm tư, Hồng hỏi này Thuận đang suy nghĩ gì trong đầu vậy, anh trả lời, chẳng có gì. Mình không tin, nhất định Thuận phải có nghĩ một cái gì trong đầu. Thuận nói không có gì hết, tại sao phải nghĩ cho mệt. Hồng tin Thuận. Sau bao tháng ngày chung sống, nàng biết rõ anh chẳng có gì trong đầu thiệt. Mà nếu có, thì chắc Thuận cũng chẳng có đủ chữ để diễn tả ra. Trong đầu anh ta nhất định chẳng có thơ phú, không có ca dao, không có những tư tưởng rườm rà. Làm gì mà có những “tôi nhìn tôi trên vách”, “cũng đành”. Làm gì có “hai sắc hoa ti-gôn” hay “diễm xưa”,

“bây giờ tháng mấy”. Cái thế giới chữ nghĩa mông lung ấy chẳng có một mây may tác dụng gì với Thuận. Chúng không hiện hữu.

Có lẽ vì thế mà hai người ít khi giận nhau. Hoặc nếu có giận thì cơn giận cũng chóng qua. Không như hồi còn ở với Thiết. Hai người rình mò, dò dẫm, soi mói từng cử chỉ, từng lời nói, từng cách biểu lộ tình cảm của nhau. Để rồi ray rứt, đay nghiến, than thở, giận hờn, trách móc. Nàng luôn luôn phải thủ thế, đề phòng. Nàng giấu giếm những cảm giác thật của mình. Ngay cả trong những lúc ân ái, nàng cũng dè xẻn, chống chọi với mình để tránh những biểu lộ thỏa mãn quá đáng, vì sợ chồng hiểu lầm. Rõ ràng là nàng chỉ sống vì cái khác. Sống vì danh nghĩa và vì chữ nghĩa. Với Thuận, nàng sống tràn trề, thỏa mãn, khỏe khoắn.

Nghĩ ngợi băng quơ, Hồng thiếp đi trong chốc lát. Chợt có ai bầu mạnh vào vai. Nàng kinh hoàng mở mắt ra định la lên. Một bàn tay mạnh mẽ bịt miệng nàng lại. Thuận. Nàng bật cười hỏi hết giận rồi sao Thuận. Thuận chẳng nói chẳng rằng, chồm tới, thân hình trần truồng phô ra những bắp thịt cuộn cuộn. Tia nhìn man dại, sôi sục. Từ ngày ở với nhau, chưa bao giờ nàng thấy một Thuận có vẻ khác thường như thế này. Nàng cuống cuống sợ hãi, dịch xuống cuối giường. Anh nắm cổ áo Hồng, kéo lại. Hồng cưỡng. Thuận đè tay nàng, giựt mạnh. Xoẹt! Một âm thanh khô khan kêu lên. Chiếc áo Hồng toạt ra. Thuận nắm phần áo còn lại, giựt tiếp. Hồng chống cự yếu ớt. Thuận xé ngang xé dọc. Chỉ trong chốc lát, chiếc rốp rách thành nhiều mảnh, rơi xuống nền nhà. Hồng trần truồng, run rẩy, kêu nhỏ:

- Thuận!

Hai tay Thuận nắm chặt hai cánh tay Hồng, nhìn trân trối. Bỗng anh đưa tay tát mạnh vào má Hồng. Hồng nhắm mắt lại, choáng váng. Nàng chưa kịp phản ứng thì một cái tát nữa rơi vào má bên kia. Đầu óc nàng điên đảo. Nàng mở mắt, nhìn trân vào khoảng ngực chắc, khôe của Thuận vục đầu vào cắn. Thuận dẫn mạnh ra, đưa tay chỉ vào thân thể mình, giọng khàn đục:

- Này, mày xem thân thể tao này. Con nào cắn, con nào bầu, con nào cào. Chỉ có tao mới để cho mày hành hạ như thế này. Có thằng nào chịu cho mày cắn, mày xé hả? Mày nhìn đây, có thằng nào, hả? Trừ tao ra, mày biết không? Trừ tao ra, trừ tao ra.

Hồng không nói không rằng, vùng vẫy. Thuận thờ phì phò. Tay Thuận nói lỏng. Hồng dùng hai tay đánh bình bình vào người Thuận, rồi cào, cào trên khoảng da thịt chắc nịch. Hai người đổ xuống giường, lăn lộn.

*

Hồng ngủ vùi mê mết.

Ánh nắng mặt trời chiếu xuyên qua khung cửa gương chói chang đánh thức nàng dậy. Thuận không có một bên. Nàng tung mền lao xuống giường. Chợt thấy thân thể hầy còn trần truồng, nàng hoảng hốt lấy mền trùm lại. Nhìn quanh. Thấy cánh cửa phòng vẫn còn đóng kín, nàng yên tâm buông mền ra. Chiếc “rốp” ngủ tả tơi nằm ngay dưới chân giường. Nàng bật lên, cột chặt bằng sợi dây lai áo. Mím cười vu vơ. May mà lần này là áo cũ, nàng nhủ thầm. Bao nhiêu áo quần đã tả tơi theo cơn cuồng loạn, Hồng chẳng còn nhớ rõ.

Thay áo quần xong, nàng đi quanh các phòng. Hai

đưa con đã đi học. Hàng hóa Thuận lui cui làm hồi hôm không thấy. Chắc Thuận đã mang hết hàng đi. Nàng đứng trước tấm gương lớn của cái tủ áo quần trong phòng khách, ngắm nghía. Vẫn cô Hồng nhỏ nhắn, mảnh khảnh yêu đời. Nàng nghiêng hai bên má để nhìn cho kỹ. Mấy cái tát nẩy lửa của Thuận chỉ để lại một vết đỏ mờ nhạt nằm phía dưới mang tai trái. Chưa đến nổi nào. Nàng xoay người, cảm thấy cánh tay phải ê ẩm. Xắn tay áo lên, thấy dấu răng của Thuận còn để lại những vết tím bầm.

Hồng lấy xe đạp, đạp qua cầu Đông Ba. Nắng sáng chan hòa trên giòng sông Gia Hội. Gió sớm phơn phớt lạnh luồn qua áo, mơn man trên thân thể. Qua cầu, gió mạnh hơn. Nàng đưa một tay túm cổ áo lại, rung mình, khoái cảm. Người cảm thấy nhẹ nhàng, thoải mái, đầy ắp sinh lực, tưởng chừng như trẻ lại, đang trở về cái thời vô tư xưa cũ ngày nào. Xuống khỏi cầu, định về phố, nhưng Hồng đổi ý, đi thẳng vào cửa Đông Ba. Đạp dọc theo đường Thượng Thành, quẹo vào một đường hẻm có hàng chia tàu ở hai bên đường cao quá đầu người. Gặp một con đường đâm ngang, lại quẹo nữa. Đi quanh đi quất chợt thấy khung cảnh quen quen, nàng nhận ra cái cổng với hai cột trụ xi măng quét màu vàng của nhà Lục. Nàng đạp chậm lại, bồi hồi. Có nên tạt vào thăm anh chàng một chút? Phải chi có mang theo cuốn “Hồng ngọc” thì hay biết mấy! Nhưng nàng đã đọc xong đâu. Thôi, để khi khác. Chợt nhớ đến Thanh, nàng đạp thẳng đến nhà Thanh. Thấy Hồng, Thanh ngạc nhiên:

- Sao biết tôi ở nhà hôm nay mà ghé đến vậy?

Hồng ngơ ngác:

- Tôi làm sao biết hôm nào bà ở nhà.

- Vậy thì sao bà đến giờ này?

Hồng bật cười:

- Tôi không hẳn định đến đây. Đang đi vòng vòng, sức nhớ đến bà, ghé chơi. Có thì tốt, không thì đi tiếp.

Thanh kéo ghế cho Hồng ngồi, nói:

- Bà là kẻ sung sướng nhất trần gian.
- Sao vậy?
- Thì bà nhìn quanh mà xem, thiên hạ ai cũng đầu tắt mặt tối, mong sáng ra là chạy đôn chạy đáo kiếm tiền. Chỉ riêng mình bà là đạp xe đi thần thơi, không mục đích. Y như hồi còn học sinh không bằng.

Hồng gục gặt đầu:

- Thì bà nghĩ xem, tôi đâu có biết phải làm gì.
- Ấy là vì bà có người lo rồi, chứ nếu không thì...

Hồng lãng sang chuyện khác:

- Mà hôm nay sao bà ở nhà vậy?
- Ngày qua ở cơ quan có hội nghị đến khuya, công đoàn cho chia nhau nghỉ bù.

Hồng đề nghị:

- Hay là bọn mình đi đâu đó chơi hè?

Thanh lắc đầu:

- Nghĩ được một ngày, phải tranh thủ lo việc nhà. Anh Vân đi Sài Gòn lại rồi.

- Sung sướng nhỉ!

- Đừng khen. Bọn này tìm cách vào Nam đấy. Không được hồn nhiên như bà đâu.

Hồng ngạc nhiên:

- Vào Nam? Ông bà có công ăn việc làm ổn định vậy, sao lại bỏ đi?

- Ổn định cái gì?

- Thì bà là cán bộ công nhân viên, còn ông thì là cán bộ hợp tác xã.

Thanh hạ giọng:

- Bà biết rồi, họ đâu có tin tui mình. Làm thì làm vậy, chứ mai kia một nọ, không ai biết đâu. Mà lại, đồng lương chẳng ăn nhập gì đến thị trường hết trơn. Minh lo tính sớm thì hơn. Trong Nam dù sao cũng dễ thờ. Chẳng ai biết mình là thứ gì.

Có tiếng bà mẹ chồng từ trong gọi ra:

- Thanh ơi, vào xem mấy cái thùng này cất ở đâu, mạ chẳng biết.

Thanh đứng dậy:

- Bà ngồi chơi nhé. Hôm nay bà cù dọn phòng. Bà trở chứng muốn dời qua ở phòng cũ của ông cù.

Thấy Thanh có vẻ bận bịu thiệt tình, Hồng đứng dậy:

- Thôi tôi về. Khi khác lại chơi. Bà lo việc của bà đi.

Hồng bước xuống tầng cấp. Thanh bỗng gọi giật:

- Hồng ơi, quên nói chuyện này. Anh Vân gửi thư ra nói có gặp anh Thiết. Anh đứng bán nước mía đâu ở bên Bạch Đằng. Bà biết chưa?

Nghe nhắc đến Thiết, Hồng dừng lại. Nàng đứng sững, thở dài:

- Thế à!

Rồi đạp vội đi.

*

Vừa bước vào phòng, Hồng giật mình lùi lại, kinh hãi. Giường ngủ, sàn nhà ngập đầy sách báo, giấy vụn. Tất cả như vừa trải qua một cuộc đập phá kịch liệt. Nhà nàng vừa bị ăn trộm? Nàng chạy quanh thử các chốt cửa, ổ khóa. Mọi thứ vẫn nguyên vẹn. Phòng

nàng, đồ đạc đâu vẫn nằm đó. Chỉ có cái tủ sách nhỏ đặt ở góc phòng và kệ sách để ngay trên đầu giường là bị xáo trộn. Hai cánh cửa tủ mở toang. Một cánh chỉ còn dính với bản lề ở phần dưới. Tủ trống trơn. Trên kệ sách, chỉ có một cuốn tự điển *Larousse* cũ kỹ nằm đó, mở ra, nhiều trang giấy bị xé toạt. Hai giòng nước mắt chảy dài trên má, âm thầm giọt xuống đất. Nàng đứng như trời trồng giữa phòng, thất thần.

Mãi một hồi lâu, Hồng mới định tĩnh. Nàng ngồi sụp xuống nền nhà, bò quanh, rờ rẫm từng cuốn sách, từng mảnh giấy vụn. Những cuốn vở ghi chép, sổ nhật ký, lưu bút đều bị xé vụn. Cuốn “*Một thời để yêu một thời để chết*” nàng mới mượn của Lục bị xé rách nát, bìa theo đảng bìa, giấy theo đảng giấy. Cuốn tự điển bỏ túi đứt làm hai. Những tờ tạp chí *Văn*, *Bách Khoa*, *Phổ Thông*, *Mai*, mấy cuốn truyện *Tuyết trên đỉnh Kilimanjaro*, *Ruồi trâu*, *Con đường đau khổ*, *Sông Đông êm đềm*, cuốn thì bị xé bìa, cuốn thì bị xé thành ba bốn phần, cuốn thì bị xé ngang từng xấp. Hân Thuận đã dồn cả nỗi tức giận vào những cuốn sách vô tri vô giác. Nàng tưởng tượng cảnh anh ta đổ mặt tía tai, lồng lộn cầm từng cuốn một, tìm cách xé nát. Vừa xé, vừa ném, vừa chửi thề. Không còn cuốn nào là nguyên vẹn.

Hồng đứng dậy, lặng người nhìn những trang báo, những bìa sách, bụi ngùi cảm nhận một nỗi mất mát lớn lao trong cuộc đời. Bình thường, chúng nằm đó, im lặng, vô hồn y như bao đồ vật cũ kỹ khác trong phòng. Nhiều cuốn, lâu lâu nàng mới đụng đến. Như cuốn lưu bút những năm học đệ thất, đệ lục chẳng hạn. Cuốn tự điển Anh Việt bỏ túi của Lê Bá Kông chẳng hạn. Nhưng chúng là một phần đời của nàng. Những kỷ niệm, tưởng chừng như lãng quên, thực ra vẫn còn nằm

gọn gàng ở một góc hẹp nào đó của ký ức, luôn luôn chực chờ cơ hội để sống dậy. Bây giờ chúng nằm trần trụi ở đó, tan nát, thương tổn nặng nề sau cơn cuồng nộ của một kẻ ngoài cuộc. Thuận, kẻ ngoài cuộc! Hơn lúc nào hết, ngay lúc này, nhìn những dấu vết tươi rói của cuộc bạo hành, Hồng mới cảm nhận được hết sự gần bó tạm bợ của hai người. Họ sống với nhau, nhưng luôn luôn ở ngoài nhau.

Nàng chợt nhớ lại cảm giác của mình trong đợt truy quét văn hóa thực dân mới hồi mới giải phóng. Lúc đó, đứng trước đồng lửa cháy ngùn ngụt thiêu đốt hàng chục ngàn sách báo xuất bản trước năm 1975, trong cái không khí đầy kích động của cuộc đổi đời, Hồng cảm thấy đứng đưng lẹ lửng. Cô giáo Hồng vui vẻ nhận sự phân công của ban giám hiệu, thúc dục học sinh ném từng chồng sách báo vào đồng lửa. Chính nàng cũng hồ hởi ném, đốt, lòng vui vẻ y như đang được người lớn cho đốt vàng mã hồi còn nhỏ. Đốt cho mau để còn vào ăn của cúng! Thỉnh thoảng, nàng đích thân khều lên một cuốn nào đó bị ép sâu dưới đồng tro hồng, để cho cháy hết. Chẳng có gì đáng phải bùi ngùi tiếc nuối. Thôi thì cái gì đã qua, cho qua, dọn mình sạch để đi vào cuộc sống mới, nàng nghĩ bụng.

Bây giờ, cô giáo Hồng mất dạy nhìn đồng sách vở tan nát, có cảm giác như mỗi một mảnh giấy, mỗi một vết xé là một thương tích đau đớn trên da thịt mình. Và trên tâm hồn mình. Hồng bò quanh, nhặt từng mảnh giấy, từng cuốn sách, từng cuốn vở rách nát đưa lên môi hôn, nước mắt ràn rụa.

Té ra Thuận không đơn giản như nàng vẫn nghĩ!

(Dạ Trường – chương 22 trg 254-262)

nguyễn âu hồng



THU AN QUAN
2018

Tác phẩm thứ 5 của Nguyễn Âu Hồng

Trình bày bìa: THT

Dàn trang: Nguyễn Âu Hồng

In ấn: THT

Biên tập: Trần thị Nguyệt Mai

Sách dày 174 trang

Liên lạc: nguyenauhong@yahoo.com

Những Phận Đời Trôi Giạt.

Bà con ngư dân ở Bãi Trủ, Bãi Me ngoài đảo Hòn Lớn (Nha Trang) bị buộc phải dời cư vào Hòn Xện, nhượng đất lại cho công ty Vinpearl làm du lịch. Họ không chỉ dời cư mà còn phải bốc dời cả mồ mả ông bà. Như vậy cũng tiện, con cháu đi đâu, mồ mả và bàn thờ tổ tiên đi theo đó. Nhưng, bỗng dưng bị tách khỏi không gian sống truyền thống, người dân cảm cộc tiền đền bù mà nhìn nhau, ngơ ngác...

Cũng là Hòn, nhưng Hòn Xện nằm trong đất liền, giữa đường từ Hòn Chồng ra Bãi Tiên, còn Hòn Lớn là hải đảo nằm giữa biển. Đảo Hòn Lớn NT (cần nói rõ vì huyện Vạn Ninh cũng có đảo Hòn Lớn) vừa tạo cảnh quan kỳ tuyệt vừa che chắn, bảo vệ thành phố Nha Trang khỏi phong ba, bão tố và chỉ cách đất liền có 5 km tính từ Mũi Nam vào bờ. Trên đảo có những làng dân như: Bãi Me, Bãi Trủ, Vũng Ngán, Bích Đàm. Bãi Tùng Lâm, Đàm Già và Đàm Báy cũng có người ở, nhưng chỉ thừa thớt mấy nhà. Đảo có chiều dài trên mười cây số từ Mũi Nam phía tây trải dài ra khơi theo hướng đông-nam đến Mũi Điện ở cực đông. Sao có chuyện Mũi Nam mà lại nằm ở phía tây? – Nam đây là gió Nam, là mồm đá hứng gió Nam. Đảo Hòn Lớn có núi cao - cao 505m, rừng rậm, hình dáng lồi lõm với nhiều vách đá, gành đá, nhiều đầm vịnh và bãi biển. Những đầm vịnh và bãi biển này như những đường cong tuyệt mỹ của thiên nhiên, đẹp như tranh vẽ, đẹp như trong mơ. Làng quê mình đẹp, làng biển mình đẹp, ai chẳng tự hào. Nhưng cũng chính vì cảnh quan kỳ tuyệt, vì vẻ đẹp đầy sức quyến rũ này mà người dân

đảo lâm vào cảnh khốn đốn. Như một bông hoa đẹp tỏa hương khoe sắc chào mời ong bướm, Hòn Lớn thu hút các nhà đầu tư phát triển du lịch. Bãi Trũ là điểm ngắm đầu tiên, vì ngoài cảnh sắc thiên nhiên, nó còn được Cty Bùi Chạn hợp tác với thanh niên Vĩnh Nguyên, trong thập niên 80, trồng hàng trăm cây dừa, chết một nửa, hiện nay còn một nửa. Ngoại quốc đổ tiền vào, ký kết với giới chức thẩm quyền và ngư dân bản địa bị buộc phải ra đi. Đang an cư lạc nghiệp, bỗng dưng người dân trở thành những số phận trôi giạt... Như biết trước định mệnh cay nghiệt, hai ông Hai Huynh, Sáu Đór đã treo cổ tự tử, nhưng rồi mò mà cũng không được yên. Sáu Chê, Bốn Chảnh, Đức-Cúc, Chín Lớn... bị cờ bạc bịp lừa hết tiền. Tám Khi, Hai Thắng, Bốn Lượm, ba người từng là chủ ghe, chủ nghề, vào Hòn Xên không còn chỗ kéo trủ, chạy xe ôm rồi lấy gái bia ôm khiến gia đình tan nát hết. Những người khác thì sa vào rượu chè, khi hết tiền, hóa điên hóa khùng. Đàn bà không còn phụ kéo trủ, dất mực, xẻ mực, muối cá, đan lưới... mà đi làm công nhân quét dọn...

Ngoài khách sạn 5 sao xây dựng ngay trên đất trước kia là nghĩa trang ở Bãi Trũ, Vinpearl còn xây khu liên hợp giải trí ở bãi Xương Tế và hàng loạt khu biệt thự ở Bãi Me, Đàm Già. Chưa hết, họ làm cáp treo qua biển và gắn lên Hòn Lớn chữ Vinpearl to đến nỗi từ trong bờ nhìn ra thấy hòn đảo cao 505m chỉ còn là cái giá đỡ. Nói chung, ngoài việc giẫm nát những phận đời, họ còn phá nát cảnh quan. Trong đau xót, bà con chỉ biết ngửa mặt lên trời mà hỏi: quản lý đất nước kiểu gì, phát triển kiểu gì?

Phát Triển Mang Hình Thái Cường Quyền Hoang Dã?

Trong mấy thập niên trở lại đây, trước trụ sở các cơ quan trung ương ở Hà Nội, Sài Gòn, Đà Nẵng... thường thấy những nhóm thường dân tụ tập để kêu oan về đất đai. Những “quần chúng nhân dân” này bị đuổi ra khỏi không gian sống truyền thống, bỗng dưng trở thành những số phận trôi giạt. Tiếng kêu của “dân oan khiếu kiện” và tiếng rên siết của những phận đời hẩm hiu tưởng chừng đã thấu đến chín tầng địa ngục, thấu đến lòng trời, nhưng không lay chuyển được lòng dạ của giới thẩm quyền. Họ vẫn tiếp tục bóp nát cuộc đời của dân nghèo, lấy đất, di dời cả mồ mả lăng miếu, để xây lên đó những lâu đài và gọi là phát triển. Phải chăng đây là sự phát triển mang hình thái cường quyền hoang dã?

Bán Đất Làng!

Tiếng Việt có chữ bán nước, không có chữ bán làng. Thật vậy, người ta - số ít là một người, số nhiều là một nhóm, một tập đoàn - có thể bán nhà, bán đất bán vườn, bán ruộng bán rẫy, bán bãi (cho người vượt biên chui), thậm chí buôn thần bán thánh, buôn vua bán chúa hoặc đổi quyền lợi của dân của nước hoặc giao cả đất nước cho ngoại quốc để mưu lợi riêng gọi là bán nước, nhưng không ai đi bán làng quê của mình. Làng không chỉ là vật thể đất đai, ruộng vườn, nhà cửa, bến

nước con đò, bãi kéo lưới, bến đậu thuyền, đình chùa, lăng miếu... mà còn có giá trị tinh thần mang tính thiêng liêng, là biểu tượng của tình quê gắn bó. Qua lịch sử đấu tranh của dân tộc, làng quê đã hình thành những định chế bền vững - phép vua thua lệ làng - tạo nên nếp phong hóa, nền văn minh và bản sắc văn hóa của người Việt. Dù gì cũng không nên tách rời người dân quê và ngư dân ra khỏi bản thổ làng quê, làng biển, vì như vậy sẽ làm họ mất dần bản thể của mình. Vì tiếng Việt không có chữ bán làng, nên đầu đề mẫu chuyện này tôi phải thêm chữ đất vào giữa - bán đất làng. Viết như vậy dễ hiểu và cũng dễ nhẹ tay gươm đao đánh khế với người đã lỡ vì chút lợi mà tiếp tay với giới thâm quyền, nhắm mắt bán đi làng biển quê mẹ cho công ty nước ngoài. Ông ta là một người con của Bãi Trủ, vào đất liền từ trước năm 1975, trong thời điểm đàm phán giữa các bên, là bí thư đảng ủy phường sở tại. Tôi nhẹ tay còn vì hiểu được tuổi thơ cơ cực của ông ta: mẹ chết, cha lấy vợ khác, ông sống với ông ngoại. Ông già đi ăn xin để nuôi cháu. Bà con người Bãi Trủ, Bãi Me dòi cư vào Hòn Xện muốn nặng lời, gợi ý mấy đầu đề như: “Bán đứng làng biển quê mẹ”, “Bán đứng đất đai mồ mả ông bà”, nhưng tôi không đồng ý, vì dù sao việc cũng đã dĩ lỡ mất rồi.

(Nguyễn Áu Hồng: Truyện & Tạp ghi cực ngắn trg 59-64)

CAO THANH TÂM
Biển Khuya



Dàn trang: Phạm Văn Nhân

Ấn loát: Trần Hoài Thư

Sách dày : 392 trang

Email: ThanhTamcao1942@gmail.com

Địa chỉ:

THANH TAM CAO
7217 WILLOW WIND CT
SACRAMENTO, CA 95828

MỘT MÙA ĐÔNG TAN TÀN...

...Chuyến tàu đêm bơ vơ tôi chấp chờn rơi vào mơ, con mơ đứt khoảng theo từng nhịp rung của chuyển tàu. Cũng như những chuyến tàu đêm khác cảnh vật hai bên đường lùi lại rồi biến mất trong mù sương chấp chùng, tôi ngồi yên mắt khô ráo, lòng tôi rất khô, cố nghĩ về một giai đoạn khác trong đời nhưng hình như cái biến cố tan tát của biển khuya lớn quá nên bất cứ khi nào buồn là những đợt sóng lạnh và hoang vu trong đêm lại dội về...từng đợt , từng đợt và tôi xuôi theo con sóng để tràn vào và cuốn đi xa khơi...Trong chấp chờn theo nhịp chuyển động đều đều buồn tẻ của những bánh xe bằng sắt chạm vào đường rầy như nghiền nát tâm hồn một người chỉ còn nhịp thở rất nhẹ. Bỏ mặc tâm hồn trôi dạt không biết đến những đâu tôi nhìn linh hồn chuyển mình và đổi thay...biển khuya đã xô tôi rớt xuống nước trên một con tàu quá đông người...rất nhiều người cùng rơi xuống như tôi trong đêm đen lạnh mịt mùng, tôi ngạt thở và lạnh rồi đuối sức mà vẫn nhận ra người thiếu phụ xinh đẹp, vợ của anh cũng đang trong tình trạng như mình, cách một khoảng nữa là Hạnh đang chói vói và Thư đang vùng vẫy...tất cả đang trong tuyệt vọng....

Từ trên thành tàu anh lao xuống biển với một chiếc phao, vợ anh bám được vì anh lao vào phía đó, nhìn quanh chạm phải đôi mắt tuyệt vọng của tôi, anh lặng lẽ quay sang Hạnh rồi Thư...và cuối cùng chiếc phao được Thư bám vào Sau lưng anh là Hạnh còn chói vói cũng vói được vào vai anh, quay sang nhìn tôi

đang buông tay...anh lạnh lùng quay đi....đâu đó trong không gian vắng tiếng khô lạnh của anh...tôi đã nhiều lần cứu em rồi....

Chìm dần xuống sâu tôi ngạt thở vùng vẫy để nổi lên mặt nước thì tỉnh giấc trong một môi khó thở...chưa hoàn hồn lại trôi vào giấc mơ thứ hai...Anh và tôi đang khiêu vũ trong một phòng trà ấm cúng với boston êm đềm thì Thư lộng lẫy như một nữ hoàng đêm kéo anh ra khỏi tay tôi rồi hai người rộn rã trong những bước swing nóng bỏng...

Lần thứ hai thức dậy khi tàu vẫn lăn bánh hình như đang ngang qua bờ biển thì phải vì tôi nghe mùi nước mặn trong không gian, gắng thức nhưng vẫn mệt mỏi rơi vào ác mộng... Bà Tuyết, đẹp như một bức tượng đang nhìn tôi hằn học....cô đi ra khỏi chỗ này, đây không phải là nơi dành cho cô...nhìn lại mình đi....Trong mơ tôi bỏ đi như chạy trốn, thỉnh thoảng vẫn quay lại mong có thấy anh theo không...chỉ là một khoảng không đen như mực....

Tỉnh đây bây giờ tôi không dám ngủ tiếp, chỉ kéo cửa sổ lên một chút thì hơi lạnh đã tràn vào phải vội vàng đóng lại....đến ngang ga nào tôi cũng chưa rõ, trong đêm chuyến tàu như say, đi ngất ngưỡng không định hướng mà tôi là một kẻ mù quáng lao theo...

Tôi bơ vơ nghĩ đến những gì mình đã mất từ lâu và cố dừng lại ở những mốc đó mà không được , một cái gì vô hình đã cuốn phăng đi, trôi theo dòng tất cả hạnh phúc và tình yêu của một thời đã qua.

Lúc này đây, trên chuyến tàu đêm này đã chiếu rõ lại cho tôi suốt một cuộc đời thương đau và bơ vơ rõ hơn bao giờ.....lâu nay tôi đã là ai trong cuộc đời này....muốn tìm về bên kia bờ đại dương để kiếm một chút yêu thương...hình dáng Hoà người vợ sau của

chồng tôi lại hiện về rõ nét....xin chị hiểu cho, bây giờ em đã có hai cháu.... Tôi đâm đầu chạy tìm một nơi trú ẩn nơi con....Con rất thương mẹ và con còn phải lo cho vợ con nữa.....thế giới bên kia bờ đại dương đã rụng rơi.....

Hồn nhập lại vào tôi trên chuyến tàu khuya và khóc cho một tan tành....

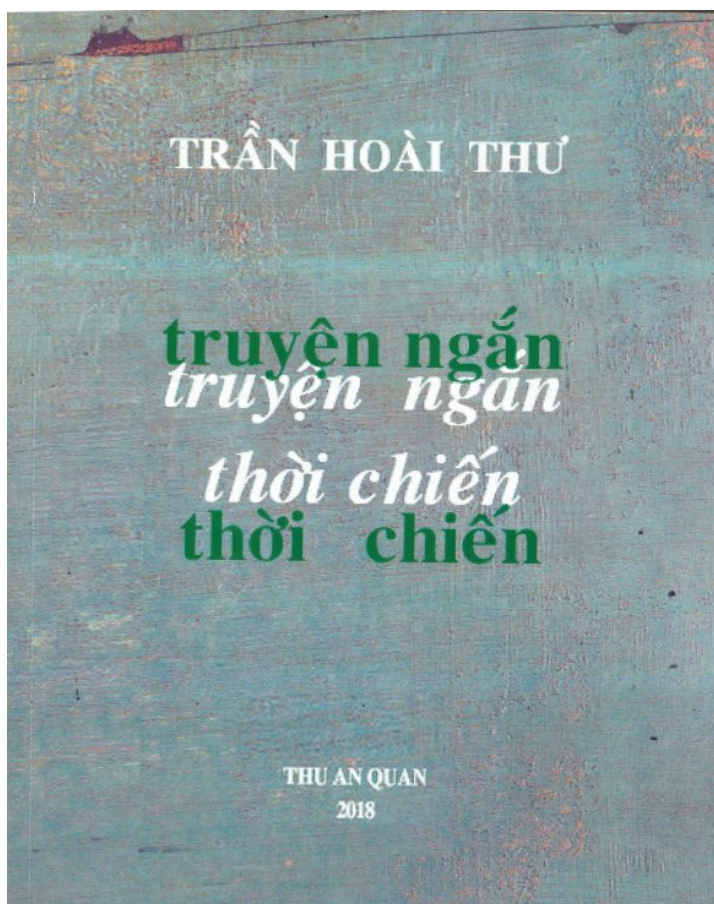
....Tiễn Dung đi rồi, tôi vẫn như còn mộng du, tất cả đã đến đoạn kết rồi sao, mùa đông đã bị giông tố bão tuyết tàn phá ...tại sao, tại sao....im lặng lạnh lùng để Dung bỏ vợ ra đi có phải là một tốt đẹp cho nàng như mình mưu cầu...không biết, chỉ thấy hoang vắng rồi rã rời và vô nghĩa...

Tôi rời ga lang thang còn sớm, tìm một vĩa hèn và ly cà phê tôi bàng hoàng trở về biển khuya một mình...có phải từ sau biển khuya tôi luôn có Dung, một người bạn đồng hành bất hạnh. Khi cứu Dung có phải muốn mang nàng trở lại với cuộc đời hay lại dập vùi nàng bằng cách khác...Tôi chấp nhận tình trạng hiện tại với Dung vì ước mơ một cuộc sống bình yên sau bao đau thương tại sao lại dẫm nát một mùa đông của Dung và cả của mình....muôn ngàn nghĩ vẫn tự mình cho mình làm đầu óc tôi căng thẳng tới cùng...khi nghe Dung nói sẽ đi phép...lúc đó đang trong tâm trạng quá căng thẳng tôi chưa ý thức được là chúng tôi sẽ xa nhau, tôi sẽ xa và sẽ mất mùa đông của mình. Bây giờ ngồi đây bên vĩa hè này tôi tỉnh táo thấy rõ sức việc...đã như vậy, không có gì có thể đổi thay tình thế này...

Dung vẫn chưa hay biết một chút gì về nguyên nhân đưa đến khúc quanh này...để yên vậy đi cho nàng một chút nhẹ nhàng hơn khi chia tay, Dung cũng không còn tuổi trẻ để chịu đựng thêm đau đớn, cuộc chia ly này đã quá sức cho nàng rồi...

Số phận của cả hai chúng tôi đã được định mệnh khoá lại không còn đường để đi dù chỉ là đi vào mùa đông, Dung , tình yêu tiểu thuyết của tôi, hãy lãng quên như tâm hồn hiền hoà của em...tôi đã quyết định không bao giờ đi tìm em nữa..

(Biển Khuya, trg 251-254)



Truyện ngắn thời chiến
khổ lớn, dày 614 trang
gồm 69 truyện ngắn
Mùa xuân 2018

Bệnh xá mùa xuân

Khi những hàng muồng trong bệnh xá trở bông vàng rực, thì bọn thương binh cảm thấy trong lòng họ nảy nở những cảm giác băng khuâng, xao xuyến. Và tâm trí họ theo dệt về những ngày sắp sửa, với biết bao cơn mộng tưởng tuyệt vời.

Từ buổi chiều cho đến tối, họ quây quần chuyện phiếm. Con ma sốt rét nghĩ đến ngày được trở về cố quận, một ngôi làng ven biển, để sáng chiều hưởng ánh nắng mặt trời. Hắn dõi mắt lên rừng hoa muồng, đang dần dần trở màu vàng sẫm:

- Nghĩ đến giờ phút gói đầu trên cát, thì tao muốn chết đi được.

Một thằng quê ngoài Trung, vừa gãi khúc tay còn lại đang bịt băng trắng hếu:

- Còn tao, tao sẽ canh ngày cuối năm để xuất viện. Đầu tiên, tao sẽ đi xe đò xuống đèo, rồi đi theo xe hỏa về Đại Lãnh. Nghỉ một đêm, sáng hôm sau tao sẽ đi xe đò vào chuyến đầu tiên.

Ngừng một lát, vầng trán y chột nhảnh:

- Tao sẽ trở về đơn vị cũ, xem ai còn ai mất.

Một thằng cụt chân, đỏ mắt buồn so:

- Còn tao, tao không biết về đâu.

- Sao vậy?

- Quê tao Đông Hà. Đông Hà ở bên dòng sông Hiếu Giang. Mất rồi... cha mẹ tao mắc kẹt ở ngoài rờ.

Rồi tiếng thở dài nghe thật rõ. Có tiếng nói vắn vớ:

- Liệu Tết năm nay có bình yên hay không...

- Bình yên là cái chắc! Mà xem, tình hình đã quá sáng sủa.

Lại con ma sốt rét thêm vào:

- Dù sao, bọn mình là một lũ may mắn. Từ nay chúng ta không còn cơ hội để trở lại mặt trận nữa.

Đến đây, đôi mắt hấn chột âm u:

- Nghĩ đến những con suối vùng cao nguyên này, ta phải lạnh mình. Nước gì độc địa. Cả đại đội vượt qua đều ngã nhào ôm nhau mà run cầm cập.

Bây giờ là buổi chiều. Một buổi chiều cuối năm, một buổi chiều như trăm ngàn buổi chiều khác. Vẫn một bầu trời thiêm thiếp, mà màu xanh đã thấy bàng bạc một màu rắng đỏ, với những cụm mây trắng lười biếng trôi qua như đàn cừu trở về chuồng. Những thân cây cổ thụ đã thu hình trong nỗi buồn tịch liêu của một bệnh xá miền núi. Giờ đây, ngày cũng sắp lặn và gương mặt của mỗi thằng thương binh đã trở nên gầy hao hơn dưới ánh hoàng hôn nhá nhem, và những bóng áo nhà thương màu xanh dương đang lướt qua, chậm rãi, mỗi một đã trở thành những bóng ma của trần gian... Chỉ có những cụm hoa muồng, mới còn biểu hiện cho một mùa xuân sắp đến, chỉ có những bờ vách được quét bằng một nước vôi mới, và những thức ăn được gia tăng, mới báo trước những ngày trọng đại linh thiêng sắp đến...

Riêng các tên y tá trực, hôm nay, bỗng trở nên dễ dãi. Họ không còn kiểm soát sự có mặt của đám thương binh như thường lệ nữa. Vì thế, con số thương binh nhảy rào ra thị trấn đã trở nên đông đảo hơn bao giờ hết. Họ nhảy qua hàng rào của căn nhà xác, rồi lén lút ra các vỉa hè phố. Họ sợ viên y sĩ điều trị bắt gặp, thì lập tức, dù muốn dù không, sáng mai họ bị xuất

viện... Chỉ còn lại trong bệnh xá là những tên bị thương nặng, hoặc những kẻ không có gì ngoài phổ đề luyến tiếc. Họ tụ họp dưới ánh điện vàng mờ tỏ. Họ lại đánh cờ, hoặc trò chuyện. Họ quên đi những cơn mê sảng của người lính già - mắc bệnh tâm trí, khi ánh điện vừa sáng lên:

- Siêu điện phản lực. Nó chạy rần rần trong trời. Ói! Ói! Nó chạy vào người tao. Nó xông vào nhà thờ. Quân bán Chúa. Nhân danh Cha và Con và Thánh thần. Amen.

Đêm nay, lúc 7 giờ 30 phút, có kẻ mở đài B.B.C. Bản tin đầu liên quan đến tình hình VN. Giọng nói của người nữ xướng ngôn đêm nay bỗng trở nên nghiêm trọng lạ lùng. Dường như, lúc này con tim của nàng đang hòa cùng niềm vui trọng đại của đất nước nàng. Và lũ thương binh cũng vậy. Tâm hồn họ mở rộng, lồng ngực họ muốn vỡ tung. Họ ngất ngây trong một giây phút. Bởi vì họ đã biết được một sự thật. Hòa bình sẽ đến. Bóng chim bồ câu, lần này đã thấy hiện trong cõi trời nhiều như ruợng. Họ nhìn nhau, bằng ánh mắt long lanh. Và một thằng cụt tay thốt lên đầu tiên:

- Hai ngày nữa. Trời ơi! Chỉ còn hai ngày nữa.

Thằng vừa bằng bột ở chân phụ thêm:

- Hai ngày thật dài cho mọi người.

Thằng sốt rét ném mẩu thuốc qua ô cửa:

- Nhất là những kẻ đang ở ngoài mặt trận. Đúng là những kẻ đang sống vào giờ thứ 25!

- Còn mình?

- Giờ thứ 24.

Thằng sốt rét cười. Hắn lại đốt thêm một điếu thuốc mới, rồi nói tiếp:

- Tết năm nay chắc là cái Tết vui nhất của mọi

người. Một cái Tết mang nhiều ý nghĩa.

Thằng cụt tay lại phát biểu:

- Theo tao, thì ngày ngưng tiếng súng mới là ngày Tết. Đó là ngày mà ai ai cũng phải cảm tạ, cũng phải vui mừng.

- Thôi, mình ăn hai cái Tết cũng được!

Thằng sốt rét lại cất tiếng:

- Lần này trở về, chắc mẹ tao phải khóc. Chắc bà ta sẽ làm thịt con heo để mừng tao.

- Hãy cho tao ăn giùm với.

- Dĩ nhiên, với điều kiện mày về quê tao.

Nhắc đến quê, thằng cụt chân đâm ra buồn bã. Hắn không còn quê hương để mà về. Và đôi vai hắn chột chùng xuống, khi nhớ lại những kỷ niệm ở quê nhà. Cha mẹ, người yêu, và đám cháu ngoan hiền. Hắn thấy lại một căn nhà cổ kính ba gian hai chái, với những mái ngói âm dương đã trở màu rêu phong. Hắn thấy lại ngôi vườn, với những cụm hoa mà ba hắn nung niu yêu mến nhất đời. Hắn nín thở, trước một cơn gió lạ từ đâu thổi qua. Cơn gió mang theo mùi cát bỏng của Gio Linh, mùi trưà nồng của Ái Tử, mùi muối mặn của Cửa Việt. Nhưng sau đó, hắn sực tỉnh cơn mộng. Bởi vì, hắn đã nhận chân được sự thật: Hắn đang là kẻ côi cút nhất trần gian. Nước mắt muốn ứa ra, hắn cúi đầu nhìn khúc thịt đang còn mừng mủ. Một cơn gió lạnh từ đâu thổi về làm run rẩy cả châu thân hắn! Hắn liên tưởng đến những ngày sắp sửa. Những ngày không có một chỗ để trở về. Những ngày mà đôi nạng gỗ sẽ tiếp tục gõ từng nhịp buồn hiu tại những chốn không người.

Vì thế, hắn không khao khát thêm muốn như lũ bạn. Mà trái lại, hắn chỉ cần một giấc ngủ, thật cô độc trong bệnh xá này. Hắn muốn nằm lại đây như một con

sâu cuốn chiếu...

Lại có tiếng nói thốt lên:

- Chắc chắn rằng nay mai bệnh xá này sẽ không còn một thương binh nào nữa.

- Vì sao?

- Đâu còn đánh nhau mà có thương binh...

Nửa đêm, cả lòng đêm bỗng dung bị dội lên bởi những quả đạn rơi rất gần khu bệnh xá. Những tiếng la thất thanh. Pháo kích! Pháo kích! Tiếp sau là những bóng người vụt chạy ra hầm núp ngoài sân. Tên thương binh cụt chân, trong cơn bấn loạn tột độ ngỡ mình vẫn còn lạnh lặn như xưa, đã ào nhảy xuống giường. Sau đó, hắn mới biết được sự thật. Hắn ôm khúc đùi rên rỉ và nằm ngay dưới nền. Hắn không còn nhận ra cặp nạng nữa. Hắn thì thào: "Các bạn ơi, giúp đỡ tôi! Các bạn ơi!" Nhưng chẳng có ai nghe tiếng van lơn của hắn cả. Họ đã có mặt trong hầm, hoặc nằm sát xuống chân tường mà run rẩy. Chỉ có mỗi người lính già - biệt danh là Ông Già Siêu Điện, thì cơn mê sáng lại chợt kéo về như một trận bão lốc. Ông hét lớn:

- Siêu điện phản lực. Mồ cha quân bán nước. Nó tung ra những hình nhân như lính trinh sát. Nó chạy vào nhà thờ, giết cả thánh thần. Nó đến kìa. Bớ người ta!

Sau đó, cõi im vắng lại trở về. Cuộc pháo kích đã chấm dứt. Lũ thương binh mập mờ trở về giường, mò mẫm trong bóng tối. Một tên vấp phải gã thương binh cụt chân, chới với, khiếp đảm.

- Ai đó?

- Tôi đây... Tôi đang nằm đây... giúp cho tôi cặp nạng, bạn ơi.

Trong khi đó, những tiếng chửi thề, càu nhàu lại tiếp

tục vang lên:

- Đ.M., gần đến ngưng bắn rồi, mà còn chọc tao hoài...

- Không hiểu, có phải đây là cuộc pháo kích cuối cùng hay không?

- Làm sao mà biết được.

- Dù sao, mình cũng phải tin tưởng như vậy.

- Tội nghiệp cho những kẻ không may mắn trong đêm cuối cùng.

Có tiếng hét từ đâu đó thật ghê gớm:

- Trời ơi, đứm nào đập cứt mang vô phòng. Đi ra mau không.

- Thúi ơi là thúi!

Cả căn phòng đồng loạt rú lên, như một lớp học con gái trong giờ vắng mặt giáo sư.

Một đêm lại trôi qua như mọi đêm của bệnh xá này. Biến cố về cuộc pháo kích vào nửa khuya cũng bị quên lãng nhanh chóng, chỉ có khác chăng, là tên thương binh cụt chân phải trần trọc suốt giờ còn lại. Vết thương tự dung chảy máu lại, và hành hạ hấn không ít. Và hấn đã cố cắn răng để cầm cự cùng cơn đau nhức vô tận. Hai giọt lệ đã lăn trào trên gò má tái xanh, bệnh hoạn của hấn. Hấn lại nhớ đến cha, đến mẹ, đến người yêu và bảy cháu ngoan. Giả dụ lúc này, hấn có một bàn tay chăm sóc, một ánh mắt dịu dàng, một lời nói chân tình thì đỡ khổ cho hấn biết bao nhiêu. Nhưng, những thứ đó đã mất biệt rồi. Mất biệt từ mùa hè năm xưa, khi hấn ngồi trên mỏm đá của rừng Trường Sơn để áp chắc máy thu thanh bỏ túi mà nghe những tín hiệu thê thảm từ phương trời xa bay lại. Mất biệt từ khi hấn biết mình không còn một chân nữa để tiếp tục phần sống của con người. Nghĩ đến đó, hấn lại

tha hồ khóc. Hấn khóc tức tưởi như một đứa con nít. Miệng hấn nếm mùi mặn của nước mắt, như nếm nỗi buồn của kẻ bị tàn phế trong đêm cô độc của trần gian. Trong lúc hấn ngỡ chỉ có đêm, chỉ có chiếc mùng, chỉ có chăn nệm của bệnh xá này mới thấy nỗi cô đơn của hấn, thì tự nhiên có ai nói bên tai:

- Huân. Em có sao không? Em cần thầy giúp em gì không?

Hấn biết ngay là ông Minh, người thương binh nằm giường bên cạnh.

- Không. Em không sao hết thầy à.

- Em cần gì cứ nói. Em uống nước không?

- Vâng. Xin thầy cho em ly nước.

- Thầy biết em ngủ không được. Hay là thầy trò mình cùng ra ngoài hiên hút thuốc.

- Vâng.

Minh đỡ đứa học trò cũ của anh ngồi dậy, rồi trao cho hấn cặp nạng. Đêm ở đây nồng nặc mùi ê-te, mùi thuốc, cả mùi khai ngáy của nước tiểu từ những cái bô đặt dưới chân giường của những kẻ mới vừa trải qua cuộc mổ hay cưa. Anh dìu người học trò cũ ra ngoài hiên. Đêm miền núi đen như mực xạ. Gió núi gây gây lạnh. Dưới hiên trại, ngọn đèn vàng nhiều nến hắt một luồng ánh sáng trên sân, và loang loáng những chòm bông sứ bên hàng rào dây kẽm gai. Phía sau, chỗ nhà xác, vọng lên tiếng khóc ai oán, đứt đoạn của một người đàn bà Thượng. Tiếng khóc của họ rất lạ kỳ. Kéo dài như một đĩa nhạc cứ lặp đi lặp lại.

Anh lấy điều thuốc tự đốt và trao cho người học trò của mình. Người học trò cầm điều thuốc nói cảm ơn. Hấn rít một hơi dài, rồi nói với Minh:

- Chùng nào thầy xuất viện?

- Có lẽ còn vài ngày nữa. Bác sĩ nói ông hết sức giúp

nhưng hết cách.

- Tại sao vậy, thầy?

- Nơi này không có hội đồng về mắt. Phải về Tổng Y Viện Cộng Hòa.

- Thầy có về dưới đây chưa?

- Có. Nhưng người ta bác. Ngay cả được về loại hai không tác chiến.

- Trời ơi, một người mang cặp kính nặng như thế mà họ vẫn không chịu buông tha sao thầy?

Minh cười:

- Họ nói là điếc thì không sợ súng, còn mang hai cặp mắt mới dễ bắn VC hơn.

- May mà em cụt một chân, nếu mù một con mắt họ vẫn bắt em đi ra đánh giặc trở lại.

- Thầy không buồn đâu. Bởi vì dù sao thầy là sĩ quan, là thiếu úy, thầy vẫn còn sướng hơn những người lính khác. Trung đội thầy có thằng mang đại liên, tên là Nga, Võ hồng Nga, to đen như Mỹ đen, nhưng bị cận thị nặng. Đi hành quân, nó không thấy đường, cứ nhằm chỗ VC mà tiến. Cuối cùng nó chết.

- Thầy biết không, bởi vì nó không cổ cánh.

- Để xứng đáng là trai thời chinh chiến, là chiến sĩ của lòng em.

Huân cầm lấy tay Minh:

- Thầy nên nghe em. Thầy phải tìm mọi cách để sống sót. Lúc này sắp yên giặc rồi. Đừng giống như thằng học trò của thầy. Thầy chắc đã đọc truyện Người Lữ Hành Cô Đơn của Gheorghiu?

- Vâng, Thầy có đọc.

- Thầy hãy chiến đấu như nhân vật chính trong truyện. Lúc này, ai còn sống là kẻ đó thắng. Với trận mạc, thầy đã trả xong, bây giờ thầy phải chiến đấu để được sống, để tiếp tục viết. Viết cho em, cho thầy, cho

tất cả thể hệ chúng ta.

Minh nghe lời khuyên của đứa học trò mà muốn rung nước mắt.

- Huân à, cuộc chiến này truyền từ đời cha đến đời con, đời thầy xuống đời trò mà em tin là sắp yên giấc sao. Nó nằm trong tay của những kẻ đồ tể mà em lại tin hòa bình ngưng tiếng súng sao?

Phải. Khi bị động viên, Minh không thể nghĩ có ngày học trò của anh cũng lên đường cầm súng như anh. Càng không tin nổi có một ngày thầy đi xách xô cho trò đi tiểu tiện, thầy mang cơm mang cháo cho trò ăn. Phải, Huân ơi, thầy lầm. Thầy hiểu tại sao em lại khuyên thầy như thế. Hay là em đã thấy được sự thật. Chúng ta có chính nghĩa, nhưng cái chính nghĩa lại lọt vào trong tay những kẻ bất lương, bất tài. Họ làm thiêu rụi niềm tin. Họ mang tan rã băng hoại cả một xã hội. Họ khiến xác tuổi trẻ trở thành những viên gạch lót đường cho họ.

Huân ơi, bao nhiêu lý tưởng của thầy của em như lửa ngọn hừng hực cháy giờ đã tắt rụi. Trong khi bạn bè em, cứ tiếp tục bị chết thì ở Sài Gòn người ta vẫn ăn chơi phè phỡn đô la thuốc phiện và tranh giành quyền lực bằng những thủ đoạn chính trị bẩn thỉu. Ngay tại nơi này, những đồn điền mệnh mông, những khu rừng cấm mà bọn mình đem xương máu bảo vệ là tài sản của các tướng tá hay các lãnh tụ ở Sài Gòn. Chúng ta cứ chết, mặc nước mắt của người mẹ, người em, để những mệnh phụ phu nhân, những bà lớn nắm quyền mua quan bán chức. Họ đục khoét tiền viện trợ Mỹ, con cái họ được chạy đi du học để trốn tránh trách nhiệm.

Thầy hiểu tại sao em lại khuyên thầy như vậy. Cái phần thân thể của con người nếu mất cũng không đau bằng niềm tin bị mất. Em thấy Hà Thúc Nhơn không. Một người y sĩ cô đơn nổi dậy cùng những thương bệnh binh không. Cuối cùng cũng bị ngay chiến xa thiết giáp và hàng ngũ của anh ta giết anh. Người ta nói anh là tên khủng.

Vâng, làm sao chúng ta giữ được niềm tin khi chúng ta một mặt đối diện với kẻ thù một mặt cõi lòng tan nát khi những tin đồn cho biết có kẻ thù nằm trong dinh trướng các ngài, khi những kế hoạch hành quân bị mua bán, bị tiết lộ, khi có những người lính khổ hơn thú vật, cả tháng trời chui rúc trong hầm, mong chờ ngày nắng, ngồi bắt chí bắt rận cho nhau. Làm sao chúng ta lại giữ được niềm tin khi những người lính bị đổi lên Trường Sơn đều mang cái mặc cảm bị đày. Ai cho họ lửa. Ai cho họ sức mạnh để họ còn thấy cuộc chiến đấu là một nhiệm vụ cao cả trong khi có những kẻ cùng tuổi ở Sài Gòn đêm la cà từ vũ trường này sang nhà nhảy khác. Huân ơi, em đứng. Gần hết giấc rồi. Hãy gìn giữ để được sống còn. Thầy muốn lắm. Muốn bởi vì thầy đã thấy thế nào là sự sống và nỗi chết. Nhưng thầy không thể. Hèn lắm. Nhất là đối với bạn bè mình, đồng đội của mình. Thầy đã từng bỏ đi, đã từng hiểu về cái mặc cảm phạm tội này. Có biết bao nhiêu người bất hạnh hơn thầy. Thầy không can đảm. Còn nữa. Một nhà văn trước hết hẳn phải sống cùng cuộc chơi. Thầy muốn nhìn, muốn thấy cuộc chơi này...

Người học trò cũ chợt hỏi:

- Thầy còn nhớ Diệu không?
- Thầy nhớ.

- Diệu bây giờ là vợ của một Trung đoàn trưởng. Nghe đầu nàng sắp trở thành bà Tỉnh trưởng rồi.

- Như vậy hãy mừng cho cô ấy.

- Em nhớ có lần em ghé vào nơi thầy trọ. Em thấy thầy vẽ một bức tranh giống Diệu hết sức.

- Vâng. Chính Diệu.

Rồi anh cười vỗ vai người học trò:

- Sao ngày ấy em không giới thiệu cho thầy?

- Em biết là thầy mê Diệu. Chẳng những thầy mê mà lũ học trò cũng mê sắc đẹp của Diệu nữa. Có điều khó có ai lọt vào mắt xanh của nàng. Bởi chung quanh nàng toàn quận trưởng, giám đốc, tướng tá...

- Thôi thì yêu trong câm nín càng hay.

Huân nói:

- Thầy cho em xin thêm một liều thuốc nữa.

Mình rút một liều thuốc cho Huân.

Hai người cùng nhắc cho nhau về những kỷ niệm của ngôi trường cũ. Mình kể lại đàn sáo núi mỗi chiều vẫn hay trở về cây cổ thụ trước trường để ngủ. Mình nói về ngày nhà văn Nhất Linh uống thuốc độc tự sát anh đã khóc.

- Cả trăm năm nữa chắc gì tìm được một Nhất Linh. Tội nghiệp cho ông, ông lỡ sinh trong một thời đại nhiều như ông.

Huân thì kể về quê hương. Cả một vùng núi thơm ngát ngà mùi quế. Những ngày bình an, mỗi tuần trở về nhà ngoại, ngoại nấu canh bông lý, ngọt làm sao. Rồi Huân lại nói:

- Em không thể ngờ lại gặp thầy ở đây.

- Như vậy thầy trò mình cũng phải cảm ơn chiến tranh mới phải.

Rồi anh cầm lấy tay Huân siết mạnh.

- Cảm ơn em về lời nhắn nhủ. Thôi khuya rồi, chúng

ta nên đi ngủ.

oOo

Buổi sáng lại về. Mùa xuân đã thấy lấp ló trong một bầu trời sương mù và gây lạnh. Rừng hoa muông long lạnh hạt sương, phủ ngập cả con đường đất đỏ dẫn từ doanh trại ra khu nhà bếp. Tiếng nhạc mừng xuân, từ lâu lắm, mới chợt nghe lại, từ chiếc máy thu thanh trong câu lạc bộ. Rồi sau đó, tiếng nói lúc rạng đông. Tiếng nói bắt đầu bằng một lời cảnh giác về ngày sắp đến. Tiếng nói bị khuất đi bởi tiếng chuyện trò của những tên thức dậy sớm. Hồn trời đất tự dung tươi mát và tinh khiết lạ lùng. Bãi cỏ gần cửa ra vào thật xanh. Và dọc theo bờ tường vôi, hàng sứ nở rộ trắng ngập cả một khu đất.

Trong khi đó, những tên chờ đợi xuất viện đang sửa soạn thức dụng, cuốn lại mền, mừng, hoặc rảo khắp phòng bắt tay từ già lữ thương binh còn lại.

Tên cụt tay, với một ống áo gục xuống, thì vui như tết. Y bắt tay thẳng sót rét:

- Ở lại nhá!

Y quay về tên cụt chân:

- Khi xuất viện, nhớ về quê tao nhá!

Rồi y hướng về phía người lính già:

- Còn ông, ông có về quê ăn Tết không?

Người lính già đưa đôi mắt âm u của ông về hướng của số:

- Tôi cũng không biết nữa.

Chỉ có một người là không tin. Ông trung sĩ già cụt một chân, vẫn tiếp tục chửi:

- Mấy đứa mày không thấy cái chân tao hay sao mà mơ ước hoà bình ngưng bắn. Tao biết cái trò của mấy thằng VC kia quá mà.

Phải. Ông đã đem cái chân mắt đi của ông để làm bằng chứng. Nó mất đúng vào ngày đầu năm, ngày mà hai bên đều ồn ào loan báo là sẽ hưu chiến. Ông chỉ tức là ông đã nghe theo thằng Tàu trong ngày đầu năm. Tại sao ông lại không tự quyết định, mang những kinh nghiệm chiến trường của ông ra mà xài... Trung sĩ, ngày đầu năm, tiểu đội phải xuất hành cho đúng giờ đúng hướng để cả năm tiểu đội còn gặp may... Thằng Tánh xúi ông, không, nó dạy ông. Ông chửi thề, đi đánh giặc mà còn tin ba cái đồ thầy bói thầy địa. Mày kêu mày ông thầy bói thầy địa ra đây mà xem hướng. "Phải tin trung sĩ à, nhất là ngày đầu năm. Một năm chỉ có một ngày, một ngày chỉ có một giờ. Cả may rủi nằm trong giờ này." "Mày nghe ai mà dạy tao. Được tao thử nghe mày. Mày hãy chỉ hướng tao đi". "Tôi sẽ nói với thằng Lai Chợ Lớn. Nó biết rành về vụ này lắm, trung sĩ." "Được, lần này tao nghe mày."

Nhắc đến thằng Lai Chợ Lớn, tiểu đoàn không một ai lại không biết đến một thằng Tàu chuyên môn kè kè bên mình cuốn lịch Tàu. Người ta nói nó nguyên là thầy tướng số có biệt tài xem tử vi, cả phong thủy địa lý. Không hiểu sao nó lại có mặt tại tiểu đoàn này. Người ta lại kể rằng nó bị bắt trong một vụ bố ráp. "Tao không hiểu nó xem hướng, đoán ngày kiết ngày hung như thế nào mà lại bị tóm cổ đưa vào đây?" - Một thằng nói xa nói gần. "Vào đây, để thầy bói quẻ cho đại bàng đánh VC" - Một thằng phụ thêm. Nhưng dù ở đơn vị tác chiến nó vẫn chưa một lần mang poncho đi ngủ đất như những người lính khác. Nó được đám lính đánh giặc xem như là lính cậu, lính con ông cháu cha, lính kiểng, lính tay chân bộ hạ của ông đơn vị trưởng. Người ta gọi nó là thầy hơn là cấp bậc binh nhất. Thời

buổi mạng sống con người như rơm rác nhưng cái nghề của nó lại đắt khách. Thân chủ của nó không phải đám lính đánh giặc nhưng là các quan lớn các bà lớn. Giàu thì muốn giàu thêm. Sống thì muốn sống dai thêm để hưởng vinh hoa phú quý. Thiên hạ thì nhau nhờ nó xem chỉ tay, nhờ xem hướng nhà, xem hướng mồ mả, nhờ xem tuổi tác tử vi miễn phí... Nó được ông tiểu đoàn trưởng cưng hơn cưng trứng. Bởi nhờ nó ông mới có điểm với cấp trên.

May mắn hôm nay thằng Lai có mặt cùng với bộ chỉ huy tiểu đoàn. Thằng Tánh ráo nước bọt mới năn nỉ thằng Lai về tiểu đội. Từ Bộ chỉ huy đến địa điểm đóng quân khoảng chừng một trăm thước, hai đứa phải băng qua một xóm dân. Không khí Tết tỏa ra từ những khóm bông vạn thọ, bông cải vàng hoang dại. Những hồ bom hồ đạn cày trên cánh đồng vẫn còn thấy loang loáng nước. Đây là một xóm quê trong chiến tranh. Nó giống như trăm ngàn xóm quê khác. Chủ của nó nay là Quốc Gia mai là Việt Cộng. Hay ngày là quốc gia đêm là du kích. Không thể biết trong đầu của đám dân họ nghĩ gì. Miệng lưỡi họ ngọt ngào, dạ bẩm, nhưng trong tim họ là cả một bộ dao găm cũng không biết chừng. Dù vậy, tiểu đoàn cũng cho lệnh cúng con heo quay, chia phần cho bốn đứa con. Đãi nói là lệnh hưu chiến, tổng thống ra lệnh phải thi hành nghiêm chỉnh. Định đánh mình, mình đánh lại, còn không, thì cứ vui xuân chiến sĩ... Có những thằng lính dám qua mặt cấp chỉ huy, lấy nguyên bộ đồ dân sự ra mang, lại mang cả kính đen... Ông Thượng sĩ già lại mang quần áo trận, đi giày bố làm chủ đàn buổi lễ. Có nhóm lính tụ năm tụ ba trong góc nhà dân để chơi bài cào, hay tôm cua bầu cá. Làm như ngày hết chiến tranh, cả bọn ăn mừng.

Ông thầy địa lý phong thủy sau một hồi nhìn ngắm địa thế địa hình, nói:

"Trung sĩ nên tìm hướng Đông mà đi. Hướng Đông hợp với cung mạng của Trung Sĩ, lại có mặt trời dương quang... Nhớ là đừng chui qua mấy lỗ rào hay dây thép có giăng quần đàn bà ô trọc.

Trung sĩ Ký nghe toàn chữ Nho chữ Tàu, lại thêm những lời giải thích nghe thật chí lý. Phải nghe nó. Người ta có học có hành mà còn nghe nó huống gì một tay vô học như mình. Có điều ông khác người ta. Người ta thì mong sao cho địa vị, danh vọng, quan to, chức lớn còn ông chỉ mong cả năm tiểu đội binh an vô sự. Được vậy là ông mừng rồi.

Đêm ba mươi, cả tiểu đoàn không ăn được giao thừa. Dịch nã pháo vào khu vực đóng quân rồi tấn công. Không ngờ toán đặc công nhắm bãi mìn mà ủa vào, mìn claymore nổ ầm ầm, khiến Bắc quân phải tháo chạy trở ra. Sáng mùng Một, trung đội của ông Ký được lệnh đi lục soát những địa điểm khả nghi. Ông tiểu đoàn trưởng hy vọng sẽ lấy thêm súng trước khi Mặt Trời và phái đoàn quay phim đến để tưởng thưởng và làm phóng sự. Ông Ký được lệnh dẫn tiểu đội nhắm về một khu cỏ tranh. Ông đi đầu. Thay vì băng đồng để tránh mìn bẫy, ông lại đi trên con lộ chính. Phải đi theo hướng Đông. Lời nói của thằng Tàu vẫn còn vang bên tai. Hướng của mặt trời. Phải tìm lối đi trống trải, đừng quanh co. Tuổi của trung sĩ là tuổi con ngựa. Mã phi. Ngựa phải chạy. Phải tìm lối đi dễ dàng, đừng bờ bụi um tùm kéo ngựa phải khổ cực băng qua đê cả năm mình tà tà trung sĩ... Thằng Tàu vừa nói xong, thì tiếng la, tiếng gào của đám lính: Phải đó trung sĩ. Phải tin

thầy để cả năm tà tà đi trung sĩ.

Và ông tin thật. Ông bước những bước thật tự tin. Dù đêm qua vừa xảy ra một trận đánh, nhưng cả tiểu đoàn bình an vô sự, nên ai nấy cũng vui. Kia là bãi cỏ còn động sương sớm. Kia là những khóm hoa dại từ những ngôi nhà hoang phế. Hoa cúc vàng tươi bên cạnh hoa vạn thọ màu vàng thẫm, lẫn hoa dâm bụt màu đỏ tươi. Ông bước mà không e dè như trước đây. Bỗng một tiếng nổ phát lên. Ông nghe cả thân thể ông chuyển động và chỉ một giây lát là ông nằm bẹp xuống. Nhưng ông vẫn còn sáng suốt để chửi thề: “Đ. M. thằng Tàu này hại tao rồi.”

Khi bị thương, kẻ mà ông trách là tên Tàu tử vi, nhưng bây giờ, ở trong bệnh xá, không có thằng Tàu, ông chửi VC: “Bọn nó có bao giờ tôn trọng ngưng bắn đâu mà mong ngày hòa bình, ngưng tiếng súng.” - Ông chưa chát nói.

Và ông nói đúng. Vào lúc 8 giờ sáng, tên y tá đã đến phòng, loan báo thật trịnh trọng. Lệnh cấm phép đã được ban hành, ngay cả các thương bệnh binh, cho dù đó là phép xuất viện.

én bây giờ, không ai lại không biết đến cái giờ linh thiêng ấy. Không ai lại không hiểu đến những tin tức thảm khốc từ các phương trời bay lại. Mặt trận vẫn bùng nổ, người chết, người bị thương lại tiếp tục được chở về bệnh xá. Giờ ngưng bắn, đã trở thành một thứ giờ biệt mù tăm cánh. Bằng chứng mỗi ngày họ đều chứng kiến chiếc ambulance đều đặn trước thềm bệnh xá, và nghe được tiếng nổ dội về từ xa. Ngay cả ngày mùng một Tết, họ cũng chứng kiến khúc phim quen thuộc ấy. Trong khi họ trịnh trọng mang vào chiếc áo thương bệnh binh màu xanh dương mới nhất, mà nhà

thương đã ưu ái tặng họ vào ngày đầu năm. Trong khi họ mở lời đầu tiên chúc nhau một năm mới đầy hạnh phúc tốt đẹp nhất. Trong khi họ được lệnh nằm yên trên giường để chờ đợi một phái đoàn đến ủy lạo. Trong khi họ rủ nhau ra ngồi trên thềm doanh trại, cùng đốt thuốc nhìn nắng đầu ngày tắm những nụ hoa mùa xuân ngoài hàng rào dây kẽm. Trong khi nhạc rạng đông bắt đầu: *Ngày Xuân nâng chén, ta chúc nơi nơi...*

(Vẫn không rõ số)

CÁI TRỌNG TỶ

TRONG TRANH ẮN TƯỢNG

nàng thuở ấy da nâu màu châu thổ
chiếc bẫy thần kỳ man dại đam mê
đêm trống trận chàng yên cương xa mãi
sống chết một đường cứ phải ra đi

chàng cười hạc rong chơi miền biên tái
nàng xanh rêu đau đáu cõi đời qua
trang cổ lục chép tên người thương nhớ
lời chiến bào bùa yểm đáng yêu mê

thuở ngóng đợi cội tình tăng áp nhiệt
nhện giăng tơ vô vô ngóng trời xa
lòng rồi chỉ khoắc khuya thời chinh chiến
trận mưa tình em hứng trọn vốc tay

thời xa quá sóng hoài hương biên biệt
lau lách lung linh tà khép muện phiền
thương nhớ đã cánh hoa sầu quạnh quẽ
điểm hương rừng ong nhụy buổi nguyên sơ

chiều khỏa thân ôm mặt trời rắng đỏ
dấu chim di về muện giữa lưng chiều
em đau đón một thời xanh nhục thể
trắng hoàng cầm vội vã lụy ái ân

rồi cứ thế tìm trong tranh ắn tượng
chân dung chàng hoa nắng rực vàng dương
tình khắc cạn lên nỗi buồn mộ tưởng
em một mình nhức nhối bóng trắng sương

LÂM THÚY, TỪ THUỞ TRĂNG ĐI

bài Nguyễn Lệ Uyên

*Thuở đi trăng vẫn chưa tròn
Đến nay trăng úa, vẫn còn xa xôi
Sầu trông nhau, bất tiếng cười
Chiều hôm gió tạt, bóng đời tịch liêu
Người ơi, ly biệt đã nhiều
Còn xa chi nữa cho hieu quạnh đời
Về thôi, trăng úa lâu rồi
Về thôi, mòn mỏi lắm, người chờ mong
Về thôi, sầu đã thành dòng
Về thôi, gió đã lạnh lòng từ lâu*

Mười tám năm trước, tôi đọc được bài thơ này từ một người bạn ở Seattle gửi về, lồng trong một bức điện thư “than vãn” về thân phận của anh ấy ở xứ người. Cả bài thơ là tâm trạng kẻ cô đơn đến tận cùng; một sự chia ly mất mát không lấp nổi. Bài thơ không thấy ghi xuất xứ, chẳng đề tên tác giả nên tôi cứ ngỡ đó là những cảm hoài của bạn bật lên thành tiếng thở nao lòng. Nghĩ vậy và để bụng.

Bảy năm sau, anh PVN gửi về gói sách, trong đó có tập *Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi* do chính tác giả đề tặng. Đọc hết tập thơ và nhớ lại những câu thơ đã đọc, hóa ra bài thơ trên là của Lâm Thúy!

Phải mất cả tuần thư từ qua lại, mới biết tác giả tập thơ hiện cũng định cư ở Mỹ, bạn thân của Nhân. Lật xới chút nữa, chị là bạn đồng môn của tôi (sau tôi 3 khóa ở ĐHSP/CT trước 75), chưa từng gặp nhau bao giờ.

Lâm Thúy. Một bút danh nghe rất miệt vườn Nam bộ

như tên của một trong các cô gái của nhà văn Bình Nguyên Lộc trong cuốn tiểu thuyết *Đò Dọc*.

Thực ra cái tên chẳng nói lên điều gì, nhưng những câu chữ trong thơ của Lãm Thúy thì đậm đặc màu đỏ phù sa, vàng bông điên điển, khói đốt đồng trắng trời cho đến trái bầu xanh, mắm tép rong, trái cóc, cá lóc nướng trui... và đờn ca tài tử. Nhưng chúng không gần bên chị, chỉ hiện hữu trong tâm thức của kẻ biệt lưu thấp thoáng hình bóng quê nhà trong tâm tưởng để sau đó bật nức những câu chữ và rồi thành hình hài thơ ca mà giới phê bình văn học gọi là thi giới!

Và quê nhà luôn là nỗi ám ảnh, đeo bám bên chị!

Cứ tưởng tượng, một người buộc phải tách khỏi một vùng văn hóa đã thành hơi thở, máu thịt từ một nửa cuộc đời một cách đột ngột, để đến với một vùng văn hóa xa lạ thì chắc chắn, đời sống tinh thần và vật chất sẽ đụng chạm nhau một cách dữ dội trước khi thích nghi. Nó là mẫu số chung cho tất cả những người xa xứ, sống trong tâm thức của kẻ lưu vong, của những người con bị đẩy ra khỏi mùi bùn non, hương cau, hương lúa trổ đồng; và cuối cùng bị khép vào vòng tuyệt lộ.

Thơ ca đối với những trường hợp này là sự giải bày tâm trạng, là những tiếng kêu thảng thốt trong những cơn mê vàng đục những ưu uất. Vậy nên đọc thơ của chị là đọc những tiếng kêu thầm hiển lộ hình hài. Đó cũng là những hồi ức về tuổi thơ đầy ắp những âm thanh của con nước lên xuống, tiếng bìm bịp đầu đó bất chợt vang lên từ trong lùm đước, lùm mắm; trong bụi ô rô cóc kèn... ở một nơi tuyết phủ trắng trời.

Quá khứ được chị lấp đầy trong hiện tại đến dày đặc.

Nhưng những điều này, liệu có phần nào giải tỏa những muộn phiền, ẩn ức đối với những người làm thơ

như chị hay không; riêng với độc giả cùng một cảm thức, có thể, một lúc nào đó, chữ nghĩa trong thơ ca sẽ xô đẩy nhau, len vào tận cùng những góc ngách cô đơn của kẻ lạ trên đất khách biệt lưu như một thôn thức bùng vỡ.

Ta – Một kẻ tha hương

Chiều nay đứng bên đường

Ngó quanh trời đất lạ

Bụi mù che cổ hương

(Tha hương)

“Cổ hương” trong nỗi nhớ nhưng tận cùng của chị, giờ đây sẽ không còn phơi bày bằng những hình ảnh ẩn dụ mà, cụ thể là *con đường, trời đất, bụi mù...* tất cả được đẩy xa trong tâm tưởng ngắc ngoải, dày vò, đau khổ đến tận cùng của cảm xúc lúc *nhớ về*. Đó là nỗi nhớ nhưng nghìn trùng xa cách; nhớ nhưng đến thê thiết hơn nhiều trong những câu ở bài Đoàn Khúc sau đây:

Quê hương ngàn dặm còn xa

Ngõ sau không thấy, nhớ nhà đứng đâu?

Đổ quên khăn giọng kêu sầu

Những hồn ứa máu còn thâu đêm chờ...

...Chín chiều đau khúc phân ly

Bờ sông, cổ quận, trời chia nghìn trùng...

...Đành thôi xứ lạ quê người

Xót thân lưu lạc, lệ ngủi đêm thâu.

Đọc những câu thơ này, tự dưng tôi nhớ đến hình ảnh một Tô Đông Pha áo đầm bụi đường, giày vệt gót, lấm lũi dậm dài gập ghềnh gió mưa qua những chặng biếm trích nhiều khê; hay một Lý Bạch rày đây mai đó và Tứ Xuyên luôn hiện trong tâm tưởng thi sĩ như một quê nhà chính thức của ông, đến nỗi mỗi khi nhìn thấy trăng ông lại nhớ đến trăng trên núi Nga Mi thời niên thiếu khiến ông nhớ đến quay quắt khôn nguôi, và

phóng bút viết nên bài Tĩnh Dạ Tứ bất hủ, đã trở thành thi hứng cho các thi sĩ đời sau:

Sàng tiền minh nguyệt quang,

Nghi thị địa thượng sương.

Cử đầu vọng minh nguyệt,

Đê đầu tư cố hương.

Và một Lamartine với bài Milly Ou La Terre Natale khiến người đọc cũng quặn thắt cõi lòng:

Pourquoi le prononcer ce nom de la patrie ?

Dans son brillant exil mon coeur en a frémi ;

Il résonne de loin dans mon âme attendrie,

Comme les pas connus ou la voix d'un ami.

(Tiếng cố hương vì đâu nhắc đến ?

Lòng xa quê xao xuyến khôn nguôi,

Vẳng nghe vọng lại hồn tôi,

Bước chân quen thuộc, tiếng người bạn thân)

Dẫn ra là để minh họa chứ không phải để so sánh với các bậc thầy trong văn chương. Bởi có cả ngàn bài thơ từ cổ chí kim viết về quê hương, nhưng không bài nào giống bài nào theo cách mượn ngoại giới hay tâm giới để tạo ra thi giới, như Đặng Tiến đã nhận định: “*Ý trong thơ, khác với ý trong văn xuôi, ở chỗ nó không có giới hạn, không có kích thước. Tạm nói là nó mông lung, bất định*” (Đặng Tiến, *Thơ thi pháp & chân dung*, NXB Phụ Nữ, HN, 2009).

Cái “*không giới hạn, không kích thước, mông lung bất định...*” mà nhà phê bình Đặng Tiến đặt tên, dường như luôn thấp thoáng phía sau “*nỗi nhớ*” của chị. Chẳng hạn:

Vẫn tưởng như ta còn ở đó

Và sông rắng nhuộm, tím hoàng hôn

Mẹ nấu cơm chiều, đang nhuộm lửa

Mái nhà khói quện, ấm cô thôn

*Cuối vườn, có cội bằng lăng nở
 Chiều nao rụng cánh, tím nương bèo
 Nhà ai hoa giấy bay trong gió
 Cánh mỏng manh buồn, nước cuốn theo...*
 (Cành hoa tím cũ vẫn chưa phai)



Trong những phút xuất thần chị có những câu thơ rất đẹp, bên trong chứa cả hội họa và âm nhạc, rất gần gũi với trường phái thơ lãng mạn Việt Nam với những Huy Cận, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu... giữa cuối thế kỷ trước:

*Chiều ấy quê nhà mây xuống vai
 Bến sông hong tóc nắng thu cài
 Trong gió chợt nồng hương dã thảo
 Quyện vị cơm chiều khói bếp ai
 ...Ở đó vườn trắng lá dát vàng
 Đêm nhòa sương khói trắng không gian
 Mái chèo chạm vỡ dòng sông bạc
 Con thuyền về muộn chở đầy trăng
 (Một cội bông lai)*

Có điều, trong thơ Lâm Thúy, chúng ta không hề nhận ra sự cố tình làm mới câu chữ, cũng chẳng hề sắp đặt ngôn ngữ theo trường phái Tân hình thức, Hậu hiện đại

hay Hậu hiện sinh gì cả để người đọc phải dùng lý trí mà khám phá ra “thế giới mộng lung” kia. Ngôn ngữ thơ của chị hồn nhiên, chơn chất như bản tính vốn có của người dân đồng bằng Nam bộ:

Nhà nghèo, rách mặc, thiếu ăn

Cha đi câu cá, phơi thân nắng hè

Rô mẻ mẹ nướng gấp tre

Giảm nước mắm hạnh còn mê tới giờ

Miếng ngon gắn với tuổi thơ...

(Cha và tuổi ấu thơ)

Nếu gọi đây là câu thơ theo đúng với cách nhìn của các nhà phê bình văn học cổ điển, hẳn họ không chịu công nhận đó là thơ. Vậy nhưng loại trừ tính chính thống chính danh của phê bình cổ điển, lật ngược ra phía sau, đọc một cách tự nhiên như đọc một câu văn nói và... để cho sự đọc đó thấm dần tựa như thịt con cua đồng nướng, tan chảy trên đầu lưỡi vừa khi cời cua ra khỏi lửa rơm, hẳn ta sẽ cảm nhận được mùi vị của khói, hương thơm của đất trời trộn lẫn với mùi mồ hôi quen thuộc từ thuở chập chững trên cầu ao, ngói ngóp trong đĩa nước mát. Những hình ảnh câu cá, nướng gấp tre, giảm nước mắm... có thể bắt gặp bất kỳ miền không gian nào, nhưng với tuổi ấu thơ, chúng gây những ấn tượng khó phai. Chúng ngủ yên trong miền ký ức; rồi một hôm bỗng bật dậy sáng rõ, hiện về trong con người ở tuổi 40, 50 thành một cô bé, cậu bé bên đĩa nước, bên vòm sông, bên bếp lửa rực rỡ tuổi thơ.

Câu thơ trần trụi tựa lời kể cho bạn nghe về tuổi ấu thơ khôn khó, nhưng vượt lên trên cái trần trụi của lời kể thông thường lại là những âm sắc gợn xoắn đến nao lòng.

Trong rất nhiều bài thơ của chị đều viết dưới dạng này, mà tôi tạm đặt tên là dòng thơ tự sự, mượn ngôn ngữ

để chia sẻ những tâm cảm của nhân vật thơ trước cái nhìn, suy nghĩ, cảm nhận của nhà thơ.

Viết ra một bài thơ hay đã khó, nhưng viết một bài thơ không gọi là hay, mà khiến mọi người phải vật vã, bật lên những rung cảm như người đồng điệu trong những cảnh ngộ bất ngờ tìm thấy bóng dáng mình, người thân của mình, những cảnh vật quen thuộc ở mỗi câu chữ, mỗi dòng... thật không dễ.

Viết về cha, về mẹ, về những người thân yêu thường được chị viết từ một khoảng cách xa, thời gian xa bằng những hồi tưởng ngậm ngùi gần gũi. Và ở đó, luôn mang âm hưởng của ca dao, của những câu hò điệu lý, điệu ru Nam bộ.

Lòng già như ngọn sầu riêng

Gió lay hiu hắt, muôn phiên, nhớ nhung

...

Chiều chiều ra đứng bờ sông

Ngó con đò dọc, nước ròng thêm xa

Chiều chiều, Cha vọng ngả ba

Nước đầy sông rộng, nhạt nhòa đò ngang

(Hoàng hôn trong mắt cha già)

Và viết về người mẹ:

Buổi sáng ra nhìn hoa bí nở

Ngùi thương quê cũ nắng vàng bông

...

Chiều nắng tắt sau vườn biếc

Mẹ thường ra quét lá bờ sông

Đò ngang, đò dọc người qua hết

Mẹ đứng buồn im, lệ ngập ngừng...

(Trồng rau nhớ mẹ)

Viết về con, với những mắt mắt đón đau đến tận cùng

của người mẹ, chị đã mượn ngôn ngữ, lời thơ để thay cho nước mắt; những dấu câu, ngắt dòng để thay cho trái tim lần hồi tan chảy;

Xe tang

dừng lại trước thềm

Đóa hoa cúc lạnh

im lìm dưới mưa

(Đưa con hỏa táng)

Chưa thấy ai, khi mất một đứa con yêu dấu lại bình thản như thể thịt da, xương cốt kia thuộc về kẻ lạ? Đến như Đỗ Hồng Ngọc, một nhà thơ, một bác sĩ vừa là “thiên giả” với hàng chục quyển sách viết về *Đạo về Người*... trước cái chết của con, ông cũng kêu lên tiếng thâm thì đau đớn:

Ba viết trăm lần lý lịch

Cứ mỗi lần viết đến tên con

Ba lại ngẩn ngơ

Như một kẻ mất hồn

Biết trả lời sao

Câu hỏi

Hiện con đang làm gì?

Ở đâu?

(Đỗ Hồng Ngọc – La Ngà 2)

Cả hai, Đỗ Hồng Ngọc và Lãm Thúy đều cùng chung một tâm trạng về sự mất mát đến tận cùng nỗi đau, nhưng một người thì tự hỏi “ở đâu?” còn người kia là “đóa hoa cúc... im lìm...”. Cách dùng từ ngữ, cách thể hiện tuy khác nhau nhưng khi câu thơ văng lên không khỏi khiến người đọc có cảm giác ngậm ngùi, đồng cảm với nỗi đau của người trong cuộc.

Nếu như thơ là tiếng nói riêng của thi sĩ, thì việc phác họa chân dung nhà thơ chỉ là sự phác họa mờ lung

tiếng lòng gắn liền giữa nội tâm và ngoại giới; là vệt lá đan chéo nhau trong rừng sâu để tìm dẫn lối đi ra chốn phong quang. Và giữa chốn mộng lung rậm rạp kia, ta có thể bất ngờ nhận ra mùi hương thoảng đâu đó, chút vạt nắng xiên khoai cùng sự im lặng đến khó lường của tận cùng ý thức. Vì vậy, mỗi câu thơ đều mang mùi hương khác nhau, màu sắc khác nhau và âm thanh khác nhau, phong vị khác nhau...để người đọc có thể khám phá điều mới lạ trong cái bình thường nhất.

Cả trăm bài thơ của Lãm Thúy đều có bóng dáng mới lạ trong cái bình thường đó. Nghĩ rằng, chị không cố công đào sâu ý thức của cái tôi để làm tình làm tội lời thơ và ý thơ. Những tâm cảm trong thơ chị gắn với ngoại giới theo phong cách dân gian mà tôi tạm gọi là thơ tự sự nêu trên: Bởi những hình ảnh, âm thanh, màu sắc trong từng câu thơ, bài thơ của chị rất gần gũi với đời thường. Chị sống trong, thờ với, rờ chạm vào... với những cảnh vật quen thuộc, những sự kiện, tình cảnh dung dị ở vùng sông nước... nằm sâu trong tiềm thức, rồi lúc nào đó bỗng bật ra tiếng thơ... Tiếng thơ của thi ca.

Những câu sau là một sự chia sẻ rung bật từ ngoại giới đã ngủ yên lâu nay trong tiềm thức:

Thương những “hàng thần lơ lảo” ấy

Áo trận thay ra, mặc áo tù

Đêm tàn mộng gửi ngoài biên ải

Núi rừng Tây Bắc lạnh thâm u

(Đọc thơ Trần Hoài Thư)

Giữa trào lưu văn học Hậu hiện đại, Hậu hiện sinh, Tân hình thức với nhan nhản những cái Tôi dung nạp đầy ắp lý trí trong câu chữ, thậm chí mang cả tính dục vào nỗi cô đơn, như một ý thức phản kháng (và làm

dáng), thì Lâm Thúy vẫn chọn con đường riêng, một lối đi đầy hoa cỏ, rộn tiếng chim hót, vang nhẹ tiếng mái dầm khua nước... thênh thang một cõi xưa nay và bước tới. Rất nhẹ nhàng, thanh thoát:

Ta về tịch mịch đường xa

Có trăng khuya đôi theo và cô đơn

Dường như đêm lạnh lòng hơn

Hỏi mùa đi gió có còn xuân không ?

(Thì thôi già biệt)

Tôi nghĩ, mùa xuân vẫn còn trong thi giới Lâm Thúy (và của tất cả chúng ta, những con người luôn hướng về cái đẹp) như ánh nắng ấp áp đầu đông. Đó là kích thích của nhà thơ không ngừng nghỉ khắc họa những cảm xúc chân thật từ tận cõi sâu thẳm của tâm thức trước mọi vật, mọi việc.

(xứ Xương Rồng, Tháng 8.2018)

Lâm Thúy sinh tại làng Nhơn Ái, Phong Điền, Cần Thơ. Tốt nghiệp ĐHSP/CT khóa 6.

Dạy học tại Cần Thơ và Huế. Định cư tại Gaithersburg Maryland HK từ năm 1992.

Viết trên các báo: Làng Văn (Canada), Đẹp, Trâm Hương, Kỷ Nguyên Mới, Tiền Phong, Thư Quán Bản Thảo, Đa Hiệu...

Tác phẩm đã XB: Còn Nguyên Nỗi Ngậm Ngùi, Thâm Tình, Từ Mẫu, Từ Biệt.

GIỮA TÒA SOẠN VÀ THÂN HỮU

** Các bạn Thành Tôn và N.T:*

Cảm tạ tấm lòng dành cho TQBT qua những tài liệu quý hiếm mà các bạn gửi về đóng góp.

** Anh chị Luân Hoán (Canada)*

Cám ơn anh chị và vợ chồng cháu Hòa Bình không ngại đường xa ghé thăm tòa soạn TQBT và Y. ở Nursing home. Tiếc là thời gian ở quá ngắn ngủi để tôi không được dịp trở tài ... tarzan đu...

Tòa soạn nhắn tin:

Số tới, TQBT sẽ có chủ đề về những người làm văn học nghệ thuật mang áo lính nằm xuống trong chiến tranh.

Hiện tại chúng tôi đã có sẵn một số bài của

- Nhà văn Song Linh tử trận tại Định Tường
- Nhà thơ Hoài Lữ Lữ Đắc Quảng tử trận tại Bình Chánh Gia Định
- Nhà văn Y Uyên tử trận tại Nora Bình Thuận
- Nhà văn Doãn Dân tử trận tại Quảng Trị
- Nhà thơ Hoàng Yên Trang tức Trần Như Liên Phượng tử trận tại Đồng Tháp Mười
- Nhạc sĩ Dzũng Chinh hy sinh tại Bình Thuận
- Nhà văn bác sĩ quân y Nghiêm Sỹ Tuấn, y sĩ Dù hy sinh tại Khe Sanh
- Nhà văn bác sĩ quân y Phạm Bá Lương

- Nhà thơ Trần Kha Nguyễn văn Đồng hy sinh trong trận hải chiến Hoàng Sa với Trung Cộng
- Nhà thơ Phan Huy Mộng
- Nhà thơ Nguyễn Phương Loan tử trận tại cao nguyên

Quý bạn nào có bài vở tài liệu hay hình ảnh của những người nằm xuống ghi trong danh sách hay không có ghi, xin vui lòng đóng góp. Thành thật cảm ơn quý bạn trước.

